CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

----- o0o -----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của "Dự án Regina Miracle International Hưng Yên"

Địa chỉ: Lô đất số L6, Khu công nghiệp dệt may Phố Nối, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

HƯNG YÊN, THÁNG 11 NĂM 2024

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

----- o0o -----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Của "Dự án Regina Miracle International Hưng Yên"

Địa chỉ: Lô đất số L6, Khu công nghiệp dệt may Phố Nối, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CHỦ DỰ ÁN
GIÁM ĐỐC	TỔNG GIÁM ĐỐC
Không Minh Thanh	YIU KA SO

HƯNG YÊN, THÁNG 11 NĂM 2024

MỤC LỤC

Mục lục 1
Danh mục các từ viết tắt 3
Danh mục bảng 4
Danh mục hình 5
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 6
1.1. Tên chủ cở sở 6
1.2. Tên Cơ sở 6
1.3. Công suất, công nghệ sản xuất của Cơ sở 9
1.3.1. Công suất của Cơ sở 9
1.3.2. Công nghệ sản xuất của Cơ sở 9
1.3.3. Sản phẩm của Cơ sở 15
1.4. Nguyên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Cơ sở 16
1.5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở 19
1.5.1. Cơ cấu sử dụng đất 19
1.5.2. Các hạng mục công trình chính của Cơ sở 20
1.5.3. Tổ chức quản lý và vận hành Cơ sở 26
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 28
2.1. Sự phù hợp của Cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 28
2.2. Sự phù hợp của Cơ sở với khả năng chịu tải của môi trường 29
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA Cơ sở 30
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 30
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa 30
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải 33
3.1.3. Xử lý nước thải 36
3.1.4. Thu gom và thoát nước xả cặn nồi hơi 39
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 39
3.2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải do hoạt động của các phương tiện giao thông 39
3.2.2. Biện pháp đảm bảo vi khí hậu chung trong nhà xưởng sản xuất 40
3.2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động khu vực dệt 41
3.2.4. Biện pháp giảm thiểu bụi tại công đoạn cắt thường 43
3.2.5. Biện pháp giảm thiểu khí thải từ máy phát điện dự phòng 44

3.2.6. Biện pháp giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ quá trình thu gom và lưu giữ chất thải sinh hoạt 45
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường 45
3.3.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt 45
3.3.2. Biện pháp giảm thiểu tác động chất thải rắn thông thường 46
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại 49
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung 51
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường 51
3.7. Các nội dung thay đổi so với hồ sơ môi trường 54
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 55
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 55
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải 57
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung 57
4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn 59
Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 62
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải 62
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi và khí thải 64
Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 69
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Cơ sở 69
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật 69
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm 69
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ 70
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ 71

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BVMT	: Bảo vệ môi trường
BTCT	: Bê tông cốt thép
BTNMT	: Bộ Tài nguyên môi trường
BXD	: Bộ Xây dựng
BYT	: Bộ Y tế
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTSH	: Chất thải sinh hoạt
CTRTT	: Chất thải rắn thông thường
CTRCN	: Chất thải rắn công nghiệp
ĐTM	: Đánh giá tác động môi trường
CP	: Chính phủ
KCN	: Khu công nghiệp
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TNMT	: Tài nguyên môi trường
UBND	: Ủy ban nhân dân
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
QLCTNH	: Quản lý chất thải nguy hại

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Nhu cầu nguyên liệu của Cơ sở 16
Bảng 1.2. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng điện của Cơ sở..... 17
Bảng 1.3. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở 18
Bảng 1.4. Cơ cấu sử dụng đất của Cơ sở..... 19
Bảng 1.5. Hạng mục công trình xây dựng..... 20
Bảng 1.6. Danh sách máy móc thiết bị của Cơ sở 22
Bảng 2.1. Bảng tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Dệt may Phố Nối..... 29
Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật hệ thống thu gom thoát nước mưa của Cơ sở 31
Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật hệ thống thu gom thoát nước mưa của Cơ sở 34
Bảng 3.3. Thông số kỹ thuật của bể phốt 37
Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của bể tách dầu mỡ 38
Bảng 3.5. Thông số kỹ thuật của bể gom 39
Bảng 3.6. Thống kê khối lượng chất thải sinh hoạt tại Cơ sở 45
Bảng 3.7. Thống kê khối lượng chất thải công nghiệp tại Cơ sở 47
Bảng 3.8. Thống kê khối lượng chất thải nguy hại tại Cơ sở..... 49
Bảng 3.9. Thống kê các nội dung thay đổi, điều chỉnh so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt 54
Bảng 4.1. Giới hạn kiểm soát tiếng ồn..... 58
Bảng 4.2. Giới hạn kiểm soát độ rung..... 58
Bảng 4.3. Bảng giới hạn kiểm soát chất thải nguy hại..... 59
Bảng 5.1. Kết quả phân tích nước thải tại Cơ sở 62
Bảng 5.2 . Kết quả quan trắc môi trường không khí khu vực sản xuất tại Cơ sở..... 64

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Sơ đồ Mối quan hệ của Cơ sở với các đối tượng xung quanh Cơ sở 7
Hình 1.2. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất, gia công hàng may mặc tại Cơ sở 10
Hình 1.3. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất dệt quần, áo, trang phục tại Cơ sở..... 14
Hình 1.4. Hình ảnh minh họa một số sản phẩm của cơ sở 16
Hình 1.5. Mặt bằng tổng thể của Cơ sở..... 21
Hình 1.6. Hình ảnh một số công trình chính của Cơ sở 22
Hình 1.7. Sơ đồ bộ máy tổ chức của Cơ sở 26
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, tiêu thoát nước mưa tại Cơ sở..... 30
Hình 3.2. Mặt bằng tổng thể hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở 32
Hình 3.3. Sơ đồ thu gom nước thải tại Cơ sở 33
Hình 3.4. Mặt bằng tổng thể hệ thống thoát nước thải của Cơ sở 35
Hình 3.5. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại (bể phốt)..... 37
- Thông số kỹ thuật bể gom: 39
Hình 3.6. Hình ảnh cây xanh tại Cơ sở 40
Hình 3.7. Sơ đồ quy trình thu sợi thừa lắp đặt đồng bộ với máy dệt Santoni tại Cơ sở . 42
Hình 3.8. Sơ đồ quy trình thiết bị xử lý bụi lắp đặt đồng bộ với máy cắt tự động tại Cơ sở 43
Hình 3.9. Hình ảnh thùng chứa CTSH tại cơ sở 46
Hình 3.10. Hình ảnh lưu giữ CTRCNTT tại cơ sở 48
Hình 3.11. Hình ảnh lưu giữ CTNH tại Cơ sở..... 50

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cở sở

- Tên chủ Cơ sở: **Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên**.

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô đất số L6, Khu công nghiệp dệt may Phố Nối, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

- Điện thoại: 0221.3972520 - Fax: 0221.3972540

- Website: www.reginamiracle.com.vn

- Người đại diện theo pháp luật: Ông **YIU KA SO**

+ Chức danh: Tổng Giám đốc.

+ Sinh ngày: 25/10/1973 Quốc tịch: Trung Quốc

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

+ Số giấy tờ pháp lí của cá nhân: HJ2366078

+ Ngày cấp: 22/11/2023 Nơi cấp: cơ quan nhập cư đặc khu hành chính Hồng Kông – Trung Quốc.

+ Địa chỉ thường trú: Units 1003-1010/F, Tower A Regent Center, 63 Wo Yi Hop Road, Kwai Chung, New Territories, Hồng Kông, Trung Quốc.

+ Địa chỉ liên lạc: Số 9, Đường Đông Tây, Khu Đô Thị CN&DV VSIP Hải Phòng, Xã Dương Quan, Huyện Thuỷ Nguyên, Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0901038658 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 7 năm 2018 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 04 tháng 6 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8783810537 do Ban quản lý các khu công nghiệp cấp, chứng nhận lần đầu ngày 10/7/2018, đăng ký thay đổi lần thứ lần 5 ngày 04/06/2024.

1.2. Tên Cơ sở

- Tên Cơ sở: ***Dự án Regina Miracle International Hưng Yên***.

- Địa điểm thực hiện: Lô đất số L6, Khu công nghiệp dệt may Phố Nối, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

- Vị trí địa lý: Cơ sở "Dự án Regina Miracle International Hưng Yên" của Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên được thực hiện trên diện tích 64.770 m^2

tại Lô đất số L6, Khu công nghiệp dệt may Phố Nối, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DI 871491 ngày 05/12/2022 số vào sổ cấp GCN: CT11194 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên cấp với:

+ Thời gian sử dụng đất: đến ngày 06/10/2053.

+ Mục đích sử dụng đất: Đất khu công nghiệp

+ Nguồn gốc sử dụng: Thuê lại đất trả tiền hành năm của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng KCN.

- Tại thời điểm lập báp cáo, Cơ sở có các hướng tiếp giáp sau:

+ Phía Đông: giáp lô đất công nghiệp L6-2 (hiện tại là Công ty Cổ phần Ecotech);

+ Phía Tây: Giáp khu công nghiệp Thăng Long 2;

+ Phía Nam: Giáp đài phát sóng Bắc Bộ và khu đất trống;

+ Phía Bắc: giáp đường nội bộ của KCN.



Hình 1.1. Sơ đồ Mối quan hệ của Cơ sở với các đối tượng xung quanh Cơ sở

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án đầu tư của Cơ sở:

+ Cơ quan phê duyệt Dự án đầu tư: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận đầu tư số: 8783810537, chứng nhận lần đầu ngày 10 tháng 7 năm 2018 và chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 04 tháng 6 năm 2024.

+ Cơ quan phê duyệt Giấy phép xây dựng: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên cấp Giấy phép xây dựng số: 30/GPXD ngày 27 tháng 5 năm 2021.

- Quyết định số: 1179/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2020 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Regina Miracle International Hưng Yên do Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên làm chủ đầu tư.

- Tại thời điểm Cơ sở đi vào hoạt động chính thức: Theo quy định tại Khoản 4, Điều 12 của Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường, Cơ sở thuộc đối tượng được miễn trừ trách nhiệm lập hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án do Cơ sở không thuộc danh mục quy định tại Phụ lục II, Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã QLCTNH số: 33.000525.T do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần thứ nhất ngày 27/9/2019.

- Quy mô cơ sở: Căn cứ Điều 8, Luật đầu tư công số 39/2019/Q14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 13/6/2019 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2020 và Phụ lục I, Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công. Với tổng vốn đầu tư **1.597.000.000.000** đồng *(một nghìn năm trăm chín mươi bảy tỷ đồng*) Cơ sở có quy mô vốn đầu tư thuộc nhóm A - phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Phạm vi xin cấp Giấy phép môi trường: Theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Regina Miracle International Hưng Yên do Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên số 1179/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2020 do Ủy Ban nhân dân tỉnh Hưng Yên cấp cho "*Dự án Regina Miracle International Hưng Yên"* tại Lô đất số L6, Khu công nghiệp dệt may Phố Nối, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên với quy mô công suất 35 triệu sản phẩm/năm (15 triệu sản phẩm may mặc/năm và 20 triệu sản phẩm dệt may/năm).

+ Căn cứ Khoản 2, Điều 39 và Điểm c, Khoản 3, Điều 41 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa

XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/141/2020: Cơ sở thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường, thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh Hưng Yên.

+ Cơ sở theo mẫu báo cáo tại Phụ lục X, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định: 08/2022/NĐ-CP, quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT.

1.3. Công suất, công nghệ sản xuất của Cơ sở

1.3.1. Công suất của Cơ sở

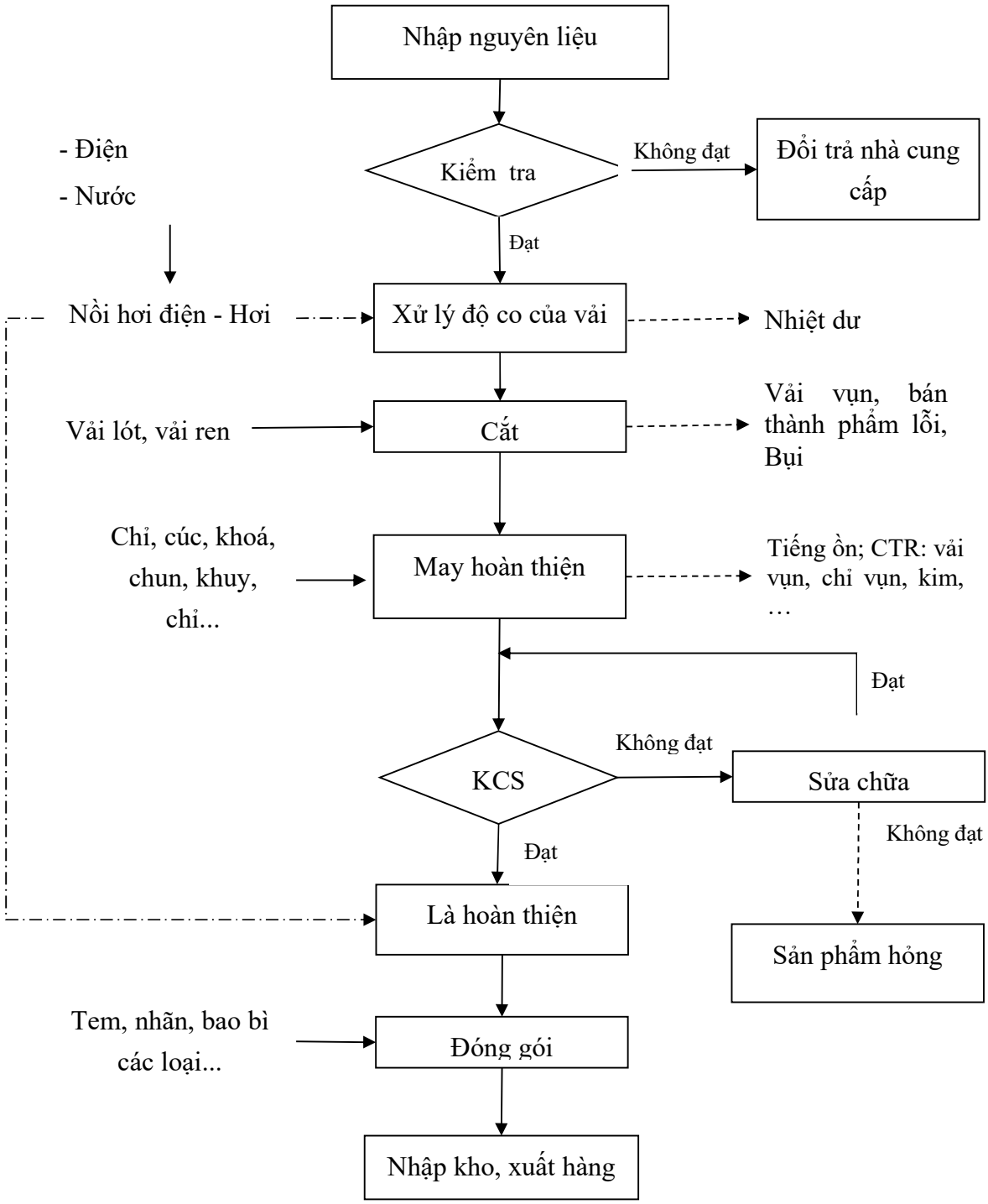
Sản xuất gia công hàng may mặc và dệt quần, áo trang phục (không có công đoạn giặt, nhuộm): 35 triệu sản phẩm/năm, trong đó:

+ Sản xuất và gia công hàng may mặc: 15 triệu sản phẩm/năm.

+ Dệt quần, áo, trang phục: 20 triệu sản phẩm/năm.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của Cơ sở

a. Quy trình sản xuất, gia công hàng may mặc



Hình 1.2. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất, gia công hàng may mặc tại Cơ sở

- ***Thuyết minh quy trình công nghệ:***

- Nhập nguyên liệu: nguyên liệu gồm vải, chỉ may, khoá, cúc, vải lót, chun các loại… được nhập về nhà máy từ các nhà cung cấp theo yêu cầu. Trong đó, loại vải sử dụng là vải cotton và nylon.

- Kiểm tra nguyên liệu: sau khi nguyên liệu được nhập về, nhân viên bộ phận vật tư và bộ phận kho nguyên liệu cùng kiểm tra chất lượng, số lượng, chủng loại; với nguyên liệu đạt yêu cầu (chất lượng, kích thước, màu sắc,…) được vận chuyển về khu vực bảo quản nguyên vật liệu chuẩn bị cho quy trình sản xuất. Trường hợp nguyên liệu bị lỗi (vải bị lỗi mực in, lỗi dệt với tần suất lắp lại lớn, chỉ may không đúng màu sắc, chủng loại, vải lót không đúng chất liệu, màu sắc,…) sẽ được chủ dự án gửi trả lại đối tác cung cấp. Trường hợp vải nguyên liệu lỗi lặp lại với tần suất nhỏ thì sẽ loại bỏ những khu vực vải lỗi không sử dụng nữa, sau khi kiểm tra xong vải nguyên liệu đạt yêu cầu được vận chuyển về khu vực bảo quản để chuẩn bị cho quá trình sản xuất. Trong quá trình kiểm tra nguyên liệu có thể phát sinh bao bì, đai, giấy gói.

- Xử lý độ co của vải: vải sau lần giặt đầu tiên thường bị co hoặc giãn, tuỳ từng chất liệu vải mà độ co giãn này là nhiều hay ít. Chính vì vậy để hạn chế tác động của sự co giãn này đến chất lượng của sản phẩm thì trước khi đưa vải sang công đoạn cắt may chủ dự án sẽ tiến hành đưa vải nguyên liệu đạt yêu cầu trong kho vào máy xử lý độ co để xử lý độ co giãn này. Dự án sử dụng thiết bị xử lý độ co chuyên dụng với công nghệ tiên tiến và hoàn toàn tự động, vải được xử lý bằng nhiệt và hơi nước, cụ thể:

+ Các cuộn vải nguyên liệu được lắp vào vị trí theo thiết kế của máy xử lý độ co, lớp vải từ cuộn vải được trải phẳng trên về mặt băng chuyền (đầu vào của thiết bị xử lý độ co), công nhân luôn kiểm soát đảm bảo lớp vải được trải căng trên bề mặt băng chuyền để vào thiết bị xử lý độ co. Sau khi nhấn nút điều khiển, lớp vải lần lượt đưa vào thiết bị xử lý độ co.

+ Trước tiên vải được đưa qua bộ phận xử lý bằng nhiệt (gần như kiểu hấp vải), lớp vải được tạo độ rung nhẹ, gia nhiệt (bằng điện), đồng thời hơi nước từ nồi hơi (dùng điện) được cấp làm cho vải được làm mềm hoàn toàn. Nhiệt độ, lượng hơi nước được điều chỉnh phù hợp tuỳ theo từng loại vải.

+ Sau khi bề mặt vải ra khỏi khâu xử lý nhiệt của thiết bị, lớp vải được đưa qua khâu sấy khô (dùng điện) để làm khô nhanh chóng.

+ Vải sau khi được sấy khô được làm lạnh: thiết bị cấp khí lạnh được đưa vào làm cho nhiệt độ của vải sẽ được làm mát xuống nhanh chóng. Các loại vải sẽ được hình thành tốt do sự khác biệt về nhiệt độ.

+ Vải sau khi được làm lạnh được đưa ra khỏi thiết bị xử lý nhiệt độ sẽ được gấp vải lại và đi với cấu trúc swing để làm nguội nhanh chóng.

+ Thiết bị xử lý độ co với hệ điều hành máy có chế độ tự động điều chỉnh, phù hợp cho từng loại vải khác nhau. Vải sau khi xử lý sẽ đảm bảo 100% độ co rút đông đều chính xác và không bị loang màu như các máy xử lý bằng giặt nước, đồng thời an toàn với môi trường.

- Cắt: vải sau khi đã xử lý độ co xong sẽ được công nhân của dự án vận chuyển sang khu vực cắt. Tại khu vực này, công nhân sẽ tiến hành cắt vải thành các chi tiết theo thiết kế. Dự án sử dụng máy trải và cắt tự động, cụ thể:

+ Vải sau khi xử lý độ co được đưa sang thiết bị trải vải để trải căng vải trên bề mặt bàn cắt theo kích thước phù hợp (thiết bị trải vải cán phẳng để vải không bị gấp, không bị xô, đảm bảo công đoạn cắt được chính xác). Trước tiên khi thực hiện trải vải, bề mặt bàn cắt được máy trải lớp vải được trải, xếp chồng lên. Độ cao lớp vải từ 3-6cm tuỳ thuộc vào mũi dao cắt lựa chọn, loại vải và yêu cầu kỹ thuật, sau khi lớp vải được trải xong, một lớp bìa mỏng được trải lên phía trên cùng lớp vải để đảm bảo vải không bị cộm trong quá trình cắt (lớp này là bản vẽ giác đồ, và đánh dấu mã số chi tiết cắt để thực hiện công đoạn cắt theo đúng thiết kế). Cuối cùng, máy trải lớp nilon có tác dụng làm giảm thất thoát của lực hút chân không, đồng thời ngăn ngừa bụi phát sinh ra môi trường lao động.

+ Sau khi hoàn thiện công đoạn trải vải, vải được cắt bởi thiết bị cắt. Hệ thống mũi khoan cắt (dao cắt) di chuyển tự động trên bề mặt công đoạn cắt và thực hiện cắt tại các vị trí theo đúng thiết kế. Hệ thống mũi khoan có thể thay đổi đường kính để phù hợp với yêu cầu của từng loại sản phẩm. Thiết bị được lắp đặt hệ thống làm mát mũi khoan (dao) tự động bằng việc thổi khí làm mát.

+ Lớp vải sau khi cắt xong được di chuyển đến vị trí cuối bàn cắt để công nhân thực hiện lấy sản phẩm sau cắt gọi là bán thành phẩm.

+ Tại bàn cắt có hệ thống hút và lọc bụi để làm sạch bề mặt bàn cắt, đồng thời thu gom bụi phát sinh trong quá trình cắt (lớp bụi được hút lại, qua màng lọc bụi, bụi được giữ lại dưới đáy bàn cắt, không khí sạch được thoát ra môi trường nhà xưởng).

Bán thành phẩm bị lỗi không đạt yêu cầu sẽ được thu gom vận chuyển về khu vực lưu giữ chất thải của Cơ sở.

- May hoàn thiện: các loại vải sau khi cắt, bán thành phẩm được cán bộ công nhân viên chuyển sang khu vực may. Tại công đoạn này, dự án sẽ bố trí công nhân theo dây chuyền để thực hiện may. Công đoạn này gồm các bước:

+ Tiến hành vắt sổ, sau đó may ghép các mẫu bán thành phẩm lại với nhau;

+ Lược gấu, may chặn viền: để định hình sản phẩm.

+ May lớp lót: tuỳ theo loại sản phẩm và yêu cầu của đơn hàng may thêm lớp vải lót.

+ May trang trí: tuỳ theo yêu cầu của đơn hàng, công nhân tiến hành may trang trí như may các đường zic zắc, may ren, may các hình ảnh (bằng vải),… cố định tại các vị trí theo đúng thiết kế.

+ Sau khi may xong, bán thành phẩm được chuyển đến chuyền để công nhân thực hiện các khâu gia công hoàn thiện sản phẩm gồm:

+ Thực hiện thùa khuy, dập cúc, đính khoá tuỳ theo loại sản phẩm để tạo thành một sản phẩm hoàn chỉnh theo đúng thông số mà phòng kỹ thuật đưa ra.

+ Gút dây áo, dập khuy: các dây áo bán thành phẩm được nhập về theo đúng yêu cầu được cài vào vị trí cố định, khuy áo nhập về được thiết bị dập dây chuyên dụng dập định vị trên thân áo (đối với sản phẩm có yêu cầu có khuy cài và cài dây áo). Những sản phẩm có dây áo liền được may trực tiếp theo thiết kế.

+ May ren hoặc may trang trí: một số loại sản phẩm được may cải tiến thêm các chất liệu ren hoặc các đường may zic zắc trang trí, đính thêm các hình bằng vải sẽ được công nhân thực hiện khi có yêu cầu từ khách hàng.

+ Dưỡng cạp: đối với sản phẩm quần tuỳ theo yêu cầu sản phẩm, dây chun sẽ được máy tải chun điện từ chuyển vào để công nhân thực hiện may dưỡng cạp đối với quần lót, quần thể thao. Sau công đoạn may sản phẩm sẽ được chuyển sang công đoạn kiểm tra KCS. Trong quá trình may chỉ vụn, cúc khoá hỏng, lỗi chỉ, tiếng ồn và nhiệt dư,… Dự án sẽ có biện pháp để xử lý hiệu quả các chất thải phát sinh này.

+ Bổ sung chun tai: đối với sản phẩm khẩu trang vải có thể bổ sung chun tai đối với các sản phẩm thiết kế quai đeo là chun sau đó may để kết nối 2 đầu chun.

- KCS (kiểm tra): Sau công đoạn may hoàn thiện, sản phẩm sẽ được vận chuyển xuống khu vực kiểm hàng. Tại bộ phận này, nhân viên KCS tiến hành kiểm tra sản phẩm theo thông số kỹ thuật được quy định tại hồ sơ kỹ thuật của mẫu bằng mắt thường và đo thông số, so sánh với sản phẩm mẫu. Sản phẩm lỗi có thể chỉnh sửa (đường may chưa đảm bảo, khoá, cúc hỏng,…) sẽ được quay vòng lại để chỉnh sửa. Sản phẩm đạt yêu cầu sẽ được chuyển sang công đoạn là. Sản phẩm lỗi nặng (vải bị rách) không thể chỉnh sửa được vận chuyển về khu lưu giữ chất thải của dự án.

- Là hoàn thiện: sau khi kiểm tra xong sản phẩm được công nhân vận chuyển sang khu vực là. Tuỳ từng loại sản phẩm và yêu cầu kỹ thuật là khác nhau. Hiện tại, dự án đang sử dụng hai hình thức chính: là thổi và là tay.

+ Là thổi là công nghệ sử dụng hơi nóng có áp suất để thổi vào sản phẩm, sau đó dùng hơi khí nén để hút chân không để làm khô sản phẩm. Hơi được cấp vào từ nồi hơi dùng nhiên liệu điện.

+ Là tay sử dụng nhiệt và hơi nước làm nóng bề mặt bàn là sau đó ép vào sản phẩm với một lực nhất định, công nhân sẽ tiến hành miết bàn là dọc theo chiều của sản phẩm cho đến khi sản phẩm không còn vết nhăn và vào nếp là đạt yêu cầu.

Quá trình này có thể làm phát sinh hơi nước, nhiệt dư. Ngoài ra, công đoạn này còn có thể phát sinh ra tiếng ồn do sử dụng máy thổi phom, tuy nhiên tiếng ồn từ máy thổi phom là không lớn.

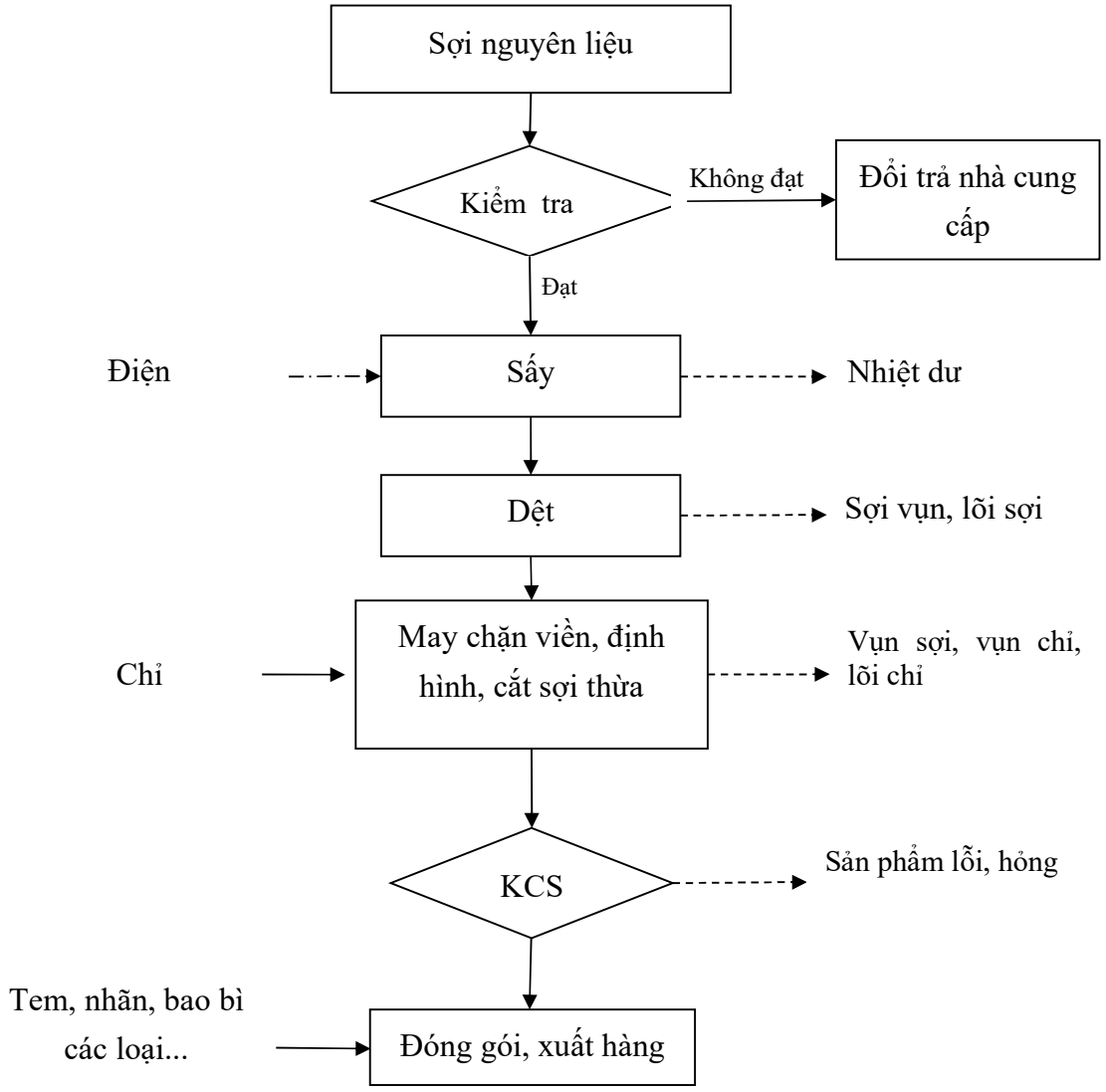
- Đóng gói, xuất kho:

+ Gắn tem mác: Công nhân tiến hành gắn nhãn mác lên sản phẩm tại vị trí nhất định (tem, nhãn mác xác định tên sản phẩm, nhãn hàng, cách thức giặt,…) tạo thành sản phẩm hoàn chỉnh.

+ Đóng gói: đưa sản phẩm vào các bao bì nilong hoặc carton để đảm bảo sản phẩm sẽ không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố ngoại quan trong quá trình bảo quản. Sản phẩm đã được đóng gói xong được vận chuyển vào kho, bảo quản chờ ngày xuất hàng.

Quá trình này làm phát sinh bao gói đựng sản phẩm, thùng carton; tem mác lỗi hỏng.

b. Quy trình sản xuất dệt quần, áo, trang phục



Hình 1.3. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất dệt quần, áo, trang phục tại Cơ sở

***) Thuyết minh quy trình sản xuất:**

- Sợi nguyên liệu: Sợi nhập về nhà máy là sợi nguyên liệu hoàn thiện, là sợi trắng đã được đánh thành từng cuộn hoàn chỉnh, sử dụng dệt trực tiếp. Sợi, vật tư sau khi nhập về được cán bộ công ty tiến hành kiểm tra kỹ lưỡng chủng loại, số lượng theo đơn đặt hàng, nguyên liệu, vật tư đảm bảo yêu cầu được lưu kho chờ sản xuất, nguyên liệu không đạt yêu cầu sẽ được gửi trả lại nhà cung cấp. Sợi đạt yêu cầu được đưa tới khu vực sản xuất.

- Sấy: Cơ sở sử dụng máy sấy chuyên dụng để sấy khô các cuộn chỉ trước khi đưa vào dệt. Thiết bị sấy sử dụng nhiên liệu điện.

- Dệt: Cơ sở sử dụng các máy dệt Santoni tự động, hiện đại ứng dụng công nghệ 3-D/CAM để tiến hành sản xuất và máy dệt . Các máy dệt có công nghệ Châu Âu được sản xuất tại Trung Quốc. Các máy dệt hiện đại nhận các bản vẽ thiết kế thông qua các đầu chuyển dữ liệu, công nhân điều chỉnh các thông số của máy phù hợp với yêu cầu, đưa các cuộn sợi nguyên liệu đến các vị trí định vị trên máy tùy yêu cầu của sản phẩm đảm bảo đúng chủng loại, màu sắc đối với từng vị trí, sau đó điều khiển chạy máy dệt. Thiết bị dệt với thiết kế hiện đại thực hiện dệt tạo ra sản phẩm là các bán thành phẩm. Trung bình trong thời gian 1 giờ mỗi thiết bị sẽ dệt được 10-20 sản phẩm tùy theo loại sản phẩm. Sản phẩm thu được là bán thành phẩm theo đúng thiết kế. Quá trình dệt thực hiện liên tục cho đến khi hết ngày làm việc hoặc hoàn thành đơn hàng. Thiết bị dệt với công nghệ hiện đại của cơ sở tạo sản phẩm ổn định, chính xác, dễ sản xuất và công suất lớn. Cơ sở sử dụng 100% sợi polyeste và nylon nên quá trình dệt của cơ sở gần như không phát sinh bụi.

- May chặn viền, định hình, cắt sợi thừa: Bán thành phẩm sau khi dệt được đưa sang công đoạn may chặn viền, định hình sản phẩm để không bị xô sợi, cắt chỉ thừa (dùng kéo) trước khi đưa sang công đoạn kiểm tra.

- Kiểm tra - đóng gói: Sản phẩm sau khi may chặn viền, định hình, cắt chỉ thừa được công nhân kiểm tra chất lượng sản phẩm. Sản phẩm đạt yêu cầu được đóng gói để đảm bảo sản phẩm không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố ngoại quan trong quá trình bảo quản. Sản phẩm đã đóng gói xong được vận chuyển vào kho, bảo quản chờ ngày xuất hàng. Quá trình này có thể làm phát sinh bụi với nồng độ rất nhỏ, bao gói đựng sản phẩm, thùng carton.

1.3.3. Sản phẩm của Cơ sở

Sản phẩm của Cơ sở là quần, áo các loại. Mặt hàng sản xuất chủ yếu của cơ sở là quần áo thể thao, áo lót.

Một số hình ảnh sản phẩm của Nhà máy:



Sản phẩm may



Sản phẩm dệt

Hình 1.4. Hình ảnh minh họa một số sản phẩm của cơ sở

1.4. Nguyên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của Cơ sở

a. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu

- Nhu cầu nguyên liệu cho giai đoạn hoạt động ổn định của cơ sở:

Bảng 1.1. Nhu cầu nguyên liệu của Cơ sở

STT	Tên nguyên - phụ liệu	Khối lượng (tấn/năm)	Xuất xứ
1	Vải các loại	3.552	Việt Nam/Trung Quốc
2	Chỉ may	79	
3	Phụ kiện: Ren, chun, móc cài, cúc, khóa...	316	
4	Sợi các loại (sợi nilong, sợi polyseter)	3.030	
5	Tem nhãn	45	
6	Thùng carton	2.400	
7	Túi nilon	35	
Tổng		**9.457**	

b. *Nhu cầu sử dụng nhiên liệu*

❖ *Dầu DO*

- Mục đích sử dụng: Trong giai đoạn vận hành Cơ sở sử dụng nhiên liệu là dầu DO để chạy 02 máy phát điện dự phòng công suất 1.133 KVA. Máy phát điện dự phòng chỉ hoạt động khi có sự cố mất điện xảy ra, do đó nhu cầu sử dụng dầu DO không lớn và tùy thuộc vào thời gian mất điện.

- Lượng sử sụng: 322 lít/h (khi mất điện).

- Nguồn cung cấp: Mua tại các cây xăng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

❖ *Xăng*

- Mục đích sử dụng: Hoạt động xe tải 9 Tấn và xe oto của Nhà máy

- Lượng sử sụng: 11.886 lít/năm

- Nguồn cung cấp: Mua tại các cây xăng trên địa bàn tỉnh Hưng yên.

❖ *Dầu bôi trơn*

- *Dầu bôi trơn động cơ máy may:* 500 lít/năm. Dầu máy may CN HP CN15 ISO VG15. Xuất xứ: Việt Nam. Thành phần: Distillates (petroleum), hydrotreated light naphthenic (CAS: 64742-53-6); Phenol, iso-propylated, phosphate (CAS: 68937-41-7) và 2,6-di-tert-buty-p-cresol (CAS: 128-37-0).

- *Dầu bôi trơn động cơ máy dệt:* 700 lít/năm. Dầu máy Kluber Madol 172 Supreme. Xuất xứ: Đức. Thành phần: distillates (petroleum), hydrotreated heavy paraffinic (CAS: 64742-54-7) và Propanoic acid, 3-[[bis(2-methylpropoxy)phosphinothioyl]thio]-2-methyl-) (CAS: 268567-32-4).

c. Nhu cầu sử dụng điện:

- Nguồn: Công ty Điện lực Hưng Yên

- Mục đích sử dụng: phục vụ hoạt động chiếu sáng, vận hành máy móc, thiết bị sử dụng điện của Cơ sở.

- Lượng sử dụng: Căn cứ theo hóa đơn điện năm 2022, năm 2023 khi Cơ sở đang hoạt động ổn định, lượng điện tiêu thụ tại Cơ sở khoảng: 1.138.477 KWh/tháng, cụ thể:

Bảng 1.2. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng điện của Cơ sở

Stt	**Năm tiêu thụ**	**Lượng điện sử dụng** *(KWh/năm)*
1.	Năm 2022	12.441.304
2.	Năm 2023	14.882.156
Trung bình		**13.661.730**

(Nguồn: Báo cáo công tác BVMT của Cơ sở năm 2023)

- Trạm biến áp: Nhà máy có 02 trạm biến áp 22/04KV, công suất 250 KV và 750 phục vụ cấp điện cho các hạng mục sản xuất trong Cơ sở.

- Máy phát điện: Cơ sở đầu tư 02 máy phát điện dự phòng công suất 1.133 KVA.

c. Nhu cầu sử dụng nước

- Nguồn cung cấp: Hệ thống cấp nước sạch chung của KCN Dệt may Phố Nối.

- Lượng nước sử dụng: Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng thu tiền nước năm 2022,

2023 giai đoạn vận hành ổn định của Cơ sở, nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở khoảng: 6.741 m^3/tháng (tương đương 259 m^3/ngày), cụ thể:

Bảng 1.3. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của Cơ sở

Stt	Năm tiêu thụ	Lượng nước sử dụng *m^3/năm)*
1.	Năm 2022	82.623
2.	Năm 2023	79.164
Tổng		**80.894**

(Nguồn: Báo cáo công tác BVMT của Cơ sở năm 2022, 2023)

Lượng sử dụng nước sạch tại Cơ sở được phân bổ như sau:

(1) Lượng nước cấp cho sinh hoạt

- Tại thời điểm lập Báo cáo số lượng cán bộ công nhân viên của Nhà máy là 2.600 người, theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt quy mô lớn nhất của cơ sở là 5.000 người. Căn cứ TCVN 13606:2023: Cấp nước - mạng lưới đường ống và công trình - Yêu cầu thiết kế, định mức 45 l/người/ngày.đêm, nhu cầu sử dụng nước cấp của Cơ sở là:

$Q_{hiện\ tại}$ = 2.600 người x 45 lít/người.ca x 10^{-3} = 117 m^3/ngày.đêm

Q_{max} = 5.000 người x 45 lít/người.ca x 10^{-3} = 225 m^3/ngày.đêm

- Lượng cấp cho nhà ăn ca: theo TCVN 4513:1998 – Tiêu chuẩn cấp nước bên trong, đối với nhà ăn tập thể, tiêu chuẩn dùng nước là 18-25 l/người/xuất ăn nhu cầu nước cấp cho nhà ăn của cơ sở là:

$Q_{hiện\ tại}$ = 2.600 người x 25 lít/người/xuất ăn x 10^{-3} = 65 m^3/ngày.đêm

Q_{max} = 5.000 người x 25 lít/người/xuất ăn x 10^{-3} = 125 m^3/ngày.đêm

Như vậy, nhu cầu sử dụng nước cấp sinh hoạt tại Cơ sở hiện tại: 117 + 65 = 182 m^3/ngày và lớn nhất là 225 + 125 = 350 m^3/ngày.đêm.

(2) Lượng nước cấp cho nồi hơi

- Mục đích sử dụng: Cấp nước phục vụ hoạt động vận hành nồi hơi để cấp hơi cho công đoạn là.

- Lượng nước cấp: Trong quá trình hoạt động, nước trong lò hơi bị giảm dần do nước bốc hơi. Theo số liệu đưa ra của nhà cung cấp và kinh nghiệm sử dụng lò hơi lâu năm của Công ty thì mỗi giờ lượng nước bốc hơi chiếm khoảng 80% so với lượng nước cấp. Hiện tại dự án sử dụng 07 lò hơi điện công suất 0,1 tấn hơi/h. Thời gian hoạt động của Cơ sở là 16h/ngày lượng nước sử dụng cho lò hơi như sau:

Lượng nước sử dụng = (0,1 x 7) x 80% x 16 h/ngày = 8,96 m^3/ngày

Ngoài lượng nước thất thoát do bốc hơi, còn có lượng nước thất thoát do quá trình xả đáy (giảm cặn tích tụ dưới đáy thiết bị). Thời gian xả đáy của lò hơi phụ thuộc vào lượng

cặn đóng ở đáy nồi. Theo hướng dẫn của nhà cung cấp khoảng 3-4 giờ tiến hành xả đáy 1 lần, 1 ngày xả 4 lần. Thời gian xả khoảng 3-5 phút, lưu lượng xả đáy khoảng 5-10 lít/lần xả (ứng với lò hơi 0,1 tấn/h). Lượng nước xả đáy lò hơi khoảng: 0,01 x 7 x 4 = 0,28 m^3/ngày.đêm.

Như vậy tổng lượng nước bổ sung cho lò hơi trong ngày lớn nhất (vừa bù lượng bay hơi và vừa có xả đáy) khoảng: 9,24 m^3/ngày ≈ 9 m^3/ngày.đêm

(3) Nước cấp cho hệ thống điều hòa áp suất dương

Hệ thống điều hoà áp suất dương có quá trình cấp nước làm mát cấp nước giải nhiệt bình ngưng và quá trình cấp nước bình bốc hơi, các quá trình này sử dụng nước tuần hoàn và nước đi trong các đường ống, do đó lượng nước hầu như không bị thất thoát, lượng nước bổ sung nhỏ. Dự án sử dụng 18 tháp làm mát, trung bình lượng nước bổ sung theo kinh nghiệm của Nhà máy cho hệ tháp làm mát khoảng 40 m^3/ngày.

(4) Nước cấp cho mục đích tưới cây, rửa đường và bổ sung cho tập luyện PCCC và thất thoát đường ống và bể chứa khoảng:

- Lượng nước cấp: Khoảng 28 m^3/ngày.

1.5. Các thông tin khác liên quan đến Cơ sở

1.5.1. Cơ cấu sử dụng đất

Bảng 1.4. Cơ cấu sử dụng đất của Cơ sở

STT	Loại đất	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng nhà xưởng	16.800	25,94
2	Đất nhà điều hành - Phụ trợ	4.622	7,14
3	Đất cây xanh, mặt nước, dự trữ	23.794	36,74
4	Đất hạ tầng kỹ thuật - nhà xe	2.268	3,5
5	Đất giao thông - sân bãi	17.286	26,69
Tổng		**64.770**	**100**

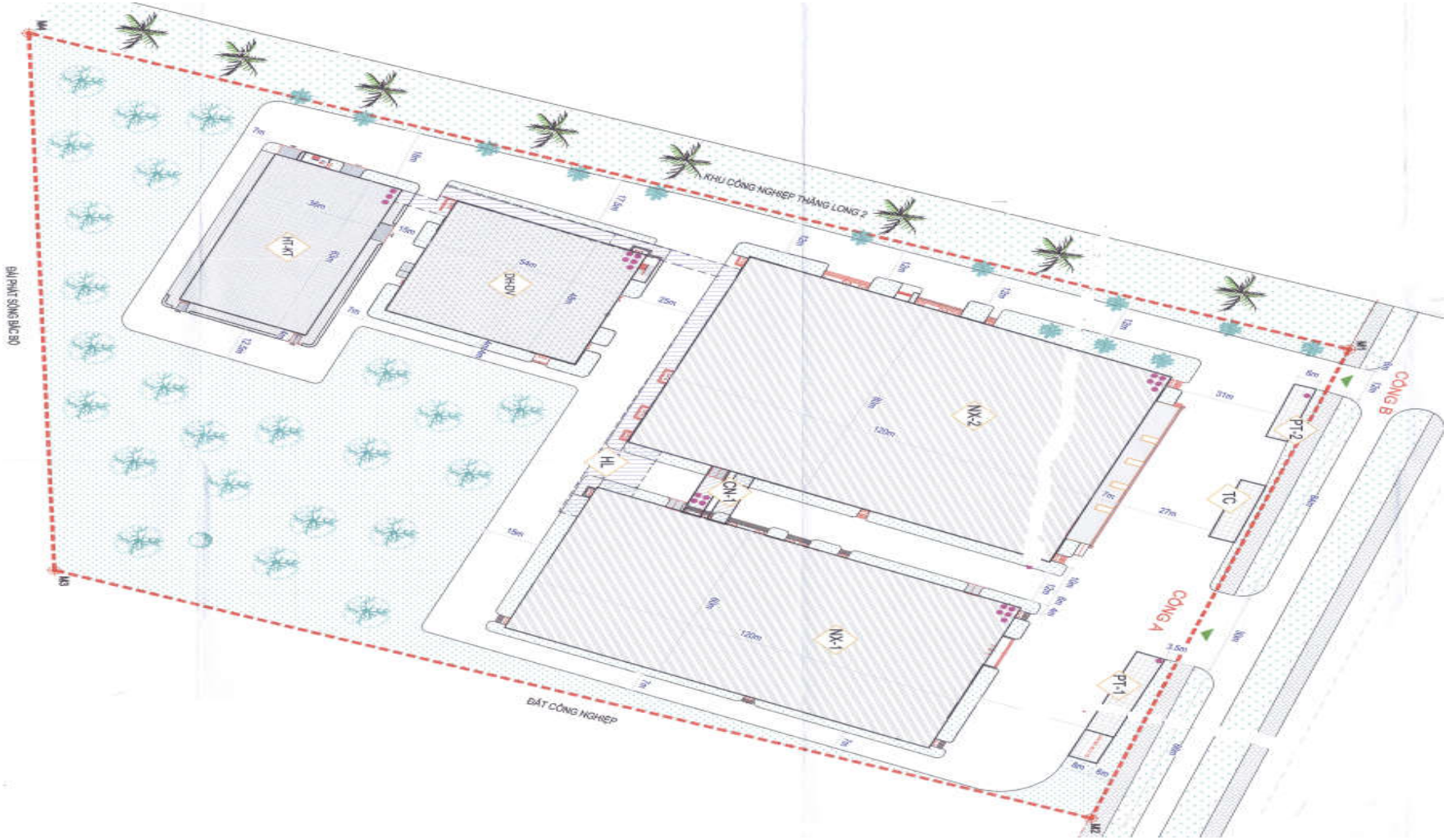
1.5.2. Các hạng mục công trình chính của Cơ sở

Cơ sở đã xây dựng và đi vào hoạt động 9 công trình theo đúng Giấy phép xây dựng số 30/GPXD ngày 27/5/2021 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên. Theo Giấy phép xây dựng, Nhà máy chưa triển khai xây dựng Nhà kho Carton 540 m^2.

Nhà máy hoạt động trên diện tích 64.770 m^2 tại địa chỉ Lô đất số L6, Khu công nghiệp dệt may Phố Nối, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên với các hạng mục công trình chính của Cơ sở như sau:

Bảng 1.5. Hạng mục công trình xây dựng

STT	Ký hiệu trên bản vẽ	Tên hạng mục	Đơn vị	Hiện trạng	Tầng cao
1	NX-1	Nhà xưởng sản xuất số 01	m^2	7.200	5
2	NX-2	Nhà xưởng sản xuất số 02	m^2	9.600	5
3	DH-DV	Nhà ăn, nghỉ ca CBCNV	m^2	2.549	5
4	PT-1	Khu bảo vệ cổng A, lán để xe	m^2	360	1
5	TC	Trạm cân	m^2	168	1
6	PT-2	Khu bảo vệ cổng B	m^2	132	1
7	-	Cầu nối	m^2	200	4
8	-	Hành lang nối	m^2	1.213	4
9	HTKT	Nhà kỹ thuật, nhà xe	m^2	2.268	3
Tổng			**m^2**	**23.690**	



Hình 1.5. Mặt bằng tổng thể của Cơ sở

- Một số hình ảnh công trình tại Cơ sở:




Hình 1.6. Hình ảnh một số công trình chính của Cơ sở

1.5.3. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ sản xuất

Danh sách máy móc, thiết bị phục vụ quá trình sản xuất của Cơ sở như sau:

Bảng 1.6. Danh sách máy móc thiết bị của Cơ sở

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Chuyền sản xuất
1	Máy tách sợi	Máy	1	Chuyền dệt kim
2	Máy đo tốc độ sợi	Máy	1	
3	Máy đếm sợi dệt	Máy	1	
4	Máy cắt sợi	Máy	2	
6	Máy cuộn sợi tự động	Máy	2	
7	Máy dệt kim tròn Santoni	Máy	12	
8	Máy dệt vải dệt kim Santoni	Máy	280	
11	Máy thử nghiệm móc sợi	Máy	1	Công đoạn kiểm

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Chuyền sản xuất
12	Máy kiểm tra độ ố màu của sợi	Máy	2	tra sản phẩm dệt kim
13	Máy thử độ căng của sợi	Máy	1	
14	Máy thử lực kéo	Máy	1	
15	Máy thử độ chống móc của vài	Máy	1	
16	Máy thử độ co giãn của sản phẩm dệt	Máy	1	
34	Máy xả vải	Máy	1	Chuyền may và gia công dán, ép
35	Máy cắt vải tự động	Máy	5	
37	Máy chém	Máy	23	
38	Máy cuộn vải tự động	Máy	2	
39	Máy đánh chỉ	Máy	1	
40	Máy may 2 kim	Máy	32	
41	Máy may quấn gấu	Máy	1	
42	Máy may ziczac	Máy	50	
43	Máy may 1 kim	Máy	80	
44	Máy đơn kim móc xích	Máy	15	
45	Máy trần đè 4 kim 6 chỉ	Máy	15	
46	Máy trần đè cắt chỉ	Máy	10	
47	Máy trần đè đầu bò	Máy	30	
48	Máy trần đè trụ	Máy	58	
49	Máy trần đè tự động cắt chỉ	Máy	8	
50	Máy trải vải	Máy	6	
51	Máy đánh bọ	Máy	25	

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Chuyền sản xuất
52	Máy dập khuy tự động	Máy	7	
53	Máy dập thủy lực	Máy	18	
54	Máy đính bọ điện tử	Máy	25	
55	Máy định hình chóp	Máy	20	
56	Máy định hình co vải	Máy	2	
57	Máy định hình nóng lạnh	Máy	97	
58	Máy định hình	Máy	29	
59	Máy ép nhiệt	Máy	63	
60	Máy vắt sổ	Máy	361	
61	Máy tải chun điện tử	Máy	211	
62	Máy tạo lỗ	Máy	1	
63	Máy tự động lên chun quần	Máy	1	
64	Máy dán vải bằng nhiệt	Máy	5	
65	Máy hàn siêu âm	Máy	25	
66	Máy in mã vạch	Máy	20	
68	Máy kéo giãn	Máy	17	
69	Máy dò kim	Máy	4	
70	Máy bao viền	Máy	72	
71	Máy bọc viền	Máy	93	
72	Bàn là	Máy	80	
73	Máy làm ren	Máy	1	
76	Máy luồn quai áo tự động	Máy	4	

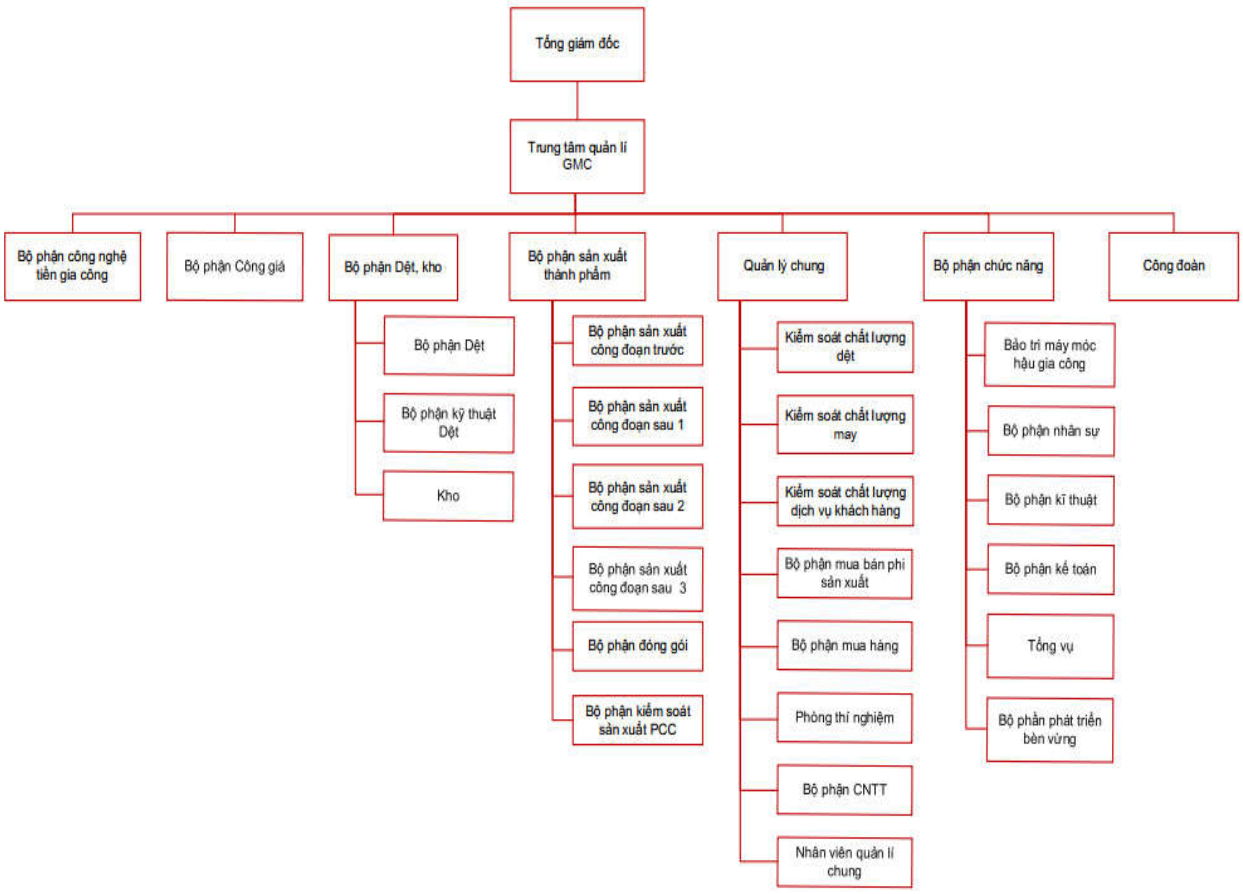
STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Chuyền sản xuất
77	Máy hoa viền	Máy	10	
78	Máy mài	Máy	2	
79	Máy làm chun tự động	Máy	1	
80	Máy phay kỹ thuật số đứng	Máy	2	
81	Máy làm quai áo tự động	Máy	2	
82	Bộ cắt dây tự động	Máy	20	Chuyền đóng gói
83	Bộ cắt chỉ thừa	Máy	20	
84	Máy đính tem	Máy	2	
85	Máy in mã vạch	Máy	20	
86	Máy đọc mã vạch	Máy	2	
87	Máy hàn miệng túi	Máy	2	
88	Máy quét mã vạch	Máy	29	
89	Máy hút chân không	Máy	6	
90	Máy tự động ép logo	Máy	1	
91	Máy qua nhiệt KDK	Máy	2	
92	Máy hút khí	Máy	12	
93	Máy đánh tem	Máy	1	
94	Máy dán tem nhãn tự động	Máy	1	
120	Máy làm mát hơi nước	Máy	18	Điều hòa
121	Máy nén khí hitachi	Máy	8	Cấp khí nén
122	Máy hủy mẫu	Máy	2	Cắt sản phẩm lỗi
123	Xe nâng	Máy	33	Nâng hàng

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Chuyền sản xuất
124	Máy phát điện dự phòng	Máy	2	Cấp điện dự phòng
125	Máy lọc nước uống	Máy	13	Cấp nước uống cho CBCNV`

(Cơ sở bổ sung chi tiết một số máy móc phụ trợ để đáp ứng yêu cầu của khách hàng về việc hoàn thiện sản phẩm nhưng không làm thay đổi công suất của cơ sở)

1.5.3. Tổ chức quản lý và vận hành Cơ sở

a. Cơ cấu tổ chức quản lý và bộ máy của dự án như sau:



Hình 1.7. Sơ đồ bộ máy tổ chức của Cơ sở

b. Nhu cầu nhân sự: 2.600 người

c. Chế độ làm việc:

- Bộ máy tổ chức quản lý của dự án được bố trí hết sức gọn nhẹ. Hoạt động quản lý hàng ngày tại nhà máy sẽ do Giám đốc quản lý.

- Bộ phận kinh doanh sẽ chịu trách nhiệm tiếp cận khách hàng, giới thiệu chất lượng sản phẩm, thực hiện các công tác tiếp thị nhằm khuếch trương sản phẩm.

- Bộ phận hành chính, kế toán chịu trách nhiệm triển khai công tác nghiệp vụ kế toán, tài vụ trong toàn công ty, lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế theo đúng quy định, chế độ hiện hành của nhà nước, phản ánh trung thực kết quả hoạt động của công ty; đảm bảo các hoạt động hành chính nhân sự của công ty.

- Bộ phận quản lý chất lượng: Quản lý kỹ thuật công nghệ và môi trường, chất lượng sản phẩm, phát triển công nghệ sản xuất.

+ 01 nhân viên phát triển bền vững thuộc phòng quản lý chất lượng: quản lý môi trường doanh nghiệp, quản lý các công trình xử lý chất thải, quản lý tổ vệ sinh môi trường.

+ Tổ vệ sinh môi trường được thành lập với 3 lao động phổ thông, phụ trách dọn dẹp vệ sinh môi trường; phân loại, thu gom rác thải về khu lưu giữ tạm thời; đảm bảo cảnh quan dự án.

+ Cán bộ kỹ thuật chịu trách nhiệm vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

- Chế độ làm việc như sau:

+ Đối với khối nhân viên văn phòng: làm việc 01 ca/ngày, 08h/ca; số ngày làm việc trong năm 300 ngày.

+ Đối với lao động trực tiếp sản xuất: 02 ca/ngày, 08h/ca; số ngày làm việc trong năm 300 ngày.

+ Đối với bảo vệ, thường trực: làm việc luôn phiên nhau theo ca hoặc ngày đảm bảo số ngày làm việc trong năm là 365 ngày.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của Cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia: Dự án phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính Phủ: Chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường.

- Sự phù hợp với quy hoạch phát triển ngành dệt may: Dự án phù hợp với định hướng phát triển ngành Dệt May, Da Giày theo hướng chuyên môn hoá, hiện đại hóa; cải thiện cơ cấu sản phẩm, tập trung phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng cao; áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quản lý chất lượng tiên tiến để nâng cao sức cạnh tranh của ngành Dệt May và Da Giầy Việt Nam theo quyết định số 1643/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển ngành Dệt May và Da Giầy Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

- Đối với quy hoạch vùng: Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 17/02/2012 của UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050: Đẩy mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp, đô thị và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Đối với quy hoạch tỉnh: Dự án đầu tư phù hợp với Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024, cụ thể: Các ngành công nghiệp ưu tiên bao gồm: Công nghiệp công nghệ cao gắn với công nghệ số (sản xuất các sản phẩm điện tử, viễn thông, thiết bị di động, máy vi tính và linh kiện; thiết kế, sản xuất chất bán dẫn, pin, bộ tích điện; sản phẩm quang học; công nghiệp phần mềm, rô bốt, thiết bị tích hợp, vận hành tự động; công nghiệp tự động hóa, điều khiển từ xa; công nghiệp sản xuất các sản phẩm phục vụ đô thị thông minh, kinh tế số...); Công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm chất lượng cao; Sản xuất các thiết bị y tế, hóa dược, công nghệ sinh học, dược phẩm; Sản xuất thiết bị điện, năng lượng; Công nghiệp sản xuất cơ khí - chế tạo (sản xuất, lắp ráp ô tô, phương tiện vận tải, máy móc, phụ tùng, linh kiện,...); Công nghiệp dệt may; Công nghiệp vật liệu, nhất là vật liệu mới...

- Đối với KCN Dệt may Phố Nối: KCN Dệt may Phố Nối đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Giấy phép môi trường số 699/GPMT-UBND ngày 04/4/2024 cho phép thu hút đầu tư: Tổng hợp các ngành nghề công nghiệp nhẹ, may mặc, hàng tiêu dùng,

công nghiệp cơ khí, hóa chất, điện máy, điện tử, công nghiệp chế biến thực phẩm, dược phẩm.

Như vậy, vị trí hoạt động của Nhà máy phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, tỉnh Hưng Yên, ngành dệt may Việt Nam và KCN Dệt may Phố Nối.

2.2. Sự phù hợp của Cơ sở với khả năng chịu tải của môi trường

Các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở bao gồm: chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại, nước thải sinh hoạt, bụi, khí thải.

Toàn bộ CTR sinh hoạt, CTR công nghiệp và CTNH được chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng đưa đi xử lý, bụi và khí thải của Cơ sở chủ yếu phát sinh từ nguồn đường và máy phát điện đây là các nguồn có tính chất phát thải gián đoạn và không đáng kể. Do đó báo cáo chỉ đánh giá sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường nước như sau:

Nước thải tại Cơ sở được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 8.000 m^3/ngày.đêm của KCN Dệt may Phố Nối.

Công ty đã ký Hợp đồng xử lý nước thải với KCN Dệt may Phố Nối số 221/2023/HĐ-XLNT ngày 30/12/2023 với Bảng tiêu chuẩn đấu nối nước thải như sau:

Bảng 2.1. Bảng tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Dệt may Phố Nối

Stt	Thông số	Đơn vị	Định mức tối đa
1	Nhiệt độ	^oC	40
2	pH	-	5-9
3	Độ màu	Pt-Co	100
4	BOD_5	mg/l	200
5	COD	mg/l	400
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	300
7	Tổng N	mg/l	60
8	Sunfua	mg/l	1
9	Xyanua	mg/l	0,1
10	Clo dư	mg/l	0,81
11	Clorua	mg/l	400
12	Dầu mỡ khoáng	mg/l	4
13	Coliform	MPN /100ml	6.000

(Cơ sở buộc dừng đấu nối khi nồng độ một trong các thông số trên vượt 20% so với định mức tối đa)

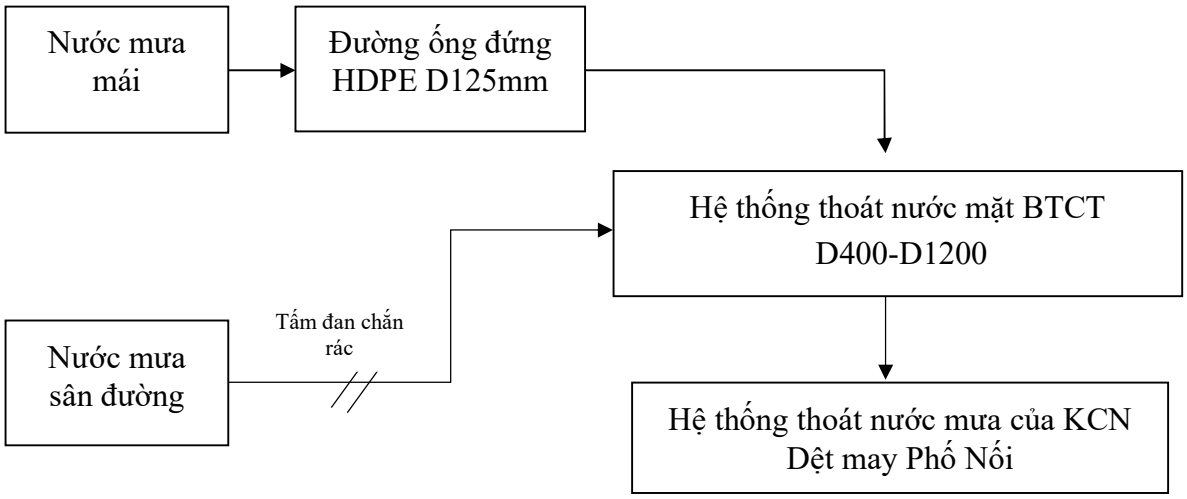
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa của Cơ sở được thu gom, thoát riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

a. Sơ đồ thu gom:



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom, tiêu thoát nước mưa tại Cơ sở

b. Thuyết minh sơ đồ thu gom nước mưa:

Nước mưa từ mặt đường, sân bãi, mái nhà xưởng được thu gom, đấu nối với hệ thống thoát nước mưa của KCN theo nguyên tắc tự chảy. Nước mưa sau khi được xử lý sơ bộ bằng song chắn rác (có tác dụng giữ lại các rác thải có kích thước lớn tránh gây tắc đường ống dẫn, hố ga có tác dụng lắng các chất lơ lửng, đất cát, …) rồi được thoát vào hệ thống thoát nước mưa chung của KCN qua 1 điểm đấu nối.

c. Thông số kỹ thuật của công trình thu gom nước mưa:

Hệ thống thu gom nước mái nhà xưởng theo ống dẫn bằng nhựa HDPE D125mm đảm bảo thoát nước mái vào hệ thống cống thoát nước mưa của cơ sở.

Hệ thống thoát nước mưa tràn mặt đã được xây dựng bằng hệ thống thoát nước bằng cống BTCT D300-D1.200, các hố gas thăm thu bê tông cốt thép. Cống thoát chính bao quanh khu đất đặt sát vỉa hè, song song với các tuyến đường nội bộ của dự án. Toàn bộ nước mưa được thu gom vào ống, cống và rãnh chìm qua các hố ga thăm thu trực

tiếp trên mặt đường rồi theo tuyến ống trục chính thoát vào hệ thống thoát nước mưa của KCN.

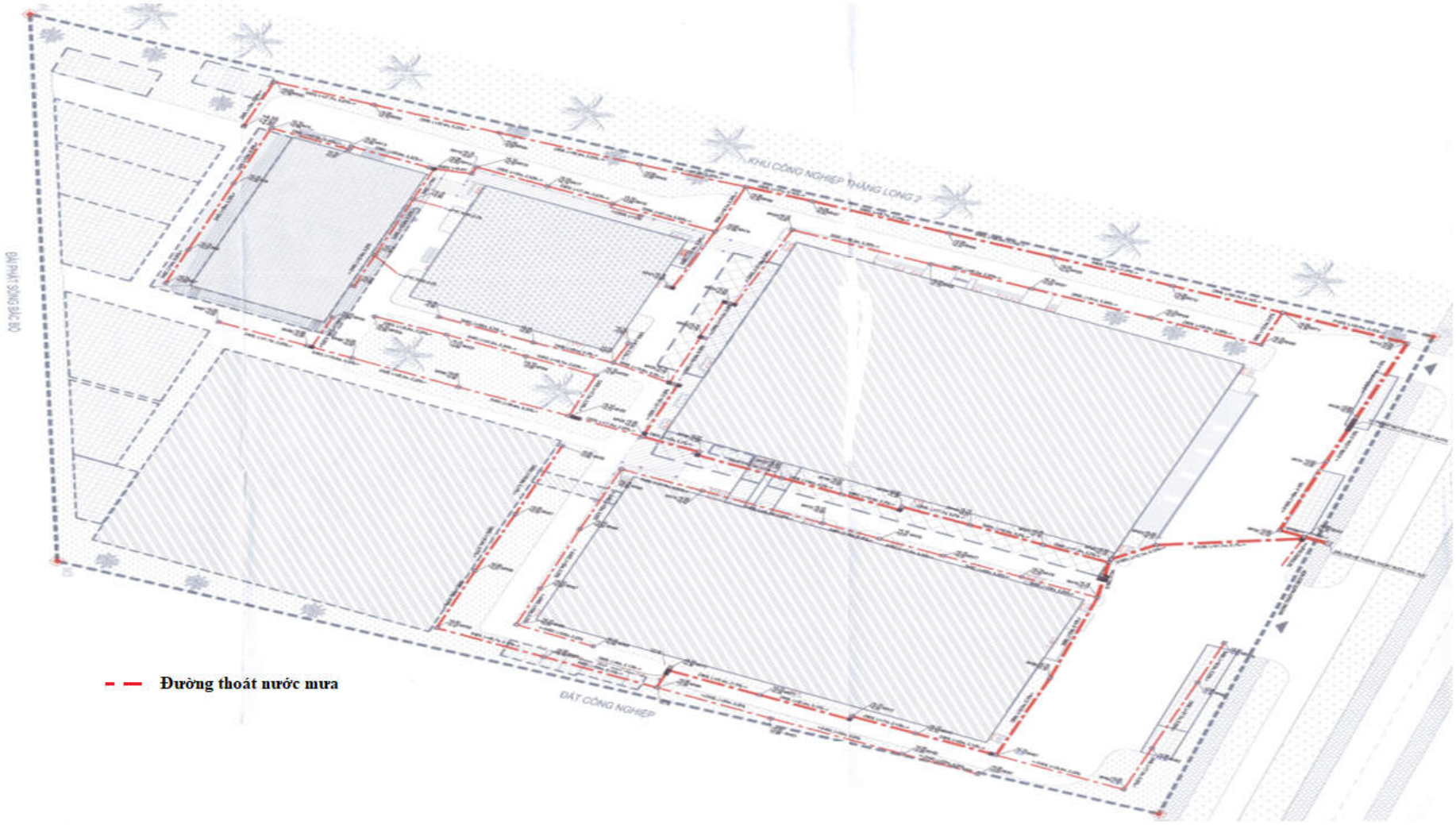
Tổng hợp thống kê thông số kỹ thuật hệ thống thoát nước mưa của cơ sở như sau:

Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật hệ thống thu gom thoát nước mưa của Cơ sở

STT	Loại ống		Đơn vị	Khối lượng
1	Đường ống thoát nước mưa	D400	m	860,9
		D600	m	329,9
		D800	m	205,3
		D1000	m	177,4
		D1200	m	5
2	Hố ga thoát nước mưa hiện trạng		Ga	85

- Tọa độ 01 điểm đấu nối nước mưa (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0$30', múi chiếu 3^0): X (m) = 2314051.305; Y(m) = 559875.400

- *Mô tả hệ thống thu gom thoát nước mưa của Cơ sở:*



Hình 3.2. Mặt bằng tổng thể hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở

e. Biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước mưa:

Nước mưa chỉ bao gồm nước mưa chảy tràn trên mái công trình và sân đường nội bộ Cơ sở. Thành phần ô nhiễm nước mưa chỉ bao gồm cát, cành cây, lá khô...Vì vậy, Cơ sở có các biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước mưa như sau:

- Thường xuyên nạo vét, vệ sinh hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn.

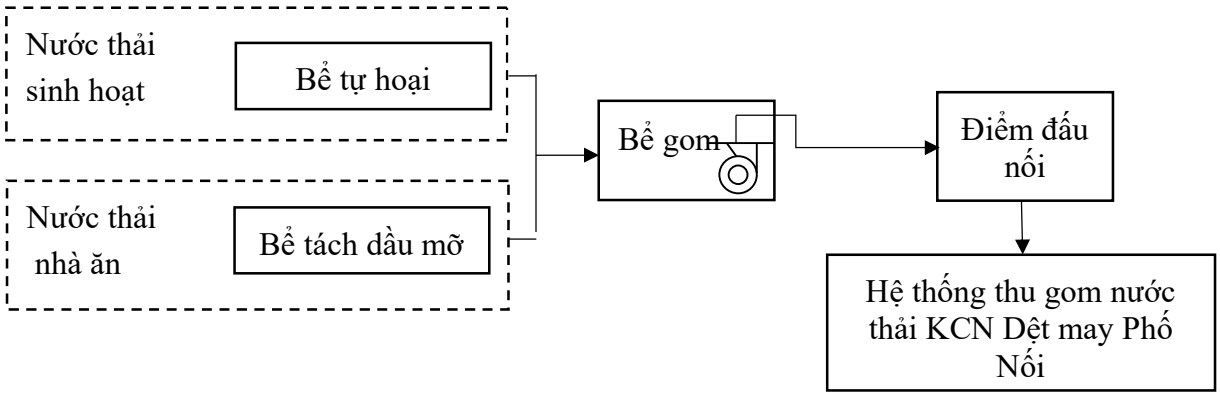
- Dọn dẹp vệ sinh sân, đường nội bộ của Cơ sở tần suất 01 lần/ngày.

- Kiểm soát và thu gom các nguồn phát thải, không để rơi vãi, phát tán ra khu vực sân.

- Đảm bảo duy trì các tuyến hành lang an toàn cho toàn thể hệ thống thoát nước mưa. Không để các loại rác thải thâm nhập vào đường thoát nước mưa.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Sơ đồ thu gom nước thải:



Hình 3.3. Sơ đồ thu gom nước thải tại Cơ sở

b. Thuyết minh sơ đồ thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của cơ sở bao gồm nước thải từ các công trình nhà vệ sinh sẽ được thu gom nhờ hệ thống đường ống và hố ga nước thải đưa tới các công trình xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại 03 ngăn tương ứng với các nhà vệ sinh (Bể tự hoại 3 ngăn là công trình làm đồng thời các chức năng: Lắng nước thải, lên men cặn lắng và phân hủy cặn lắng. Chất hữu cơ và cặn lắng trong bể tự hoại sau chu kỳ 3 - 6 tháng sẽ bị phân huỷ bởi vi khuẩn kị khí. Cuối cùng hợp chất hữu cơ bị phân huỷ thành khí và một phần thành chất vô cơ dạng muối tan với thời gian đủ dài xử lý bằng bể tự hoại có hiệu quả khá cao. Lượng bùn tại bể tự hoại được hút và xử lý theo quy định), nước thải nhà bếp xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ (tách theo nguyên tắc trọng lượng, dầu mỡ nhẹ nổi lên được giữ lại bởi các tấm ngăn, còn nước trong sẽ đi qua bên dưới vách ngăn); sau đó

đấu nối vào hố gas thu gom, lắng cặn chung trước khi đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN.

- Ngoài ra, để nâng cao hiệu quả xử lý của bể tự hoại 3 ngăn dự án sẽ tăng cường kết hợp một số biện pháp như sau:

+ Định kì thông hút bùn cặn thải của bể tự hoại đảm bảo thể tích lưu chứa và hiệu quả xử lý của công trình.

+ Định kỳ kiểm tra hệ thống đường ống dẫn nước thải; phát hiện hỏng hóc để có kế hoạch sữa chữa, thay thế và nâng cấp kịp thời.

- Nước thải sau các công trình xử lý sơ bộ được thu tới bể gom chung, tiếp tục nước thải được lắng cặn sơ bộ trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN. Bể có thể tích 100 m^3, cấu tạo bằng BTCT; trong bể bố trí 02 bơm (1 bơm hoạt động, 1 bơm dự phòng) với lưu lượng. Q = 23l/s, công suất 7,5KW.

c. Thông số kỹ thuật của công trình thoát nước thải:

Tổng hợp thống kê thông số kỹ thuật hệ thống thu gom và thoát nước thải của cơ sở như sau:

Bảng 3.2. Thông số kỹ thuật hệ thống thu gom thoát nước mưa của Cơ sở

STT	Loại ống	Đơn vị	Khối lượng
1	Đường ống thu gom BTCT D300	m	367,1
2	Đường ống thoát nước thải HDPE D200	m	264
3	Ga	Cái	17

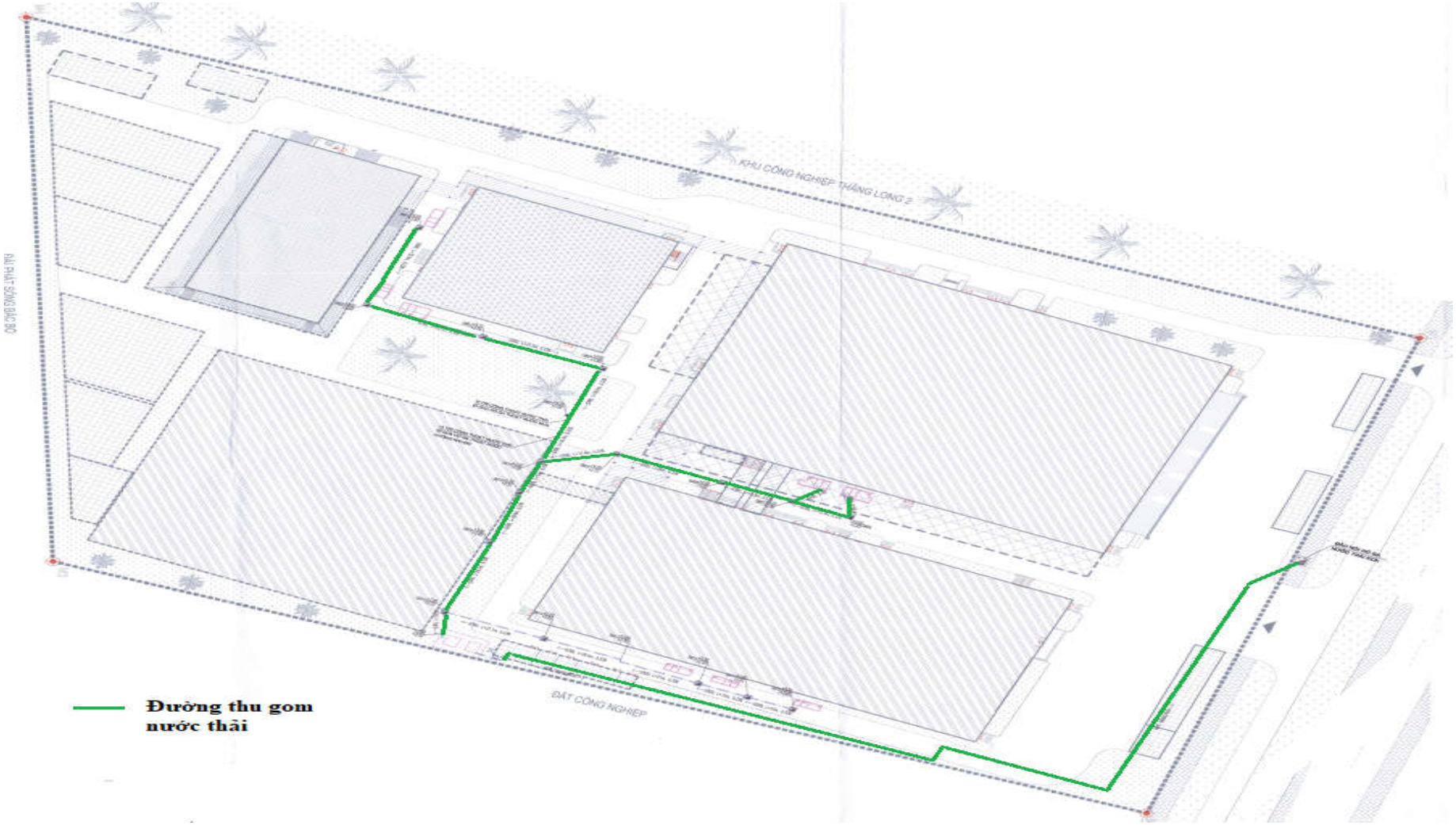
d. Điểm xả nước nước thải:

- Cơ sở có 01 điểm đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom thải của KCN Dệt may Phố Nối đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN để xử lý đạt chuẩn trước khi xả thải theo môi trường.

- Điểm đấu nối theo phương thức cưỡng bức (bơm) được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Dệt may Phố Nối theo đường ống HDPE D200 qua van bướm đến đường ống thu gom nước thải của KCN Dệt may Phố Nối.

- Tọa độ điểm đấu nối nước thải của Cơ sở với hệ thống thu gom nước thải của KCN Dệt may Phố Nối: X (m) = 2314036.436; Y(m) = 559912.554 *(hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0 45'$,múi chiếu 3^0)*.

- Mặt bằng thu gom và đấu nối nước thải sinh hoạt của Cơ sở:



Hình 3.4. Mặt bằng tổng thể hệ thống thoát nước thải của Cơ sở

3.1.3. Xử lý nước thải

a. Nguồn phát sinh và lượng nước thải:

- Nguồn phát sinh:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh xưởng sản xuất 1.

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh xưởng sản xuất 2.

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh nhà ăn, nhà nghỉ ca.

+ Nước thải nhà ăn.

- Lượng phát thải: Nước thải sinh hoạt được tính bằng 100% lượng nước cấp. Do đó lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại Cơ sở là 350 m^3/ngày.đêm, trong đó:

+ Nước thải sinh hoạt: 225 m^3/ngày.đêm.

+ Nước thải nhà ăn: 125 m^3/ngày.đêm.

b. *Xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại (bể phốt):*

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại Cơ sở được xử lý sơ bộ bằng hệ thống bể tự hoại trước khi đấu nối vào bể gom 03 ngăn sau đó bơm cưỡng bức về hệ thống thu gom nước thải của KCN Dệt may Phố Nối.

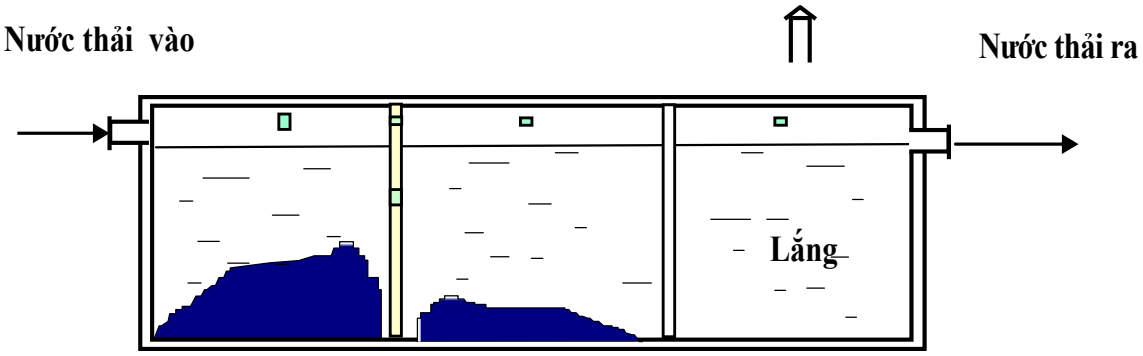
- Nguyên lý hoạt động: Nước thải sinh hoạt trước hết được xử lý sơ bộ qua hệ thống bể tự hoại. Bể tự hoại là công trình xử lý nước nhờ hai quá trình là lắng cặn và phân hủy bằng vi sinh vật. Do tốc độ nước qua bể rất chậm (thời gian lưu lại của dòng chảy trong bể là 1 – 2 ngày) nên quá trình lắng cặn trong bể có thể xem như quá trình lắng tĩnh, dưới tác dụng trọng lực bản thân của các hạt cặn (cát, bùn, phân) lắng dần xuống đáy bể, tại đây các chất hữu cơ bị phân hủy nhờ hoạt động của các vi sinh vật kỵ khí. Cặn lắng được phân hủy làm thu hẹp thể tích cặn đồng thời giảm được các tác nhân gây ô nhiễm môi trường. Tốc độ phân hủy chất hữu cơ nhanh hay chậm phụ thuộc vào nhiệt độ, độ pH của nước thải và lượng vi sinh vật có mặt trong lớp cặn.

Quá trình chuyển hóa chất hữu cơ nhờ vi sinh kỵ khí chủ yếu được diễn ra theo nguyên lý lên men qua các bước sau:

+ Vi sinh vật phân hủy các chất hữu cơ phức tạp và lipit thành các chất hữu cơ đơn giản có trọng lượng nhẹ;

+ Vi khuẩn lên men axit, biến đổi các chất hữu cơ đơn giản thành axit hữu cơ;

+ Vi khuẩn lên men metan chuyển hóa hydro và các axit được tạo thành ở giai đoạn trước thành khí metan và cacbonic.



Hình 3.5. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại (bể phốt)

- Thông số kỹ thuật của bể tự hoại (bể phốt):

Bảng 3.3. Thông số kỹ thuật của bể phốt

STT	Vị trí xây dựng	Tên bể	Thể tích (m^3)	Đặc điểm
1	Xưởng sản xuất số 2	Bể tự hoại 1	60	Xây dựng bằng BTCT, 03 ngăn
		Bể tự hoại 2	70	
2	Xưởng sản xuất số 1	Bể tự hoại 3	47	
		Bể tự hoại 4	57	
		Bể tự hoại 5	27	
3	Nhà căng tin, nhà ăn ca	Bể tự hoại 6	60	
		Bể tự hoại 7	70	
Tổng			**391**	

c. Xử lý sơ bộ nước thải nhà ăn bằng bể tách dầu mỡ:

Nước thải phát sinh từ nhà ăn của Cơ sở sẽ được xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu mỡ trước khi đấu nối vào bể gom 03 ngăn sau đó bơm cưỡng bức về hệ thống thu gom nước thải của KCN Dệt may Phố Nối.

- Nguyên lý hoạt động của bể tách dầu mỡ là dựa vào tỷ lệ chênh lệch trọng lượng giữa mỡ, nước và một số chất rắn có trong nước thải.

Đầu tiên, phần nước thải có chứa dầu mỡ sẽ được tách rác để giữ lại chất thải có kích thước lớn, giảm tình trạng tắc nghẽn đường ống nước thải.

Sau đó, dầu mỡ được tách ra khỏi nước thải dựa vào trọng lượng. Dầu mỡ nhẹ nổi lên trên được thu vớt định kỳ đem xử lý theo quy định. Tại mỗi ngăn sẽ có thiết kế hướng dòng nhằm tạo điều kiện để dầu mỡ và nước được phân tách riêng biệt.

Cuối cùng, dầu mỡ được thu gom xử lý theo quy định, phần nước thải sau tách dầu mỡ được thu gom vào bể gom 03 ngăn sau đó bơm cưỡng bức về hệ thống thu gom nước thải của KCN Dệt may Phố Nối.

- Thông số kỹ thuật bể tách dầu mỡ:

Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của bể tách dầu mỡ

TT	Tên bể	Dung tích ($m^{3)}$	Ghi chú
1.	Bể tách dầu mỡ	100	03 ngăn
Tổng		**100**	

d. Bể gom nước thải tại Cơ sở:

Nước thải sinh hoạt và nước thải nhà ăn tại Cơ sở sau khi xử lý sơ bộ được đấu nối vào bể thu gom nước thải 03 ngăn, trong đó:

- Ngăn số 01-02: Có chức năng lắng cặn, tách rác.

- Ngăn số 03: Đặt 02 bơm (1 bơm hoạt động, 1 bơm dự phòng) bơm nước thải sau xử lý sơ bộ của Cơ sở vào đường ống HDPE D200 về hệ thống thu gom nước thải của KCN Dệt may Phố Nối để đưa về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Dệt may Phố Nối để xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả nước thải ra môi trường theo Hợp đồng xử lý nước thải số 221/2023/HĐ-XLNT ngàu 30/12/2023 giữa Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng dệt may Phố Nối và Công ty TNHH Regina Miracel International Hưng Yên (Đính kèm Phụ lục).

- Bơm nước thải tại Cơ sở có thông số kỹ thuật sau:

+ Hãng: FIRMLY

+ Model: 50WQC15-15-1.5

+ Điện áp: 3P/380V-50Hz

+ Công suất: 7,5 KW

+ Lưu lượng: Qmax = 23 lit/s

+ Họng xả: 200 mm

+ Số lượng: 02 bơm

- Thông số kỹ thuật bể gom:

Bảng 3.5. Thông số kỹ thuật của bể gom

TT	Tên bể	Dung tích ($m^{3)}$	Ghi chú
1.	Bể gom	100	03 ngăn
Tổng		**100**	

e. Các biện pháp giảm thiểu khác:

Để hạn chế ảnh hưởng của nước thải đến nguồn tiếp nhận Cơ sở đã và sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu sau:

- Thực hiện chính sách tiết kiệm nước trong sinh hoạt nhằm giảm lượng nước thải phát sinh;

- Định kỳ nạo hút bể tự hoại (bể phốt).

d. Hiệu quả của công trình xử lý sơ bộ nước thải tại Cơ sở:

Kết quả quan trắc nước thải đầu ra của Bể tách dầu mỡ và Bể gom nước thải cuối cùng của Cơ sở trước khi đấu nối với hệ thống thu gom nước thải về hệ thống xử lý nước thải của KCN Dệt may Phố Nối năm 2022 - 2024 đều thấp hơn tiêu chuẩn nước thải đầu vào của KCN Dệt may Phố Nối (c*hi tiết tại Bảng 5.1 và Bảng 5.2, Chương 5 và Phiếu kết quả đính kèm Phụ lục Báo cáo*).

3.1.4. Thu gom và thoát nước xả cặn nồi hơi

Với lượng nước xả cặn nồi hơi là 0,28 m^3/ngày.đêm lượng rất nhỏ với thành phần chủ yếu cặn, TSS. Lượng nước này được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải vào bể thu gom 3 ngăn 100 m^3 trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải về Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Dệt may Phố Nối.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Cơ sở không có các công trình thu gom, xử lý bụi và khí thải xả thải ra môi trường xung quanh. Do đó, nội dung này Cơ sở trình bày các biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của Cơ sở như sau:

3.2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải do hoạt động của các phương tiện giao thông

- Sử dụng phương tiện vận tải đã được kiểm định về thông số kỹ thuật, nguồn gốc xuất xứ.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, tra dầu mỡ động cơ của các phương tiện vận tải để phát hiện hỏng hóc và có phương án sữa chữa kịp thời.

- Thường xuyên vệ sinh đường nội bộ ra vào Công ty và khu vực nhà để xe cho cán bộ công nhân viên, tần suất ít nhất 1 lần/ngày.

- Bố trí các loại xe ra vào bãi đỗ xe hợp lý, phương tiện ra vào phải theo đúng quy định hướng dẫn của phòng Bảo vệ.

- Các phương tiện vận chuyển phải được che chắn kín bằng bạt để tránh phát tán bụi ra ngoài môi trường.

- Toàn bộ mặt bằng sân đường nội bộ của Công ty được bê tông hóa toàn bộ và quét dọn, vệ sinh vào cuối ngày làm việc sẽ góp phần giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh

- Trồng cây xanh xung quanh khuôn viên Nhà máy. Biện pháp trồng cây xanh là biện pháp hỗ trợ tích cực để vừa giúp lọc không khí vừa tạo cảnh quan đẹp cho công trình. Cây xanh có tác dụng rất lớn trong việc hạn chế ô nhiễm không khí như hút bụi và giữ bụi, lọc sạch không khí, cản trở tiếng ồn phát tán và che chắn tiếng ồn, giảm nhiệt độ không khí...

Hình ảnh về cây xanh, thảm cỏ đã trồng tại dự án:



Hình 3.6. Hình ảnh cây xanh tại Cơ sở

3.2.2. Biện pháp đảm bảo vi khí hậu chung trong nhà xưởng sản xuất

- Hiện tại, tại xưởng sản xuất số 1 và số 2 Công ty lắp đặt hệ thống điều hoà công nghiệp mục đích làm mát nhà xưởng sản xuất bằng hệ thống làm mát áp suất dương. Mô tả nguyên lí của quá trình làm mát như sau:

- Nguyên lí làm mát:

Phần chính giữa máy làm mát là một động cơ quạt hướng trục, có tác dụng hút không khí bên ngoài trời vào máy qua các tấm màng giấy thấm nước từ đó sẽ trao đổi nhiệt với nước làm hạ nhiệt độ không khí ngoài trời khi đi qua máy làm mát và được quạt hướng trục đẩy không khí mát đó theo hệ thống đường ống dẫn vào không gian bên trong nhà xưởng.

Nhờ vào đó mà không khí khô nóng bên ngoài trời khi đi qua máy làm mát đã hạ xuống thấp do trao đổi lấy nhiệt độ của nước và cung cấp không khí mát mẻ cho nhu cầu hoạt động bên trong xưởng.

Khi nước trao đổi nhiệt với không khí bên ngoài trời sẽ bay hơi dần và nước sẽ được tự động bổ sung nhờ vào van phao cơ bên trong máy.

Không khí sạch được làm mát được đưa vào trong không gian làm mát, vì được cấp liên tục do vậy đã tạo ra được áp suất không khí bên trong cao hơn bên ngoài, và đẩy không khí từ trong không gian cần làm mát ra bên ngoài, không khí đẩy ra mang theo hơi nóng được đưa ra ngoài những khu vực được làm mát. Vì vậy mà phương pháp làm mát này được gọi là làm mát theo hệ thống làm mát áp suất dương.

+ Hiệu quả của hệ thống làm mát:

Thực tế đã chứng minh hệ thống làm mát nhà xưởng áp suất dương hiệu quả hơn rất nhiều so với hệ thống máy lạnh thông thường:

+ Không làm hại ozon, bảo vệ môi trường;

+ Tiết kiệm điện năng;

+ Chi phí đầu tư chỉ bằng 1/3 so với máy lạnh và chi phí vận hành chỉ bằng 1/10 so với máy lạnh;

+ Hệ thống này làm giảm nhiệt độ từ $5^0 \div 10^0$C, ví dụ nhiệt độ ngoài trời là 35^0C, khi sử dụng hệ thống làm mát này thì nhiệt độ trong xưởng chỉ còn từ 25-28^0C.

+ Không khí khi đi qua máy được lọc sạch, giảm nhiệt độ, hàm lượng oxy tăng đồng thời được bù ẩm, tạo môi trường làm việc lí tưởng giúp tăng năng suất lao động và đảm bảo sức khoẻ cho người lao động;

+ Hiệu quả cũng đã được chứng minh qua các kết quả quan trắc môi trường định kì, các thông số vi khí hậu tại khu vực các xưởng làm việc luôn đảm bảo.

3.2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động khu vực dệt

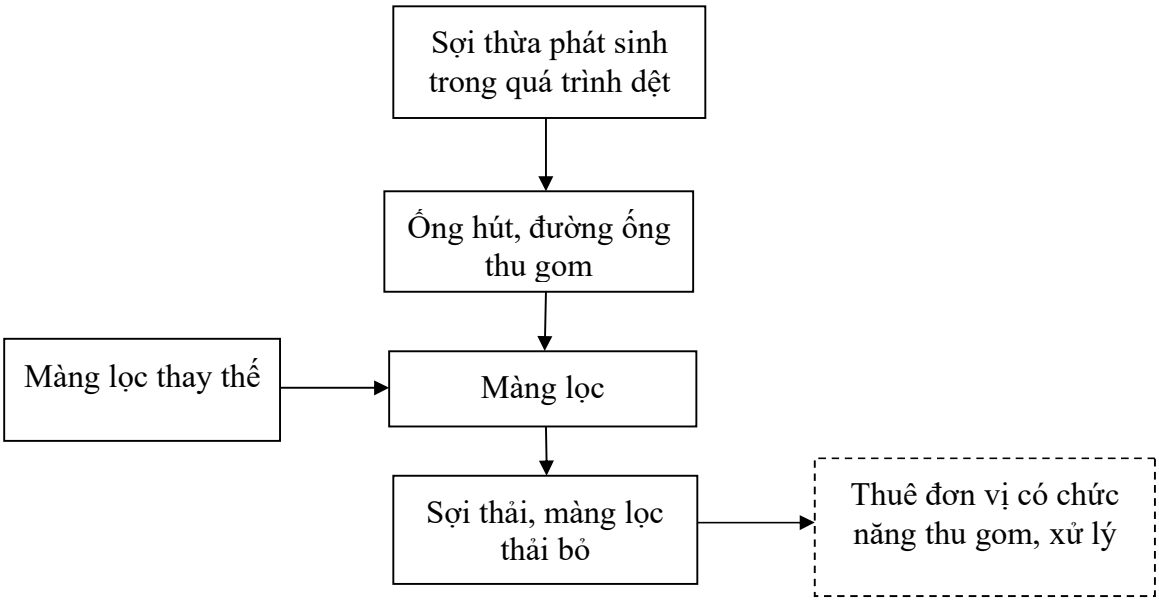
Nhà máy sử dụng máy dệt Santoni tự động, hiện đại ứng với công nghệ 3-D/CAM để tiến hành sản xuất: bản vẽ thông qua các đầu chuyển dữ liệu, công nhân điều

chỉnh các thông số của máy phù hợp với yêu cầu, đưa các cuộn sợi nguyên liệu đến các vị trí định vị trên máy tùy yêu cầu sản phẩm đảm bảo đúng chủng loại, màu sắc đối với từng vị trí sau đó điều khiển chạy máy dệt. Hoạt động dệt được thực hiện tự động và trong vùng không gian của máy. Sợi nguyên liệu là sợi Polyeste và sợi nynon là sợi tổng hợp có cấu trúc bền vững. Vì vậy, bụi phát sinh trong công đoạn dệt không đáng kể.

Tuy nhiên, trong quá trình dệt với tốc độ cao có phát sinh các sợi chỉ bị tách sợi ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm nên mỗi máy dệt có bố trí thiết bị hút sợi thừa nhờ quạt hút thông qua đầu hút phía dưới thiết bị chứa màng lọc, các đầu hút bụi được bố trí trên vị trí thao tác của thiết bị dệt. Sợi thừa theo đường ống thu gom vào thiết bị có chứa lớp màng lọc và được giữ lại tại lớp màng lọc.

Màng lọc cơ sở sử dụng là các tấm lọc bằng chất liệu sợi tổng hợp với kích thước mỗi tấm lọc 500mmx500mmx50mm; mỗi thiết bị dệt được bố trí 5-7 tấm lọc dưới đáy thiết bị dệt.

Định kỳ lượng chỉ thừa chứa trong thiết bị và được thu gom, lưu giữ, thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý; tấm màng lọc được định kỳ 03 tháng/lần thay thế và thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.



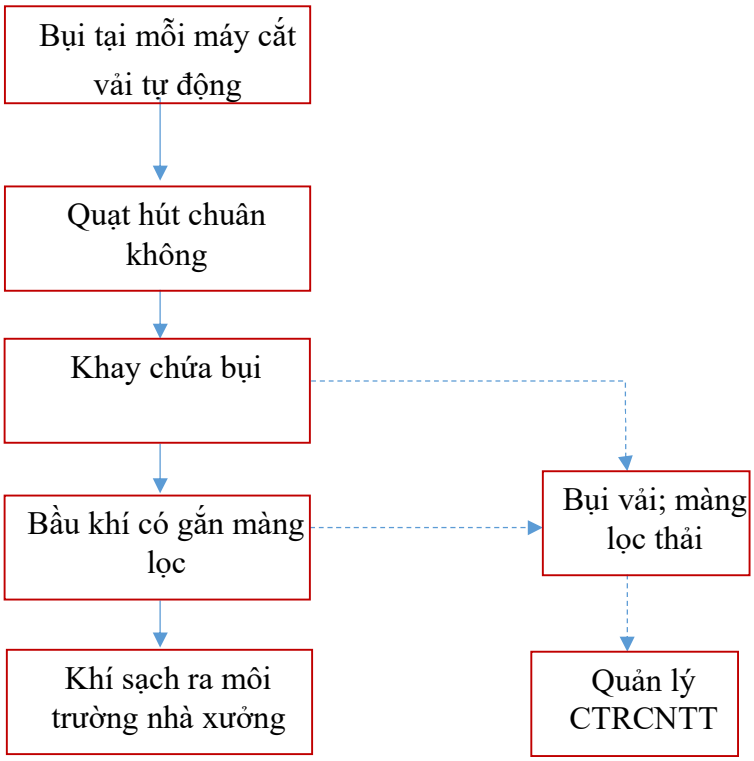
Hình 3.7. Sơ đồ quy trình thu sợi thừa lắp đặt đồng bộ với máy dệt Santoni tại Cơ sở

- **Hiệu quả biện pháp áp dụng**: Qua kết quả quan trắc môi trường định kỳ năm 2022-2024, chất lượng môi trường không khí khu vực máy dệt Santoni nằm trong quy chuẩn cho phép. Do đó, biện pháp giảm thiểu tác động khu vực dệt nhà máy đang áp dụng là có hiệu quả nên tiếp tục duy trì và thực hiện.

3.2.4. Biện pháp giảm thiểu bụi tại công đoạn cắt thường

Công ty đang sử dụng 05 thiết bị cắt tự động đặt tại tầng 2 Nhà xưởng sản xuất 02. Tại bàn cắt, có thiết bị hút chân không vừa tạo lực cố định để công đoạn cắt đảm bảo chính xác, vừa có tác dụng giữ bụi, tránh phát tán, trên bề mặt lớp vải để cắt được trải lớp nilon phủ lên trên cùng làm giảm thất thoát lực hút chân không, đồng thời ngăn ngừa bụi phát sinh ra môi trường lao động. Bàn cắt có hệ thống hút bụi để làm sạch bàn cắt cũng như thu gom bụi đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động. Thiết bị hút thu gom bụi đặt tại phía cuối bàn cắt, nơi lấy bán thành phẩm, lắp đặt đồng bộ với máy cắt.

- Sơ đồ nguyên lí hệ thống thu bụi tại khu vực cắt tự động như sau:



Hình 3.8. Sơ đồ quy trình thiết bị xử lý bụi lắp đặt đồng bộ với máy cắt tự động tại Cơ sở

- Thuyết minh quy trình:

Tại mỗi bàn cắt vải tự động có hệ thống hút chân không, khay chứa bụi và lọc bụi để làm sạch bề mặt bàn cắt, đồng thời thu gom bụi phát sinh từ quá trình cắt. Bụi phát sinh từ máy cắt nhờ lực hút cưỡng bức của quạt hút đặt bên dưới mặt bàn cắt, khí thải chứa bụi được dẫn vào khay chứa bụi kín chia làm 4 ngăn được lắp bên dưới đáy bàn cắt, tại đây bụi vải có kích thước lớn được giữ lại. Bụi nhỏ theo quán tính được đưa

qua bầu khí có gắn màng lọc bụi, tại đây bụi lơ lửng được giữ lại màng lọc bụi, gồm 4 lớp màng, khí sạch theo ống dẫn vào đường ống thu gom và thoát ra nhà xưởng sản xuất.

Để tăng hiệu quả thu hồi bụi của hệ thống, định kỳ 2 tháng/1 lần công ty tháo khay chứa bụi bên dưới máy cắt dùng máy hút bụi để vệ sinh, thu hồi bụi tại khay chứa bụi, định kỳ 1 tuần/lần công ty tháo màng lọc bụi, sử dụng máy hút bụi để vệ sinh màng lọc bụi, thao tác này được gọi là hoàn nguyên khả năng lọc. Bụi thải từ khay chứa bụi, từ màng lọc chứa bụi được thu gom đưa về khu lưu giữ chất thải rắn sản xuất của nhà máy và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

Định kỳ, màng lọc bụi được thay thế 1 lần/năm và được thu gom, xử lý cùng với chất thải rắn sản xuất của nhà máy.

- Thông số kỹ thuật:

+ Đối với hệ thống xử lý bụi đồng bộ tại máy cắt: một hệ thống gồm các đầu hút thu lọc bụi bằng màng lọc tương ứng số lượng máy cắt vải (01 đầu hút lọc bụi/ mỗi máy), tổng số thiết bị thu hồi bụi kèm theo máy cắt là 5 thiết bị, với thông số kỹ thuật của 01 hệ thống như sau:

Khay chứa bụi có kích thước: 294×266×70cm, chia làm 4 ngăn. Vật liệu thép 304;

Bầu khí có kích thước: đường kính 420mm×cao 1.300 mm, vật liệu bằng nhựa PVC;

Màng lọc gồm 4 lớp, có kích thước 19,5×24,5cm.

- Đánh giá hiệu quả:

Qua kết quả quan trắc môi trường định kỳ, bụi phát sinh tại khu vực cắt thỏa mãn QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ca làm việc).

3.2.5. Biện pháp giảm thiểu khí thải từ máy phát điện dự phòng

Khí thải máy phát điện chứa nhiều các chất ô nhiễm không khí, tuy nhiên, theo đánh giá, nồng độ các chất ô nhiễm phát sinh được đánh giá là thấp và chỉ phát thải khi sử dụng máy phát điện trong trường hợp mạng lưới điện khu vực gặp sự cố, thời gian phát thải ngắn.

Máy phát điện đang được bố trí tách biệt tại khu vực trạm điện của công ty, bố trí trong nhà chứa riêng. Công ty sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm như sau:

- Sử dụng nhiên liệu chạy máy phát có hàm lượng lưu huỳnh thấp;

- Thường xuyên, định kỳ kiểm tra, bảo trì và thay thế các chi tiết hư hỏng.

3.2.6. Biện pháp giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ quá trình thu gom và lưu giữ chất thải sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt được quy định bỏ vào các thùng chứa có nắp kín để tránh thu hút côn trùng và phát tán mùi hôi ra môi trường xung quanh. Các thùng chứa được đặt tại các nơi chủ yếu phát sinh rác sinh hoạt, định kỳ được đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Để rác đúng nơi quy định và được lưu chứa trong thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy.

- Chuyển giao cho đơn vị có chức năng tổ chức thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt

a. Thành phần và khối lượng:

- Nguồn phát sinh:

+ Chất thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên.

+ Chất thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động nhà ăn.

- Thành phần: Các chất thải hữu cơ (chiếm 50% tổng khối lượng) và các chất thải vô cơ như túi nilong thải, vỏ chai nhựa, vỏ hộp xốp,…

- Khối lượng phát thải: Chất thải sinh hoạt phát sinh thực tế trong năm 2022-2023 từ hoạt động của cán bộ công nhân viên tại Cơ sở phát sinh như sau:

Bảng 3.6. Thống kê khối lượng chất thải sinh hoạt tại Cơ sở

STT	***Loại chất thải***	***Đơn vị***	***Khối lượng***		
			Năm 2022	***Năm 2023***	***Ước tính khối lượng lớn nhất (lấy hệ số K = 1,2)***
1	Chất thải sinh hoạt	Tấn	37,23	37,47	45

Nguồn: Chứng từ chuyển giao của Cơ sở đính kèm phụ lục báo cáo

b. Phân loại và lưu giữ:

- Chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực Cơ sở sẽ được thu gom và lưu trữ trong các thùng chứa thích hợp, cụ thể số lượng thùng chứa như sau:

+ Thùng chứa rác: Bố trí thùng chứa rác thải sinh hoạt 10- 60 lít tại các vị trí phát sinh, hàng ngày được nhân viên vệ sinh tại Nhà máy tập kết về 04 thùng rác 120 lít bố trí tại điểm tập kết của Cơ sở tại cuối khu đất của Cơ sở về phía Nam.

c. Biện pháp xử lý:

- Tại thời điểm lập báo cáo Cơ sở đã ký Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải thông thường số: 47/2024/HĐ-VCXLCT/DRET-RMH ngày 12/11/2024 giữa Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên với Công ty Cổ phần Phát triển công nghệ tài nguyên Môi trường được đóng kèm trong phụ lục báo cáo.

- Định kỳ 01 ngày/01 lần theo giờ thu gom rác, đội vệ sinh của nhà máy sẽ tới thu gom về khu vực tập trung rác thải sinh hoạt của nhà máy.

- Nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên làm việc tại Cơ sở thực hiện nghiêm chỉnh nội quy giữ gìn vệ sinh môi trường chung, vứt rác đúng nơi quy định.

- Quy định các vị trí đặt thùng rác - những vị trí dễ thuận tiện, dễ nhìn thấy.



Hình 3.9. Hình ảnh thùng chứa CTSH tại cơ sở

3.3.2. Biện pháp giảm thiểu tác động chất thải rắn thông thường

a. Thành phần và khối lượng:

- Nguồn phát sinh và thành phần CTRTT:

+ Bao gói nguyên liệu, sản phẩm.

+ Vụn sợi, bavia vải phát sinh từ công đoạn cắt, dệt.

+ Sợi, chỉ vụn phát sinh từ công đoạn may.

+ Giấy vụn từ hoạt động văn phòng.

+ Sản phẩm lỗi hỏng.

+ Phụ liệu hỏng,

+ Màng lọc bụi thải.

- Khối lượng phát thải: Chất thải công nghiệp phát sinh thực tế trong năm 2022-2023 từ hoạt động sản xuất tại Cơ sở phát sinh như sau:

Bảng 3.7. Thống kê khối lượng chất thải công nghiệp tại Cơ sở

STT	***Loại chất thải***	***Đơn vị***	***Khối lượng***		
			Năm 2022	***Năm 2023***	***Ước tính khối lượng lớn nhất (lấy hệ số K = 1,2)***
1	Chất thải công nghiệp có khả năng tái chế	Tấn	265,7	225,4	318,8
2	Chất thải công nghiệp phải xử lý	Tấn	74,3	73,6	89,2
Tổng		**Tấn**	**340,0**	**299,0**	**408,0**

Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023 và chứng từ chuyển giao chất thải của Cơ sở đính kèm báo cáo

b. Phân loại và lưu giữ:

- CTRCN phát sinh tại cơ sở sẽ được phân loại tại nguồn gồm 02 loại CTRCN có khả năng tái chế và CTRCN phải xử lý vào 05 thùng chứa 240 lít.

- Bố trí khu vực lưu chứa 70 m^2 tại tầng 1 Nhà xưởng sản xuất 1 theo đúng Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt.

c. Biện pháp xử lý:

- Đối với CTRCN phải xử lý: Tại thời điểm lập báo cáo Cơ sở đã ký Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải thông thường số: 47/2024/HĐ-VCXLCT/DRET-RMH ngày 12/11/2024 giữa Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên với Công ty Cổ phần Phát triển công nghệ tài nguyên Môi trường được đóng kèm trong phụ lục báo cáo.

- Đối với CTRCN có khả năng tái chế: Tại thời điểm lập báo cáo Cơ sở đã ký Hợp đồng mua bán phế liệu số: 46/2024/HĐMBPL/DRET-RMH ngày 12/11/2024 giữa Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên với Công ty Cổ phần Phát triển công nghệ tài nguyên Môi trường được đóng kèm trong phụ lục báo cáo.

- Định kỳ 01 ngày/01 lần theo giờ thu gom rác, đội vệ sinh của nhà máy sẽ tới thu gom về khu vực tập trung CTRCN của nhà máy.



Hình ảnh thùng chứa CTRCNTT



Hình ảnh khu vực lưu chứa CTRCNTT

Hình 3.10. Hình ảnh lưu giữ CTRCNTT tại cơ sở

Đối với bùn thải từ bể phốt:

- Lượng thải: Với số lượng công nhân viên của Cơ sở là 2.600 người, căn cứ QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, tại mục 2.11.1 quy định về lưu lượng nước thải phát sinh: "*Khối lượng phân bùn phát sinh được xác định dựa trên mức độ hoàn thiện của hệ thống công trình vệ sinh tại chỗ hoặc theo các tiêu chuẩn được lựa chọn áp dụng nhưng phải ≥ 0,04 m^3/người/năm*". Lựa chọn lượng bùn phát sinh là 0,04 m^3/người/năm. Như vậy, tổng khối lượng bùn bể tự hoại phát sinh trong vòng 01 năm là 104 m^3/năm. . Tỷ trọng của bùn thải từ 1,4 - 1,5 tấn/m^3. Vậy khối lượng bùn thải từ bể phốt là: 156 tấn/năm.

- Lưu giữ và xử lý: Lượng bùn cặn phát sinh từ bể tự hoại (bể phốt), bể gom và bể tách dầu mỡ được Cơ sở ký hợp đồng với đơn vị có chức năng bơm hút, vận chuyển và

đưa đi xử lý. Đối với bùn thải, bùn cặn nạo vét tại công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt, Cơ sở sẽ thuê đơn vị chức năng đến nạo vét đồng thời, vận chuyển xử lý theo quy định. Do đó, loại chất thải này không tồn chứa trong kho.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

a. Thành phần và khối lượng:

- *Nguồn phát sinh:* Phát sinh từ hoạt động kiểm tra, bảo dưỡng và thay thế máy móc, thiết bị tại Cơ sở.

- *Khối lượng phát sinh:* Chất thải nguy hại phát sinh thực tế trong năm 2022-2023 tại Cơ sở phát sinh như sau:

Bảng 3.8. Thống kê khối lượng chất thải nguy hại tại Cơ sở

STT	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)		
			Năm 2022	*Năm 2023*	*Ước tính khối lượng lớn nhất*
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	3.328	3.583	4.299,6
2	Chất thải y tế	13 01 01	84	-	100,8
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	1.241	310	1489,2
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	100	-	120
5	Pin, ắc quy thải	16 01 12	2	-	2,4
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	-	20	24
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	-	50	60
	Tổng		**4.755**	**3.963**	**6.096**

Nguồn: Chứng từ chuyển giao CTNH năm 2022-2023 của Cơ sở đính kèm phụ lục báo cáo

b, Phân loại và lưu giữ:

- Chất thải nguy hại phát sinh được phân loại tại nguồn.

- Mỗi mã CTNH được lưu giữ trong 01 thùng riêng biệt có kích thước 120 lít có

dán mã CTNH đó và dấu hiệu cảnh báo.

- Riêng đối với mã CTNH 17 02 03 (Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải) dạng lỏng được bố trí vào thùng phi dung tích 500 lít đặt trên khay chống tràn có kích thước Dài x Rộng x Cao: 1m x 1m x 0,3m có chức năng hứng chất thải trong trường hợp đổ/tràn.

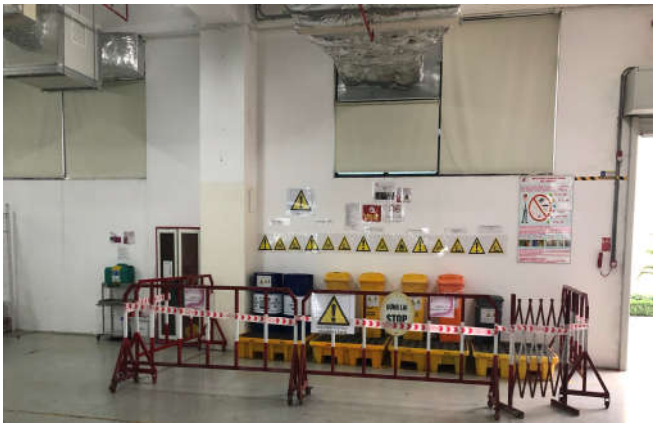
- Toàn bộ các thùng chứa CTNH của Cơ sở được lưu giữ trong khu vực chứa CTNH 30 m^2 đặt tại tầng 1 Nhà xưởng sản xuất 1.

- Khu lưu chứa: Diện tích 30 m^2

- Kết cấu: Khu vực lưu chứa CTNH đặt tại tầng 1 thuộc nhà sản xuất số 1, kín gió và ảnh sáng, ngăn cách với các khu vực khác bằng hàng rào, có biển báo và dấu hiệu cảnh báo và đảm bảo các yêu cầu khác theo Quy định tại Khoản 6, Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2022.



Hình ảnh thùng chứa CTNH



Hình ảnh khu vực lưu chứa CTNH

Hình 3.11. Hình ảnh lưu giữ CTNH tại Cơ sở

c Xử lý chất thải:

Tại thời điểm lập báo cáo Cơ sở đã ký Hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số: 48/2024/HĐ-VCXLCT/DRET-RMH ngày 12/11/2024 giữa Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên với Công ty Cổ phần Phát triển công nghệ tài nguyên Môi trường được đóng kèm trong phụ lục báo cáo.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: Tiếng ồn, độ rung của Cơ sở phát sinh từ hoạt động sản xuất, máy nén khí, máy phát điện dự phòng và hoạt động của phương tiện vận chuyển và phương tiện giao thông (xe máy, ô tô con) ra vào Cơ sở.

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

+ Các phương tiện vận tải được thường xuyên bảo dưỡng và được quy định vận hành đúng tốc độ quy định cho từng khu vực nhằm đảm bảo không gây ồn cho khu vực xung quanh, hạn chế việc sử dụng còi trong khu vực dự án.

+ Máy móc được bảo trì bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo chất lượng khi vận hành, giảm tiếng ồn và giảm rung.

- Nhà máy đã trang bị trang phục bảo hộ lao động cho công nhân sản xuất.

- Bố trí thời gian làm việc cho các cán bộ, công nhân viên hợp lý, mỗi người làm việc 1 ca/ngày để tránh tình trạng bị tác động của tiếng ồn, độ rung kéo dài.

- Nhà máy tường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị máy móc phát sinh tiếng ồn, độ rung theo chế độ bảo dưỡng định kỳ...

- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân viên trực tiếp vận hành máy nén khí, máy phát điện như nút bịt tai chống ồn.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

- Về pháp lý:

+ Cơ sở đã được Cục cảnh sát PCCC và CNCH Bộ Công an Nghiệm thu về PCCC số 1294/NT-PCCC&CNCH-P4 ngày 21/6/2022.

+ Lập Ban phụ trách về PCCC và ứng phó sự cố hoá chất thường trực cho toàn bộ khu vực Cơ sở. Ban phụ trách phải luôn sẵn sàng 24/24 giờ và kịp thời có mặt tại vị trí của mình khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

+ Thường xuyên kiểm tra các biển báo, biển cấm lửa, nội quy PCCC, trang thiết bị PCCC, nguồn nước chữa cháy, đảm bảo hệ thống này trong tình trạng thích hợp và sẵn sàng sử dụng khi có sự cố.

+ Kết hợp với Phòng Cảnh sát PCCC và CHCN tỉnh Hưng Yên tổ chức tập huấn những kiến thức về PCCC, diễn tập các tình huống giả định và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị PCCC tại chỗ.

- *Về công trình, thiết bị PCCC:* Các công trình và thiết bị PCCC chính của Cơ sở bao gồm:

+ Hệ thống báo cháy địa chỉ cho toàn bộ công trình: Gồm 04 tủ trung tâm loại 16 loops (02 tủ đạt tại nhà xưởng sản xuất số 1 và 02 tủ đặt tại nhà xưởng sản xuất số 2); 02 tủ trung tâm loại 8 loops (01 tủ đặt tại Nhà xe và 01 tủ đặt tại Nhà ăn, nhà nghỉ công nhân), 01 tủ trung tâm loại 02 loops đặt tại nhà bảo vệ chính.

+ Hệ thống chữa cháy bằng nước: gồm 02 cụm bơm. Cụm số 1 gồm 02 bơm động cơ điện có cùng thông số 160Kw, H = 100 m.c.n, Q = 389 m^3/h (01 bơm chính và 01 bơm dự phòng), 01 bơm bù áp có thông số 4Kw, H = 110 m.c.n, Q = 8 m^3/h. Cụm số 2 gồm 02 bơm động cơ điện có cùng thông số 45Kw, H = 78 m.c.n, Q = 35 l/s (01 bơm chính và 01 bơm dự phòng), 01 bơm bù áp có thông số 2,2Kw, H = 85 m.c.n, Q = 5 m^3/h.

+ 02 Bể nước PCCC kết cấu BTCT với dung tích chứa nước: 600 m^3 và 1.200 m^3

+ Hệ thống chữa cháy tự động bằng khí HFC-2272ea (FM200): Lắp đặt tại Nhà xưởng sản xuất số 1 và số 2.

+ Ngoài ra còn có các bình chữa cháy cầm tay.

- *Biện pháp ứng phó sự cố cháy nổ:*

+ Khi sự cố cháy nổ xảy ra, bằng nhân lực và các trang thiết bị PCCC tại chỗ, đội PCCC của Cơ sở tự ứng phó theo trách nhiệm đã được phân công và các kỹ năng đã được tập huấn và diễn tập trước đó. Sau khi kết thúc sự cố sẽ họp tổng kết, ghi biên bản cuộc họp về các nội dung: phân tích nguyên nhân, diễn biến quá trình ứng cứu và kết quả ứng cứu từ đó rút kinh nghiệm cho công tác phòng ngừa và ứng cứu lần sau.

+ Trường hợp sự cố cháy nổ vượt quá khả năng ứng phó tại chỗ: sẽ điện thoại cấp báo về tình hình và diễn biến của sự cố đến Phòng Cảnh sát PCCC&TCCN và đồng thời xin sự trợ giúp nhằm chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ kịp thời. Khi đó, các cán bộ, công nhân viên của Cơ sở sẽ tích cực phối hợp và tuân thủ theo mệnh lệnh của Ban chỉ huy PCCC và cứu nạn cứu hộ của Phòng Cảnh sát PCCC&TCCN.

+ Các biện pháp ứng phó được thực hiện khi có sự cố cháy nổ xảy ra theo Phương án PCCC đã được Cảnh sát PCCC &TCCN thẩm định và phê duyệt.

- *Hiệu quả đạt được*: Kể từ khi đi vào hoạt động đến nay, Cơ sở chưa có sự cố liên quan đến cháy nổ xảy ra.

3.6.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải

- Thuê đơn vị có chức năng hút bùn thải tại bể phốt, bể tách mỡ, hố ga thu thoát nước thải định kỳ 01 tháng/lần;

- Thực hiện vớt váng dầu mỡ tại bể tách mỡ hàng ngày, vào mùa đông, tăng tần suất để váng mỡ không bị vón cục, khó xử lý;

3.6.3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó sự cố liên quan đến máy nén khí

- Tuân thủ quy định của pháp luật về sử dụng thiết bị áp lực: bình chứa khí nén;

- Định kỳ kiểm định an toàn với bình khí nén theo quy định tại QCVN 01:2008/BLĐTBXH – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động nồi hơi và bình chịu áp lực.

- Ban hành quy trình vận hành máy khí nén.

- Ban hành quy trình xử lý sự cố máy khí nén với các nội dung chính như sau:

Đối với máy nén không hoạt động:

+ Kiểm tra các cầu dao, công tắc điện có tiếp xúc tốt hay không? Cầu chì có bị đứt không?

+ Kiểm tra các đường dây điện và các mối nối còn tiếp xúc tốt hay không?

+ Kiểm tra các cơ cấu bảo vệ như rơle, công tắc tơ …

Đối với máy nén chạy mãi không ngừng:

+ Kiểm tra áp suất trong bình.

+ Kiểm tra van an toàn xem có hơi xì ra ngoài không.

+ Kiểm tra hệ thống tự động điều khiển máy nén.

+ Kiểm tra máy nén.

Đối với bình bị rò rỉ, xì nước hoặc hơi ở các mối hàn, mối nối:

+ Tắt máy nén.

+ Mở van xả để hạ áp suất trong bình xuống.

+ Kiểm tra xem xét để tìm nguyên nhân xì, rò rỉ và cách khắc phục(nếu được). Không được sửa chữa, thay thế các bộ phận chịu áp lực của bình trong khi bình đang làm việc hoặc còn áp suất.

+ Báo cáo cho cấp trên biết để cấp trên quyết định cho hoạt động tiếp hoặc ngưng máy sửa chữa, thay thế.

3.7. Các nội dung thay đổi so với hồ sơ môi trường

Bảng 3.9. Thống kê các nội dung thay đổi, điều chỉnh so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt

TT	Theo Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt	Thực tế đầu tư	Lý do thay đổi
1	07 bể phốt dung tích 354 m^3	07 bể phốt dung tích 391 m^3	Nâng quy mô công suất của bể phốt nhằm tăng cường công tác BVMT đối với nước thải
2	01 bể tách dầu mỡ 120 m^3	01 bể tách dầu mỡ 100 m^3	Phù hợp với quy mô công suất nhà ăn của cơ sở
3	01 bể gom 33,3 m^3	01 bể gom 100 m^3	Tăng cường khả năng lưu giữ nước thải tại cơ sở

Các nội dung còn lại không thay đổi so với nội dung báo cáo ĐTM đã được Ủy Ban nhân dân tỉnh Hưng Yên phê duyệt tại Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 13/5/2020.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

A. Nội dung cấp phép

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải do nước thải sinh hoạt của Công ty sau xử lý được thu gom về hệ thống dẫn nước thải và thoát vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Dệt may Phố Nối, không xả ra ngoài môi trường.

- Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên đã ký hợp đồng xử lý nước thải số 221/2023/HĐ-XLNT ngày 30/12/2023 với Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng dệt may Phố Nối.

Một số thông tin cơ bản về nguồn phát sinh nước thải như sau:

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh của người lao động làm việc tại nhà máy;

+ Nguồn số 2: Nước thải nhà ăn phát sinh từ hoạt động nấu ăn cho người lao động làm việc tại nhà máy;

+ Nguồn số 3: Nước xả cặn nồi hơi.

- Lưu lượng xả nước thải của dự án:

+ Nguồn số 1: 225 m^3/ngày.đêm

+ Nguồn số 2: 125 m^3/ngày.đêm

+ Nguồn số 3: 0,28 m^3/ngày.đêm

- Tọa độ độ điểm đấu nối nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105045', múi chiếu 30): X(m)= 2303019; Y(m) = 608372

- Chất lượng nước thải trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải phải bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn nội bộ của KCN Dệt may Phố Nối.

- Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức.

- Chế độ xả nước thải: Liên tục *(24/24giờ).*

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 8.000 m^3/ngày.đêm của KCN Dệt may Phố Nối.

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải nhà vệ sinh được thu gom theo đường ống nhựa uPVC D110-D200 đặt ngầm về 07 bể tự hoại 03 ngăn có tổng dung tích 391 m^3 sau đó đấu nối vào bể gom 03 ngăn dung tích 100 m^3 bằng đường ống BTCT D300. Tại ngăn thứ 3 của bể gom đặt bơm chìm bơm nước thải bằng đường ống nhựa HDPE D200 vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của KCN Dệt may Phố Nối.

- Nguồn số 2: Nước thải nhà ăn được thu gom theo đường ống nhựa uPVC D200 đặt ngầm về bể tách dầu mỡ 03 ngăn dung tích 100 m^3 đặt cạnh nhà ăn sau đó đấu nối vào bể gom 03 ngăn dung tích 100 m^3 bằng đường ống BTCT D300. Tại ngăn thứ 3 của bể gom đặt bơm chìm bơm nước thải bằng đường ống nhựa HDPE D200 vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của KCN Dệt may Phố Nối.

- Nguồn số 3: Nước thải xả cặn nồi hơi được đấu nối về bể gom 03 ngăn dung tích 100 m^3 bằng đương ống BTCT D300. Tại ngăn thứ 3 của bể gom đặt bơm chìm bơm nước thải bằng đường ống nhựa HDPE D200 vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải của KCN Dệt may Phố Nối.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1/ Đối với nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải các khu vệ sinh → 07 bể tự hoại (391 m^3) → Bể gom 03 ngăn (100 m^3) → hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp → Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN.

Nước thải tại nhà ăn → 01 bể tách dầu mỡ (100 m^3) → Bể gom 03 ngăn (100 m^3) → hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp → Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN.

- Công suất thiết kế:

+ 07 bể tự hoại 3 ngăn, tổng dung tích 391 m^3.

+ 01 bể tách dầu mỡ 03 ngăn dung tích 100 m^3

+ 01 bể gom 03 ngăn dung tích 100 m^3

- Tọa độ điểm xả nước thải (điển đấu nối nước thải): X (m) = 2314036.436; Y(m) = 559912.554 *(hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^0 45'$,múi chiếu 3^0).*

2/ Nước xả cặn nồi hơi

Nước xả cặn → Bể gom 03 ngăn (100 m^3) → hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp → Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra và hút bùn bể phốt, bể gom và bể tách dầu mỡ.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý (bơm nước thải).

1.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của Dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu của Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối, không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

- Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án.

- Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc đấu nối nước thải về hệ thống thoát nước chung của Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020: Cơ sở không có dòng khí thải phát sinh ra môi trường.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

A. Nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung

1. Nguồn phát sinh

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của hệ thống máy móc, thiết bị của Dự án gồm: khu vực sản xuất

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Nhà xưởng sản xuất số 1;

- Nguồn số 02: Nhà xưởng sản xuất số 2.

*3. **Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung***

Tiếng ồn, độ rung của Cơ sở đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Tiếng ồn:

Bảng 4.1. Giới hạn kiểm soát tiếng ồn

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

Độ rung:

Bảng 4.2. Giới hạn kiểm soát độ rung

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

B. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Trang bị chụp tai, nút tai chống ồn chuyên dụng cho công nhân làm việc tại các vị trí có độ ồn cao.

Lắp đặt các đế cao su vào máy móc, thiết bị phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị đặc biệt các chi tiết chuyển động: ổ bi, trục quay...

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A, Mục 4.3.

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

+ Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định.

+ Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

+ Lắp đặt, bố trí các thiết bị tại vị trí hợp lý tránh ảnh hưởng nhất tới môi trường xung quanh.

+ Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị máy móc nhằm đảm bảo mức ồn được giữ ở mức thiết kế bởi nhà sản xuất.

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn

4.4.1. Đối với chất thải nguy hại:

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sản xuất của Cơ sở

- Chủng loại và khối lượng phát sinh:

Bảng 4.3. Bảng giới hạn kiểm soát chất thải nguy hại

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	Rắn/lỏng	NH	100,8
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	NH	24
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	NH	2,4
4	Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	NH	60
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa đảm bảo rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	Rắn	KS	1.489,2
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	Rắn	KS	120

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	KS	4.299,6
Tổng					**6.096**

- Thiết bị lưu chứa: 07 thúng nhựa dung tích 120 lit đảm bảo đáp ứng quy định tại Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Khu vực lưu chứa: Diện tích 30 m^2 có hàng rào bảo vệ nằm tại tầng 1, nhà xưởng sản xuất số 1. Khu vực lưu chứa có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Phương án xử lý: Thuê đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định của Pháp luật.

4.4.2. Chất thải rắn thông thường:

- Nguồn phát sinh: Phát sinh từ quá trình sản xuất của Nhà máy

- Thành phần: Vải vụn, chỉ vụn, bao bì carton, bùn thải....

- Lượng thải:

+ CTRCNTT có khả năng tái chế: 318,8 tấn/năm.

+ CTRCNTT phải xử lý: 89,2 tấn/năm.

+ Bùn thải từ bể phốt: 156 tấn/năm.

- Lưu giữ: 05 thùng chứa 240 lít.

- Bố trí khu vực lưu chứa 70 m^2 tại tầng 1 Nhà xưởng sản xuất 1.

- Phương án xử lý: Thuê đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định của Pháp luật.

4.4.3. Chất thải rắn sinh hoạt:

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động của cán bộ công nhân viên bao gồm thực phẩm thừa, chai nhựa...

- Khối lượng: 45 tấn/năm.

- Thiết bị chứa đựng: Nhà máy tập kết bề 04 thùng rác 120 lít bố trí tại điểm tập kết của Cơ sở tại cuối khu đất của Cơ sở về phía Nam.

- Phương án xử lý: Phân loại tại nguồn và thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Kết quả quan trắc môi trường nước thải hố ga trước khi xả thải của Cơ sở năm 2023 - 2024 được thể hiện ở như sau:

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần

- Vị trí lấy mẫu: Nước thải trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN dệt may Phố Nối.

- Kết quả quan trắc:

Bảng 5.1. Kết quả phân tích nước thải tại Cơ sở

STT	**Tên thông số**	**Đơn vị**	**Kết quả quan trắc nước thải**				**TC KCN dệt may Phố Nối**
Năm 2023			**05/01/2023**	**07/04/ 2023**	**27/07/2023**	**14/10/2023**	
1	Nhiệt độ	^{0}C	23,2	29,3	29,8	27,8	**40**
2	pH	-	6,85	6,86	7,25	7,21	**5-9**
3	Lưu lượng	m^3/h	1,4	0,5	0,1	0,2	**-**
4	Độ màu	Pt-Co	63,2	53,4	28,6	31,6	**100**
5	TSS	mg/l	120	81,3	67,5	66,0	**300**
6	COD	mg/l	220,8	241,9	147,2	192,0	**400**
7	BOD_5	mg/l	108,7	96,4	90,7	121,2	**200**
8	Clorua	mg/l	94,5	156,0	112,6	86,8	**400**
9	Clo dư	mg/l	<0,3	KPH	KPH	0,71	**0,81**
10	Tổng N	mg/l	50,4	57,2	54,4	38,9	**60**
11	Sunfua	mg/l	0,92	0,28	0,44	0,45	**1**
12	Xyanua	mg/l	<0,002	KPH	KPH	KPH	**0,1**
13	Dầu mỡ khoáng	mg/l	3,2	3,9	3,2	1,4	**4**

STT	Tên thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc nước thải				TC KCN dệt may Phố Nối
14	Coliform	MPN/100ml	4.400	3.500	2.500	2.000	**6.000**
Năm 2024			**05/01/2024**	**27/3/2024**	**02/7/2024**	**02/10/2024**	
15	Nhiệt độ	^{0}C	23,6	25,5	30,5	28,4	**40**
16	pH	-	6,91	6,94	7,15	6,82	**5-9**
17	Lưu lượng	m^3/h	1,5	1,4	8,5	8,2	**-**
18	Độ màu	Pt-Co	97,15	84,51	93,12	90,2	**100**
19	TSS	mg/l	60,2	57,2	89,6	74,7	**300**
20	COD	mg/l	137,6	227,2	233,6	198,4	**400**
21	BOD_5	mg/l	55	90,9	93,4	115,1	**200**
22	Clorua	mg/l	120,54	144,65	142,66	147,48	**400**
23	Clo dư	mg/l	<0,1	<0,1	<0,1	<0,1	**0,81**
24	Tổng N	mg/l	43,2	46,2	52,6	50,8	**60**
25	Sunfua	mg/l	0,02	0,13	0,84	0,9	**1**
26	Xyanua	mg/l	<0,002	<0,002	<0,002	<0,002	**0,1**
27	Dầu mỡ khoáng	mg/l	3,4	3,8	3,8	3,2	**4**
28	Coliform	MPN/100ml	4.700	5.500	5.800	5.800	**6.000**

- Quy chuẩn so sánh:

+ TC KCN Dệt may Phố Nối: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Dệt may Phố Nối.

Kết luận:

Kết quả quan trắc môi trường nước thải định kỳ năm 2023 - 2024 của Cơ sở cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm trong mẫu nước thải tại Cơ sở trước khi đấu nối với hệ

thống xử lý nước thải tập trung của KCN trong các kỳ quan trắc đều thấp hơn Tiêu chuẩn nước thải đầu vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Dệt may Phố Nối.

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi và khí thải

- Vị trí quan trắc:

+ K1: Khu vực dệt;
+ K2: Khu vực cắt;
+ K3: Khu vực may;
+ K4: Khu vực đóng gói sản phẩm.

- Kết quả quan trắc:

Bảng 5.2 . Kết quả quan trắc môi trường không khí khu vực sản xuất tại Cơ sở

STT	Tên thông số	Đơn vị	Kết quả				QCVN 03/2019/BYT
			K1	K2	K3	K4	
	Ngày 05/01/2023						
1	Nhiệt độ	^{0}C	24,2	24,5	24,4	25,1	18-34(1)
2	Độ ẩm	%	70,6	67,4	65,9	69,0	40-80(1)
3	Tốc độ gió	m/s	0,2	0,2	0,3	0,3	0,2-1,5(1)
4	Tiếng ồn	dBA	84,0	79,1	74,7	65,3	85(2)
5	SO_2	mg/m^3	0,069	0,071	0,067	0,073	10
6	NO_2	mg/m^3	0,062	0,060	0,061	0,063	10
7	CO	mg/m^3	3,11	3,17	3,30	3,14	40
8	Bụi bông	mg/m^3	0,164	0,112	0,138	0,093	1,0(3)
9	Ánh sáng	Lux	586	383	778	545	≥300(4)
	Ngày 07/04/2023						
1	Nhiệt độ	^{0}C	25,6	27,1	27,0	25,1	18-34(1)
2	Độ ẩm	%	66,8	68,7	68,2	67,6	40-80(1)
3	Tốc độ gió	m/s	0,25	0,23	0,24	0,23	0,2-1,5(1)
4	Tiếng ồn	dBA	73,3	66,3	71,4	56,5	85(2)
5	NO_2	mg/m^3	<0,19	<0,19	<0,19	<0,19	10

STT	Tên thông số	Đơn vị	Kết quả				QCVN 03/2019/BYT
			K1	K2	K3	K4	
6	SO_2	mg/m^3	<0,26	<0,26	<0,26	<0,26	10
7	CO	mg/m^3	<1,14	<1,14	<1,14	<1,14	40
8	Bụi bông	mg/m^3	<0,12	0,159	0,182	<0,12	1,0(3)
9	Ánh sáng	Lux	520	424	764	1099	≥300(4)
10	**Ngày 27/7/2023**						
11	Nhiệt độ	^0C	26,5	27,3	27,2	27,3	18-34(1)
12	Độ ẩm	%	72,7	70,4	60	58,1	40-80(1)
13	Tốc độ gió	m/s	0,38	0,44	0,37	0,44	0,2-1,5(1)
14	Tiếng ồn	dBA	75,1	70,8	72,2	57,4	85(2)
15	NO_2	mg/m^3	<0,19	<0,19	<0,19	<0,19	10
16	SO_2	mg/m^3	<0,26	<0,26	<0,26	<0,26	10
17	CO	mg/m^3	<1,14	<1,14	<1,14	<1,14	40
18	Bụi bông	mg/m^3	<0,12	<0,12	0,138	<0,12	1,0(3)
19	Ánh sáng	Lux	677	511	797,5	1101	≥300(4)
	14/10/2023						
1	Nhiệt độ	^0C	26,2	26,5	26,2	28,0	18-34(1)
2	Độ ẩm	%	72,6	64,9	64,5	68,0	40-80(1)
3	Tốc độ gió	m/s	0,34	0,38	0,36	0,32	0,2-1,5(1)
4	Tiếng ồn	dBA	75,6	70,8	72,2	63,8	85(2)
5	NO_2	mg/m^3	<0,19	<0,19	<0,19	<0,19	10
6	SO_2	mg/m^3	<0,26	<0,26	<0,26	<0,26	10
7	CO	mg/m^3	<1,14	<1,14	<1,14	<1,14	40
8	Bụi bông	mg/m^3	KPH	<0,12	<0,12	KPH	1,0(3)
9	Ánh sáng	Lux	606	386	865	643	≥300(4)

STT	Tên thông số	Đơn vị	Kết quả				QCVN 03/2019/BYT
			K1	K2	K3	K4	
	05/01/2024						
1	Nhiệt độ	^{0}C	26,1	26	26,9	25,8	18-34(1)
2	Độ ẩm	%	66,3	61,8	64,4	63,1	40-80(1)
3	Tốc độ gió	m/s	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2-1,5(1)
4	Tiếng ồn	dBA	79,7	69,3	68,1	56,5	85(2)
5	NO_2	mg/m^3	0,059	0,063	0,065	0,067	10
6	SO_2	mg/m^3	0,081	0,090	0,077	0,073	10
7	CO	mg/m^3	3,53	3,436	3,353	3,588	40
8	Bụi bông	mg/m^3	<0,045	<0,045	<0,045	<0,045	1,0(3)
9	Ánh sáng	Lux	485	622	731	602	≥300(4)
	27/3/2024						
1	Nhiệt độ	^{0}C	28,1	28,1	27,4	27,2	18-34(1)
2	Độ ẩm	%	69,2	70,3	65	71,1	40-80(1)
3	Tốc độ gió	m/s	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2-1,5(1)
4	Tiếng ồn	dBA	76,1	70,1	72,1	60,4	85(2)
5	NO_2	mg/m^3	0,095	0,102	0,106	0,097	5
6	SO_2	mg/m^3	0,106	0,105	0,121	0,118	5
7	CO	mg/m^3	3,54	4	4,12	3,9	20
8	Bụi bông	mg/m^3	0,085	0,091	0,08	0,08	1,0(3)
9	Ánh sáng	Lux	985	574	1177	1053	≥300(4)
	02/7/2024						
1	Nhiệt độ	^{0}C	27,2	29	28,7	28,6	18-34(1)
2	Độ ẩm	%	59,1	55,9	48,3	57,5	40-80(1)
3	Tốc độ gió	m/s	0,2	0,3	0,2	0,4	0,2-1,5(1)

STT	Tên thông số	Đơn vị	Kết quả				QCVN 03/2019/BYT
			K1	K2	K3	K4	
4	Tiếng ồn	dBA	84,9	77,3	74,6	68,6	85(2)
5	NO_2	mg/m^3	0,091	0,096	0,092	0,091	5
6	SO_2	mg/m^3	0,119	0,114	0,111	0,106	5
7	CO	mg/m^3	3,93	3,9	3,82	4,1	20
8	Bụi bông	mg/m^3	0,062	0,065	0,064	0,066	1,0(3)
9	Ánh sáng	Lux	473	522	793	937	≥300(4)
	02/10/2024						
10	Nhiệt độ	^0C	26,1	28,2	27,6	26,4	18-34(1)
11	Độ ẩm	%	59,6	57,1	60,5	58,6	40-80(1)
12	Tốc độ gió	m/s	0,2	0,2	0,2	0,2	0,2-1,5(1)
13	Tiếng ồn	dBA	80,7	70,6	67,8	64,7	85(2)
14	NO_2	mg/m^3	0,1	0,099	0,096	0,098	5
15	SO_2	mg/m^3	0,112	0,109	0,103	0,108	5
16	CO	mg/m^3	3,89	3,98	3,92	3,97	20
17	Bụi bông	mg/m^3	0,068	0,074	0,082	0,069	1,0(3)
18	Ánh sáng	Lux	850	504	635	556	≥300(4)

- Quy chuẩn so sánh:

- Quy chuẩn so sánh:

+ (1)QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

+ (2)QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

+ (3)QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ca làm việc);

+ [4]QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chiếu sáng - Mức cho phép chiếu sáng tại nơi làm việc;

+ [5]QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- (-): Không quy định.

<u>Nhận xét:</u> Kết quả quan trắc môi trường không khí khu vực làm việc định kỳ năm 2023 và 2024 của Cơ sở cho thấy:

- Nồng độ bụi tại khu vực sản xuất của Nhà máy đều nhỏ hơn giới hạn cho phép theo QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ca làm việc).

- Nồng độ ô nhiễm không khí tại khu vực sản xuất của Công ty đều nhỏ hơn giới hạn cho phép theo QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ca làm việc).

- Tiếng ồn tại khu vực sản xuất của công ty đều nhỏ hơn giới hạn cho phép QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Cơ sở

Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường vì không phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

- Đối với nước thải: Căn cứ Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: Hoạt động của Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc môi trường nước thải do nước thải của Cơ sở đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Dệt may Phố Nối.

- Đối với chất thải:

+ *Chất thải rắn thông thường*: theo dõi, giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường vào nơi chứa; lưu giữ hợp đồng hoặc chứng từ hoặc giấy tờ có liên quan đến việc chuyển giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

+ *Chất thải nguy hại:* Chất thải nguy hại được phân định, phân loại trước khi đưa vào khu vực lưu trữ chất thải nguy hại; Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại; Lưu giữ hợp đồng, liên chứng từ CTNH và quản lý CTNH theo quy định hiện hành.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Kinh phí quan trắc môi trường định kỳ hàng năm của Cơ sở dự kiến: 15 triệu đồng/năm. Khi lấy mẫu đột xuất.

CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong các năm 2023, 2024, Cơ sở không có các đợt thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền kiểm tra công tác chấp hành pháp luật về BVMT tại Cơ sở.

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên cam kết:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường, nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Thực hiện thu gom, lưu chứa và chuyển giao chất thải định kỳ cho các đơn vị có chức năng và năng lực theo đúng quy định.

- Thực hiện lập và gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm theo quy định cho cơ quan quản lý; công khai thông tin giấy phép môi trường đã được cấp để các tổ chức, cá nhân liên quan tham gia trong việc theo dõi, giám sát công tác bảo vệ môi trường của cơ sở.

- Cam kết triển khai các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải và hoàn toàn chịu trách nhiệm đền bù, khắc phục thiệt hại do sự cố gây ra.

- Cam kết chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành cơ sở.

- Cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra.

- Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm các tác động do cơ sở gây ra đối với môi trường không khí, tiếng ồn.

- Cam kết giảm thiểu tác động đến môi trường xã hội, an ninh trật tự và giao thông.

- Cam kết không sử dụng hóa chất, nguyên liệu bị cấm theo quy định của Pháp luật Việt Nam

Chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu để xảy ra sự cố ô nhiễm môi trường nghiêm trọng./.

PHỤ LỤC

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 0901038658

Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 07 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 04 tháng 06 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HUNG YEN COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HY

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô đất số L6, Khu công nghiệp dệt may Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: *02213900660* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ : 2.385.359.721.101 đồng.

Bằng chữ: Hai nghìn ba trăm tám mươi lăm tỷ ba trăm năm mươi chín triệu bảy trăm hai mươi mốt nghìn một trăm lẻ một đồng

Tương đương 102.985.242,54 Đô la Mỹ

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: REGINA MIRACLE INTERNATIONAL (VIETNAM) LIMITED

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: *1034164*

Ngày cấp: *28/03/2006* Nơi cấp: *Hồng Kông - Trung Quốc*

Địa chỉ trụ sở chính: *Units 1003-1010 10/F Tower A Regent center, 63 Wo Yi Hop RD, Kwai Chung, New Territories, Hồng Kông, Trung Quốc*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: YIU KA SO Giới tính: *Nam*

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: *25/10/1973* Dân tộc: *Quốc tịch: Trung Quốc*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *HJ2366078*

Ngày cấp: *22/11/2023* Nơi cấp: *Sở di trú- Đặc khu hành chính Hồng Kông*

Địa chỉ thường trú: *Units 1003-1010 10/F, Tower A Regent Center, 63 Wo Yi Hop Road, Kwai Chung, New Territories, Hồng Kông, Trung Quốc*

Địa chỉ liên lạc: *Số 9, đường Đông Tây, Khu đô thị CN&DV VSIP Hải Phòng, Xã Dương Quan, Huyện Thuỷ Nguyên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Doãn Thị Tâm

UBND TỈNH HƯNG YÊN
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 8783810537

Chứng nhận lần đầu: Ngày 10 tháng 7 năm 2018

*Chứng nhận thay đổi lần thứ 5: Ngày **04** tháng **6** năm **2024***

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; và Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8783810537 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên chứng nhận lần đầu ngày 10/7/2018, điều chỉnh lần thứ 4 ngày 22/8/2023;

Căn cứ Quyết định số 183/2003/QĐ-TTg ngày 08/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên nộp ngày 31/5/2024,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH HƯNG YÊN

Chứng nhận:

Dự án đầu tư DỰ ÁN REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8783810537 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên chứng nhận lần đầu ngày 10/7/2018, điều chỉnh lần thứ 4 ngày 22/8/2023; được đăng ký điều chỉnh mục tiêu, quy mô, tiến độ góp vốn và tiến độ thực hiện dự án đầu tư.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

- Tên nhà đầu tư: REGINA MIRACLE INTERNATIONAL (VIETNAM) LIMITED; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1034164 cấp ngày 28/3/2006 tại Hồng Kông;

- Địa chỉ trụ sở chính: Units 1003-1010 10/F, Tower A Regent Center, 63 Wo Yi Hop Road, Kwai Chung, New Territories, Hồng Kông;

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Hung Yau Lit; sinh ngày 20/8/1962; Quốc tịch: Trung Quốc; Hộ chiếu số KJ0754770 cấp ngày 05/01/2019 tại Hồng Kông; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: House 20, Mount Beacon, 20 Cornwall Street, Kowloon Tong, Hồng Kông; chức danh: Chủ tịch.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0901038658 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 18/7/2018, thay đổi lần thứ 5 ngày 05/02/2024.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN.

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC
1	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) Chi tiết: Sản xuất gia công hàng may mặc, quần áo, trang phục các loại; Sản xuất khẩu trang vải các loại và quần áo bảo hộ; Sản xuất phụ kiện, trang phục các loại: đai lưng, nịt bụng, băng đô, dây đeo vai, mũ, miếng lót, quần nguyệt san, tất, giày dép từ nguyên liệu dệt không đế, mũ giày,...	1410
2	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc Chi tiết: Sản xuất gia công thành phẩm và bán thành phẩm hàng dệt may	1430
3	Hoàn thiện sản phẩm dệt Chi tiết: Giặt và nhuộm các sản phẩm do công ty sản xuất gia công	1313
4	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục) Chi tiết: Sản xuất thảm tập yoga, túi các loại,...	1392
5	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự Chi tiết: Sản xuất hộp và túi đựng đồ chơi, ốp máy tính và laptop, bọc bàn phím, miếng kê tay, túi đựng máy tính, mặt nạ đỡ kính thực tế ảo, dây đeo kính thực tế ảo,...	1512

Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên được áp dụng quy định doanh nghiệp chế xuất.

3. Quy mô dự án:

3.1. Công suất thiết kế:

STT	Sản phẩm đầu ra	Đơn vị	Công suất
1	Sản phẩm hàng may mặc, quần áo, trang phục các loại	Chiếc/năm	33.000.000
2	Khẩu trang vải các loại	Chiếc/năm	1.000.000
3	Quần áo bảo hộ	Chiếc/năm	1.000.000
4	Phụ kiện, trang phục các loại: đai lưng, nịt bụng, băng đô, dây đeo vai, mũ, miếng lót, quần nguyệt san,...	Chiếc/năm	3.000.000
5	Tất, giày dép từ nguyên liệu dệt không đế, mũ giày	Đôi/năm	1.000.000
6	Sản xuất và gia công dệt nhuộm các thành phẩm và bán thành phẩm hàng may mặc, trang phục, phụ kiện các loại.	Chiếc/năm	50.000.000
7	Sản phẩm hàng dệt sẵn: Thảm tập yoga, túi các loại,...	Chiếc/năm	2.500.000
8	Hộp và túi đựng đồ chơi, ốp máy tính và laptop, bọc bàn phím, miếng kê tay, túi đựng máy tính, mặt nạ đỡ kính thực tế ảo, dây đeo kính thực tế ảo,...	Chiếc/năm	3.000.000

3.2. Quy mô kiến trúc xây dựng dự kiến: Nhà xưởng sản xuất 5 tầng (16.800 m^2) và một số công trình phụ trợ khác.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

5. Diện tích đất sử dụng: 64.770 m^2.

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 3.064.750.000.000 đồng, tương đương 130.000.000 đô la Mỹ. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là 3.064.750.000.000 đồng, tương đương 130.000.000 đô la Mỹ, chiếm 100% tổng vốn đầu tư. Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
1	Regina Miracle International (Vietnam) Limited	1.766.472.105.567	76.174.423,18	58,6	Tiền mặt	Đã góp
2		618.887.615.534	26.810.819,36	20,62	Máy móc thiết bị	Đã góp
3		591.027.894.433	23.825.576,82	18,33	Tiền mặt	Đến tháng 12/2025
4		88.362.384.466	3.189.180,64	2,45	Máy móc thiết bị	Đến tháng 12/2025

7. Thời hạn hoạt động của dự án: Đến ngày 06/10/2053.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Thực hiện các thủ tục hành chính và xây dựng văn phòng và nhà xưởng chính tại Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B trong năm 2021. Hoàn thành xây dựng toàn bộ các công trình thuộc dự án trong năm 2025;

- Di chuyển toàn bộ hoạt động sản xuất từ nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam sang nhà máy chính tại Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B và đưa dự án vào hoạt động sản xuất trong tháng 4/2021;

- Lắp đặt máy móc, thiết bị và sản xuất thử tại Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B: từ tháng 02/2021 đến tháng 03/2021, đưa một phần dự án đi vào hoạt động từ tháng 4/2021;

- Lắp đặt máy móc thiết bị và đưa toàn bộ dự án đi vào sản xuất trước tháng 12/2025.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư :

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: Doanh nghiệp được áp dụng ưu đãi đầu tư đối với dự án theo quy định của pháp luật.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

- Hình thức ưu đãi: Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư;

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi: Khoản 11 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016; Điều 14 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số

điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư năm 2014 và Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi: Dự án đầu tư mới trong khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Cập nhật đầy đủ, kịp thời và chính xác các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định. Thực hiện chế độ giám sát, đánh giá đầu tư định kỳ; báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư tại Việt Nam.

2. Triển khai thực hiện dự án theo quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các quy định của pháp luật Việt Nam. Thực hiện đầy đủ các nội dung, theo đúng tiến độ đầu tư đã đăng ký và cam kết; đảm bảo đủ nguồn vốn để thực hiện dự án đầu tư theo đăng ký.

3. Đảm bảo các điều kiện kiểm tra, giám sát của cơ quan Hải quan đối với doanh nghiệp chế xuất theo quy định của pháp luật.

4. Tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ các quy định, thủ tục về bảo vệ môi trường khi điều chỉnh bổ sung mục tiêu, tăng quy mô công suất của dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chỉ được đưa công đoạn giặt và nhuộm các sản phẩm do công ty sản xuất đi vào hoạt động sau khi Nhà máy xử lý nước thải giai đoạn 2 của KCN Dệt may Phố Nối đi vào hoạt động. Việc đấu nối, xử lý nước thải phải đảm bảo phù hợp với khả năng tiếp nhận, xử lý nước thải của Nhà máy xử lý nước thải của KCN Dệt may Phố Nối.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8783810537 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên chứng nhận lần đầu ngày 10/7/2018, điều chỉnh lần thứ 4 ngày 22/8/2023.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (*hai*) bản gốc; 01 (*một*) bản cấp cho Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên và 01 (*một*) bản lưu tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:
- Như điều 5;
- UBND tỉnh Hưng Yên;
- Lãnh đạo Ban;
- Các sở, ngành: KH&ĐT, TN&MT, CT, KHCN, Công an tỉnh, Cục thống kê tỉnh, Cục thuế tỉnh, Chi cục Hải quan Hưng Yên;
- UBND thị xã Mỹ Hào;
- Công ty CP PTHT dệt may Phố Nối;
- Các phòng: VP, DN, QHXD, TNMT;
- Lưu VT, ĐT$_{tuan}$.

TRƯỞNG BAN

Vũ Quốc Nghị

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

121212201120 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0901038658 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên đăng ký lần đầu ngày 18/07/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 13/10/2022.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô đất số L6, Khu công nghiệp dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

DI 871491

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 319 Tờ bản đồ số: 06;

b) Địa chỉ: Phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào tỉnh Hưng Yên,

c) Diện tích: 64770 m^2, (bằng chữ: Sáu mươi bốn nghìn bảy trăm bảy mươi mét vuông),

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng,

đ) Mục đích sử dụng: Đất Khu công nghiệp,

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 06/10/2053,

g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền hàng năm của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp,

2. Nhà ở: -/- .

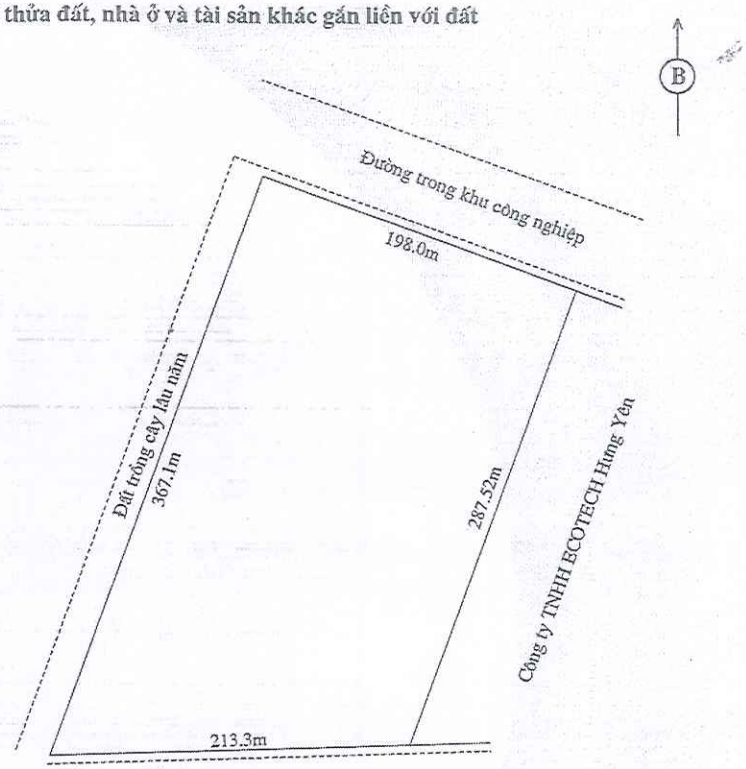
3. Công trình xây dựng khác: -/- .

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/- .

5. Cây lâu năm: -/- .

6. Ghi chú: Không.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Hưng Yên, ngày 05 tháng 12 năm 2022

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HƯNG YÊN

Nguyễn Văn Phú

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số vào sổ cấp GCN: CT.....

UBND TỈNH HƯNG YÊN
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 27 tháng 5 năm 2021

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: 30/GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô L6, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án Regina Miracle International Hưng Yên thuộc Lô L6, có tổng diện tích 64.770 m^2, trong Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối, gồm các nội dung sau:

2.1. Nhà xưởng 1 (ký hiệu số 4):
- Diện tích xây dựng: 7.200m^2;
- Tổng diện tích sàn: 36.800m^2;
- Chiều cao công trình: 29,8m;
- Số tầng: 05 tầng và tum thang.

2.2. Nhà xưởng 2 (ký hiệu số 1):
- Diện tích xây dựng: 9.600m^2 ;
- Tổng diện tích sàn: 49.000m^2;
- Chiều cao công trình: 30,8m;
- Số tầng: 05 tầng và tum thang.

2.3. Nhà ăn, nhà nghỉ ca (ký hiệu số 5):
- Diện tích xây dựng: 2.549m^2;
- Tổng diện tích sàn: 12.968m^2;
- Chiều cao công trình: 28,3m;
- Số tầng: 05 tầng và tum thang.

2.4. Nhà xe + Phòng bơm (ký hiệu số 6):
- Diện tích xây dựng: 2.268m^2 ;
- Tổng diện tích sàn: 9.072m^2;
- Chiều cao công trình: 17m;
- Số tầng: 04 tầng.

2.5. Hành lang nối, cầu nối (ký hiệu số 9&10):

2.5.1. Cầu nối (ký hiệu số 9): Nối xưởng 1 với xưởng 2.
- Diện tích xây dựng: 200m^2;
- Tổng diện tích sàn: 800m^2;
- Chiều cao công trình: 25,6m;
- Số tầng: 04 tầng (không bao gồm tầng 1 phục vụ giao thông).

2.5.2. Hành lang nối (ký hiệu số 10).

- Diện tích xây dựng: 1.213m^2;
- Tổng diện tích sàn: 3.348m^2;
- Chiều cao công trình: 25,15m;
- Số tầng: 03 tầng (không bao gồm tầng 1 phục vụ giao thông).

2.6. Nhà kho Carton (ký hiệu số 8):

- Diện tích xây dựng: 540m^2;
- Chiều cao công trình: 5,05m;
- Số tầng: 01 tầng.

2.7. Nhà bảo vệ + Lán để xe ô tô (ký hiệu số 11):

- Diện tích xây dựng: 360m^2;
- Chiều cao công trình: 6m;
- Số tầng: 01 tầng.

2.8. Nhà bảo vệ + Nhà tiếp khách (ký hiệu số 11A):

- Diện tích xây dựng: 132m^2;
- Chiều cao công trình: 6m;
- Số tầng: 01 tầng.

2.9. Trạm cân: Diện tích xây dựng 168m^2; Chiều dài 24m, chiều rộng 7m, chiều sâu 0,45m.

2.10. Bể nước ngầm:

- Vị trí: Phía dưới nền Nhà xe + Phòng bơm (ký hiệu số 6);
- Quy mô: Chiều dài 42m, chiều rộng 36m, chiều sâu 3m.

* Mật độ xây dựng trên toàn lô đất đạt: 38,23%.

* Cốt nền xây dựng công trình tối thiểu: + 3.85m (cao độ san nền đảm bảo thoát nước mưa tại vị trí khu đất theo Quy hoạch chi tiết xây dựng KCN Dệt may Phố Nối - giai đoạn II đã được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt).

(Ký hiệu, vị trí, định vị các hạng mục công trình được thể hiện tại bản vẽ quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 được UBND tỉnh phê duyệt kèm theo Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 21/10/2020 của UBND tỉnh Hưng Yên).

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Hợp đồng thuê lại đất số 78/HĐ-TLĐ ngày 28/9/2018 và số 34/HĐTLĐ ngày 27/3/2019 giữa Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên với Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng dệt may Phố Nối.

4. Đơn vị tư vấn thiết kế:

- Đơn vị thiết kế kiến trúc: Công ty Cổ phần Thiết kế và Xây dựng Kiến Lam; Địa chỉ: 1017/6/32 Lạc Long Quân, Phường 11, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Đơn vị thiết kế kết cấu: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Quốc tế; Địa chỉ: Tầng 17 Tòa nhà Pearl Plaza, Số 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

5. Đơn vị thẩm định thiết kế cơ sở: Cục Quản lý hoạt động xây dựng – Bộ Xây dựng.

6. Đơn vị thẩm tra thiết kế: Viện Chuyên ngành kết cấu công trình xây dựng.

Địa chỉ: 81 Trần Cung, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; 04.62670817.

7. Ghi nhận công trình đã khởi công: Nhà xưởng 1 (ký hiệu số 4); Nhà xưởng 2 (ký hiệu số 1), Nhà ăn, nhà nghỉ ca (ký hiệu số 5), Nhà xe + Phòng bơm (ký hiệu số 6), Hành lang nối, cầu nối (ký hiệu số 9&10), Nhà kho Carton (ký hiệu số 8), Nhà bảo vệ + Lán để xe ô tô (ký hiệu số 11), Nhà bảo vệ + Nhà tiếp khách (ký hiệu số 11A), Trạm cân, Bể nước ngầm.

8. Trong quá trình triển khai xây dựng công trình, Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau:

- Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề;

- Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và nội dung Giấy phép xây dựng này; Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật;

- Quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình theo quy định tại Thông tư số 04/2017/TT-BXD ngày 30/3/2017 của Bộ Xây dựng;

- Tuân thủ quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng công trình theo quy định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. Trước ngày dự kiến tổ chức nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng, Chủ đầu tư phải gửi báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình theo Mẫu số Phụ lục VIa, Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 tới Cục quản lý hoạt động xây dựng – Bộ Xây dựng để được tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định.

- Khi có điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung: Vị trí, diện tích xây dựng; quy mô, chiều cao công trình và các yếu tố khác ảnh hưởng đến kết cấu chịu lực chính, làm thay đổi công năng sử dụng làm ảnh hưởng đến an toàn, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng trước khi thực hiện điều chỉnh./.

Nơi nhận:
- Cty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên;
- Cty CP Phát triển hạ tầng DM Phố Nối (để p/h giám sát);
- Lưu: VT, QHXD.Cg[04].

KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Vũ Quang Thắng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1179 /QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 13 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Regina Miracle International Hưng Yên của Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 28/2017/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định bảo vệ môi trường Hưng Yên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 185/BC-STNMT ngày 08/5/2020 và hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án của Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Regina Miracle International Hưng Yên của Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên tại Khu công nghiệp dệt may Phố Nối B, thị xã Mỹ Hào với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật; thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công an tỉnh;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh;
- UBND thị xã Mỹ Hào;
- Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT; CV: TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Thế Cử

Ủy ban nhân dân Tỉnh Hưng Yên
Giờ ký: 13/05/2020 15:20:01

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án Regina Miracle International Hưng Yên

(Kèm theo Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 13 /5 /2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

---

1. Thông tin về dự án

- Tên dự án: Dự án Regina Miracle International Hưng Yên

- Địa điểm thực hiện:

+ Tại khu đất có diện tích 64.770 m^2 thuộc Lô L6, KCN dệt may Phố Nối B, thị xã Mỹ Hào.

+ Trong thời gian xây dựng nhà máy chính, chủ đầu tư thuê 03 nhà kho của Công ty TNHH Dệt may Lee Hing Việt Nam (Lô đất số L4, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B) để lắp đặt thiết bị sản xuất hàng may mặc với quy mô công suất 5 triệu sản phẩm/năm. Tổng diện tích sử dụng đất là 6.524 m^2, bao gồm toàn bộ nhà kho G, nhà kho H và một phần nhà kho F được xây dựng theo Giấy phép xây dựng số 43/GPXD do Ban Quản lý các KCN tỉnh cấp ngày 28/8/2017.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên.

1.1. Phạm vi, quy mô Dự án:

- Công suất thiết kế: Sản xuất và gia công hàng may mặc: 15 triệu sản phẩm/năm; dệt quần, áo, trang phục: 20 triệu sản phẩm/năm.

- Quy mô các hạng mục công trình:

+ Đối với giai đoạn thuê nhà xưởng: Nhà xưởng H có diện tích 924 m^2 bố trí làm xưởng may, kho trung chuyển; nhà xưởng G có diện tích 3.080 m^2 bố trí làm xưởng dệt; nhà xưởng F có diện tích 2.520 m^2 bố trí làm xưởng dệt; các công trình phụ trợ khác sử dụng chung với Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam.

+ Đối với giai đoạn hoạt động tại Lô L6: Các công trình chính: nhà xưởng 1 (5 tầng): 9.600 m^2, nhà xưởng 1 (5 tầng): 7.200 m^2; các công trình phụ trợ như: Nhà kho carton, căng tin nhà nghỉ giữa ca, nhà bảo vệ, nhà để xe, phòng bơm, bể nước ngầm, trạm cân, đường giao thông nội bộ, sân bãi; công trình bảo vệ môi trường: Khu lưu giữ chất thải, hệ thống bể tự hoại xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước mưa và nước thải.

1.2. Công nghệ sản xuất của Dự án:

- Giai đoạn thuê nhà xưởng:

+ Quy trình cắt may sản phẩm: Vải nguyên liệu → kiểm tra → xử lý độ co của vải → cắt vải → may thành phẩm → KCS → là hoàn thiện → đóng gói, nhập kho.

+ Quy trình dệt bán thành phẩm: Sợi nguyên liệu → kiểm tra → sấy → dệt → may chặn viền, định hình, cắt sợi thừa → kiểm tra → đóng gói, xuất hàng.

- Giai đoạn hoạt động tại Lô L6:

+ Quy trình sản xuất và gia công hàng may mặc: Vải nguyên liệu → kiểm tra → xử lý độ co của vải → cắt vải → lồng quả áo hoặc không → may → gia công, hoàn thiện sản phẩm → KCS → là hoàn thiện → gắn nhãn, mác → đóng gói, nhập kho.

+ Quy trình dệt quần áo, trang phục: Sợi nguyên liệu → kiểm tra → sấy → dệt → may chặn viền, định hình; cắt sợi thừa → thùa khuy, đính cúc, may trang trí, dưỡng cạp hoặc không → KCS → gắn tem, nhãn, mác → đóng gói, xuất hàng.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động chính của dự án:

- Nguồn gây ô nhiễm môi trường nước: Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động của công nhân viên tại dự án; nước xả cặn nồi hơi điện; nước mưa chảy tràn.

- Nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí: Bụi phát sinh từ công đoạn cắt, may, dệt sản phẩm; bụi, khí thải phát sinh do hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, máy phát điện dự phòng.

- Ô nhiễm môi trường do chất thải rắn: Chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Giai đoạn thuê nhà xưởng: Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động của công nhân viên tại dự án phát sinh khoảng 28 m^3/ngày đêm, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất hữu cơ, dầu mỡ. Nước xả cặn nồi hơi điện với lượng khoảng 0,5 m^3/3 tháng.

- Giai đoạn hoạt động tại Lô L6:

+ Nước thải sinh hoạt từ các hoạt động của công nhân viên tại dự án phát sinh khoảng 280 m^3/ngày đêm, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất hữu cơ, dầu mỡ.

+ Nước xả cặn nồi hơi điện với lượng khoảng 0,5 m^3/3 tháng.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Giai đoạn thuê nhà xưởng:

+ Bụi phát sinh từ công đoạn cắt vải với tải lượng khoảng 83,3 mg/m^3.

+ Bụi, khí thải phát sinh do hoạt động giao thông, vận chuyển chủ yếu là các khí CO, NO_x. Tải lượng phát thải các khí này biến đổi theo không gian và thời gian.

- Giai đoạn hoạt động tại Lô L6:

+ Bụi phát sinh từ công đoạn cắt vải với tải lượng khoảng 1.253 mg/m^3.

+ Bụi, khí thải phát sinh do hoạt động giao thông, vận chuyển, máy phát điện dự phòng chủ yếu là các khí CO, NO_x. Tải lượng phát thải các khí này biến đổi theo không gian và thời gian.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Giai đoạn thuê nhà xưởng:

+ Chất thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của 500 người khoảng 150 kg/ngày. Rác thải này bao gồm chủ yếu bao gồm chất hữu cơ: thức ăn thừa, bao gói thức ăn…

+ Chất thải sản xuất thông thường gồm: Giấy, bao, thùng carton phát sinh từ hoạt động văn phòng; bao gói nguyên liệu, sản phẩm; sợi vụn, chỉ vụn, vải vụn; bụi thu gom từ thiết bị thu gom, xử lý bụi; sản phẩm lỗi; phụ liệu hỏng (cúc, khóa, chun, quai áo, nhãn mác); lõi chỉ, lõi cuộn sợi; giấy, bìa cắt mẫu; màng lọc bụi thải với tổng khối lượng khoảng 250 kg/tháng.

- Giai đoạn hoạt động tại Lô L6:

+ Chất thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của 5.000 người khoảng 2.500 kg/ngày. Rác thải này bao gồm chủ yếu bao gồm chất hữu cơ: thức ăn thừa, bao gói thức ăn…

+ Chất thải sản xuất thông thường gồm: Giấy, bao, thùng carton phát sinh từ hoạt động văn phòng; bao gói nguyên liệu, sản phẩm; sợi vụn, chỉ vụn, vải vụn; bụi thu gom từ thiết bị thu gom, xử lý bụi; sản phẩm lỗi; phụ liệu hỏng (cúc, khóa, chun, quai áo, nhãn mác); lõi chỉ, lõi cuộn sợi; giấy, bìa cắt mẫu; màng lọc bụi thải với tổng khối lượng khoảng hơn 1.000 kg/tháng.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Giai đoạn thuê nhà xưởng: Gồm các loại chất thải: Bóng đèn huỳnh quang thải; giẻ lau dính dầu; dầu mỡ thải; thùng đựng dầu mỡ, mực in; ắc quy thải với tổng khối lượng khoảng 33,5 kg/tháng.

- Giai đoạn hoạt động tại Lô L6: Gồm các loại chất thải: Bóng đèn huỳnh quang thải; giẻ lau dính dầu; dầu mỡ thải; thùng đựng dầu mỡ, mực in; ắc quy thải với tổng khối lượng khoảng 134 kg/tháng.

3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Giai đoạn thuê nhà xưởng: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại và thu gom, đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

- Giai đoạn hoạt động tại Lô L6:

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua 07 bể tự hoại với tổng thể tích 354 m^3; nước thải nhà bếp được xử lý qua bể tách dầu mỡ với thể tích 120 m^3 được thu gom về hố thu gom có thể tích 33,3 m^3 và đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN dệt may Phố Nối.

+ Nước xả cặn của nồi hơi điện được thu gom về hố thu gom có thể tích 33,3 m^3 và đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN dệt may Phố Nối.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Giai đoạn thuê nhà xưởng:

Đầu tư 01 máy cắt vải có kèm thiết bị thu hồi bụi, quy trình: Bụi tại máy cắt tự động → quạt hút → khay chứa bụi → bầu khí có gắn màng lọc → Không khí sạch thoát ra môi trường nhà xưởng.

- Giai đoạn hoạt động tại Lô L6:

+ Đầu tư 05 máy cắt vải có kèm thiết bị thu hồi bụi, quy trình: Bụi tại máy cắt tự động → quạt hút → khay chứa bụi → bầu khí có gắn màng lọc → Không khí sạch thoát ra môi trường nhà xưởng.

+ Ngoài ra, tại các nhà xưởng của dự án còn trang bị hệ thống điều hòa làm mát nhà xưởng, quạt công nghiệp, quạt thông gió đảm bảo điều kiện làm việc cho công nhân.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Giai đoạn thuê nhà xưởng: Chất thải sinh hoạt, chất thải sản xuất thông thường: được thu gom, lưu giữ về khu lưu giữ chất thải của Công ty TNHH dệt may Lee Hing Việt Nam có diện tích 20 m^2 được chia làm 02 ngăn để lưu giữ chất thải

thông thường và chất thải nguy hại; hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

- *Giai đoạn hoạt động tại Lô L6:* Chất thải sinh hoạt, chất thải sản xuất thông thường: được thu gom, lưu giữ tại khu vực bên trong nhà xưởng (tại tầng 1) có diện tích 100 m^2 được chia thành 02 ngăn, trong đó 01 ngăn có diện tích 70 m^2 để lưu giữ chất thải sinh hoạt và chất thải sản xuất thông thường, hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- *Giai đoạn thuê nhà xưởng:* Chất thải nguy hại được thu gom, lưu giữ tạm thời về khu chứa chất thải nguy hại có diện tích 10 m^2 và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

- *Giai đoạn hoạt động tại Lô L6:* Chất thải nguy hại được thu gom về khu vực bên trong nhà xưởng (tại tầng 1) có diện tích 100 m^2, trong đó ngăn chứa chất thải nguy hại có diện tích 30 m^2 có rãnh và hố thu chất thải lỏng, hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Lắp đặt các chi tiết giảm ồn và rung, ống giảm thanh và gioăng cao su , lò xo giảm chấn; cân bằng động các cơ cấu quay, thiết kế các bộ phận giảm âm.

- Trang bị thiết bị và dụng cụ chống ồn cá nhân cho người lao động làm việc tại các bộ phận phát sinh ra tiếng ồn cao.

- Mạng lưới thu gom nước mưa chảy tràn: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải; nước mưa chảy tràn phải được thu gom, lắng cặn qua hố ga trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn của KCN. Nạo vét định kỳ hố ga thu nước mưa và rãnh thoát nước.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Thiết kế, lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy và trang bị phương tiện chữa cháy đầy đủ theo quy định.

- Bố trí trồng cây xanh trong khuôn viên dự án với diện tích khoảng 21.933 m^2.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

- Công trình xử lý nước thải: Gồm 07 bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt; 01 bể tách dầu mỡ nước thải nhà bếp trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý tập trung của KCN Dệt may Phố Nối.

- Công trình lưu giữ, xử lý chất thải thông thường, nguy hại: bố trí khu vực có mái che lưu giữ chất thải rắn thông thường và chất thải sinh hoạt với diện tích 100m^2 được chia làm 02 ngăn; trong đó, ngăn chứa chất thải nguy hại có diện tích 30 m^2 với rãnh, hố thu chất thải lỏng và gắn biển cảnh báo theo quy định, ngăn chứa chất thải sinh hoạt và chất thải sản xuất thông thường có diện tích 70 m^2.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giai đoạn thuê nhà xưởng

** Giám sát môi trường không khí khu vực làm việc:*

- Số vị trí: 03 điểm.

- Vị trí giám sát:

+ Khu vực xưởng dệt;

+ Khu vực xưởng cắt;

+ Khu vực xưởng may.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, ánh sáng, tiếng ồn, CO, SO_2, NO_2, bụi bông.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT, QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT, QCVN 26:2016/BTNMT, QCVN 24:2016/BYT.

5.2. Giai đoạn hoạt động tại Lô L6:

** Giám sát môi trường không khí khu vực làm việc:*

- Số vị trí: 03 điểm.

- Vị trí giám sát:

+ Khu vực xưởng dệt;

+ Khu vực xưởng cắt;

+ Khu vực xưởng may.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, ánh sáng, tiếng ồn, CO, SO_2, NO_2, bụi bông.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT, QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT, QCVN 26:2016/BTNMT, QCVN 24:2016/BYT.

** Giám sát nước thải:*

- Số vị trí: 01 điểm.

- Vị trí giám sát: Tại hố ga trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Dệt may Phố Nối.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, nhiệt độ, BOD_5, COD, TSS, Sunfua, Clo, dầu mỡ khoáng, tổng N, Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn đấu nối của KCN Dệt may Phố Nối.

** Giám sát chất thải rắn:*

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn tạm thời.

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng.

- Tần suất: Thường xuyên, định kỳ 01 năm/lần tổng hợp báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

6.1. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án:

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của dự án đảm bảo đạt nồng độ tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN dệt may Phố Nối; nước mưa chảy tràn phải được thu gom, xử lý sơ bộ trước khi đưa vào hệ thống thoát nước mưa của KCN; xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải.

- Đầu tư 05 máy cắt vải có hệ thống thu gom, xử lý bụi đi kèm đảm bảo điều kiện làm việc của người lao động theo tiêu chuẩn, quy chuẩn vệ sinh lao động của Bộ Y tế; tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành.

- Thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý toàn bộ các chất thải rắn công nghiệp, rác thải sinh hoạt, chất thải nguy hại đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

6.2. Chủ dự án có trách nhiệm:

- Lập kế hoạch và đảm bảo phương tiện, nhân lực để thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu và khắc phục các rủi ro và sự cố môi trường; chịu trách nhiệm đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra.

- Nghiêm túc thực hiện chương trình giám sát chất lượng môi trường như đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; cập nhật, lưu trữ số liệu giám sát và định kỳ báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các KCN tỉnh./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 699 /GPMT-UBND	*Hưng Yên, ngày 04 tháng 4 năm 2024*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng khu công nghiệp Dệt may Phố Nối số 110/CV-PTHT ngày 28 tháng 3 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 167/BC-STNMT ngày 03 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy phép cho Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Dệt may Phố Nối, địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp dệt may Phố Nối B, xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối diện tích 121,6987 ha" tại xã Nghĩa Hiệp, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ và phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối diện tích 121,6987 ha.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Nghĩa Hiệp, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ và phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0900234755 đăng ký lần đầu ngày 18/02/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 06/10/2022 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp.

1.4. Mã số thuế: 0900234755.

1.5. Loại hình sản xuất: Khu công nghiệp, gồm các ngành, nghề được phép thu hút đầu tư: Tổng hợp các ngành nghề công nghiệp nhẹ, may mặc, hàng tiêu dùng; công nghiệp cơ khí, hóa chất, điện máy, điện tử; công nghiệp chế biến thực phẩm, dược phẩm.

Chi tiết các ngành, nghề được phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, bao gồm:

TT	Danh mục ngành nghề được phép đầu tư	Mã ngành
1	Sản phẩm dệt may	C131
2	Sản xuất hàng dệt khác; sản xuất giày, dép	C139, C152
3	Các ngành công nghiệp nhẹ, may mặc, hàng tiêu dùng	C14, C222, H52, L68
4	Công nghiệp cơ khí, hóa chất, điện máy, điện tử	C259, C20, C26
5	Công nghiệp chế biến thực phẩm, dược phẩm	C10, C21
6	Dịch vụ khai thác, xử lý và cung cấp nước	E36
7	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải	E37

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Dự án được triển khai trên diện tích 121,6987 ha thuộc địa bàn xã Nghĩa Hiệp, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ và phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô đầu tư: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp giấy phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

3.1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

3.2. Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Dệt may Phố Nối:

3.2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

3.2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước

pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

3.2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Hưng Yên, Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

3.2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Hưng Yên, Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thời hạn của Giấy phép: 07 (bảy) năm kể từ ngày cấp giấy phép.

Giấy phép môi trường thành phần: Giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi số 301/GP-TCTL-PCTTr ngày 24/7/2019 của Tổng cục Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 159/GXN-BTNMT ngày 12/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Tổng cục Thủy lợi – Bộ NN&PTNT;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh;
- UBND huyện Yên Mỹ, thị xã Mỹ Hào;
- Cổng TTĐT tỉnh *(đăng tải công khai)*;
- Trung tâm PVHCC và KSTTHC *(trả kết quả)*;
- Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Dệt may Phố Nối;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT2[L].

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hùng Nam

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 699 /GPMT-UBND ngày 09/4 /2024 của UBND tỉnh Hưng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt

- Nguồn số 1: Tòa nhà văn phòng Công ty.
- Nguồn số 2: Nhà máy xử lý nước cấp công suất 12.000 m^3/ngày đêm.
- Nguồn số 3: Nhà làm việc tại nhà máy xử lý nước thải tại giai đoạn I.
- Nguồn số 4: Nhà làm việc tại nhà máy xử lý nước thải tại giai đoạn II.

1.2. Nguồn phát sinh nước thải sản xuất

- Nguồn số 5: Phòng thí nghiệm.
- Nguồn số 6: Khu vực ép bùn.
- Nguồn số 7: Các doanh nghiệp thứ cấp.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải số 1 từ nhà máy xử lý nước thải giai đoạn I

2.1.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Kênh tiêu Trần Thành Ngọ thuộc địa bàn xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

2.1.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: Xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.
- Tọa độ vị trí xả nước thải *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 30'$, múi chiếu 3^0)*: X(m): 2315148,6838; Y(m): 558534,1178.

2.1.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 12.000 m^3/ngày đêm (24 giờ).

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy; xả mặt, xả ven bờ.
- Chế độ xả nước thải: Liên tục, 24 giờ/ngày đêm.
- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCĐP 02:2019/HY – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp (K_q=0,9; K_f=0,9; K_{hy}=0,85), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng đầu vào	m^3/giờ	-	-	Thực hiện trước 31/12/2024
2	Lưu lượng nước thải đầu ra	m^3/giờ	-	-	Đã lắp đặt
3	Nhiệt độ	^0C	40	-	Đã lắp đặt
4	pH	-	6 đến 9	-	Đã lắp đặt
5	Chất rắn lơ lửng	mg/L	34,425	-	Đã lắp đặt

6	COD	mg/L	51,6375	-	Đã lắp đặt
7	Amoni (tính theo N)	mg/L	4,05	-	Thực hiện trước 31/12/2024
8	Màu	-	50	-	Đã lắp đặt
9	Tổng N	mg/L	16,2	3 tháng/lần	Không áp dụng
10	Tổng P	mg/L	3,24	3 tháng/lần	Không áp dụng
11	BOD_5 (20°C)	mg/L	20,655	3 tháng/lần	Không áp dụng
12	Asen	mg/L	0,0405	3 tháng/lần	Không áp dụng
13	Thuỷ ngân	mg/L	0,00405	3 tháng/lần	Không áp dụng
14	Chì	mg/L	0,081	3 tháng/lần	Không áp dụng
15	Cadimi	mg/L	0,0405	3 tháng/lần	Không áp dụng
16	Crom VI	mg/L	0,0405	3 tháng/lần	Không áp dụng
17	Crom III	mg/L	0,162	3 tháng/lần	Không áp dụng
18	Đồng	mg/L	1,62	3 tháng/lần	Không áp dụng
19	Kẽm	mg/L	2,43	3 tháng/lần	Không áp dụng
20	Niken	mg/L	0,162	3 tháng/lần	Không áp dụng
21	Mangan	mg/L	0,405	3 tháng/lần	Không áp dụng
22	Sắt	mg/L	0,81	3 tháng/lần	Không áp dụng
23	Tổng Xianua	mg/L	0,0567	3 tháng/lần	Không áp dụng
24	Tổng phenol	mg/L	0,081	3 tháng/lần	Không áp dụng
25	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	4,05	3 tháng/lần	Không áp dụng
26	Sunfua	mg/L	0,162	3 tháng/lần	Không áp dụng
27	Florua	mg/L	4,05	3 tháng/lần	Không áp dụng
28	Clorua	mg/L	405	3 tháng/lần	Không áp dụng
29	Clo dư	mg/L	0,81	3 tháng/lần	Không áp dụng
30	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/L	0,0405	01 năm/lần	Không áp dụng
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/L	0,243	01 năm/lần	Không áp dụng
32	Tổng PCB	mg/L	0,0024	01 năm/lần	Không áp dụng
33	Coliform	MPN/100mL	3,000	3 tháng/lần	Không áp dụng
34	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	3 tháng/lần	Không áp dụng
35	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	3 tháng/lần	Không áp dụng

2.2. Dòng nước thải số 2 từ nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II

2.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Kênh tiêu Trần Thành Ngọ thuộc địa bàn phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

2.2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: Phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

- Tọa độ vị trí xả nước thải *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 30'$, múi chiếu 3^0)*: X(m): 2313837,730; Y(m): 560395,831.

2.2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 8.000 m^3/ngày đêm (24 giờ).

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy; xả mặt, xả ven bờ.

- Chế độ xả nước thải: Liên tục, 24 giờ/ngày đêm.

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCĐP 02:2019/HY – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp (K_q=0,9; K_f=0,9; K_{hy}=0,85), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng đầu vào	m^3/giờ	-	-	Đã lắp đặt
2	Lưu lượng nước thải đầu ra	m^3/giờ	-	-	Đã lắp đặt
3	Nhiệt độ	^{0}C	40	-	Đã lắp đặt
4	pH	-	6 đến 9	-	Đã lắp đặt
5	Chất rắn lơ lửng	mg/L	34,425	-	Đã lắp đặt
6	COD	mg/L	51,6375	-	Đã lắp đặt
7	Amoni (tính theo N)	mg/L	4,05	-	Đã lắp đặt
8	Màu	-	50	-	Đã lắp đặt
9	Tổng N	mg/L	16,2	-	Đã lắp đặt
10	Tổng P	mg/L	3,24	-	Đã lắp đặt
11	BOD_5 (20°C)	mg/L	20,655	3 tháng/lần	Không áp dụng
12	Asen	mg/L	0,0405	3 tháng/lần	Không áp dụng
13	Thuỷ ngân	mg/L	0,00405	3 tháng/lần	Không áp dụng
14	Chì	mg/L	0,081	3 tháng/lần	Không áp dụng
15	Cadimi	mg/L	0,0405	3 tháng/lần	Không áp dụng
16	Crom VI	mg/L	0,0405	3 tháng/lần	Không áp dụng
17	Crom III	mg/L	0,162	3 tháng/lần	Không áp dụng
18	Đồng	mg/L	1,62	3 tháng/lần	Không áp dụng
19	Kẽm	mg/L	2,43	3 tháng/lần	Không áp dụng
20	Niken	mg/L	0,162	3 tháng/lần	Không áp dụng
21	Mangan	mg/L	0,405	3 tháng/lần	Không áp dụng
22	Sắt	mg/L	0,81	3 tháng/lần	Không áp dụng
23	Tổng Xianua	mg/L	0,0567	3 tháng/lần	Không áp dụng
24	Tổng phenol	mg/L	0,081	3 tháng/lần	Không áp dụng
25	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	4,05	3 tháng/lần	Không áp dụng
26	Sunfua	mg/L	0,162	3 tháng/lần	Không áp dụng
27	Florua	mg/L	4,05	3 tháng/lần	Không áp dụng
28	Clorua	mg/L	405	3 tháng/lần	Không áp dụng
29	Clo dư	mg/L	0,81	3 tháng/lần	Không áp dụng
30	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/L	0,0405	01 năm/lần	Không áp dụng
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu	mg/L	0,243	01 năm/lần	Không áp dụng

	cơ				
32	Tổng PCB	mg/L	0,0024	01 năm/lần	Không áp dụng
33	Coliform	MPN/100mL	3.000	3 tháng/lần	Không áp dụng
34	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	3 tháng/lần	Không áp dụng
35	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	3 tháng/lần	Không áp dụng

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Đường ống thoát nước thải toàn KCN được đặt trên hè dọc theo các tuyến đường trong KCN. Độ sâu chôn ống ban đầu là ≥ 0,7 (m). Ống thoát nước thải tại KCN Giai đoạn I được sử dụng là ống BTCT với đường kính ống là D300. Độ dốc thiết kế là độ dốc nhỏ nhất được tính bằng i = 1/D đảm bảo vận tốc tự chảy tối thiểu D ≥ 0,7 (m/s). Trên tuyến ống bố trí các hố ga, khoảng cách giữa các hố ga khoảng 25-30 (m). Nước thải từ các nhà máy được thu gom trên dọc tuyến ống và chảy về bể gom của Nhà máy xử lý nước thải.

Riêng Nhà máy Dệt nhuộm Hưng Yên đặt tại Giai đoạn I (đơn vị có nhu cầu xử lý nước thải lớn nhất trong KCN hiện nay) được lắp đặt riêng 01 đường ống thu gom nước thải bằng ống HDPE D600. Độ dốc dọc i = 0,2%, khoảng cách các hố ga L=30m; đặt dưới lòng đường EF nội bộ KCN. Điểm đầu từ hàng rào nhà máy đến điểm cuối là hố gom Nhà máy xử lý nước thải, chiều dài đoạn tuyến: L=160m.

Tại giai đoạn II, hệ thống đường ống thu gom nước thải sử dụng vật liệu chính là ống HDPE. Nước thải phát sinh từ các Doanh nghiệp của giai đoạn II được thu gom bằng ống HDPE D450 về nhà máy xử lý nước thải tại giai đoạn II. Mặt khác, nước thải từ các Doanh nghiệp của giai đoạn II cũng được thu gom bằng ống HDPE D300, D400, D500 về Nhà máy XLNT tại giai đoạn I, do chiều dài tuyến thu gom nước thải từ giai đoạn II sang giai đoạn I là quá lớn nên có bố trí 01 trạm bơm chuyển bậc nhằm đảm bảo khả năng thu gom nước thải.

Trạm bơm chuyển bậc tại KCN giai đoạn II (đóng vai trò điều tiết): Nước thải tại các lô L3, L4, L5, L6, L7, L8 và từ đường ống D450 chảy về trạm bơm để bơm đẩy về nhà máy xử lý nước thải giai đoạn I. Ngược lại, cũng có thể từ trạm bơm chuyển bậc bơm vào đường ống D450 bơm về nhà máy XLNT giai đoạn II.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Nhà máy xử lý nước thải giai đoạn I công suất 12.000 m^3/ngày đêm

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → tách rác thô → bể gom → thiết bị tách rác tinh → bể điều hòa 1, bể điều hòa 2 → {(bồn phản ứng → thiết bị tuyển nổi)/(bể phản ứng 1→ bể phản ứng 2 → bể keo tụ → bể tạo bông → bể lắng siêu tốc)} → bể tiếp xúc → tháp giải nhiệt → bể kị khí → bể trung gian → bể hiếu khí 1

→ bể hiếu khí 2 → bể lắng bùn sinh học → bể keo tụ - tạo bông → bể lắng bùn hóa lý → bể khử trùng → kênh đo lưu lượng → trạm quan trắc tự động, liên tục → nước thải sau xử lý đạt QCĐP 02:2019/HY – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp (K_q=0,9; K_f=0,9; K_{hy}=0,85) thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 12.000 m^3/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Vôi, phèn sắt, axit H_2SO_4 50%, polymer A, chống cáu cặn, PAC, khử màu, Chlorine, than hoạt tính, polymer C.

1.2.2. Nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II công suất 8.000 m^3/ngày đêm

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → bể tiếp nhận → bể điều hòa → tháp giải nhiệt → bể keo tụ - tạo bông 1 → bể lắng bùn hóa lý 1 → bể trung gian → bể kị khí → bể bơm tuần hoàn → bể selector → bể anoxic → bể sinh học hiếu khí → bể lắng bùn sinh học → bể keo tụ - tạo bông 2 → bể lắng bùn hóa lý 2 → bể khử trùng → mương quan trắc tự động, liên tục → nước thải sau xử lý đạt QCĐP 02:2019/HY – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp (K_q=0,9; K_f=0,9; K_{hy}=0,85) thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 8.000 m^3/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Axit H_2SO_4 50%, chất keo tụ PAC, polyme anion, H_3PO_4, hóa chất khử màu, polymer cation, khử bọt, chlorine, mật rỉ, men vi sinh.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.3.1. Nhà máy xử lý nước thải giai đoạn I công suất 12.000 m^3/ngày đêm

- Số lượng trạm: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Mương quan trắc, trước khi thải ra môi trường.

- Thông số lắp đặt:

+ Thông số đã lắp đặt: Lưu lượng nước thải đầu ra, nhiệt độ, pH, chất rắn lơ lửng, COD.

+ Thông số chưa lắp đặt, hoàn thành trước ngày 31/12/2024: Lưu lượng nước thải đầu vào, amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.

- Camera theo dõi: 01 bộ.

- Kết nối, truyền số liệu: Đã kết nối, truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục nước thải sau xử lý về Sở Tài nguyên và Môi trường.

1.3.2. Nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II công suất 8.000 m^3/ngày đêm

- Số lượng trạm: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Mương quan trắc, trước khi thải ra môi trường.

- Thông số lắp đặt:

+ Thông số đã lắp đặt: Lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, nhiệt độ, pH, chất rắn lơ lửng, COD, amoni, tổng N, tổng P.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.

- Camera theo dõi: 01 bộ.

- Kết nối, truyền số liệu: Chưa kết nối, truyền dữ liệu quan trắc tự động, liên tục nước thải sau xử lý về Sở Tài nguyên và Môi trường.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố

- Đối với nhà máy xử lý nước thải giai đoạn I: Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, lưu chứa nước thải tại bể điều hòa và bể gom quay vòng nước thải (thể

tích bể điều hòa, bể gom là 9.015,02 m^3) khi hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp gặp sự cố.

- Đối với nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II: Đã xây dựng hồ sự cố có dung tích thiết kế 8.623,3 m^3 để lưu chứa nước thải khi hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp gặp sự cố.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý nước thải. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì và bảo dưỡng các thiết bị máy móc của nhà máy xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra các đường ống, thiết bị để kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục; lắp đặt camera giám sát, thiết bị lấy mẫu tự động và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Định kỳ 01 tháng/lần thực hiện lấy mẫu giám sát ngẫu nhiên chất lượng nước thải sau xử lý của 5 ÷ 8 cơ sở thứ cấp và định kỳ 01 tuần/lần thực hiện lấy mẫu phân tích chất lượng nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung của Dự án.

- Lấy mẫu và phân tích chất lượng nước thải định kỳ theo quy định nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Vận hành linh hoạt 02 nhà máy xử lý nước thải khi 01 trong 2 nhà máy xử lý nước thải gặp sự cố.

- Quy trình ứng phó sự cố:

+ Trường hợp lưu lượng nước thải đầu vào vượt quá giới hạn tiếp nhận, quy trình ứng phó:

Bước 1: Mở van chuyển nước thải từ bể gom về Hồ sự cố theo đường ống inox DN 200 bằng các bơm tại bể gom.

Bước 2: Cán bộ phụ trách nhà máy sẽ liên hệ và cử người kiểm tra một số đơn vị có lưu lượng xả thải lớn để xác định đơn vị thứ cấp gây ra sự cố.

Bước 3: Sau khi xác định chính xác đơn vị thứ cấp xảy ra sự cố, yêu cầu Đơn vị giảm lưu lượng xả thải hoặc ngưng xả thải.

Bước 4: Khởi động lại trạm bơm để tiếp tục chuyển lượng nước còn lại trong trạm bơm về nhà máy.

Bước 5: Sau khi kiểm tra chất lượng nước thải tại các hạng mục công trình trong nhà máy xử lý sẽ tiến hành các bước điều chỉnh hóa chất, thời gian lưu nước... để đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra của nhà máy xử lý tập trung đạt theo tiêu chuẩn xả thải ra môi trường.

Bước 6: Khi lưu lượng và chất lượng nước thải về nhà máy ổn định, nhân viên vận hành sẽ thực hiện việc đóng van dẫn nước về Hồ sự cố để đưa vào nhà máy xử lý bình thường.

+ Trường hợp nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải đầu vào vượt quá giới hạn tiếp nhận, quy trình ứng phó:

Bước 1: Mở van chuyển nước thải từ bể gom về Hồ sự cố theo đường ống inox DN 200 bằng các bơm tại bể gom.

Bước 2: Song song với việc kiểm tra chất lượng nước thải ảnh hưởng đến các hạng mục công trình xử lý tiếp theo như bể điều hòa,... Đội trưởng đội vận hành sẽ cùng các nhân viên vận hành tiến hành kiểm tra tại các Trạm bơm chuyển bậc để xác định khu vực gây ra sự cố, nhanh chóng tìm ra được đơn vị thứ cấp gây ra sự cố.

Bước 3: Sau khi xác định chính xác đơn vị thứ cấp xảy ra sự cố, yêu cầu Đơn vị giảm lưu lượng xả thải hoặc ngưng xả thải. Đơn vị chỉ được phép xả thải trở lại khi đã khắc phục sự cố trong hệ thống cục bộ, chất lượng nước thải đạt tiêu chuẩn đấu nối với KCN.

Bước 4: Khởi động lại trạm bơm để tiếp tục chuyển lượng nước còn lại trong trạm bơm về nhà máy. Lượng nước thải này sẽ được kiểm tra chất lượng tại Phòng thí nghiệm của nhà máy để có thể đưa vào Hồ sự cố khi chất lượng nước vẫn không đạt giới hạn tiếp nhận xử lý của hệ thống.

Bước 5: Sau khi kiểm tra chất lượng nước thải tại các hạng mục công trình trong nhà máy xử lý sẽ tiến hành các bước điều chỉnh hóa chất, thời gian lưu nước... để đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra của nhà máy xử lý tập trung đạt theo tiêu chuẩn xả thải ra môi trường.

Bước 6: Khi lưu lượng và chất lượng nước thải về nhà máy ổn định, nhân viên vận hành sẽ thực hiện việc đóng van dẫn nước về Hồ sự cố để đưa vào nhà máy xử lý bình thường.

+ Trường hợp tràn, rò rỉ nước thải ra môi trường:

Khi phát hiện sự cố tràn đổ nước thải vào hệ thống thu gom nước mưa và thoát vào công trình thủy lợi, nhân viên trực ca tiến hành các bước sau:

Bước 1: Thông báo cho người phụ trách sự cố, thông báo đơn vị đang xả thải gây tràn đổ để ngưng hoạt động xả thải.

Bước 2: Thông báo đến cơ quan chức năng và tiến hành khoanh vùng nước thải, ngăn không cho nước thải thoát vào công trình thủy lợi.

Bước 3: Tiến hành bơm nước thải bị chảy tràn về hồ sự cố (đối với vị trí khoanh chặn tại giai đoạn 2) hoặc điều tiết nước thải vào mạng lưới thu gom nước thải.

Bước 4: Kiểm tra lưu lượng tiếp nhận nước thải của Nhà máy xử lý nước thải tại giai đoạn I và giai đoạn II để thực hiện điều tiết nước thải về các Nhà máy xử lý nước thải.

Bước 5: Kiểm tra nguyên nhân nước thải bị chảy tràn (nghẹt cống dẫn....) tiến hành khắc phục.

Bước 6: Nạo vét bùn tại mương, cống thoát nước mưa để xử lý và khơi thông dòng chảy.

+ Trường hợp Nhà máy XLNT tại giai đoạn I gặp sự cố:

Bước 1: Ngưng hoạt động xả thải; thông báo cho người phụ trách sự cố, thông báo ngưng điều tiết nước thải từ giai đoạn II về Nhà máy XLNT tại giai đoạn I.

Bước 2: Bơm nước thải trong mạng lưới nước thải tại giai đoạn II vào hồ sự cố của Nhà máy XLNT tại giai đoạn II.

Bước 3: Kiểm tra sửa chữa, khắc phục sự cố, trong vòng 4h chưa khắc phục sự cố thỏa thuận với các Doanh nghiệp hoạt động tại giai đoạn I, giai đoạn II hỗ trợ điều tiết lượng nước thoát vào mạng lưới thoát nước thải.

Bước 4: Sau khi khắc phục tiến hành điều tiết nước thải từ giai đoạn II về giai đoạn I để xử lý và xử lý nước thải đang lưu chứa trong hồ sự cố.

+ Trường hợp Nhà máy XLNT tại giai đoạn II gặp sự cố:

Bước 1: Ngưng hoạt động xả thải; thông báo cho người phụ trách sự cố, giám sát khả năng của vận hành của Nhà máy XLNT tại giai đoạn I để điều tiết lượng nước thải từ giai đoạn II về xử lý.

Bước 2: Đưa nước thải vào hồ sự cố của Nhà máy XLNT tại giai đoạn II.

Bước 3: Sau khi khắc phục tiến hành xử lý nước thải đang lưu chứa trong hồ sự cố.

+ Trường hợp cả hai Nhà máy XLNT đều gặp sự cố (rất khó có thể xảy ra):

Bước 1: Ngưng hoạt động xả thải, thông báo cho người phụ trách sự cố, kiểm tra tình trạng sự cố tại mỗi Nhà máy, kiểm tra lưu lượng tiếp nhận nước thải của mỗi Nhà máy XLNT.

Bước 2: Tiến hành kiểm soát lưu lượng của trạm bơm điều tiết nước thải từ giai đoạn II về giai đoạn I. Tiến hành song song việc lưu chứa nước thải vào bể gom và bể điều hòa tại mỗi Nhà máy XLNT (đối với Nhà máy XLNT tại giai đoạn I: tổng thể tích là 9015,02 m^3 và đối với Nhà máy XLNT tại giai đoạn II: tổng thể tích là 7293,92 m^3). Ngoài ra, nước thải cũng được lưu chứa vào hồ sự cố (8.000 m^3) của Nhà máy XLNT tại giai đoạn II. Thể tích lưu chứa nước thải cho cả 2 giai đoạn tính toán là 24.308,94 m^3 có khả năng ứng phó sự cố trong 29 giờ.

Bước 3: Thực hiện kiểm tra khắc phục sự cố. Trong trường hợp quá 29 giờ mà vẫn chưa khắc phục sự cố, Công ty sẽ thông báo cho các dự án đầu tư thứ cấp hoạt động trong khu công nghiệp để ngừng đấu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp; yêu cầu các đơn vị thứ cấp có trách nhiệm lưu chứa nước thải tại đơn vị hoặc ngừng sản xuất, đảm bảo không làm phát sinh nước thải chưa xử lý ra ngoài môi trường; khẩn trương sửa chữa, khắc phục sự cố và có thông báo tới các đơn vị thứ cấp được biết khi hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp đã được khắc phục, sửa chữa xong.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Từ ngày 10/4/2024 đến ngày 10/7/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

- Nhà máy xử lý nước thải giai đoạn I công suất 12.000 m^3/ngày đêm:

+ Vị trí lấy mẫu: 02 điểm (01 điểm tại bể gom, 01 điểm tại mương quan trắc trước khi thải ra môi trường).

+ Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 2.1.3 phần A Phụ lục này.

+ Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II công suất 8.000 m^3/ngày đêm:

+ Vị trí lấy mẫu: 02 điểm (01 điểm tại bể gom, 01 điểm tại mương quan trắc trước khi thải ra môi trường).

+ Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 2.2.3 phần A Phụ lục này.

+ Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi: Nước thải xử lý đạt QCĐP 02:2019/HY – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp (K_q=0,9; K_f=0,9; K_{hy}=0,85) thải ra kênh tiêu Trần Thành Ngọ thuộc địa bàn xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ và phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

3.3. Trường hợp xả thải của nhà máy có sự cố bất thường phải báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng liên quan ở địa phương.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.6. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31/12/2024. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm nghiệm, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 699 /GPMT-UBND ngày 04/11/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Có 01 nguồn: Mùi, khí thải phát sinh từ bể xử lý kị khí của nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II công suất 8.000 m^3/ngày đêm.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

Có 01 dòng khí thải: Ống thoát khí sau hệ thống xử lý mùi, khí thải phát sinh từ bể xử lý kị khí của nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II công suất 8.000 m^3/ngày đêm.

- Vị trí xả thải: Ống thoát khí sau hệ thống xử lý mùi, khí thải phát sinh từ bể xử lý kị khí của nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II công suất 8.000 m^3/ngày đêm thuộc khu công nghiệp Dệt may Phố Nối, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Tọa độ *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 30'$, múi chiếu 3^0)*: X(m): 2313812,9121; Y(m): 560296,3041.

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 10.000 m^3/giờ.

+ Phương thức xả thải: Cưỡng bức.

+ Chế độ xả thải: Không liên tục.

+ Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B (K_p=1; K_v=0,8) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giới hạn cho phép
1	Lưu lượng	m^3/giờ	-
2	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm^3	40
3	Hydro sunphua, H_2S	mg/Nm^3	6,0
4	Metyl mercaptan	mg/Nm^3	15

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý

Mùi, khí thải phát sinh từ bể kỵ khí của nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II công suất 8.000 m^3/ngày đêm được hệ thống họng hút, chụp hút, đường ống thu gom khí thải, quạt hút dẫn về tháp lọc sinh học để xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

Hệ thống xử lý mùi, khí thải phát sinh từ bể kỵ khí của nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II công suất 8.000 m^3/ngày đêm:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Mùi, khí thải từ bể kị khí của nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II công suất 8.000 m^3/ngày đêm → chụp hút → quạt hút → tháp lọc sinh học → khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (K_p=1; K_v=0,8), QCVN 20:2009/BTNMT thải ra môi trường qua ống thoát khí.

- Công suất thiết kế: 10.000 m^3/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Vật liệu đệm, bùn sinh học từ bể sinh học hiếu khí.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Từ ngày 10/4/2024 đến ngày 10/7/2024.

2.2. Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý mùi, khí thải phát sinh từ bể kỵ khí của nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II công suất 8.000 m^3/ngày đêm:

- Vị trí lấy mẫu: 01 điểm tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý mùi, khí thải phát sinh từ bể kỵ khí của nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II công suất 8.000 m^3/ngày đêm.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý mùi, khí thải phát sinh từ bể kỵ khí của nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II công suất 8.000 m^3/ngày đêm theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 2 phần A Phụ lục này.

- Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 699 /GPMT-UBND ngày 09/4 /2024 của UBND tỉnh Hưng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Có 02 nguồn ồn, rung chính của cơ sở:

- Nguồn số 1: Tiếng ồn, rung phát sinh từ hoạt động của máy nén khí của nhà máy xử lý nước thải giai đoạn I.

- Nguồn số 2: Tiếng ồn, rung phát sinh từ hoạt động của máy nén khí của nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn số 1: Tọa độ X(m)= 2315149,5364; Y(m)= 558348,8673.

Nguồn số 2: Tọa độ X(m)= 2313806,9025; Y(m)= 560283,6309.

bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Nền móng đặt máy được xây dựng bằng bê tông có chất lượng cao.

- Có kế hoạch theo dõi, bảo trì (kiểm tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hỏng,..).

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su như thiết kế của máy để giảm rung.

- Trang bị cho công nhân thiết bị chống ồn khi làm việc tại các công đoạn có phát sinh tiếng ồn cao.

- Trồng cây xanh trong và xung quanh khu công nghiệp để ngăn cản và giảm tiếng ồn.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị để hạn chế tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 699 /GPMT-UBND ngày 04/9 /2024 của UBND tỉnh Hưng Yên)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn vị	Khối lượng
I	**Nhà máy xử lý nước thải công suất 12.000 m^3/ngày đêm**			
1	Hộp mực in thải	08 02 04	kg/năm	0,49
2	Mực in thải	08 01 02	kg/năm	0,37
3	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	kg/năm	0,8
4	Pin thải	19 06 05	kg/năm	0,49
5	Giẻ lau dính dầu	18 02 01	kg/năm	33,93
6	Dầu động cơ, bôi trơn thải	17 02 04	kg/năm	39,65
7	Linh kiện điện tử thải	16 01 03	kg/năm	1,17
8	Bao bì cứng thải	18 01 04	kg/năm	9
9	Bao bì mềm hóa chất	18 01 01	kg/năm	3.458,10
10	Các chất thải khác chứa thành phần nguy hại	19 12 03	kg/năm	175,5
11	Bùn từ nhà máy xử lý nước thải tại giai đoạn I	12 06 05	kg/năm	12.394.390
II	**Nhà máy xử lý nước thải công suất 8.000 m^3/ngày đêm**			
1	Hộp mực in thải	08 02 04	kg/năm	0,49
2	Mực in thải	08 01 02	kg/năm	0,37
3	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	kg/năm	0,85
4	Pin thải	19 06 05	kg/năm	0,49
5	Giẻ lau dính dầu	18 02 01	kg/năm	33,93
6	Dầu động cơ, bôi trơn thải	17 02 04	kg/năm	39,65
7	Linh kiện điện tử thải	16 01 03	kg/năm	1,17
8	Bao bì cứng thải	18 01 04	kg/năm	9
9	Bao bì mềm hóa chất	18 01 01	kg/năm	3.458,10
10	Các chất thải khác chứa thành phần nguy hại	19 12 03	kg/năm	175,5
11	Bùn từ nhà máy xử lý nước thải tại giai đoạn II	12 06 05	kg/năm	9.915.510
III	**Nhà máy xử lý nước cấp công suất 12.000 m^3/ngày đêm**			
1	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	kg/năm	0,75
2	Bao bì cứng thải	18 01 04	kg/năm	8
3	Bao bì mềm hóa chất	18 01 01	kg/năm	2.150,00

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn vị	Khối lượng
IV	**Nhà điều hành**			
1	Hộp mực in thải	08 02 04	kg/năm	0,71
2	Mực in thải	08 01 02	kg/năm	0,43
3	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	kg/năm	0,85
4	Pin thải	19 06 05	kg/năm	0,71
V	**Mạng lưới thoát nước thải**			
1	Bùn nạo vét mạng lưới thoát nước thải	12 06 05	kg/năm	1.100
Tổng cộng				**22.320.600,5**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn từ nhà máy xử lý nước cấp	160
2	Rác thải từ hoạt động quét dọn vệ sinh đường giao thông	800
3	Bùn nạo vét hệ thống thoát nước mưa	900
	Tổng	**1.860**

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

2,8635 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng nhựa HDPE có nắp đậy.

- Khu vực lưu chứa:

+ Kho chứa chất thải nguy hại tại nhà máy xử lý nước thải giai đoạn I: có 02 kho diện tích: 08 m^2 và 43,2 m^2; kết cấu tường xây, có mái che, sàn bê tông để chống thấm, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ CTNH dạng lỏng; dán nhãn cảnh báo và trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

+ Kho chứa chất thải nguy hại tại nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II: Diện tích 08 m^2, kết cấu tường xây, có mái che, sàn bê tông để chống thấm, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ CTNH dạng lỏng; dán nhãn cảnh báo và trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

+ Kho chứa chất thải nguy hại tại nhà máy xử lý nước cấp: Diện tích 16,5 m^2, kết cấu tường xây, có mái che, sàn bê tông để chống thấm, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố rò rỉ CTNH dạng lỏng; dán nhãn cảnh báo và trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát

- Tại nhà máy xử lý nước thải giai đoạn I: Bố trí khu vực lưu giữ bùn thải có diện tích 365 m^2.

- Tại nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II: Bố trí khu vực lưu giữ bùn thải có diện tích 300 m^2.

- Tại nhà máy xử lý nước cấp: Bố trí khu vực lưu giữ bùn thải có diện tích 218 m^2.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa dung tích 15 lít, 120 lít, 160 lít.

- Khu vực lưu chứa: Không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy theo quy định về phòng cháy, chữa cháy;

- Các loại chất thải nguy hại được phân loại, để đúng vào các thùng chứa đã được dán tên, mã chất thải. Kho chứa rác thải có cửa ra vào để kiểm soát; dán biển tên, biển cảnh báo tại khu vực kho chứa rác thải. Định kỳ thuê đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, tránh tình trạng để rác thải đầy kho, tràn ra ngoài.

Phụ lục 5

YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 699 /GPMT-UBND ngày 04/ 4 /2024 của UBND tỉnh Hưng Yên)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không còn hạng mục, công trình sản xuất và công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

D. CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

3. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Ban hành và nghiêm túc thực hiện quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm k khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Trồng và chăm sóc cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1833 /GPMT-UBND	*Hưng Yên, ngày 22 tháng 8 năm 2024*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
(Cấp điều chỉnh lần thứ nhất)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 699/GPMT-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh;

Xét Văn bản số 319/CV-PTHT ngày 16/8/2024 của Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Dệt may Phố Nối về việc đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường cho Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối diện tích 121,6987 ha;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 443/BC-STNMT ngày 21 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung Giấy phép môi trường số 699/GPMT-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Dệt may Phố Nối, địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối, xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối diện tích 121,6987 ha" tại xã Nghĩa Hiệp, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ và phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép điều chỉnh này. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép môi trường số 699/GPMT-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2024.

Điều 2. Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Dệt may Phố Nối tiếp tục thực hiện các nội dung của Giấy phép môi trường số 699/GPMT-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2024 và các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục kèm theo Giấy phép điều chỉnh này.

Điều 3. Giấy phép môi trường điều chỉnh này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi Giấy phép môi trường số 699/GPMT-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh hết hiệu lực./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh *(đăng tải công khai)*;
- Trung tâm PVHCC và KSTTHC *(trả kết quả)*;
- Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Dệt may Phố Nối;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT2[L].

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
Thời gian ký: 23/08/2024 16:02:06

Nguyễn Hùng Nam

Phụ lục
NỘI DUNG GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Giấy phép môi trường điều chỉnh số 1833/GPMT-UBND ngày 21/8/2024 của UBND tỉnh Hưng Yên)

1. Nội dung điều chỉnh Giấy phép môi trường số 699/GPMT-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2043 của UBND tỉnh:

1.1. Điều chỉnh thông tin chung của dự án đầu tư tại mục 1.3, Điều 1 của Giấy phép môi trường số 699/GPMT-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2024 như sau:

"1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0900234755 đăng ký lần đầu ngày 18/02/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02/5/2024 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp".

1.2. Điều chỉnh hoá chất sử dụng tại nhà máy xử lý nước thải giai đoạn II công suất 8.000 m^3/ngày đêm tại mục 1.2.2, phần B, Phụ lục 1, Giấy phép môi trường số 699/GPMT-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2024 như sau:

"Hóa chất sử dụng: axit H_2SO_4 50%, chất keo tụ PAC, polyme anion, H_3PO_4 (lân), hóa chất khử màu, polymer cation, khử bọt, clorine, mật rỉ, men vi sinh, chất cáu cặn, vôi, than hoạt tính, muối sắt ($FeSO_4$, $FeCl_2$)".

1.3. Điều chỉnh chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh tại mục 1, phần A, Phụ lục 4, Giấy phép môi trường số 699/GPMT-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2024 như sau:

"1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
I	**Nhà máy xử lý nước thải công suất 12.000 m^3/ngày đêm**		
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	0,8
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	0,49
3	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	39,65
4	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	16 01 13	1,17
II	**Nhà máy xử lý nước thải công suất 8.000 m^3/ngày đêm**		
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	0,85
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	0,49
3	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	39,65
4	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các	16 01 13	1,17

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
	thiết bị điện có các linh kiện điện tử		
III	**Nhà máy xử lý nước cấp công suất 12.000 m^3/ngày đêm**		
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	0,75
IV	**Nhà điều hành**		
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	0,85
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	0,71
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	16 01 13	1,4
	Tổng cộng		87,98

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
I	**Nhà máy xử lý nước thải công suất 12.000 m^3/ngày đêm**		
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	0,49
2	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 02 01	0,37
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	33,93
4	Bao bì nhựa cứng thải (các thùng chứa hóa chất xử lý nước thải)	18 01 03	9
5	Bao bì mềm thải (các bao chứa hóa chất xử lý nước thải)	18 01 01	3.458,1
6	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ (chất thải từ công đoạn tách rác tinh và tách rác thô của hệ thống xử lý nước thải)	19 12 03	175,5
7	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	50
8	Bùn từ nhà máy xử lý nước thải tại giai đoạn I	12 06 05	12.394.390
II	**Nhà máy xử lý nước thải công suất 8.000 m^3/ngày đêm**		
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	0,49
2	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 02 01	0,37
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải	18 02 01	33,93

	bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại		
4	Bao bì nhựa cứng thải (các thùng chứa hóa chất xử lý nước thải)	18 01 03	9
5	Bao bì mềm thải (các bao chứa hóa chất xử lý nước thải)	18 01 01	3.458,1
6	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ (chất thải từ công đoạn tách rác tinh và tách rác thô của hệ thống xử lý nước thải)	19 12 03	175,5
7	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	50
8	Bùn từ nhà máy xử lý nước thải tại giai đoạn II	12 06 05	9.915.510
III	**Nhà máy xử lý nước cấp công suất 12.000 m^3/ngày đêm**		
1	Bao bì nhựa cứng thải (các thùng chứa hóa chất xử lý nước thải)	18 01 03	8
2	Bao bì mềm thải (các bao chứa hóa chất xử lý nước thải)	18 01 01	2.150
IV	**Nhà điều hành**		
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	0,71
2	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 02 01	0,43
V	**Hạ tầng KCN**		
1	Bùn nạo vét mạng lưới thoát nước thải	12 06 05	10.000
	Tổng cộng		**22.329.513,92**

Chất thải công nghiệp cần kiểm soát thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Mô trường.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn từ nhà máy xử lý nước cấp	160.000
2	Rác thải từ hoạt động quét dọn vệ sinh đường giao thông, hoạt động cắt tỉa cây xanh tạo cảnh quan	2.000
3	Bùn nạo vét hệ thống thoát nước mưa	100.000
Tổng cộng		**262.000**

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

2,8635 tấn/năm".

2. Các yêu cầu và điều kiện kèm theo

2.1. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép môi trường số 699/GP-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2024.

2.2. Thực hiện đúng các nội dung được điều chỉnh tại Phụ lục này và tiếp tục thực hiện các nội dung khác của Giấy phép môi trườn số 699/GP-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2024 và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.

BỘ CÔNG AN CỤC CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1294/NT-PCCC&CNCH-P4	*Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 2022*

Kính gửi: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 896/TD-PCCC-P4 ngày 19/5/2020 và văn bản thẩm duyệt điều chỉnh về PCCC số 335/TD-PCCC ngày 03/02/2021, số 1473/TD-PCCC ngày 14/7/2021 của Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH);

Xét hồ sơ và các văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 168/PCCC ngày 12/4/2021, số RMIV/76 ngày 02/12/2021 và số 0106/2022 ngày 01/6/2022 của Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên;

Người đại diện theo pháp luật: Ông YIU KA SO, Chức vụ: Tổng giám đốc;

Căn cứ biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy lập các ngày 19/4/2021, ngày 16/12/2021 và ngày 17/6/2022 của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH và các đơn vị liên quan;

Cục Cảnh sát PCCC và CNCH chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình Nhà máy Regina Miracle International Hưng Yên với các nội dung sau:

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên

Địa điểm xây dựng: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Đơn vị tư vấn giám sát: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng IDCO-Phú Thịnh – Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Trung Trung Nam

Đơn vị thi công: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Ricons, Công ty TNHH Thiết bị PCCC 2-9

Quy mô công trình

Nhà máy Regina Miracle International Hưng Yên, được xây dựng trên khu đất có diện tích khoảng 64.770 m^2, diện tích xây dựng khoảng 23.475 m^2 gồm các hạng mục chính sau: Nhà xưởng sản xuất 1 cao 05 tầng nổi; Nhà xưởng sản xuất 2 cao 05 tầng nổi; Nhà xe (bố trí phòng bơm nước chữa cháy ở độ cốt - 3,150 m) cao 03 tầng nổi; Căng tin và nhà nghỉ ca cao 05 tầng nổi, Nhà bảo vệ, cổng chính cao 01 tầng nổi; Nhà bảo vệ, cổng phụ cao 01 tầng nổi; Trạm cân; Hành lang nối giữa các hạng mục.

- Các hệ thống, giải pháp phòng cháy và chữa cháy: hệ thống báo cháy địa chỉ lắp đặt cho toàn bộ công trình, gồm 04 tủ trung tâm báo cháy địa chỉ loại 16 loops (02 tủ đặt tại nhà sản xuất 1 và 02 tủ đặt nhà sản xuất 2), 02 tủ trung tâm báo cháy loại 08 loops (01 tủ đặt tại nhà xe và 01 tủ đặt tại căng tin, nhà nghỉ ca), 01 tủ trung tâm báo cháy địa chỉ loại 02 loops (đặt tại nhà bảo vệ chính). Hệ thống chữa cháy bằng nước gồm 02 cụm bơm: Cụm số 1 gồm 02 bơm động cơ điện có cùng thông số 160 KW, H = 100 m.c.n, Q = 389 m^3/h (*01 bơm chính, 01 bơm dự phòng)*, 01 bơm bù áp có thông số 4 KW, H = 110 m.c.n, Q = 8 m^3/h; cụm số 2 gồm 02 bơm điện có cùng thông số 45 KW, H = 78 m.c.n, Q = 35 l/s (*01 bơm chính, 01 bơm dự phòng)*, 01 bơm bù áp có thông số 2,2 KW, H = 85 m.c.n, Q = 5 m^3/h, được kết nối với 02 bể nước chữa cháy (được nối thông với nhau) có khối tích lần lượt là 600 m^3 và 1200 m^3, cấp nước cho hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler, hệ thống chữa cháy ngoài nhà. Hệ thống chữa cháy tự động bằng khí HFC-227ea (FM200) của hãng PNP lắp đặt các phòng kỹ thuật điện thuộc nhà xưởng 1 (phòng máy phát điện gồm 02 bình chứa khí chữa cháy FM200 loại 125 lít, nạp 123kg khí FM200; phòng điện hạ thế gồm 08 bình chứa khí chữa cháy FM200 loại 125 lít, nạp 123kg khí FM200; phòng máy biến áp gồm 04 bình chứa khí chữa cháy FM200 loại 125 lít, nạp 112kg khí FM200; phòng tủ trung thế gồm 01 bình chứa khí chữa cháy FM200 loại 82,5 lít, nạp 81kg khí FM200) và các phòng kỹ thuật điện thuộc xưởng sản xuất 2 (phòng máy phát điện gồm 02 bình chứa khí chữa cháy FM200 loại 125 lít, nạp 103kg khí FM200; phòng điện hạ thế gồm 08 bình chứa khí chữa cháy FM200 loại 125 lít, nạp 116kg khí FM200; phòng máy biến áp gồm 04 bình chứa khí chữa cháy FM200 loại 125 lít, nạp 104kg khí FM200; phòng tủ trung thế gồm 01 bình chứa khí chữa cháy FM200 loại 82,5 lít, nạp 62kg khí FM200). Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu tại các tầng của của các hạng mục. Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn lắp đặt trên đường, lối ra thoát nạn, hành lang thoát nạn, các gian phòng, phòng bơm chữa cháy. Hệ thống hút khói bố trí tại nhà xưởng 1, nhà xưởng 2. Nguồn điện cấp cho hệ thống phòng cháy chữa cháy gồm 01 nguồn điện lưới và 01 nguồn dự phòng của máy phát điện dự phòng.

Nội dung được nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

- Đường giao thông cho xe chữa cháy; Khoảng cách an toàn phòng cháy và chữa cháy;

- Bậc chịu lửa; Hạng nguy hiểm cháy, nổ; Bố trí công năng của công trình liên quan đến phòng cháy và chữa cháy; Thang máy chữa cháy;

- Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; Giải pháp chống tụ khói;

- Lối, đường thoát nạn; Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn;

- Hệ thống báo cháy tự động;

- Hệ thống chữa cháy bằng nước; Hệ thống chữa cháy tự động bằng khí HFC-227ea (FM200); Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu;

- Giải pháp cấp điện cho hệ thống phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan về phòng cháy và chữa cháy; Phương án chống sét.

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và hệ thống kỹ thuật có liên quan đến PCCC đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;

- Khi lắp đặt, vận hành, sử dụng máy móc, dây chuyền công nghệ trong các hạng mục công trình phải đảm bảo các yêu cầu về PCCC theo đúng thiết kế đã được thẩm duyệt và nghiệm thu về PCCC;

- Thực hiện đúng chế độ bảo quản, thay thế, bảo vệ, sơn phủ bổ sung,... theo khuyến cáo của nhà sản xuất sơn chống cháy để đảm bảo các cấu kiện xây dựng có sử dụng sơn chống cháy luôn duy trì giới hạn chịu lửa theo thiết kế, thi công, kiểm định, nghiệm thu;

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy chữa cháy đối với cơ sở trước khi đưa vào hoạt động theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, đồng thời liên hệ với Công an tỉnh Hưng Yên để được hướng dẫn, lập hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy, chữa cháy;

- Khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của công trình, hạng mục công trình phải đảm bảo các yêu cầu về phòng cháy chữa cháy theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, sau đó gửi hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH theo thẩm quyền để được thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu theo quy định.

Văn bản này là một trong những căn cứ để Chủ đầu tư đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét cấp văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng./.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Đại tá Bùi Quang Việt

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đồng chí Cục trưởng (để báo cáo);
- Công an tỉnh Hưng Yên (để quản lý cơ sở);
- Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng - Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, P4 (TdK).





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

REGINA MIRALE INTERNATIONAL HY
CONTRACT
No: H.Y-S2024-00244

HỢP ĐỒNG MUA BÁN PHẾ LIỆU

SALES CONTRACT

Số/ *No*: 46/2024/HĐMBPL/DRET-RMIH

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự số: 91/2015/QH113 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017;

Pursuant to the Civil Code No. 91/2015/QH113 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam effective from January 1, 2017;

- Căn cứ Nghị định 13/2023/NĐ-CP về Bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày 17/04/2023;

Pursuant to Decree 13/2023/ND-CP on Personal Data Protection dated April 17, 2023;

- Căn cứ vào Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ngày 17 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2022;

Pursuant to the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam dated November 17, 2020 effective from January 1, 2022;

- Căn cứ vào Nghị định số: 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường có hiệu lực từ ngày 10/01/2022;

Pursuant to Decree No. 08/2022/ND-CP dated January 10, 2022 detailing a number of articles of the Law on Environmental Protection effective from January 10, 2022;

- Căn cứ Thông tư Số: 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 có hiệu lực thi hành ngày 10 tháng 01 năm 2022;

Pursuant to Circular No. 02/2022/TT-BTNMT dated January 10, 2022 effective from January 10, 2022;

- Căn cứ Giấy phép Môi trường số 122-GPMT-BTNMT cấp ngày 27 tháng 04 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường;

Pursuant to Environmental License No.122-GPMT-BTNMT issued on April 27, 2023 by the Ministry of Natural Resources and Environment to Natural Resources and Environment Technology Development Joint Stock Company;

- Căn cứ vào đề nghị của Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên và khả năng của Công ty cổ phần phát triển công nghệ tài nguyên môi trường.

Pursuant to the suggestion of Regina Miracle International Hung Yen Company Limited and Development For Resources Envionmental Technology Joint Stock Company.

Hôm nay, Ngày 12 tháng 11 năm 2024, chúng tôi gồm có:

Today, November 12th 2024 , we are:

BÊN A: CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
PARTY A : REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HUNG YEN COMPANY LIMITED

Địa chỉ : Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Address : Land Lot L6, Pho Noi B Textile Industrial Zone, Di Su Ward, My Hao Town, Hung Yen Province, Vietnam.

Mã số thuế : 0901038658 *Tax code:* 0901038658

Đại diện : Ông **YIU KA SO** Chức vụ: **Tổng giám đốc**

*Represented by: Mr. **YIU KA SO*** *Position: **General Director***

Tài khoản số : **1021000022888** (VNĐ), Tại Ngân hàng Vietcombank - chi nhánh Phố Hiến, Hưng Yên.

*Account No. : **1021000022888** (VND), At Vietcombank – Pho Hien, Hung Yen Branch*

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

PARTY B: DEVELOPMENT FOR RESOURCES ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY (DRET., JSC)

Người đại diện: Ông Phạm Hồng Tú Chức vụ: Giám đốc kinh doanh

Representative: Mr. Pham Hong Tu *Position: Business Director*

Địa chỉ VP: Khu Tập thể Z 176B, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Office address: Z 176B Collective area, Duong Xa Commune, Gia Lam District, Ha Noi City.

Điện thoại: 0243.5626204 *Phone:* 0243.5626204

Mã số thuế: 0101 425 947 *Tax code:* 0101 425 947

Tài khoản số: 69698338 tại ngân hàng ACB – CN Thăng Long - PGD Hoài Đức

Account No.: 69698338 at ACB Bank - Thang Long Branch – Hoai Duc Transaction Office

Hai bên thỏa thuận, bàn bạc và cùng nhau nhất trí ký Hợp đồng mua bán phế liệu theo những điều khoản dưới đây:

Two parties agree to conclude this Sales Contract to purchase and sell scraps upon the following terms and conditions:

Điều 1: Quy định về nội dung giao dịch

Article 1: Regulations on transaction content

- Bên A nhất trí bán cho Bên B phế liệu phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên A.

Party A agrees to sell to party B some kinds of scraps discharged from the production process of Party A.

Điều 2: Giá cả và thanh toán.

Article 2: Price and Payment.

1. Giá thu mua/*Sales price:*

STT *Ord*	Tên phế liệu *Name of scrap*	Số lượng *Quantity* (Kg)	Đơn giá (VNĐ) *Price*
1.	Sắt phế liệu (đai) *Scrap iron (belt)*	1	6.600
2.	Sắt phế liệu (mỏng) *Scrap iron (thin)*	1	6.200
3.	Sắt phế liệu (dày) *Scrap iron (thick)*	1	6.300
4.	Phoi nhôm phế liệu *Aluminum shavings scrap*	1	21.500
5.	Phoi sắt phế liệu *Scrap iron*	1	5.200
6.	Nilon trắng phế liệu *White nilon scrap*	1	9.200
7.	Nhựa (lõi chỉ) phế liệu *Plastic (core thread) scrap*	1	5.600
8.	Nhựa tạp *Mixed plastic*	1	2.900
9.	Vải vụn (Sạch, không lẫn phế phẩm khác) *Rags (clean, not mixed with other waste)*	1	700
10.	Bìa phế liệu loại 1 *Carton srcap type 1*	1	3.000
11.	Bìa phế liệu loại 2 *Carton srcap type 2*	1	2.400
12.	Gỗ phế liệu *Wood scrap*	1	550

- Giá trên chưa bao gồm thuế VAT 0%. Bên B chịu trách nhiệm tất cả các chi phí liên quan đến vận chuyển, thủ tục Hải quan, nộp thuế và các chi phí khác nếu có.

The above unit price not yet included VAT 0%. Party B is responsible for all costs related to transportation, customs procedures, tax payment and other costs if any.

- Đơn giá có giá trị trong thời gian thực hiện Hợp đồng.

The unit price shall be valid within the Contract's validity.

2. Quy định về thanh toán/*Payment*

- Bên B thanh toán bằng chuyển khoản cho Bên A toàn bộ số tiền thu mua phế liệu trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên B nhận được đầy đủ chứng từ của Bên A (bao gồm: hóa đơn GTGT, bảng kê, các giấy tờ liên quan khác) và chuyển khoản vào tài khoản số

1021000022888 tại ngân hàng: Vietcombank chi nhánh Phố Hiến, Hưng Yên, tên tài khoản thụ hưởng **Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên.**

- *Party B shall pay to Party A all the scrap cost within 15 days after received full documents from party A (as invoice, detailed list, payment request). Party B transfer the payment to the account number 1021000022888 at Vietcombank, Pho Hien, Hung Yen branch, beneficiary name:* **Regina Miracle International Hung Yen Co.,ltd**

- Hàng tháng bên A sẽ tiến hành đối chiếu khối lượng phế liệu chuyển giao làm cơ sở xuất hóa đơn cho Bên B. Sau đó bên A, B sẽ tiến hành lập bảng đối chiếu tổng hợp số tiền thanh toán cho Bên A.

- *Every month, the two sides will reconcile the volume of transferred scraps as a basis for party A bill invoice to party B. Then Party B shall make a table for settlement.*

- Sau khi hai bên tiến hành lập bảng đối chiếu tổng hợp bù trừ tiền bán phế liệu và xử lý rác thải nguy hại, rác thải công nghiệp và rác sinh hoạt thì bên B phải thanh toán cho bên A hoặc ngược lại. Trên cơ sở bảng đối trừ công nợ, hai bên tiến hành làm thủ tục thanh toán.

- *After the two parties prepare a reconciliation sheet summarizing the offset of proceeds from scrap sales and the handling of hazardous waste, industrial waste, and domestic waste, Party B must settle payment to Party A or vice versa. Based on the reconciliation sheet, the two parties will proceed with payment procedures.*

Điều 3. Trách nhiệm của hai bên

Article 3. Parties' responsibilities

3.1. Trách nhiệm của Bên A/*Party A's responsibilities*

- Bên A thông báo cho bên B thời điểm xuất hàng trước 24 giờ.

Party A shall inform party B of the goods release time 24 hours in advance.

- Tập hợp tất cả phế liệu trong kho trước khi bên B đến lấy phế liệu.

Gathering all scraps in the store before party B comes to take the scraps

- Cử nhân viên giám sát quá trình thu gom phế liệu của bên B tại nhà máy.

Gathering all scraps in the store before party B comes to take the scraps.

- Lập hoá đơn hàng tháng dựa trên khối lượng thực tế giao nhận giữa hai bên.

Ap pointing its staff to supervise the process of Party B's scraps collection at the factory.

- Phối hợp với bên B trong việc cung cấp thông tin khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Cordinate with B in providing related information as requested by authorities

3.2. Trách nhiệm của Bên B/*Party B's responsibilities*

- Đảm bảo việc thu gom, vận chuyển và xử lý những phế liệu này tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ Môi trường của Việt Nam.

- *Ensure that the collection, transportation and treatment of these scraps comply with Vietnam's environmental protection laws.*

- Có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục, giấy tờ và giấy phép cần thiết để thực hiện hợp đồng. Khi luật môi trường của Việt Nam có thay đổi phải bổ sung ngay những giấy tờ cần thiết.

- Taking responsibility for completing all documents, procedures and licenses to perform the contract.

- Phối hợp với Bên A thực hiện các bước sơ hủy, tiêu hủy theo đúng quy định của Hải quan.

- Coordinate with Party A to carry out the preliminary disposal and destruction steps in accordance with Customs regulations.

+ Đối với nguyên liệu, vật tư, công cụ dụng cụ, phế liệu, phế phẩm không chứa thành phần nguy hại thực hiện sơ hủy tại kho của bên A.

+ For materials, supplies, tools, instruments, scrap, and waste products that do not contain hazardous components, initial disposal will be carried out at Party A's warehouse.

+ Đối với nguyên liệu, vật tư, công cụ dụng cụ, phế liệu, phế phẩm chứa thành phần nguy hại, hoặc chất thải công nghiệp thông thường không còn giá trị thương mại cần xử lý, thực hiện sơ hủy tại kho của bên B: Lô CN 33-34, Cụm công nghiệp Phú Thứ, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, Hải Dương.

+ For materials, supplies, tools, instruments, scrap, and waste products containing hazardous components, or regular industrial waste with no commercial value that requires processing, initial disposal will be carried out at Party B's warehouse: Lot CN 33-34, Phu Thu Industrial Cluster, Phu Thu, Kinh Mon, Hai Duong.

- Có phương án sơ hủy, tiêu hủy phù hợp với từng loại phế liệu theo quy định của pháp luật hiện hành và thỏa thuận của 2 bên.

- Have a disposal and destruction plan suitable for each type of scrap in accordance with current legal regulations and the agreement of both parties.

- Thu gom các loại phế liệu tại kho chứa của bên A vào ngày hai bên thống nhất. Trong trường hợp bên A yêu cầu bên B thu gom phế liệu vào các ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì phải báo cho bên B trước một ngày.

- Collecting scraps on fixed days in weeks at party A's store. In case party A requests party B to collect scraps on holidays or national festival days, it should inform party B 01 days.

- Chuẩn bị và cung cấp các thùng chứa, các bao PP hai lớp cho bên A đựng phế liệu.

- Prepare and supply containers, double-layered PP bags for side A waste bin.

- Dọn nhà kho sau khi thu gom phế liệu.

- Cleaning the store after collecting and confirming cleaning state with party A before leaving.

- Tuân thủ nghiêm các quy định và nội quy của bên A.

- Strictly abiding by the regulations of party A's factory.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm liên quan đến phế liệu kể từ khi bốc lên xe vận chuyển và ra khỏi nhà máy của bên A.

- Taking full responsibility for scraps since they are loaded in vehicles and left party A's factory.

- Bên B chịu trách nhiệm mở tờ khai Hải quan 2 đầu.

Party B is responsible for opening customs declarations (include import and export)

Điều 4. Thời hạn hợp đồng/*Contract term*

- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2025.

The contract is effective from the date signed to December 31st , 2025.

Điều 5. Điều khoản chung/*General commitment*

- Các bên thống nhất nghiêm túc tuân thủ các qui định tại Nghị định 13/2023/NĐ-CP về Bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày 17/04/2023 đối với toàn bộ các thông tin liên quan đến hợp đồng này.

- The parties agree to strictly comply with the regulations in Decree 13/2023/ND-CP on Personal Data Protection dated April 17, 2023 for all information related to this contract.

- Bên A sẽ xử lý Dữ liệu Cá nhân do Bên B tiết lộ, chia sẻ hoặc cung cấp cho Bên A trong quá trình thực hiện Hợp đồng này . Việc xử lý Dữ liệu Cá nhân của Bên A bao gồm bất kỳ hoạt động hoặc tập hợp các hoạt động được thực hiện trên Dữ liệu Cá Nhân, bất kể bằng các phương tiện tự động hay không, như thu thập, ghi chép, tổ chức, cấu trúc, lưu trữ, điều chỉnh hoặc thay đổi, truy xuất, tham vấn, sử dụng, tiết lộ bằng cách truyền tải, phổ biến hoặc cách thức khác làm cho dữ liệu được hình thành, căn chỉnh hoặc kết hợp, hạn chế hoặc hủy. Bên B xác nhận và đồng ý Bên A sẽ xử lý Dữ liệu Cá nhân khi cần thiết để phục vụ việc ký kết và thực hiện Hợp đồng này, bao gồm việc tiết lộ, chia sẻ, cung cấp cho Bên thứ Ba là các khách hàng, nhà thầu, các công ty đánh giá, công ty liên kết....của Bên A Trong trường hợp Dữ liệu Cá nhân được Bên B tiết lộ, chia sẻ hoặc cung cấp cho Bên A, Bên B sẽ đảm bảo và xác nhận rằng việc cung cấp Dữ liệu của Bên B đã tuân thủ đúng Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân hiện hành và Bên B có trách nhiệm Thông báo việc tiết lộ/chia sẻ/ cung cấp thông tin này cho cho nhân viên hoặc các cá nhân có liên quan đến Dữ liệu Cá nhân và đã có được sự đồng ý của họ. Bên B sẽ chịu toàn bộ trách nhiệm đối với tính chính xác, chất lượng và tính hợp pháp của Dữ liệu Cá Nhân mà Bên B đã chuyển giao cho Bên A, đồng thời, Bên B xác nhận rằng việc Bên A xử lý Dữ liệu Cá nhân do Bên B cung cấp sẽ không vi phạm quyền của bất kỳ chủ thể dữ liệu cá nhân nào, bao gồm cả những chủ thể đã rút lại sự đồng ý hoặc có yêu cầu xóa dữ liệu cá nhân của mình sau thời điểm cung cấp.

Party A will process the Personal Data which be disclosed, shared, or provided by Party B during the execution of this Contract. Party A's processing of Personal Data includes any operation or set of operations performed on Personal Data, whether by automated means or otherwise, such as collection, recording, organization, structuring, storage, adaptation or alteration, retrieval, consultation, use, disclosure by transmission, dissemination or otherwise making the data available, alignment or combination, restriction, or destruction. Party B confirms and agrees that Party A will process Personal Data as necessary for the

conclusion and performance of this Contract, including disclosure, sharing, or provision to Third Parties such as Party A's customers, contractors, evaluation companies, affiliated companies,etc.

In the event that Personal Data is disclosed, shared, or provided to Party A by Party B, Party B will ensure and confirm that the provision of such Data complies with the current Personal Data Protection Laws and that Party B is responsible for informing the employees or individuals related to the Personal Data about such disclosure/sharing/provision and has obtained their consent. Party B will bear full responsibility for the accuracy, quality, and legality of the Personal Data transferred to Party A and confirms that Party A's processing of the Personal Data provided by Party B will not infringe the rights of any data subjects, including Including those who withdraw their consent or request deletion their personal data after providing time.

- Hợp đồng này được xác lập trên cơ sở bàn bạc thoả thuận và đi đến thống nhất giữa hai bên. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ký trong hợp đồng.

- *Two parties commit that they shall strictly perform all provisions as agreed under this contract. Neither party shall change or terminate this contract at its discretion without the writing consent of the other party. Any modification or amendment to this contract should be made in Appendices.*

- Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng khi phát hiện thấy Bên B vi phạm các quy định của hợp đồng này và của pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường mà không cần báo trước và yêu cầu bồi thường thiệt hại phát sinh.

- *Party A is entitled to terminate the contract, if it is found that Party B breaches its obligation in the contract or breach Vietnamese regulations on environment protection, without prior notice and claim for damages.*

- Trong trường hợp một trong hai bên muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 30 ngày và thực hiện đầy đủ các thủ tục thanh lý hợp đồng.

- *In case one of two side want to unilaterally terminate the Contract, it shall notify to the other in writing before 30 days and fully respond on doing liquidate the Contract.*

- Hợp đồng tự động thanh lý khi các bên hoàn tất nghĩa vụ của mình.

- *The contracts will be automatically liquidated when both parties fulfill their obligations*

- Trường hợp xảy ra các tình huống chưa được quy định trong hợp đồng, bên A và bên B sẽ cùng bàn bạc trên tinh thần hợp tác.

- *During the contract performance, if there is any difficulty, two parties shall agree to discuss and settle.*

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng song ngữ tiếng Việt – Anh có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản làm cơ sở thực hiện.Trong trường hợp có xảy ra tranh chấp bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên sử dụng./.

- *This contract is made in 04 copies in dual lingual Vietnamese- English with adequate juridical value. Each party shall keep 02 copies of each serving as the base of their performance. In case of any difference, the Vietnamese copy shall prevail ./.*

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
PARTY A'S REPRESENTATIVE	*PARTY B'S REPRESENTATIVE*
CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC KINH DOANH
YIU KA SO	Phạm Hồng Túi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

=======o0o=======

REGINA MIRALE INTERNATIONAL HY
CONTRACT
No: H.Y-.S.2024-.00.245.....

HỢP ĐỒNG
CONTRACT

(V/v: Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải)

Ref: Transporting and treating waste

số/ *No:* 47/2024/HĐ-VCXLCT/DRET-RMIH

- Căn cứ vào Bộ luật Dân sự số: 91/2015/QH113 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017;

Pursuant to the Civil Code No. 91/2015/QH113 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam effective from January 1, 2017;

- Căn cứ Nghị định 13/2023/NĐ-CP về Bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày 17/04/2023;

Pursuant to Decree 13/2023/ND-CP on Personal Data Protection dated April 17, 2023;

- Căn cứ vào Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ngày 17 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2022;

Pursuant to the Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam dated November 17, 2020 effective from January 1, 2022;

- Căn cứ vào Nghị định số: 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường có hiệu lực từ ngày 10/01/2022;

Pursuant to Decree No. 08/2022/ND-CP dated January 10, 2022 detailing a number of articles of the Law on Environmental Protection effective from January 10, 2022;

- Căn cứ Thông tư số: 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 có hiệu lực thi hành ngày 10 tháng 01 năm 2022;

Pursuant to Circular No. 02/2022/TT-BTNMT dated January 10, 2022 effective from January 10, 2022;

- Căn cứ Giấy phép Môi trường số 122-GPMT-BTNMT cấp ngày 27 tháng 04 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường;

Pursuant to Environmental License No.122-GPMT-BTNMT issued on April 27, 2023 by the Ministry of Natural Resources and Environment to Development for Resources Environmental Technology Joint Stock Company;

- Căn cứ vào Quyết định số 40/2018/QĐ-UBND cấp ngày 5 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Pursuant to Decision No. 40/2018/QD-UBND dated November 5, 2018 of the People's Committee of Hung Yen province.

- Căn cứ hợp đồng xử lý chất thải số 11.11-01/HĐKT ngày 11 tháng 11 năm 2024 giữa Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường và Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường.

- Pursuant to waste treatment contract No. 11.11-01/HDKT dated November 11, 2024 between Development for Resources Environmental Technology Joint Stock Company and the Center for Natural Resources and Environment Engineering.

Hôm nay, ngày 12/11/2024, chúng tôi gồm có:

Today, November 12th 2024, we are:

BÊN A: CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

PARTY A : REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HUNG YEN COMPANY LIMITED

Địa chỉ : Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Address : Land Lot L6, Pho Noi B Textile Industrial Zone, Di Su Ward, My Hao Town, Hung Yen Province, Vietnam.

Mã số thuế : 0901038658 — *Tax code:* 0901038658

Đại diện : Ông **YIU KA SO** — Chức vụ: **Tổng giám đốc**

*Represented by: Mr. **YIU KA SO*** — *Position: **General Director***

Tài khoản số : **1021000022888** (VNĐ), Tại Ngân hàng Vietcombank - chi nhánh Phố Hiến, Hưng Yên.

*Account No. : **1021000022888** (VND), At Vietcombank – Pho Hien, Hung Yen Branch*

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

PARTY B: DEVELOPMENT FOR RESOURCES ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY (DRET., JSC)

Người đại diện: Ông Phạm Hồng Tú — Chức vụ: Giám đốc kinh doanh

Representative: Mr. Pham Hong Tu — *Position: Business Director*

Địa chỉ VP: Khu Tập thể Z 176B, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Office address: Z 176B Collective area, Duong Xa Commune, Gia Lam District, Ha Noi City.

Điện thoại: 0243.5626204 — *Phone:* 0243.5626204

Mã số thuế: 0101 425 947 — *Tax code:* 0101 425 947

Tài khoản số: 69698338 tại ngân hàng ACB – CN Thăng Long - PGD Hoài Đức

Account No.: 69698338 at ACB Bank - Thang Long Branch – Hoai Duc Transaction Office.

Sau khi bàn bạc thỏa thuận hai bên cùng nhất trí ký kết Hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải với những nội dung sau:

After the discussion, two parties agree to conclude this contract upon the following terms and conditions:

Điều 1. Nội dung công việc

Article 1. Scope of work

- Bên A đồng ý giao, bên B đồng ý nhận thực hiện việc vận chuyển và xử lý chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất của bên A. Chất thải cụ thể như sau:

- Party A agrees to hire party B to transport and treat the waste discharged from Party A's production process. All types of specific waste shad be shown as follows:

TT *Ord*	Tên chất thải *List of waste*	Trạng thái *Stage*	Phương pháp xử lý/ *treatment method*
1	Chất thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại (mút vụn, vải vụn, bìa vụn, nilon vụn,...) thạch cao, vật liệu bảo ồn điều hòa *Industrial waste (foam scraps, fabric scraps, cardboard scraps, plastic scraps...), plaster, insulation materials for air conditioners*	Rắn Solid	Phân loại, tái chế thành phần còn khả năng tái chế, phần không tái chế thiêu hủy trong lò đốt *Classify and recycle recyclable items, non-recyclable items are burned in an incinerator*
2	Chất thải sinh hoạt không chứa thành phần nguy hại, không còn giá trị thương mại *Domestic waste does not contain hazardous ingredients, no commercial value*	Rắn Solid	Thiêu đốt *Burn*

Vận chuyển và xử lý chất thải này tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường của Việt Nam

Transporting and treating the waste as well as reprocessing should be in accordance with the Vietnam law of management and environment protection.

Điều 2: Địa điểm, thời gian giao nhận, số lượng, phương tiện vận chuyển

Article 2. Place and time of delivery, quantity and means of transport

2.1. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho lưu giữ của bên A: Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Place for waste delivery and receipt: at the store of Party A: Lot L6, Pho Noi B Textile Industrial Zone, Di Su Ward, My Hao Town, Hung Yen Province, Vietnam.

2.2. Địa điểm lưu giữ và xử lý/ *Place of storage and treatment:*

2.2.1. Địa điểm lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp: Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường- Lô 33-34 cụm CN Phú Thứ, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, Hải Dương.

Place of industrial waste storage and treatment: Development for Resources Environmental Technology JSC- Lot 33-34 Phu Thu Industrial Cluster, Phu Thu, Kinh Mon, Hai Duong.

2.2.2. Địa điểm lưu giữ và xử lý chất thải sinh hoạt: Nhà máy xử lý rác thải Dị Sử, thị xã Mỹ Hào trực thuộc Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường.

Place of domestic storage and treatment: Di Su waste treatment plant, My Hao town belongs to the Natural Resources and Environmental Technical Center

2.3. Thời gian giao nhận: Được thực hiện khi có sự yêu cầu của bên A và sau khi bên B bố trí được nhân lực.

Time of delivery and receipt: shall be as requested by party A and after party B arranges its workforce.

2.4. Số lượng hàng hóa: Căn cứ vào lượng chất thải phát sinh của bên A

Quantity of goods: based on the waste discharged from the waste source owner.

2.5. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện chuyên dụng, sắp xếp người cho hàng lên xe.

Means of transport: Party B shall be responsible for arranging the specialized vehicles and workforce.

Điều 3. Đơn giá vận chuyển-xử lý và phương thức thanh toán

Article 3: Transporting and Treatment price and mode of payment

3.1. Đơn giá vận chuyển -xử lý

3.1 Transporting and Treatment price

- Đơn giá vận chuyển xử lý được thể hiện theo bảng giá dưới đây:

- The Transporting and treatment price of waste shall be shown as follows:

Stt No	Tên chất thải công nghiệp thông thường *Name of Industrial waste*	Số lượng (Kg) *Quantity*	Đơn giá (VNĐ) *Unit price*
1.	Chất thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại (mút vụn, vải vụn, bìa vụn, nilon vụn ...), thạch cao, vật liệu bảo ồn điều hòa. *Industrial waste (foam scraps, fabric scraps, cardboard scraps, plastic scraps...), plaster, insulation materials for air conditioners*	01	1.200
2.	Chất thải sinh hoạt không chứa thành phần nguy hại, không còn giá trị thương mại. *Domestic waste*	01	2.500

Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT. Đơn giá có giá trị trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực.

The above unit price not yet included VAT. The unit price shall be valid within the Contract's validity.

3.2. Phương thức thanh toán

3.2. Payment method

- Hai bên sẽ chốt khối lượng vào ngày 25 hàng tháng, sau đó bên B chuyển đầy đủ chứng từ thanh toán hợp lệ cho bên A trước ngày mồng 5 hàng tháng, bên A thanh toán cho bên B vào ngày cuối cùng của tháng đó, nếu bên B chuyển chứng từ cho bên A sau ngày mồng 5 của tháng, bên A sẽ thanh toán cho bên B vào ngày cuối cùng của tháng kế tiếp. Giá trị thanh toán là khối lượng công việc thực tế bên B thực hiện cho bên A trong tháng đó.

- The two sides will finalize the volume on the 25th of every month, party B shall transfer all valid payment documents to Party A by the 5th day of each month, Party A shall pay Party B on the last day of that month, if Party B transfers documents to Party A after the 5th day of month, Party A will pay Party B on the last day of the next month. Payment value is the actual workload performed by Party B for Party A in that month.

- Thanh toán bằng chuyển khoản.

- Currency for payment: account transfer.

Điều 4. Trách nhiệm của các bên

Article 4. The Parties' responsibility

4.1. Trách nhiệm của bên A

4.1. Party A's responsibility

- Trước mỗi đợt bàn giao chất thải, bên A phải thông báo cho bên B trước 24 giờ để bên B có thời gian bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển.

- For each delivery, party A should inform party B 24 hours in advance so that party B shall have the time to arrange its workforce and vehicles.

- Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên B thực hiện các hoạt động chuyên môn, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện và triển khai công việc để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng và thanh toán.

- To appoint the technicians to coordinate with party B to implement the professional activities and settle any problems during the work performance for the basis of quantity acceptance and payment.

- Thanh toán đầy đủ kinh phí cho bên B theo đúng nội dung của Hợp đồng sau khi bên A nhận được các chứng từ và hóa đơn thanh toán hợp lệ từ bên B.

- To make the full payment to party B as agreed in the contract after party A has received all eligible documents and invoice from party B.

- Định kỳ có trách nhiệm báo cáo với cơ quan chức năng về quá trình thực hiện quản lý chất thải theo quy định của Nhà nước.

- To periodically report the competent authorities the management of harmful waste in accordance with the State's regulations.

4.2 Trách nhiệm của bên B

4.2 Party B's responsibility

- Nhanh chóng bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển khi có sự yêu cầu bàn giao chất thải và thông báo cho bên A thời gian đến nhận chất thải.

- To fast arrange its workforce and vehicles after the request of waste delivery and inform party A of the time for coming to receive the waste.

- Thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định ra vào công ty, nội quy phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh môi trường khi làm việc tại địa bàn của bên A.

- To strictly perform all regulations of entry and leaving as well as the rules of fire-prevention and environment sanitation safety in case of working in Party A's area.

- Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên A thực hiện các hoạt động chuyên môn để triển khai công việc cũng như giám sát trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển và xử lý chất thải.

- To appoint its staff and technicians to coordinate with party A to perform the professional activities such as: supervising the process of harmful waste loading, transporting and handling.

- Nếu có bất cứ vấn đề gì phát sinh trong quá trình thực hiện đều phải có thông báo bằng văn bản cho bên A để cùng phối hợp giải quyết.

- If any problem is arisen during the performance, it should inform party A in writing for settlement.

Điều 5. Bất khả kháng

Article 5. Force Majuere

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc nguy cơ xảy ra chiến tranh,... Và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thì:

- Force majuere events are the ones occurred objectively and out of the parties' control such as: earthquake, storms, floods, tsunami, landslide, fire, wars or war risks....and unforeseeable events, policies change or any prohibitions of Vietnam competent authorities. In case of any force majuere events:

+ Hai bên sẽ tiến hành thảo luận tìm cách để tháo gỡ khó khăn, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhau trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ.

+ Two parties shall make the discussion to settle any difficulties and provide the convenience to each other in the support spirit.

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tôi đa những ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Two parties shall make suitable prevention measures and necessary replacement measures to minimize any effect of force majuere events.

+ Thông báo ngay cho bên kia ngay sau khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng để cùng phối hợp giải quyết.

+ Either party shall promptly inform the other party of any occurrence of force majuere events for settlement coordination.

Điều 6. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

Article 6. Responsibility for the contract breach

- Các bên thống nhất nghiêm túc tuân thủ các qui định tại Nghị định 13/2023/NĐ-CP về Bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày 17/04/2023 đối với toàn bộ các thông tin liên quan đến hợp đồng này.

- The parties agree to strictly comply with the regulations in Decree 13/2023/ND-CP on Personal Data Protection dated April 17, 2023 for all information related to this contract.

- Hai bên tham gia tự chịu trách nhiệm trước Pháp luật về các cam kết đã thỏa thuận trong Hợp đồng, không được đơn phương sửa đổi nội dung hay hủy bỏ Hợp đồng. Mọi sự thay đổi bổ sung các điều khoản đều phải được sự nhất trí của hai bên và được lập thành văn bản mới có giá trị.

- Two concerned parties shall be self-responsible to the law for their commitment as agreed in this contract. They shall not unilaterally modify any contractual content or terminate this contract. Every amendment or modification to this contract's provision is only valid if it is agreed and made in writing by two parties.

- Trong quá trình thực hiện hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện Hợp đồng, nếu có gì vướng mắc kịp thời thông báo cho nhau, cùng bàn bạc tìm cách giải quyết trên cơ sở hợp tác đảm bảo lợi ích cho cả hai bên. Trường hợp có tranh chấp không tự giải quyết được sẽ khiếu nại với Tòa án kinh tế Hải Phòng để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là cuối cùng buộc

các bên phải thực hiện. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp và các thiệt hại kinh tế liên quan do bên có lỗi chịu.

- *During the contract performance, two parties shall inform each other of the progress of performance. If any difficulty, they should timely inform each other and find out the solution on the basis of cooperation and mutual benefits. In case any dispute cannot settled by two parties, such dispute shall be submitted to Hai Phong Economic Court for settlement. The award is final and binding on two parties for performance. The arbitration fee and relevant economic damages shall be borne by the losing party.*

- Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng khi phát hiện thấy Bên B vi phạm các quy định của hợp đồng này và của pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường mà không cần báo trước và yêu cầu bồi thường thiệt hại phát sinh.

- *Party A is entitled to terminate the contract, if it is found that Party B breaches its obligation in the contract or breach Vietnamese regulations on environment protection, without prior notice and claim for damages.*

- Trong trường hợp một trong hai bên muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 30 ngày và thực hiện đầy đủ các thủ tục thanh lý hợp đồng.

- *In case one of two side want to unilaterally terminate the Contract, it shall notify to the other in writing before 30 days and fully respond on doing liquidate the Contract.*

Điều 7: Hiệu lực của Hợp đồng

Article 7. Contract's validity

- Phụ lục hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2025.

This appendix is effective from the date signed to December 31st , 2025.

- Hợp đồng tự động thanh lý khi các bên hoàn tất nghĩa vụ của mình.

- *The contracts will be automatically liquidated when both parties fulfill their obligations.*

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng song ngữ tiếng Việt - Anh có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản làm cơ sở thực hiện. Trong trường hợp có xảy ra tranh chấp bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên sử dụng.

- *This contract is made in 04 copies in dual lingual Vietnamese- English with adequate juridical value. Each party shall keep 02 copies of each serving as the base of their performance. In case of any difference, the Vietnamese copy shall prevail.*

ĐẠI DIỆN BÊN A **PARTY A'S REPRESENTATIVE**	**ĐẠI DIỆN BÊN B** **PARTY B'S REPRESENTATIVE**
CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN TỔNG GIÁM ĐỐC YIU KA SO	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG GIÁM ĐỐC KINH DOANH Phạm Hồng Túi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Independence - Freedom - Happiness

=======o0o=======

REGINA MIRALE INTERNATIONAL HY
CONTRACT
No: HY.-S2024-00246

HỢP ĐỒNG
CONTRACT

V/v: Vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

Ref: transporting and treating hazardous waste

Số/ No.: 48/2024/HĐXLCTNH/DRET-RMIH

- Căn cứ vào Bộ Luật dân sự Số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ngày 24 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- *Pursuant to Civil Law No. 91/2015/QH13 by National Assembly of S.R of Vietnam dated 24/11/2015 coming into effect on 01/01/2017;*
- Căn cứ Nghị định 13/2023/NĐ-CP về Bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày 17/04/2023;
- *Pursuant to Decree 13/2023/ND-CP on Personal Data Protection dated April 17, 2023;*
- Căn cứ vào Luật Bảo vệ Môi trường Số 72/2020/QH14 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ngày 17 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2022;
- *Pursuant to Law of Environment Protection No.* 72/2020/QH14 *by National Assembly of S.R of Vietnam dated 17/11/2020 coming into effect on 01/01/2022;*
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 1 năm 2022 có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 1 năm 2022;
  Pursuant to Circular No. 02/2022/TT-BTNMT dated January 10, 2022 effective from January 10, 2022;
- Căn cứ Giấy phép Môi trường số 122-GPMT-BTNMT cấp ngày 27 tháng 04 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường;
  Pursuant to Environmental License No.122-GPMT-BTNMT issued on April 27, 2023 by the Ministry of Natural Resources and Environment to Development for Resources Environmental Technology JSC;
- Căn cứ vào đề nghị của Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên và khả năng của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường.
  Pursuant to the suggestion of Regina Miracle International Hung Yen Company Limited and the ability of Natural Resources and Environment to Development for Resources Environmental Technology JSC.

Hôm nay, ngày 12 tháng 11 năm 2024, chúng tôi gồm có:

Today, November 12th 2024, we are:

BÊN A: CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

PARTY A : REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HUNG YEN COMPANY LIMITED

Địa chỉ : Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Address : Land Lot L6, Pho Noi B Textile Industrial Zone, Di Su Ward, My Hao Town, Hung Yen Province, Vietnam.

Mã số thuế : 0901038658 *Tax code:* 0901038658

Đại diện : Ông **YIU KA SO** Chức vụ: **Tổng giám đốc**

Represented by: Mr. YIU KA SO *Position: General Director*

Tài khoản số : **1021000022888** (VNĐ), Tại Ngân hàng Vietcombank - chi nhánh Phố Hiến, Hưng Yên.

Account No. : **1021000022888** *(VND), At Vietcombank – Pho Hien, Hung Yen Branch*

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

PARTY B: DEVELOPMENT FOR RESOURCES ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY (DRET., JSC)

Người đại diện: Ông Phạm Hồng Tú Chức vụ: Giám đốc kinh doanh

Representative: Mr. Pham Hong Tu *Position: Business Director*

Địa chỉ VP: Khu Tập thể Z 176B, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Office address: Z 176B Collective area, Duong Xa Commune, Gia Lam District, Ha Noi City.

Điện thoại: 0243.5626204 *Phone:* 0243.5626204

Mã số thuế: 0101 425 947 *Tax code:* 0101 425 947

Tài khoản số: 69698338 tại ngân hàng ACB – CN Thăng Long - PGD Hoài Đức

Account No.: 69698338 at ACB Bank - Thang Long Branch – Hoai Duc Transaction Office.

Sau khi bàn bạc thỏa thuận hai bên cùng nhất trí ký kết Hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với những nội dung sau:

After the discussion, two parties agree to conclude this contract upon the following terms and conditions:

Điều 1. Bên A thuê bên B thực hiện những công việc sau:

Article 1. Party A hires party B to perform the following work:

- Bên A đồng ý giao, bên B đồng ý nhận thực hiện việc vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh trong quá trình sản xuất của bên A. Các loại chất thải cụ thể như sau:

- *Party A agrees to hire party B to transport and treat the harmful waste discharged from Party A 's production process. All types of specific waste shall be shown as follows:*

Stt Ord	Tên chất thải nguy hại Name of harmful waste	Trạng thái tồn tại Existing state	Mã CTNH Code	Phương pháp xử lý Treatment method
1	Nước thải có các thành phần nguy hại *Wastewater*	Lỏng Liquid	19 10 01	Thiêu đốt *Burn*
2	Mực in thải *Waste ink*	Rắn Solid	08 02 01	Thiêu đốt *Burn*
3	Hộp mực in thải *Waste ink cartridge*	Rắn Solid	08 02 04	Thiêu đốt *Burn*
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại *Absorbing matter, filtering material, clout, saving cloth acquired poisonous clements*	Rắn Solid	18 02 01	Thiêu đốt *Burn*
5	Bao bì mềm thải *Soft packaging waste*	Rắn Solid	18 01 01	Thiêu đốt *Burn*
6	Bóng đèn huỳnh quang thải *Waste fluorescent lamp*	Rắn Solid	16 01 06	Xử lý bằng hệ thống xử lý bóng đèn huỳnh quang *Separating, chemically treating and solidifying*
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải *Waste oil*	Lỏng/ Liquid	17 02 03	Thiêu đốt *Burn*
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại *Waste from rigid metal packaging*	Rắn Solid	18 01 02	Thiêu đốt *Burn*
9	Bao bì cứng thải bằng nhựa *Waste from rigid plastic packaging*	Rắn Solid	18 01 03	Thiêu đốt *Burn*
10	Pin, ắc quy thải	Rắn/ Solid	16 01 12	Thiêu đốt

	Waste cell. battery			*Burn*
11	Chất thải y tế *Medical Waste*	Rắn/Solid	13 01 01	Thiêu đốt *Burn*
12	Chất kết dính thải *Waste binder*	Rắn/Solid	08 03 01	Thiêu đốt *Burn*
13	Than hoạt tính từ quá trình xử lý khí thải *Activated carbon from the exhaust treatment process*	Rắn/Solid	12 01 04	Thiêu đốt *Burn*
14	Bùn thải có chứa thành phần nguy hại *Waste sludge*	Bùn/Sludge	12 06 05	Thiêu đốt *Burn*

- Vận chuyển và xử lý những chất thải nguy hại này tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về Quản lý chất thải nguy hại và Bảo vệ Môi trường của Việt Nam.

- *Transporting and treating the harmful waste as well as reprocessing should be in accordance with the Vietnam law of harmful management and environment protection.*

Điều 2. Địa điểm, thời gian giao nhận, số lượng, phương tiện vận chuyển

Article 2. Place and time of delivery, quantity and means of transport

2.1. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho lưu giữ của Công ty bên A: Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

2.1. Place for waste delivery and receipt: at the store of Party A: Land Lot L6, Pho Noi B Textile Industrial Zone, Di Su Ward, My Hao Town, Hung Yen Province, Vietnam

2.2. Địa điểm lưu giữ và xử lý:

- Nhà máy của bên B: Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường – Lô 33-34 cụm Công nghiệp Phú Thứ, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, Hải Dương.

2.2. Place of storage and treatment:

- Party B's factory: Development for Resources Environmental Technology JSC - Lot 33-34 Phu Thu Industrial Cluster, Phu Thu, Kinh Mon, Hai Duong

2.3. Thời gian giao nhận: Được thực hiện khi có sự yêu cầu của bên A và sau khi bên B bố trí được nhân lực.

2.3. Time of delivery and receipt: shall be as requested by party A and after party B arranges its workforce.

2.4. Số lượng hàng hóa: Căn cứ vào lượng chất thải phát sinh của Bên A.

2.4. Quantity of goods: based on the waste discharged from the waste source owner.

2.5. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển chuyên dụng, sắp xếp người cho hàng lên xe.

2.5. Means of transport: Party B shall be responsible for arranging the specialized vehicles and workforce.

Điều 3. Đơn giá vận chuyển-xử lý và thể thức thanh toán

Article 3: Transporting and Treatment price and mode of payment

3.1. Đơn giá vận chuyển -xử lý

3.1 Transporting and Treatment price

- Đơn giá vận chuyển xử lý từng loại chất thải thể hiện theo bảng sau được thể hiện theo bảng giá dưới đây:

- The treatment price for each type of waste shall be shown as follows:

Stt *Ord*	Tên chất thải nguy hại *Name of harmful waste*	Số lượng (Kg) *Quantity*	Đơn giá (VNĐ) *Unit Price*
1	Nước thải có các thành phần nguy hại /*Wastewater*	01	2.200
2	Mực in thải /*Waste ink*	01	2.500
3	Hộp mực in thải /*Waste ink cartridge*	01	2.400
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại *Absorbing matter, filtering material, clout, saving cloth acquired poisonous clements*	01	2.700
5	Bao bì mềm thải /*Soft packaging waste*	01	2.300
6	Bóng đèn huỳnh quang thải/*Waste fluorescent lamp*	01	2.300
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải *Waste oil*	01	800
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại *Waste from rigid metal packaging*	01	1.600
9	Bao bì cứng thải bằng nhựa *Waste from rigid plastic packaging*	01	1.600
10	Pin, ắc quy thải /*Waste cell, battery*	01	2.500
11	Chất kết dính thải /*Waste binder*	01	3.400

12	Than hoạt tính từ quá trình xử lý khí thải *Activated carbon from the exhaust treatment process*	01	2.300
13	Chất thải y tế/*Medical Waste*	01	5.500
14	Bùn thải có chứa thành phần nguy hại/*Waste sludge*	01	1.600

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT 0%.
- *The above unit price not yet included VAT 0%.*
- Đơn giá được duy trì trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực
- *The unit price shall be valid within the Contract's validity*

3.2. Phương thức thanh toán

3.2. *Payment method*

- Hai bên sẽ chốt khối lượng vào ngày 25 hàng tháng, sau đó bên B chuyển đầy đủ chứng từ thanh toán hợp lệ cho bên A trước ngày mồng 5 hàng tháng, bên A thanh toán cho bên B vào ngày cuối cùng của tháng đó, nếu bên B chuyển chứng từ cho bên A sau ngày mồng 5 của tháng, bên A sẽ thanh toán cho bên B vào ngày cuối cùng của tháng kế tiếp. Giá trị thanh toán là khối lượng công việc thực tế bên B thực hiện cho bên A trong tháng đó.
- *The two sides will finalize the volume on the 25th of every month, party B shall transfer all valid payment documents to Party A by the 5th day of each month, Party A shall pay Party B on the last day of that month, if Party B transfers documents to Party A after the 5th day of month, Party A will pay Party B on the last day of the next month. Payment value is the actual workload performed by Party B for Party A in that month.*
- Thanh toán bằng chuyển khoản.
- *Currency for payment: account transfer.*

Điều 4. Trách nhiệm của các bên

Article 4. The Parties' responsibility

4.1. Trách nhiệm của bên A

4.1. Party A's responsibility

- Trước mỗi đợt bàn giao chất thải nguy hại, bên A phải thông báo cho bên B trước 24 giờ để bên B có thời gian bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển.
- *For each delivery, party A should inform party B 24 hours in advance so that party B shall have the time to arrange its workforce and vehicles.*
- Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân lực và phương tiện của chủ Quản lý chất thải nguy hại vào điểm tập kết chất thải để thực hiện bốc xếp CTNH lên phương tiện vận chuyển phù hợp.

- To facilitate the workforce and vehicles of harmful waste management owner to access to the waste gathering area to load the harmful waste to suitable vehicles.

- Kiểm tra phương tiện vận chuyển phải có trong danh sách giấy phép Môi trường được Bộ Tài Nguyên và Môi trường cấp phép mới cho bên B bốc chất thải lên xe.

- To check whether the vehicles are included in the List of Environmental License issued by Ministry of Natural Resources and Environment or not, then permitting party B to load the wastes to vehicles.

- Chuyển giao chất thải cho bên B, lập chứng từ CTNH theo như quy định của Thông tư Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 có hiệu lực thi hành ngày 10/01/2022. Yêu cầu ghi rõ tên – số lượng CTNH bàn giao, đại diện có thẩm quyền ký và đóng dấu xác nhận, giữ lại liên 1 và bàn giao các liên còn lại cho bên B.

- To deliver the waste to party B, preparing the documents of harmful waste as regulated by Circular No. 02/2022/TT-BTNMT *dated 10/01/2022 coming into effect from 10/01/2022. It is required to write clearly the name and the quantity of delivered harmful waste with the signature and seal of authorized representative. Party A shall keep 01 duplicate and the other duplicate shall be delivered to party B.*

- Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên B thực hiện các hoạt động chuyên môn, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện và triển khai công việc để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng và thanh toán.

- To appoint the technicians to coordinate with party B to implement the professional activities and settle any problems during the work performance for the basis of quantity acceptance and payment.

- Thanh toán đầy đủ kinh phí cho bên B theo đúng nội dung của Hợp đồng sau khi bên A nhận được các chứng từ và hóa đơn thanh toán hợp lệ từ bên B.

- To make the full payment to party B as agreed in the contract after party A has received all eligible documents and invoice from party B.

- Định kỳ có trách nhiệm báo cáo với cơ quan chức năng về quá trình thực hiện quản lý chất thải theo quy định của Nhà nước.

- To periodically report the competent authorities the management of harmful waste in accordance with the State's regulations.

4.2 Trách nhiệm của bên B

4.2 Party B's responsibility

- Nhanh chóng bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển khi có sự yêu cầu bàn giao chất thải và thông báo cho bên A thời gian đến nhận chất thải.

- To fast arrange its workforce and vehicles after the request of waste delivery and inform party A of the time for coming to receive the waste.

- Thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định ra vào công ty, nội quy phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh môi trường khi làm việc tại địa bàn của bên A.

- To strictly perform all regulations of entry and leaving as well as the rules of fire-prevention and environment sanitation safety in case of working in Party A's area.

- Thực hiện nhận bàn giao CTNH từ chủ nguồn thải, tổ chức bốc xếp và vận chuyển CTNH bằng phương tiện chuyên dụng được Bộ tài nguyên và Môi trường cấp phép theo đúng các quy định của Nhà nước.

- To hand over the harmful wastes from the discharge source owner; to load and transport the harmful waste by specialized vehicles whose licenses are issued by Ministry of Natural Resources and Environment in accordance with the State regulations.

- Vận chuyển đúng chủng loại CTNH. Đảm bảo vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định về Quản lý chất thải nguy hại và Bảo vệ Môi trường của Việt Nam. Chịu trách nhiệm giải quyết các sự cố xảy ra trên đường vận chuyển và trong quá trình xử lý *(Kể từ lúc nhận chất thải nguy hại và khi ra khỏi cổng nhà máy của bên A).*

- To transport the correct type of harmful waste. To guarantee to transport and treat the harmful waste in accordance with the Vietnam regulations of harmful waste management and environment protection. To be responsible for settling any problems occurred on the way of transport and during the handling process (from the receipt of harmful waste to get out from party A's factory gate)

- Cử cán bộ, nhân viên kỹ thuật phối hợp cùng bên A thực hiện các hoạt động chuyên môn để triển khai công việc cũng như giám sát trong quá trình bốc dỡ, vận chuyển và xử lý CTNH.

- To appoint its staff and technicians to coordinate with party A to perform the professional activities such as: supervising the process of harmful waste loading, transporting and handling.

- Xử lý triệt để và chịu trách nhiệm đến cùng với CTNH của bên A.

- To thoroughly treat and take responsibility for harmful waste together with party A.

- Xác nhận chứng từ CTNH và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bên A.

- To verify the documents of harmful waste to party A after completing its obligations.

- Gửi cho bên A những giấy phép hoạt động Quản lý chất thải nguy hại (Bản công chứng có giá trị) để bên A giải trình khi có sự kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước về Môi trường tại địa phương.

- To send to party A the Licenses of harmful waste management (validly notarized documents) so that party A makes the presentation if any check of State authorities of environment in the locality.

- Nếu có bất cứ vấn đề gì phát sinh trong quá trình thực hiện đều phải có thông báo bằng văn bản cho bên A để cùng phối hợp giải quyết.

- *If any problem is arisen during the performance, it should inform party A in writing for settlement.*

Điều 5. Bất khả kháng

Article 5. Force Majuere

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc nguy cơ xảy ra chiến tranh,.... Và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thì:

- *Force majuere events are the ones occurred objectively and out of the parties' control such as: earthquake, storms, floods, tsunami, landslide, fire, wars or war risks....and unforeseeable events, policies change or any prohibitions of Vietnam competent authorities. In case of any force majuere events*:

+ Hai bên sẽ tiến hành thảo luận tìm cách để tháo gỡ khó khăn, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhau trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ.

+ *Two parties shall make the discussion to settle any difficulties and provide the convenience to each other in the support spirit.*

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa những ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ *Two parties shall make suitable prevention measures and necessary replacement measures to minimize any effect of force majuere events.*

+ Thông báo ngay cho bên kia ngay sau khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng để cùng phối hợp giải quyết.

+ *either party shall promptly inform the other party of any occurrence of force majuere events for settlement coordination.*

Điều 6. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

Article 6. Responsibility for the contract breach

- Các bên thống nhất nghiêm túc tuân thủ các qui định tại Nghị định 13/2023/NĐ-CP về Bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày 17/04/2023 đối với toàn bộ các thông tin liên quan đến hợp đồng này.

- *The parties agree to strictly comply with the regulations in Decree 13/2023/ND-CP on Personal Data Protection dated April 17, 2023 for all information related to this contract.*

- Hai bên tham gia tự chịu trách nhiệm trước Pháp luật về các cam kết đã thỏa thuận trong Hợp đồng, không được đơn phương sửa đổi nội dung hay hủy bỏ Hợp đồng. Mọi sự thay

đổi bổ sung các điều khoản đều phải được sự nhất trí của hai bên và được lập thành văn bản mới có giá trị.

- Two concerned parties shall be self-responsible to the law for their commitment as agreed in this contract. They shall not unilaterally modify any contractual content or terminate this contract. Every amendment or modification to this contract's provision is only valid if it is agreed and made in writing by two parties.

- Trong quá trình thực hiện hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện Hợp đồng, nếu có gì vướng mắc kịp thời thông báo cho nhau, cùng bàn bạc tìm cách giải quyết trên cơ sở hợp tác đảm bảo lợi ích cho cả hai bên. Trường hợp có tranh chấp không tự giải quyết được sẽ khiếu nại với Tòa án kinh tế Hải Phòng để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là cuối cùng buộc các bên phải thực hiện. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp và các thiệt hại kinh tế liên quan do bên có lỗi chịu.

- During the contract performance, two parties shall inform each other of the progress of performance. If any difficulty, they should timely inform each other and find out the solution on the basis of cooperation and mutual benefits. In case any dispute cannot settled by two parties, such dispute shall be submitted to Hai Phong Economic Court for settlement. The award is final and binding on two parties for performance. The arbitration fee and relevant economic damages shall be borne by the losing party.

- Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng khi phát hiện thấy Bên B vi phạm các quy định của hợp đồng này và của pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường mà không cần báo trước và yêu cầu bồi thường thiệt hại phát sinh.

- Party A is entitled to terminate the contract, if it is found that Party B breaches its obligation in the contract or breach Vietnamese regulations on environment protection, without prior notice and claim for damages.

- Trong trường hợp một trong hai bên muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 30 ngày và thực hiện đầy đủ các thủ tục thanh lý hợp đồng.

- In case one of two side want to unilaterally terminate the Contract, it shall notify to the other in writing before 30 days and fully respond on doing liquidate the Contract.

Điều 7. Hiệu lực của Hợp đồng

Article 7. Contract's validity

- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2025.
- *This contract is effective from the date signed to December 31st, 2025.*
- Hợp đồng tự động thanh lý khi các bên hoàn tất nghĩa vụ của mình.

- *The contracts will be automatically liquidated when both parties fulfill their obligations.*
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng song ngữ tiếng Việt - Anh có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản làm cơ sở thực hiện. Trong trường hợp có xảy ra tranh chấp bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên sử dụng./.
- *This contract is made in 04 copies in dual lingual Vietnamese- English with adequate juridical value. Each party shall keep 02 copies of each serving as the base of their performance. In case of any difference, the Vietnamese copy shall prevail.*

ĐẠI DIỆN BÊN A PARTY A'S REPRESENTATIVE	ĐẠI DIỆN BÊN B PARTY B'S REPRESENTATIVE
CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG GIÁM ĐỐC KINH DOANH Phạm Hồng Tới
TỔNG GIÁM ĐỐC YIU KA SO	

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIAL REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

REGINA MIRALE INTERNATIONAL HY
CONTRACT
No: HY.:S2024.:00025.....

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CONTRACT FOR WASTEWATER TREATMENT
Số: 24/2023/ HĐ – XLNT
No. /2023/HD-XLNT

Hợp đồng xử lý nước thải (sau đây gọi là "**Hợp đồng**") được ký kết ngày 30 tháng 12 năm 2023, bởi và giữa các bên có tên dưới đây (sau đây gọi chung là "**Các Bên**", và gọi riêng là "**Bên**";

Contract wastewater treatment (hereinafter referred to as "Contract") is signed on 30th, Dec, 2023, by and between the parties named below (hereinafter referred to as "Parties"), and individually a "Party";

1. **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG DỆT MAY PHỐ NỐI (sau đây gọi tắt là "BênA")**

   PHO NOI TEXTILE AND GARMENT INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY (hereinafter referred to as "Party A")

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0900234755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp đổi lần thứ 7 ngày 06 tháng 10 năm 2022.

  Business Registration Certificate No: No. 0900234755 – issued and had the 7th revision by Department of Planning and Investment of Hung Yen province on 6th Oct, 2022.

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

  Registered address: Pho Noi B Textile and Garment Industrial Park, Nghia Hiep ward, Yen My district, Hung Yen province

- Điện thoại *Phone number*: 0221.3972520
- Fax *Fax number:* 0221.3972540
- Tài khoản số *Bank account* 12280909
- Mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - chi nhánh Hưng Yên
- *Opened at: Asia Commercial Bank- Hung Yen Branch, Vietnam*
- Người đại diện : Ông **Tạ Hữu Doanh** - Tổng giám đốc theo giấy ủy quyền số 480/UQ-PTHT ngày 30/12/2022.

  *Represented by: Mr. **Ta Huu Doanh** - According to the authorization letter No.480/UQ-PTHT on 30th, Dec, 2022.*

2. **CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN**
(sau đây gọi tắt là "Bên B")

REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HUNG YEN CO., LTD **(hereinafter referred to as "Party B")**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0901038658 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp đăng ký lần đầu ngày 18/07/2018, thay đổi lần 4 ngày 20/9/2023.
- *Business Registration Certificate No: 0901038658 issued and had the 1st registration by Business Registration Office - Hung Yen Department of Planning and Investment on 18, July, 2018; issued and had the 4th on 20th Sep, 2023.*
- Địa chỉ: Lô đất số L6, Khu công Nghiệp Dệt may Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

  Registered address: : Lot L6, Pho Noi B Texile and Garment Industrial Park, Di Su ward, My Hao District, Hung Yen, Viet Nam
- Điện thoại:

  Phone number:
- Tài khoản: 90322331018 Standard Charter Bank Việt Nam

  Bank account: 90322331018 Standard Charter Bank Viet Nam
- Mở tại/ *Opened at*: Standard Charter Bank Việt Nam
- Đại diện : **Ông YIU KA SO**
  Represented by: Mr YIU KA SO
- Chức vụ: **Tổng giám đốc**

  Position: General Director

Trên cơ sở thỏa thuận các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng, các bên thống nhất như sau:

Based on the Articles and Conditions of the Contract, the parties agree as follows:

Điều 1: Đối tượng của Hợp đồng

Article 1: Subject of the Contract

Theo yêu cầu của Bên B, Bên A nhận cung cấp dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt do Bên B thải ra trong quá trình hoạt động kinh doanh thông qua Nhà máy xử lý nước thải tập trung tại Khu Công Nghiệp trước khi nước thải của Bên B được xả vào nguồn tiếp nhận ngoài Khu Công Nghiệp.

According to the request of Party B, Party A agree to supply the domestic waste water treatment service discharged by Party B during the business process by the Waste Water Treatment Plant in the Industrial Park before is discharged into the receiving source outside the Industrial Park.

Điều 2: Chất lượng nước thải

Article 2: Waste water quality

Bên A xử lý nước thải cho Bên B đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải

công nghiệp (QCVN 40: 2011/BTNMT) cột A với hệ số Kf=Kq= 0,9.

Party A treat wastewater for Party B meets the national technical standards on industrial wastewater (QCVN 40: 2011/BTNMT) column A with coefficient Kf = Kq = 0,9.

Điều 3: Thời hạn Hợp đồng: Hợp đồng có thời hạn kể từ ngày ký đến 31/12/2024.

Article 3: Duration of Contract: The contract has duration from the date of signing to 31st Dec 2024

Điều 4: Đơn giá.

Article 4: Unit price

4.1 Đơn giá năm 2024: **19.800 đồng**/1m3 nước thải.

(*Bằng chữ: Mười chín nghìn, tám trăm đồng chẵn trên một mét khối nước thải*).

Unit price in 2024: 19.800 VND/1m3 of waste water

(In words: Nineteen thousand and eight hundred dong per cubic meter of waste water).

Đơn giá xử lý nước thải chưa bao gồm các loại thuế, phí BVMT đối với nước thải mà bên B phải nộp theo quy định của pháp luật.

The unit price for wastewater treatment is not include taxes and environmental protection charges for wastewater that Party B must pay according to law provisions.

Đối với trường hợp Bên B có từ một thông số nước thải vượt định mức tối đa theo quy định tại Phụ lục số 01 thì Đơn giá này sẽ được tính tăng thêm phụ phí theo Điều 4.3 Hợp đồng này.

For case, Party B add from one parameter upward which exceed the maximum norm as provided in annex No. 01, in such case this unit price shall be added surcharge as provided in Article 4.3 of this Contract

4.2 Đơn giá sẽ được điều chỉnh cho từng năm, mỗi lần điều chỉnh theo chỉ số lạm phát của Việt Nam nhưng không được vượt quá 15% đơn giá của giai đoạn trước đó.

The unit price shall be adjusted for each year; each time according to the inflation index of Vietnam but must not exceed 15% of the previous unit price.

Khi Bên A điều chỉnh lại Đơn giá sẽ thông báo chính thức cho bên B bằng văn bản trước ít nhất 30 ngày kể từ thời điểm áp dụng để hai bên thực hiện và Các bên sẽ ký phụ lục hợp đồng hoặc Hợp đồng để điều chỉnh.

When Party A revises the Unit price, Party A will inform Party B in writing before at least 30 days from the time of application that both parties can implement and the parties will sign the Appendix to adjust.

Trong trường hợp có yếu tố khách quan dẫn tới cần điều chỉnh Đơn giá trong thời hạn của Hợp đồng này thì Bên A sẽ thông báo trước bên B như quy định tại Điều này để Các bên thương thảo và thống nhất trước khi thực hiện.

In case, during Term of this Contract, there is any objective factor which leading to need to adjust the unit price, Party A shall notify Party B in advance as provided in this Article so that Parties negotiate and agree on price before implementing.

4.3 Phụ phí tính thêm áp dụng cho trường hợp Bên B có kết quả phân tích nước thải vượt Định mức tối đa từ một thông số trở lên theo Phụ lục số 01 Hợp đồng này (gọi

tắt là Phụ phí tính thêm).

The added surcharge shall be applied for case Party B have analysis result of waste water exceeding maximum Norm for at least one parameter upward as provided in annex No.01 of this Contract (The added surcharge)

a. Phụ phí tính thêm được tính bằng Tổng số % phí tính thêm nhân với Đơn giá quy định tại Điều 4.1 Hợp đồng này.

The added surcharge shall be calculated as total of % added fee multiplying unit price as provided in Article 4.1 of this Contract.

b. Tổng số % phí tính thêm được quy định như sau: Khi bên B có kết quả phân tích nước thải vượt Định mức tối đa quy định tại Phụ lục số 01 thì thông số nước thải đầu tiên được chọn để tính Tổng số % phí tính thêm vượt Định mức tối đa là thông số nước thải có số phần trăm (%) cao nhất theo quy định Phụ lục số 01. Sau đó, cứ mỗi thông số nước thải tiếp theo vượt từ 1,2 lần Định mức tối đa của Phụ lục số 01 thì sẽ cộng thêm 01 % (một phần trăm).

Total of % of added fee provided as: when Party B have analysis result waste water exceeding maximum Norm as provided in annex No. 01, the frist waste water parameter selected to calculate total % of added fee exceeding maximum Norm is waste water parameter having the hightest percent (%) as provided in Annex No.01. Then, each next waste water parameter exceeding from 1.2 time of maximum Norm of Annex No. 01 shall be added 01% (one percent.

c. Đơn giá xử lý nước thải của Bên B khi tính thêm Phụ phí tính thêm (gọi tắt là Đơn giá có phụ phí) bao gồm: Đơn giá quy định tại Điều 4.1 Hợp đồng này cộng với Phụ phí tính thêm và được tính theo công thức sau:

Đơn giá có phụ phí (P) = Đơn giá (p) + Phụ phí tính thêm (T)

Trong đó: Phụ phí tính thêm (T) = Đơn giá (p) x Tổng số % phí tính thêm vượt Định mức tối đa (v) của tháng.

The waste water treatment unit price of Party B calculating the added surcharge (called to as unit price having surcharge) including: The unit price as provided in Article 4.1 of this Contract plus with the added surcharge and calculating as formular:

The unit price having surcharge (P) = unit price (p) + the added surcharge (T)

In which: the added surcharge (T) = unit price (p) x Total of % of added fee (v) exceeding maximum Norm of month.

Đơn giá có phụ phí sẽ áp dụng cho tổng khối lượng xả thải (theo biên bản chốt khối lượng hàng tháng giữa hai bên) của Bên B trong tháng có phát sinh thông số nước thải vượt Định mức tối đa theo quy định của Phụ lục số 01.

The unit price having surcharge shall be applied for total volume of waste water (under Minute determining volume of monthly between parties) of Party B of month arising waste water parameter exceeding maximum Norm as provided in Annex No. 01.

d. Việc lấy mẫu nước thải của Bên B để xác định các thông số vượt nêu tại Điều này sẽ do đơn vị thí nghiệm đó có năng lực được cơ quan Nhà nước công nhận

và được Bên A chỉ định (Trung tâm quan trắc thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên hoặc Đơn vị tương đương). Vị trí lấy mẫu: tại cửa xả nước thải của bên B xả vào hệ thống thu gom nước thải của bên A. Tần suất lấy mẫu tối đa không quá 03 lần/tháng. Thời điểm lấy mẫu sẽ do Bên A thông báo theo kế hoạch hoặc có thể lấy mẫu đột xuất theo yêu cầu của bên A.

To take sample of waste water of Party B for determining exceeding parameter as mentioned in this Article shall be implemented by experiment unit certified by competent authority and appointed by Party A (Information monitoring center for natural resources and environment under Hung Yen Department of Natural Resources and Environment or equivalent units). Position for taking sample: at waste water discharge door of Party B running in to waste water collection system of Party A. The maximum sampling frequence shall not exeeding 03 times/month. Time of taking sample shall be notified under plan or taking sample suddenly under Party A's requirement.

Điều 5: Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

Article 5: Environmental protection fee for waste water

Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải của mỗi tháng được tính theo quy định của pháp luật, hiện tại phí được tính theo Nghị định 53/2020/NĐ – CP (áp dụng đối với QCVN 40: 2011/BTNMT cột A), cụ thể:

Phí bảo vệ môi trường (F)= Phí biến đổi (C) + Phí cố định (f)

Trong đó: C= Tổng lượng nước thải * (51,67*2000+34,43*2400+2*10^6*0,0405)*10^{-3}

= Tổng lượng nước thải * 267 đồng

f = 334.000 đồng/ tổng số doanh nghiệp.

Trường hợp quy định của Nhà nước và/ hoặc Chính phủ về cách tính phí BVMT có sự thay đổi thì phí BVMT được áp dụng theo quy định tại từng thời điểm do Nhà nước và/ hoặc Chính phủ ban hành.

The environmental protection fee for wastewater of each month is calculated according to the law, currently the fee is calculated according to Decree 53/2020 /ND - CP (applicable to QCVN 40: 2011 /BTNMT column A), specifically :

Environmental protection fee (F) = Variable fee (C) + Fixed fee (f)

*In which: C = Total amount of wastewater * (51,67*2000+34,43*2400+2*10^6 *0,0405) * 10-3 = Total amount of waste water * 267 VND*

f = VND 334,000 / total enterprises.

In case the State and / or Government regulations on how to calculate environmental protection fees change, the environmental protection fee is applied in accordance with the regulations at each time issued by the State and / or the Government.

Hàng tháng trên cơ sở chốt tổng lượng nước thải, bên A sẽ gửi thông báo để bên B thanh toán phí bảo vệ môi trường. Bên A sẽ xuất phiếu thu hoặc hóa đơn cho khoản tiền phí BVMT mà Bên B đã thanh toán.

On base the total amount of wastewate on monthy, Party A will send a notice to

Party B to pay the environmental protection fee. Party A will issue receipts or invoices for the environmental protection fee paid by Party B.

Điều 6: Hình thức thanh toán

Article 6: Payment method

6.1 Hình thức thanh toán:

6.1 Form of payment:

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bên B nhận được hoá đơn tài chính cùng bảng kê chỉ số nước thải, tiền phí BVMT của Bên A, bên B thanh toán 100% bằng chuyển khoản (hoặc tiền mặt) vào tài khoản của bên A nêu trong hợp đồng này. (Mọi khoản phí liên quan đến việc chuyển tiền do bên B chịu).

Nếu quá 90 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn tài chính của Bên A mà Bên B vẫn chưa thanh toán thì Bên A có quyền dừng tiếp nhận nước thải của Bên B. Khi Bên B thanh toán đầy đủ tiền xử lý nước thải, phí BVMT, các khoản phạt chậm thanh toán và phí đóng/mở cửa xả thải theo thông báo nộp tiền của Bên A thì Bên A mới tiếp nhận xử lý nước thải của Bên B.

Within 07 days after Party B receives the financial invoice and the list of waste water index, environmental protection fee of Party A, Party B shall pay 100% by transfer (or cash) to the party A's account (All fees related to the transfer are borne by Party B). If more than 90 days after receiving Party A's VAT invoice, Party B has not paid to Party A. Party A shall have the right to stop receiving Party B's waste water. When Party B pay full wastewater treatment and environmental protection fee; penalties for late payment and fee for openning/closing discharge door according to Party A's notice, Party A will continure receive Party B's wastewater.

6.2 Phạt chậm thanh toán:

6.2 Penalty for late payment:

a. Trong trường hợp Bên B chậm thanh toán cho Bên A theo tiến độ thanh toán được quy định tại Hợp đồng này, Bên B sẽ bị áp dụng mức phạt như sau: Chậm từ 01 tháng trở lên áp dụng 150% lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á châu - Chi nhánh Hưng Yên tương ứng với số tiền thực chậm và thời gian thực chậm.

In case of Party B's late payment to Party A according to the payment schedule specified in this Contract, Party B will be fined to the following: 01 month or more lately apply 150% of interest of 12-month term loan of Asia Commercial Joint Stock Bank - Hung Yen Branch corresponds to delayed real money and delayed real time.

b. Khi Các bên chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Điều 11 Hợp đồng này thì Bên B phải có nghĩa vụ thanh toán đúng hạn các khoản chưa thanh toán cho bên A. Trường hợp Bên B chậm thanh toán các khoản thanh toán này thì phải chịu lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo quy định tại Điểm a Điều 6.2 Hợp đồng này.

When Parties terminate Contract under Article 11 of this Contract, Party B

must pay on time Party A for remaining payments. In case, Party B pay lately, Party B must pay interest as provided in point a of Article 6.2 of this Contract.

Điều 7: Cách tính khối lượng nước thải.

Article 7: Method calculate the volume of waste water

7.1 Trường hợp chưa có đồng hồ đo: lượng nước thải của Bên B được tính bằng 90% lượng nước sạch Bên B sử dụng làm cơ sở để thanh toán và đóng phí BVMT.
Khi bên B lắp đặt đồng hồ phải được Bên A chấp thuận phương án đấu nối trước khi thực hiện.

The amount of waste water of Party B is calculated by 90% of amount of clean water which party B used if Gauge is not available at that time. This volume is used as a basis for paying waste water treatment fee and Environmental protection fee.When Party B assemble Gauge must be accepted by Party A on connection method before implementing.

When Party B insalls meter, its installation plan must be agreed by Party A before implementation.

7.2 Trường hợp đã có đồng hồ đo:

In case the meter is available:

a. Lượng nước thải Bên B thải ra được tính theo chỉ số đo đếm của đồng hồ khi bên B lắp đồng hồ đo nước thải. Căn cứ vào chỉ số đo đếm của đồng hồ đo nước thải vào ngày cuối hàng tháng bên A sẽ cùng cán bộ bên B lập biên bản chốt số để làm cơ sở thanh toán và đóng phí BVMT đối với nước thải.

The amount of waste water discharged by Party B is calculated according to the meter when Party B installs the waste water meter. Based on the measurement index of the waste water meter on the last day of the month, Party A will work with the Party B's staff to make a record to be used as a basis for payment wastewater fee and environmental protection fees.

Nếu lượng nước thải trong một tháng theo đồng hồ không đạt mức tương đương tối thiểu 90% lượng nước sạch Bên B đã sử dụng thì lượng nước thải của Bên B được tính theo 90% lượng nước sạch sử dụng mà không tính theo chỉ số đồng hồ đo.
Nếu lượng nước thải phát sinh theo đồng hồ vượt quá 90% lượng nước sạch thì tính theo chỉ số đồng hồ đo.

If the amount of wastewater discharged by Party B in a month does not reach the equivalent level of at least 90% of the clean water used by Party B, the amount of wastewater of Party B shall be calculated according to 90% of the clean water used without calculating the index meter.

If the amount of wastewater generated by the meter in a month exceeds 90% of the amount of clean water, it is calculated according to the waste water meter.

b. Trong trường hợp vì bất kỳ lý do nào mà đồng hồ đo lưu lượng xử lý nước thải không hoạt động, lượng nước thải trong những ngày đó được tính bằng 90% lượng nước sạch sử dụng trong thời gian đó.

In case, for any reason, the meter is not working, the amount of wastewater in those days is calculated by 90% of the clean water used for that month.

Điều 8: Quyền và Trách nhiệm của Bên A:

Article 8: Party A's Rights and Responsibilities

8.1 Đảm bảo đúng chất lượng, kỹ thuật trong quá trình xử lý. Bên A sẽ chịu trách nhiệm đối với chất lượng nước thải đã qua xử lý của Bên A.

Ensuring quality and technique in the process of treatment. Party A will be responsible for the quality of treated wastewater of Party A.

8.2 Định kỳ 03 tháng/lần sẽ cung cấp cho Bên B bảng đánh giá các chỉ tiêu chất lượng nước thải sau xử lý do đơn vị có chức năng xác nhận.

Periodically every 3 months will provide Party B with assessment table of waste water quality indicators after treatment by confirmation authorities.

8.3 Nộp tiền phí BVMT đối với nước thải theo quy định tại Hợp đồng này.

Payment environmental protection fees for wastewater in accordance with the law

8.4 Bên A có quyền tổ chức kiểm tra đột xuất việc xả nước thải của Bên B vào hệ thống thoát nước thải, nước mưa của Khu Công Nghiệp; Kiểm tra đồng hồ đo lưu lượng nước sạch và nước thải, tự tổ chức lấy mẫu, xét nghiệm mà không cần báo trước cho Bên B.

Party A has the right to a sudden inspection of the discharge of waste water of Party B into the sewage and rainwater drainage system of the Industrial Park; Checking the meter of water supply and drainage flow, collect samples for testing without prior notice to Party B.

8.5 Ngưng tiếp nhận nước thải, ngưng cấp nước sạch nếu Bên B vi phạm hợp đồng mà hai Bên không thương lượng giải quyết được.

Stop receiving sewage, stop supplying clean water if Party B breaches the contract that the two Parties cannot negotiate.

8.6 Kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hoặc thu hồi Giấy phép kinh doanh đối với hành vi vi phạm các quy định về xử lý và xả nước thải của Bên B.

Proposing competent authorities to administrative violations or revoke business licenses for violations of Party B's regulations on treatment and discharge of wastewater.

8.7 Trường hợp tạm ngừng dịch vụ xử lý nước thải để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước thải, xử lý nước thải, hoặc khi có sự cố xảy ra cho hệ thống xử lý nước thải của Khu Công Nghiệp, Bên A phải có văn bản thông báo cho Bên B biết lý do, thời gian tạm ngưng dịch vụ và cố gắng khắc phục trong thời gian sớm nhất.

In case of suspension of wastewater treatment service to repair, renovate or upgrade sewage drainage systems, waste water treatment systems, or when incidents occur to the industrial park's wastewater treatment system, Party A must send a written notice to Party B on the reason, time of service suspension and try to overcome in the shortest time.

8.8 Bên A chịu chi phí phân tích nước thải đối với:

Party A must bear analysis expenses of waste wate for:

a. Các mẫu nước thải đầu ra của bên B thấp hơn hoặc bằng Định mức tối đa theo quy định tại Phụ lục số 01 Hợp đồng này do Đơn vị thí nghiệm nêu tại Điều 4.3 khoản d Hợp đồng này thực hiện;
The sample of output waste water of Party B is lower or equal to maximum Norm as provided in Annex No. 01 of this Contract implemented by experiment unit as provided in point d of Article 4.3 of this Contract.

b. Các mẫu nước thải đầu ra của Bên B mà Bên A tự lấy mẫu và tự phân tích.
The sample of output waste water of Party B which Party A take sample and analysing by themselves

Điều 9: Quyền và Trách nhiệm của Bên B

Article 9: Rights and Responsibilities of Party B

9.1 Thực hiện biện pháp xử lý nước thải sơ bộ trước khi xả vào hệ thống nước thải của Bên A. Bên B đảm bảo nước thải đầu ra của bên B trước khi thải vào hệ thống bên A phải thấp hơn hoặc bằng định mức tối đa của các thông số theo Phụ lục 01 đính kèm Hợp đồng này, không có kim loại và chất thải rắn: rác, túi nilon, đất cát...
Party B have to treat preliminary wastewater before discharging into the wastewater system of Party A. Party B ensures that wastewater of Party B before discharging into the Party A system must be lower or equal to the maximum level of parameters according to Appendix 01 attached to this Contract, no heavy metals and solid waste as: garbage, plastic bags, sand...

9.2 Bên phải tự thu gom và không để nước xả cặn nồi hơi điện có chứa các ion kim loại Ca2+, Mg2+... chảy vào hệ thống thu gom nước thải của Bên A.
Party B has to self-collect the sediment of electric boiler's waste water which contains metal ions Ca2+, Mg2+ ... and it is not allowed to flow into Party A's. Wastewater collection system

9.3 Phải tạo điều kiện để cán bộ nhân viên của Bên A quan trắc, lấy mẫu và đo lượng nước thải đầu ra của doanh nghiệp. Bên B có trách nhiệm cử cán bộ phụ trách ký xác nhận vào Biên bản lấy mẫu hoặc Phiếu phân tích nồng độ nước thải đầu ra của Bên B do bên A thực hiện hoặc do Đơn vị có chức năng mà bên A chỉ định thực hiện. Trường hợp, Bên B không cử người ký xác nhận, hoặc cử người nhưng không ký xác nhận thì mặc nhiên bên B đồng ý và chịu trách nhiệm đối với kết quả thí nghiệm cho các mẫu thí nghiệm này.
Party B has to support for Party A's staff to monitor, sample and measure theoutput wastewater of the enterprise. Party B is responsible for appointing the responsible staff to sign and certify the Party B's sampling or output wastewater concentration analysis document performed by Party A or by the Unit appointed by Party A. In case, Party B fails to staff to sign such documents shall be deemed that Party B agree and taken responsible for experiment result for these experiment samples.

9.4 Bên B phải đảm bảo cho cán bộ nhân viên của bên A kiểm tra đột xuất việc xả

nước thải, nước mưa và đồng hồ đo của Bên B. Trường hợp vì bất cứ lý do gì mà Bên A không thực hiện được việc kiểm tra thì bên A sẽ dừng dịch vụ xử lý nước thải, nước cấp cho bên B.

Party B shall ensure that Party A's staff can checks unexpectedly the discharge of wastewater, rain water and check meter of Party A. In case of any reason, Party A cannot perform the inspection; Party A will stop the wastewater treatment service, clean water supplying for Party B.

9.5 Đấu nối hệ thống thoát nước thải của Bên B vào hệ thống thoát nước thải của Khu Công Nghiệp theo đúng các quy định đấu nối, phải tách rời hoàn toàn 2 hệ thống nước mưa và nước thải, bảo đảm toàn bộ nước thải của bên B đều được thu gom và đấu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của Khu Công Nghiệp.

Connecting Party B's wateswater drainage system to the Industrial Park's wateswater drainage system in accordance with the connection regulations. Party B must separate the two systems of rainwater and wastewater, ensuring the entire wastewater of Party B is collected and connected to the general wastewater drainage system of the Industrial Park.

9.6 Không được cho đơn vị khác đấu nối chung hệ thống thoát nước thải của Bên B vào hệ thống thu gom nước thải của KCN. Trong trường hợp Bên B cho doanh nghiệp khác thuê nhà xưởng hoặc trường hợp thuê lại nhà xưởng trong phạm vi Lô đất của Bên B thì doanh nghiệp đó phải ký Hợp đồng xử lý nước thải với Bên A và thực hiện đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN theo quy định bởi Bên A.

Party B does not allow other enterprises to connect Party B's wastewater drainage system to the wastewater collection system of the Industrial Park. In case Party B leases warehouse or subleases the warehouse within the Land Lot area of Party B, that enterprise must sign a Wastewater Treatment Contract with Party A and connect wastewater to Wastewater collection system of industrial zones as prescribed by Party A.

9.7 Bên B phải tự trang bị đồng hồ đo lưu lượng nước thải; đồng hồ này phải được cơ quan có chức năng kiểm định chất lượng trước khi lắp đặt, vị trí lắp đặt phải đúng với quy định của Khu Công Nghiệp; trong quá trình sử dụng Bên B có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra và bảo trì định kỳ theo quy định bảo đảm đồng hồ vận hành chính xác và liên tục. Trong trường hợp đồng hồ vận hành không chính xác hoặc không vận hành do hư hỏng Bên B phải thông báo kịp thời cho Bên A và có trách nhiệm khắc phục trong thời gian sớm nhất.

Party B must install the meter by itself; this meter must be accredited quality by the authorities before installation, the installation location must be in accordance with the regulations of the Industrial Park; In the process of using, Party B is responsible for regular inspection and maintenance according to regulations to ensure that the meter operates correctly and continuously. In case the meter is operated incorrectly or not operated, Party B must notify Party A in a timely and be responsible for remedying in the shortest time.

9.8 Bên B tạo điều kiện để cán bộ của Bên A kiểm tra đồng hồ đo nước thải (tối đa 3 lần/tuần).

Party B has to support to Party A's staff checking the wastewater meter (maximum 3 times / week).

9.9 Thông báo kịp thời cho Bên A khi thấy các hiện tượng bất thường có thể gây ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công Nghiệp.

Party B has to inform Party A in a timely when unusual event may cause problems with the centralized wastewater treatment system of the Industrial Park.

9.10 Định kỳ 02 lần/năm, vào khoảng các ngày từ 20/6 đến 30/6 và từ 20/12 đến 31/12 hàng năm, Bên B phải thông báo bằng văn bản cho bên A về kế hoạch sản xuất, lượng nước thải dự kiến phát sinh của giai đoạn tiếp theo để bên A có kế hoạch sản xuất hợp lý tránh ảnh hưởng đến các doanh nghiệp trong KCN. Trường hợp, không thông báo thì mặc nhiên được hiểu nhu cầu của bên B không thay đổi so với thông báo mà Bên B đã đăng ký trước đó, và bên A không chịu trách nhiệm xử lý đối với phần khối lượng phát sinh lớn hơn giá trị này.

Periodically twice a year, from 20 th Jun to 30 th Jun and from 20 th Dec to 31st Dec each year, Party B must notify to Party A in writing of the production plan and volume of Waste water is expected to arise in the next stage to Party A can have a reasonable plan to avoid affecting other enterprises in the industrial park. In case, without notice, it is automatical to understand that Party B's demand does not change compared to the notice that Party B has previously registered, and Party A is not responsible for treatment the larger arising volume.

9.11 Nếu bên B có thay đổi về kế hoạch sản xuất vượt hơn 20% so với thiết kế ban đầu hoặc so với thông báo định kỳ hàng năm theo quy định tại mục 9.9 mà không báo trước cho bên A trước 03 tháng thì bên A sẽ không chịu trách nhiệm với lượng nước thải phát sinh này.

If Party B changes the production plan by more than 20% compared to the original design or the annual notice as stipulated in Article 9.9 but does not notify to Party A before 03 months, Party A will not be responsible for this incurred wastewater.

9.12 Bên B phải chịu chi phí phân tích nước thải đối với các mẫu nước thải đầu ra của bên B vượt Định mức tối đa theo quy định tại Phụ lục số 01 Hợp đồng này do Đơn vị thí nghiệm nêu tại Điều 4.3 khoản d Hợp đồng này thực hiện.

Party B must bear waste water analysis expenses for samples of output waste water of Party B exceeding maximum Norm under as provided in Annex 01 implemented by experiment unit as mentioned in point d of Article 4.3 of this Contract

9.13 Thông báo kết quả quan trắc định kỳ môi trường nước thải cho bên A theo quy định của pháp luật

Notify results of periodic monitoring of wastewater environment for Party A

under provisions of Law

Điều 10: Dừng tiếp nhận xử lý nước thải.

Article 10: Stop receiving wastewater treatment.

10.1 Bên A dừng tiếp nhận xử lý nước thải kèm theo dừng cung cấp nước sạch (nếu có) và thông báo trước cho bên B trong các trường hợp sau :

Party A stops receiving wastewater treatment and stops clean water supplying (if nay) and notity Party B in advance in cases:

a. Bên B vi phạm một trong các điều khoản tại Hợp đồng này.
Party B violates the terms committed in this Contract.

b. Bên B xả thải vượt ngưỡng 20% từ một thông số trở lên quy định tại Phụ lục 01 Hợp đồng này.
Party B discharges wastewater exceeding 20% of 1 parameters upward as provided in Annex 01 of this Contract.

c. Bên B vi phạm các nghĩa vụ thanh toán đối với Bên A được quy định trong các Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng khác mà hai bên đã ký kết.
Party B violates the payment obligations for Party B specified in the Contract and other Appendixes of this Contract signed by the two parties.

d. Tổ chức, cá nhân đã thuê lại đất từ bên A để xây dựng nhà xưởng cho bên B thuê (sau đây gọi tắt là Đơn vị cho thuê nhà xưởng) vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với bên A được quy định trong các Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng giữa Bên A và Đơn vị cho thuê nhà xưởng.
Organizations and individuals that have leased land from Party A to build factories for Party B to lease (hereinafter referred to as Factory Leasing Unit) violates the payment obligations to Party A specified in the Contracts and Appendices between Party A and the factory leasing unit

e. Theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền
At the request of the competent state agencies

f. Các trường hợp khác theo quy định Hợp đồng này.
Other cases as stipulated in this Contract.

10.2 Bên A dừng ngay việc tiếp nhận dịch vụ xử lý nước thải mà không cần thông báo trước cho bên B kèm theo việc dừng cung cấp nước sạch (nếu có) trong các trường hợp sau:

Party A stops immediately receiving waste water treatment serive without notice in advance for Party B and stops clean water supplying (if any) in cases:

a. Khi Bên B để nước thải hoặc xả nước thải có chất thải rắn (túi ni lông, rác, nắp can, vải, chỉ, đá giặt mài...) dầu, nhớt, hóa chất độc hại vào hệ thống thu gom nước thải hoặc nước mưa của bên A.
When Party B lets waste water or discharges wastewater with solid waste (plastic bags, garbage, can lids, cloth, thread, abrasive stone...) oil, lubricants, toxic chemicals into the wastewater collection system or rainwater of Party A.

b. Bên A phát hiện Bên B xả thải trực tiếp ra môi trường mà không qua hệ thống xử lý nước thải của Bên A.
Party A discovers that Party B discharges directly into the environment without going through Party A's wastewater treatment system.

c. Khi Bên B để xảy ra sự cố liên quan bên trong nhà máy của Bên B và có nguy

cơ ảnh hưởng đến hệ thống xử lý nước thải của Bên A.
When Party B makes a connection problem in Party B's factory and has a dangerous impacting on Party A's wastewater treatment system

d. Theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
Under requirement of competent authorities.

10.3 Bên B phải chịu mọi trách nhiệm phát sinh và phải trả các chi phí về việc đóng, mở cửa xả nước thải, đóng mở van cấp nước cấp (nếu có) khi Bên A dừng xử lý nước thải, nước cấp (nếu có) trong các trường hợp nêu tại Điều 10.1 và Điều 10.2 Hợp đồng này. Chi phí cho mỗi lần đóng và mở cửa xả thải, van cấp nước (nếu có) bằng chi phí xử lý 100 m3 nước thải (chưa VAT) tại thời điểm mở cửa xả thải. Bên B có trách nhiệm thanh toán trước cho bên A hoặc nhà thầu của Bên A trước khi bên A mở cửa xả thải.
Party B must bear all responsibilities arising and pay the costs of opening and closing the wastewater discharge door, opening and closing water supply valve (if any) when Party A stops treating wastewater and water supply (if any)) in the cases mentioned in Article 10.1 and Article 10.2 of this Contract. The cost for each time of closing and opening the discharge door, water supply valve (if any) is equal to the cost of treating 100 m3 of wastewater (excluding VAT) at the time of opening the discharge door. Party B is responsible for paying in advance to Party A or Party A's contractor before Party A opens the discharge door.

10.4 Khi lý do dừng tiếp nhận xử lý nước thải không còn và Bên B đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu trong thời hạn được quy định bởi Bên A thì Bên A tiếp tục xử lý nước thải cho Bên B.
When the reason for stopping receiving wastewater treatment is stoped and Party B has fulfilled all requirements within the time limit prescribed by Party A, Party A continues to treat wastewater to Party B.

Điều 11: Chấm dứt Hợp đồng
Article 11: Termination of Contract

Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong những trường hợp sau đây:
This contract will terminate in the following cases:

11.1 Theo thỏa thuận bằng văn bản giữa Các bên;
According to written agreement between the Parties;

11.2 Hợp đồng thuê lại đất giữa Các bên chấm dứt trước thời hạn hoặc hết hạn mà không có sự thoả thuận nào khác giữa các Bên;
The land sublease contract between the Parties terminates ahead of time or expires without any other agreement between the Parties;

11.3 Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và/ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Bên B hết hạn hoặc bị thu hồi trước thời hạn;
Party B's investment registration certificate and / or business registration certificate expires or is revoked before the deadline;

11.4 Bên B vi phạm các quy định tại Hợp đồng này mà đã bị Bên A dừng xử lý nước thải nhưng vẫn không khắc phục hoặc tiếp tục vi phạm.

Party B violates the provisions of this Contract which has been stopped by Party A but still continues to violate.

11.5 Theo quy định khác của Hợp đồng này hoặc quy định của pháp luật Việt Nam.
According to other provisions of this Contract or Vietnamese laws.

Điều 12: Giải quyết tranh chấp:

Article 12: Dispute settlement:

12.1 Một tranh chấp được xem như nảy sinh giữa Các Bên khi một Bên nhận được thông báo về sự kiện tranh chấp từ phía Bên còn lại. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo về sự kiện tranh chấp, Các Bên sẽ nỗ lực giải quyết tranh chấp này trên nguyên tắc đôi bên cùng có lợi.
A dispute is deemed arise between the Parties when a Party receives notice of a dispute from the other Party. Within 30 days of receiving the notification of the dispute, the Parties will endeavor to resolve this dispute on the principle of mutual benefit.

12.2 Bất kỳ tranh chấp nào không giải quyết được bằng nỗ lực hòa giải trong thời hạn 30 ngày như được nêu ở trên sẽ được giải quyết tại Toà án có thẩm quyền tại Hưng Yên.
Any dispute that can not be resolved by the mediation efforts within the 30-days period as stated above will be resolved at the competent court in Hung Yen.

Điều 13: Trường hợp Bất khả kháng

Article 13: Force majeure

Không bên nào phải chịu trách nhiệm về sự chậm trễ hay không thực hiện nghĩa vụ trong Hợp đồng này do trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, cháy nổ, dịch bệnh, giới hạn của chính phủ hay tòa án, bãi công, bạo động, chiến tranh, thiên tai hay những nguyên nhân tương tự ngoài sự kiểm soát của các bên và không thể cứu chữa được trong một khoảng thời gian nhất định bằng những nỗ lực nhất định. Nếu một bên dựa vào trường hợp bất khả kháng để không thực hiện đủng nghĩa vụ của mình như trong Hợp đồng này, bên đó phải cung cấp một bản tường trình cho bên kia biết về sự kiện bất khả kháng. Trong thời gian diễn ra trường hợp bất khả kháng, các bên vẫn tiếp tục thực hiện những nghĩa vụ có thể thực hiện được trong Hợp đồng này.

Neither party shall be liable for any delay or failure to perform any obligation under this Contract due to force majeure such as fire,government or court restrictions, strikes, riots, war , natural disasters or similar causes over the control of the parties and can not be cured within a certain period of time with certain efforts. If a party relies on a Force Majeure Event to fail to perform its obligations under this Contract, that Party shall provide a statement with the other Party about the Force Majeure event. During the occurrence of force majeure, the parties shall continue to perform the obligations which may be fulfilled in this Contract.

Điều 14: Điều khoản chung

Article 14: General Term

14.1 Hợp đồng này sẽ được thực thi và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Bất kỳ vấn đề nào chưa được thỏa thuận và đưa vào Hợp đồng này sẽ được áp dụng và giải quyết theo các quy định tương ứng của Pháp luật Việt Nam.

This Contract shall be implemented and construed in accordance with the laws of Vietnam. Any problems that has not been agreed and regulated in this Contract shall be applicable and solve to the relevant provisions of the law of Vietnam.

14.2 Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các điều khoản của Hợp đồng. Mọi sự thay đổi điều chỉnh phải được sự đồng ý của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

Both parties pledge to strictly and fully comply with the Article of this Contract. Changes or adjustments to this Contract must be agreed by both Parties in writing.

14.3 Các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng này sẽ được điều chỉnh bổ sung bằng phụ lục Hợp đồng.

Issues arising in the implementation of this Contract will be supplemented by the Appendix.

14.4 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế hoàn toàn mọi Hợp đồng, thỏa thuận đã ký trước đây giữa hai bên liên quan đến Đối tượng của Hợp đồng này. Hợp đồng được lập thành 06 bản bao gồm tiếng Anh và tiếng Việt giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản để cùng theo dõi và thực hiện. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa tiếng Anh và tiếng Việt, thì nội dung tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

This contract is effective from the date of signing and replaces all agreements and contracts signed between the two parties related to the Subject of this contract. This Contract is made in 06 copies including English and Vietnamese with the same legal value, each party keeps 03 copies to monitor and implement. In case of inconsistency between English and Vietnamese, the Vietnamese content shall prevail.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG DỆT MAY PHỐ NỐI	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
TỔNG GIÁM ĐỐC	TỔNG GIÁM ĐỐC
Tạ Hữu Doanh	YIU KA SO

Phụ lục số 01/Annex No.01

của Hợp đồng số 11/2023/HĐ-XLNT ngày 30 tháng 12 năm 2023
of Contract No. /2023/HĐ-XLNT, on 30th, Dec, 2023

STT/ No	Thông số/Parameter	Đơn vị/Unit	Định mức tối đa/Norm	Giá trị quan trắc của các thông số nước thải so với Định mức tối đa Monitoring values of wastewater parameters compared to the maximum norm			
				Từ 1,2 lần đến dưới 1,5 lần/from 1.2 to 1.5 time	Từ 1,5 lần đến dưới 3 lần/ from 1.5 to under 3 times	Từ 3 lần đến dưới 5 lần/ from 3 to 5 times	Từ 5 lần trở lên/ From 5 times upward
				% phí tính thêm vào đơn giá xử lý nước thải hàng tháng của thông số vượt Định mức tối đa % of added fee into monthly waste water treatment unit applied to parameter exceeding maximum Norm			
1	Tss	mg/l	300	1,0%	2,0%	5,0%	10,0%
2	Sunfua	mg/l	1	1,0%	2,0%	5,0%	10,0%
3	Coliform	MPN/ 100ml	6.000	1,0%	2,0%	5,0%	10,0%
4	BOD_5	mg/l	200	1,0%	2,0%	5,0%	10,0%
5	Xyanua	mg/l	0.1	1,0%	2,0%	5,0%	10,0%
6	pH		5-9	3,0%	6,0%	12,0%	20,0%
7	Nhiệt độ/Temperature	°C	40	3,0%	6,0%	12,0%	20,0%
8	Tổng Nitơ/Total Nitrogen	mg/l	60	3,0%	6,0%	12,0%	20,0%
9	Clo dư/ *excess clorua*	mg/l	0,81	5,0%	10,0%	20,0%	20,0%
10	Clorua	mg/l	400	5,0%	10,0%	20,0%	20,0%
11	COD	mg/l	400	5,0%	10,0%	20,0%	20,0%
12	Độ màu/color degree	Pt-Co	100	5,0%	10,0%	20,0%	20,0%
13	Dầu mỡ khoáng/ mineral oil	mg/l	4	5,0%	10,0%	20,0%	20,0%

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG DỆT MAY PHỐ NỐI

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tạ Hữu Doanh

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

YIU KA SO

HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269
Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Đ/c PTN : Số 3, ngõ 134/44/9 đường Cầu Diễn, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

Ký hiệu : 0144-03/02/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên
Địa chỉ : Lô đất số L6, KCN dệt may phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Địa điểm quan trắc : Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Vị trí lấy mẫu : + NT: Tại hố ga trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN dệt may Phố Nối
Mã hóa mẫu : 05012023-006
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 05/01/2023 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 03/02/2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm	TC KCN Dệt may Phố Nối
				NT	
1.	Lưu lượng	m^3/h	*HD.QT.N.01*	1,4	-
2.	Nhiệt độ	*°C*	*SMEWW 2550 B:2017*	23,2	**40**
3.	pH	-	*TCVN 6492:2011*	6,85	**5-9**
4.	BOD_5 (20°C)	*mg/l*	*TCVN 6001-1:2008*	108,7	**200**
5.	COD	*mg/l*	*SMEWW 5220 C:2017*	220,8	**400**
6.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	*mg/l*	*TCVN 6625:2000*	120	**300**
7.	Tổng nitơ (tính theo N)	*mg/l*	*TCVN 6638:2000*	50,4	**60**
8.	Sunfua	*mg/l*	*TCVN 6637:2000*	0,92	**1**
9.	Dầu mỡ khoáng	*mg/l*	*SMEWW 5520B&F:2017*	3,2	**4**
10.	Tổng Coliform	*MPN/ 100ml*	*TCVN 6187–2:1996*	4.400	**6.000**
11.	Clo dư	*mg/l*	*TCVN 6225-1:2012*	<0,3	**0,81**
12.	Tổng xianua (CN^-)	*mg/l*	*SMEWW 4500-CN⁻ .C&E:2017*	<0,002	**0,1**
13.	Clorua (Cl^-)	*mg/l*	*TCVN 6194:1996*	94,5	**400**
14.	Độ màu	*Pt-Co*	*TCVN 6185:2015*	63,2	**100**

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn đấu nối nước thải của Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối.

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2023

CÁN BỘ QA/QC	TP. THỬ NGHIỆM	GIÁM ĐỐC
Hoàng Thị Kim Anh	ThS. Nguyễn Văn Hòa	Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định
2. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
5. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
6. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM
Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Đ/c PTN : Số 3, ngõ 134/44/9 đường Cầu Diễn, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

HATICO VIỆT NAM

Ký hiệu : 01-05/01/2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên
Địa chỉ : Lộ đất số L6, KCN dệt may phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Địa điểm quan trắc : Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Vị trí lấy mẫu : + K1: Khu vực dệt
+ K2: Khu vực cắt
+ K3: Khu vực may
+ K4: Khu vực đóng gói sản phẩm
Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí làm việc Số lượng mẫu: 04
Ngày lấy mẫu : 05/01/2023 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 03/02/2023

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm				QCVN 03 :2019/BYT
				K1	K2	K3	K4	
1.	Nhiệt độ	^0C	TCVN 5508:2009	24,2	24,5	24,4	25,1	18-32(1)
2.	Độ ẩm	%		70,6	67,4	65,9	69,0	40-80(1)
3.	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508:2009	0,2	0,2	0,3	0,3	0,2-1,5(1)
4.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	84,0	79,1	74,7	65,3	85(2)
5.	SO_2	mg/m^3	TCVN 5971:1995	0,069	0,071	0,067	0,073	10
6.	NO_2	mg/m^3	TCVN 6137:2009	0,062	0,060	0,061	0,063	10
7.	CO	mg/m^3	QTPT/KK/CO/07	3,11	3,17	3,30	3,14	40
8.	Bụi bông *	mg/m^3	Direct reading, VIS	0,164	0,112	0,138	0,093	1(3)
9.	Ánh sáng	Lux	TCVN 5176:1990	586	383	778	545	≥300(4)

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
+ (1) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
+ (2) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc tiếng ồn cho phép tại nơi làm việc (trung bình 8 giờ)
+ (3) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
+ (4) QCVN 22:2016/BTY: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chiếu sáng – Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2023

CÁN BỘ THỬ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH CHUYÊN MÔN	GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Hà	ThS. Nguyễn Văn Việt	Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định
2. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
5. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
6. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
7. Các chỉ tiêu trên được công nhận theo quyết định số 10753/SYT-NVY của Sở Y tế Hà Nội ngày 15/07/2021.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH
Đ/c: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh
ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn
Số hiệu chứng nhận hoạt động môi trường: VIMCERTS 222

Số phiếu: 2030417.01.0532

KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa chỉ:	Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Tọa độ:	N: 20°54'59,84 E: 106°04'41,77
Loại mẫu:	Nước thải
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	NT01: Tại hố ga trước khi dấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN dệt may Phố Nối
Ngày quan trắc:	07/04/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Hoạt động bình thường
Ngày thí nghiệm:	07/04/2023-17/04/2023
Ngày trả kết quả:	17/04/2023

II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

TT	Thông số	Đơn vị	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	Tiêu chuẩn KCN Phố Nối B
1	Nhiệt độ	^0C	SMEWW 2550B:2017	29,3	40
2	pH	-	TCVN 6492:2011	6,86	5-9
3	Lưu lượng	m^3/h	QCVN 47:2012/BTNMT	0,5	-
4	Độ màu	Pt - Co	TCVN 6185:2015	53,4	100
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	81,3	300
6	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	241,9	400
7	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD_5)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	96,4	200
8	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6194:1996	156,0	400
9	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	KPH	0,81
10	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	57,2	60
11	Sunfua (S^{2-})	mg/L	TCVN 6637:2000	0,28	1
12	Xyanua (CN^-)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.
2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.
3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

13	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	3,9	4
14	Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	3500	6000

Ghi chú:

- Tiêu chuẩn KCN Phố Nối B: Tiêu chuẩn nước thải cho phép thải vào hệ thống chung của khu công nghiệp Phố Nối B

- Dấu (-): Không quy định trong tiêu chuẩn.

- KPH là không phát hiện (kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp)

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 4 năm 2023

ĐD.P QUAN TRẮC	PT.P THÍ NGHIỆM	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Tạ Đình Tuấn	Nguyễn Ích Tuấn	Hoàng Văn Chiến

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH
Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam
ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn
Công bố cơ sở đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 61/TB - SYT

Số phiếu: 230417.KKSX01

KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa chỉ:	Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Tọa độ:	N: 20°55'03,02 E: 106°04'41,31
Loại mẫu:	Không khí sản xuất
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	KK01: Khu vực dệt
Ngày quan trắc:	07/04/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Hoạt động bình thường
Ngày thí nghiệm:	07/04/2023-17/04/2023
Ngày trả kết quả:	17/04/2023

II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

TT	Tên thông số	Đơn vị	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	Tiêu chuẩn so sánh	Giới hạn	
						Trung bình 8 giờ	Từng lần tối đa
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508 – 2009	25,6	QCVN 26:2016/BYT	18 - 32 °C	
2	Độ ẩm	% RH	TCVN 5508 – 2009	66,8	QCVN 26:2016/BYT	40 - 80%	
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 – 2009	0,25	QCVN 26:2016/BYT	0,2 - 1,5m/s	
4	Ánh sáng	Lux	TCVN 5176:1990	520	QCVN 22:2016/BYT	100-10.000lux	
5	Tiếng Ồn chung	dBA	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)/1910.95 App G	73,3	QCVN 24:2016/BYT	85dBA	
6	NO_2	mg/m^3	QCVN 03:2019/BYT	<0,19	QCVN 03:2019/BYT	5	10
7	SO_2	mg/m^3	QCVN 03:2019/BYT	<0,26	QCVN 03:2019/BYT	5	10
8	CO	mg/m^3	QCVN 03:2019/BYT	<1,14	QCVN 03:2019/BYT	20	40
9	Bụi bông	mg/m^3	QCVN 02:2019/BYT	<0,12	QCVN 02:2019/BYT	1,0	-

Ghi chú:

- Giá trị "<" là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.

- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.

- QCVN 26:2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về tiếng ồn – Mức độ tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 4 năm 2023

ĐD.P QUAN TRẮC	PT.P THÍ NGHIỆM	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Tạ Đình Tuấn	Nguyễn Ích Tuấn	Thái Văn Chiến

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.
2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.
3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH
Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam
ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn
Công bố cơ sở đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 61/TB - SYT

Số phiếu: 230417.KKSX02

KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa chỉ:	Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Tọa độ:	N: 20°55'03,19 E: 106°04'38,20
Loại mẫu:	Không khí sản xuất
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	KK02: Khu vực cắt
Ngày quan trắc:	07/04/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Hoạt động bình thường
Ngày thí nghiệm:	07/04/2023-17/04/2023
Ngày trả kết quả:	17/04/2023

II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

TT	Tên thông số	Đơn vị	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	Tiêu chuẩn so sánh	Giới hạn	
						Trung bình 8 giờ	Từng lần tối đa
1	Nhiệt độ	^0C	TCVN 5508 – 2009	27,1	QCVN 26:2016/BYT	18 - 32 ^0C	
2	Độ ẩm	% RH	TCVN 5508 – 2009	68,7	QCVN 26:2016/BYT	40 - 80%	
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 – 2009	0,23	QCVN 26:2016/BYT	0,2 - 1,5m/s	
4	Ánh sáng	Lux	TCVN 5176:1990	424	QCVN 22:2016/BYT	100-10.000lux	
5	Tiếng Ồn chung	dBA	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)/1910.95 App G	66,3	QCVN 24:2016/BYT	85dBA	
6	NO_2	mg/m^3	QCVN 03:2019/BYT	<0,19	QCVN 03:2019/BYT	5	10
7	SO_2	mg/m^3	QCVN 03:2019/BYT	<0,26	QCVN 03:2019/BYT	5	10
8	CO	mg/m^3	QCVN 03:2019/BYT	<1,14	QCVN 03:2019/BYT	20	40
9	Bụi bông	mg/m^3	QCVN 02:2019/BYT	0,159	QCVN 02:2019/BYT	1,0	-

Ghi chú:

- Giá trị "<" là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.

- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.

- QCVN 26:2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về tiếng ồn – Mức độ tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 4 năm 2023

ĐD.P QUAN TRẮC	PT.P THÍ NGHIỆM	KT.GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Tạ Đình Tuấn	Nguyễn Ích Tuấn	Thái Văn Chiến

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy và.
2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.
3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH
Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam
ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn
Công bố cơ sở đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 61/TB - SYT

Số phiếu: 230417.KKSX03

KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa chỉ:	Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Tọa độ:	N: 20°55'03,19 E: 106°04'38,20
Loại mẫu:	Không khí sản xuất
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	KK03: Khu vực may
Ngày quan trắc:	07/04/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Hoạt động bình thường
Ngày thí nghiệm:	07/04/2023-17/04/2023
Ngày trả kết quả:	17/04/2023

II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

TT	Tên thông số	Đơn vị	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	Tiêu chuẩn so sánh	Giới hạn	
1	Nhiệt độ	^0C	TCVN 5508 – 2009	27,0	QCVN 26:2016/BYT	18 - 32 °C	
2	Độ ẩm	% RH	TCVN 5508 – 2009	68,2	QCVN 26:2016/BYT	40 - 80%	
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 – 2009	0,24	QCVN 26:2016/BYT	0,2 - 1,5m/s	
4	Ánh sáng	Lux	TCVN 5176:1990	764	QCVN 22:2016/BYT	100-10.000lux	
5	Tiếng Ồn chung	dBA	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)/1910.95 App G	71,4	QCVN 24:2016/BYT	85dBA	
6	NO_2	mg/m^3	QCVN 03:2019/BYT	<0,19	QCVN 03:2019/BYT	5	10
7	SO_2	mg/m^3	QCVN 03:2019/BYT	<0,26	QCVN 03:2019/BYT	5	10
8	CO	mg/m^3	QCVN 03:2019/BYT	<1,14	QCVN 03:2019/BYT	20	40
9	Bụi bông	mg/m^3	QCVN 02:2019/BYT	0,182	QCVN 02:2019/BYT	1,0	-

Ghi chú:

- Giá trị "<" là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.

- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.

- QCVN 26:2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về tiếng ồn – Mức độ tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chiếu sáng - mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 4 năm 2023

ĐD.P QUAN TRẮC

Tạ Đình Tuấn

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY T.N.H.H DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH

Trần Văn Chiến

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về
2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.
3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH
Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam
ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn
Công bố cơ sở đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 61/TB - SYT

Số phiếu: 230417.KKSX04

KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa chỉ:	Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Tọa độ:	N: 20°55'03,02 E: 106°04'41,31
Loại mẫu:	Không khí sản xuất
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	KK04: Khu vực đóng gói sản phẩm
Ngày quan trắc:	07/04/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Hoạt động bình thường
Ngày thí nghiệm:	07/04/2023-17/04/2023
Ngày trả kết quả:	17/04/2023

II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

TT	Tên thông số	Đơn vị	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	Tiêu chuẩn so sánh	Giới hạn	
						Trung bình 8 giờ	Từng lần tối đa
1	Nhiệt độ	^0C	TCVN 5508 – 2009	25,1	QCVN 26:2016/BYT	18 - 32 ^0C	
2	Độ ẩm	% RH	TCVN 5508 – 2009	67,6	QCVN 26:2016/BYT	40 - 80%	
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 – 2009	0,23	QCVN 26:2016/BYT	0,2 - 1,5m/s	
4	Ánh sáng	Lux	TCVN 5176:1990	1099	QCVN 22:2016/BYT	100-10.000lux	
5	Tiếng Ồn chung	dBA	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)/1910.95 App G	56,5	QCVN 24:2016/BYT	85dBA	
6	NO_2	mg/m^3	QCVN 03:2019/BYT	<0,19	QCVN 03:2019/BYT	5	10
7	SO_2	mg/m^3	QCVN 03:2019/BYT	<0,26	QCVN 03:2019/BYT	5	10
8	CO	mg/m^3	QCVN 03:2019/BYT	<1,14	QCVN 03:2019/BYT	20	40
9	Bụi bông	mg/m^3	QCVN 02:2019/BYT	<0,12	QCVN 02:2019/BYT	1,0	-

Ghi chú:

- Giá trị "<" là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.

- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.

- QCVN 26:2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về tiếng ồn – Mức độ tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 4 năm 2023

ĐD.P QUAN TRẮC	PT.P THÍ NGHIỆM	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Tạ Đình Tuấn	Nguyễn Ích Tuấn	Thái Văn Chiến

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.
2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.
3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH
Đ/c: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh
ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn
Số hiệu chứng nhận hoạt động môi trường: VIMCERTS 222

Số phiếu: 230807.01.0963

KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa chỉ:	Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Tọa độ:	N: 20°55'00,14 E: 106°04'40,74
Loại mẫu:	Nước thải
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	NT01: Tại hố ga trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN dệt may Phố Nối
Ngày quan trắc:	27/07/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Đang hoạt động
Ngày thí nghiệm:	27/07/2023
Ngày trả kết quả:	07/08/2023

II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

TT	Thông số	Đơn vị	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	Tiêu chuẩn KCN Phố Nối B
1	Nhiệt độ	^{o}C	SMEWW 2550B:2017	29,8	40
2	pH	-	TCVN 6492:2011	7,25	5-9
3	Lưu lượng	m^3/h	QCVN 47:2012/BTNMT	0,1	-
4	Độ màu	Pt - Co	TCVN 6185:2015	28,6	100
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	67,5	300
6	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	147,2	400
7	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD_5)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	90,7	200
8	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6194:1996	112,6	400
9	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	KPH	0,81
10	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	54,4	60
11	Sunfua (S^{2-})	mg/L	TCVN 6637:2000	0,44	1
12	Xyanua (CN^-)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.
2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.
3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

13	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	3,2	4
14	Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	2500	6000

Ghi chú:

- Tiêu chuẩn KCN Phố Nối B: Tiêu chuẩn nước thải cho phép thải vào hệ thống chung của khu công nghiệp Phố Nối B

- Dấu (-): Không quy định trong tiêu chuẩn.

- KPH là không phát hiện (kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp)

Bắc Ninh, ngày 7 tháng 8 năm 2023

ĐD.P QUAN TRẮC	PT.P THÍ NGHIỆM	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Nghiêm Văn Phúc	Nguyễn Ích Tuấn	Thái Văn Chiến

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH
Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam
ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn
Công bố cơ sở đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 61/TB - SYT

Số phiếu: 230807.KKSX01

KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa chỉ:	Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Tọa độ:	N: 20°55'02,29 E: 106°04'39,66
Loại mẫu:	Không khí sản xuất
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	KK01: KV dệt
Ngày quan trắc:	27/07/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Đang hoạt động
Ngày thí nghiệm:	27/07/2023
Ngày trả kết quả:	07/08/2023

II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

TT	Tên thông số	Đơn vị	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	Tiêu chuẩn so sánh	Giới hạn	
						Trung bình 8 giờ	Từng lần tối đa
1	Nhiệt độ	^0C	TCVN 5508 – 2009	26,5	QCVN 26:2016/BYT	18 - 32 °C	
2	Độ ẩm	% RH	TCVN 5508 – 2009	72,7	QCVN 26:2016/BYT	40 - 80%	
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 – 2009	0,38	QCVN 26:2016/BYT	0,2 - 1,5m/s	
4	Ánh sáng	Lux	TCVN 5176:1990	677	QCVN 22:2016/BYT	300 lux	
5	Tiếng Ồn chung	dBA	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)/1910.95 App G	75,1	QCVN 24:2016/BYT	85dBA	
6	NO_2	mg/m^3	ET.HT.SOP.LM.51	<0,19	QCVN 03:2019/BYT	5	10
7	SO_2	mg/m^3	ET.HT.SOP.LM.51	<0,26	QCVN 03:2019/BYT	5	10
8	CO	mg/m^3	ET.HT.SOP.LM.51	<1,14	QCVN 03:2019/BYT	20	40
9	Bụi bông	mg/m^3	QCVN 02:2019/BYT	<0,12	QCVN 02:2019/BYT	1,0	-

Ghi chú:

- Giá trị "<" là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.

- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.

- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về tiếng ồn – Mức độ tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.
2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.
3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.
- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chiếu sáng - mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

Bắc Ninh, ngày 7 tháng 8 năm 2023

ĐD.P QUAN TRẮC	PT.P THÍ NGHIỆM	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Nghiêm Văn Phúc	Nguyễn Ích Tuấn	Thái Văn Chiến

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.
2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.
3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH
Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam
ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn
Công bố cơ sở đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 61/TB - SYT

Số phiếu: 230807.KKSX02

KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa chỉ:	Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Tọa độ:	N: 20°55'03,47 E: 106°04'37,47
Loại mẫu:	Không khí sản xuất
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	KK02: KV cắt
Ngày quan trắc:	27/07/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Đang hoạt động
Ngày thí nghiệm:	27/07/2023
Ngày trả kết quả:	07/08/2023

II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

TT	Tên thông số	Đơn vị	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	Tiêu chuẩn so sánh	Giới hạn	
						Trung bình 8 giờ	Từng lần tối đa
1	Nhiệt độ	^0C	TCVN 5508 – 2009	27,3	QCVN 26:2016/BYT	18 - 32 ^0C	
2	Độ ẩm	% RH	TCVN 5508 – 2009	70,4	QCVN 26:2016/BYT	40 - 80%	
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 – 2009	0,44	QCVN 26:2016/BYT	0,2 - 1,5m/s	
4	Ánh sáng	Lux	TCVN 5176:1990	511	QCVN 22:2016/BYT	300 lux	
5	Tiếng Ồn chung	dBA	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)/1910.95 App G	70,8	QCVN 24:2016/BYT	85dBA	
6	NO_2	mg/m^3	ET.HT.SOP.LM.51	<0,19	QCVN 03:2019/BYT	5	10
7	SO_2	mg/m^3	ET.HT.SOP.LM.51	<0,26	QCVN 03:2019/BYT	5	10
8	CO	mg/m^3	ET.HT.SOP.LM.51	<1,14	QCVN 03:2019/BYT	20	40
9	Bụi bông	mg/m^3	QCVN 02:2019/BYT	<0,12	QCVN 02:2019/BYT	1,0	-

Ghi chú:

- Giá trị "<" là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.

- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.

- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về tiếng ồn – Mức độ tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.
2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết Khiếu nại.
3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH
Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam
ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn
Công bố cơ sở đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 61/TB - SYT

- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chiếu sáng - mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

Bắc Ninh, ngày 7 tháng 8 năm 2023

ĐD.P QUAN TRẮC	PT.P THÍ NGHIỆM	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Nghiêm Văn Phúc	Nguyễn Ích Tuấn	Thái Văn Chiến

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.
2. Quá thời hạn hai mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.
3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH
Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam
ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn
Công bố cơ sở đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 61/TB - SYT

Số phiếu: 230807.KKSX03

KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa chỉ:	Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Tọa độ:	N: 20°55'04,47 E: 106°04'37,53
Loại mẫu:	Không khí sản xuất
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	KK03: KV may
Ngày quan trắc:	27/07/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Đang hoạt động
Ngày thí nghiệm:	27/07/2023
Ngày trả kết quả:	07/08/2023

II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

TT	Tên thông số	Đơn vị	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	Tiêu chuẩn so sánh	Giới hạn	
						Trung bình 8 giờ	Từng lần tối đa
1	Nhiệt độ	^0C	TCVN 5508 – 2009	27,2	QCVN 26:2016/BYT	18 - 32 °C	
2	Độ ẩm	% RH	TCVN 5508 – 2009	60,0	QCVN 26:2016/BYT	40 - 80%	
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 – 2009	0,37	QCVN 26:2016/BYT	0,2 - 1,5m/s	
4	Ánh sáng	Lux	TCVN 5176:1990	797,5	QCVN 22:2016/BYT	300 lux	
5	Tiếng Ồn chung	dBA	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)/1910.95 App G	72,2	QCVN 24:2016/BYT	85dBA	
6	NO_2	mg/m^3	ET.HT.SOP.LM.51	<0,19	QCVN 03:2019/BYT	5	10
7	SO_2	mg/m^3	ET.HT.SOP.LM.51	<0,26	QCVN 03:2019/BYT	5	10
8	CO	mg/m^3	ET.HT.SOP.LM.51	<1,14	QCVN 03:2019/BYT	20	40
9	Bụi bông	mg/m^3	QCVN 02:2019/BYT	0,138	QCVN 02:2019/BYT	1,0	-

Ghi chú:

- Giá trị "<" là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.

- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.

- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về tiếng ồn – Mức độ tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTAIT lấy về.
2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.
3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chiếu sáng - mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

Bắc Ninh, ngày 7 tháng 8 năm 2023

ĐD.P QUAN TRẮC	PT.P THÍ NGHIỆM	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Nghiêm Văn Phúc	Nguyễn Ích Tuấn	Thái Văn Chiến

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.
2. Quá thời hạn hai mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.
3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH
Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam
ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn
Công bố cơ sở đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 61/TB - SYT

Số phiếu: 230807.KKSX04

KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa chỉ:	Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Tọa độ:	N: 20°55'02,71 E: 106°04'39,47
Loại mẫu:	Không khí sản xuất
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	KK04: KV đóng gói sản phẩm
Ngày quan trắc:	27/07/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Đang hoạt động
Ngày thí nghiệm:	27/07/2023
Ngày trả kết quả:	07/08/2023

II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

TT	Tên thông số	Đơn vị	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	Tiêu chuẩn so sánh	Giới hạn	
						Trung bình 8 giờ	Từng lần tối đa
1	Nhiệt độ	^0C	TCVN 5508 – 2009	27,3	QCVN 26:2016/BYT	18 - 32 °C	
2	Độ ẩm	% RH	TCVN 5508 – 2009	58,1	QCVN 26:2016/BYT	40 - 80%	
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 – 2009	0,44	QCVN 26:2016/BYT	0,2 - 1,5m/s	
4	Ánh sáng	Lux	TCVN 5176:1990	1101	QCVN 22:2016/BYT	300 lux	
5	Tiếng Ồn chung	dBA	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)/1910.95 App G	57,4	QCVN 24:2016/BYT	85dBA	
6	NO_2	mg/m^3	ET.HT.SOP.LM.51	<0,19	QCVN 03:2019/BYT	5	10
7	SO_2	mg/m^3	ET.HT.SOP.LM.51	<0,26	QCVN 03:2019/BYT	5	10
8	CO	mg/m^3	ET.HT.SOP.LM.51	<1,14	QCVN 03:2019/BYT	20	40
9	Bụi bông	mg/m^3	QCVN 02:2019/BYT	<0,12	QCVN 02:2019/BYT	1,0	-

Ghi chú:

- Giá trị "<" là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.

- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.

- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về tiếng ồn – Mức độ tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.
2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN Không giải quyết Khiếu nại
3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chiếu sáng - mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

Bắc Ninh, ngày 7 tháng 8 năm 2023

ĐD.P QUAN TRẮC	PT.P THÍ NGHIỆM	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Nghiêm Văn Phúc	Nguyễn Ích Tuấn	Thái Văn Chiến

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.
2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.
3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH
Đ/C: Số 172, đường Ngô Quyền, phường Kinh Bắc,TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
ĐT: 02223.858.256, Tel: 0988 411 115, Email: tuvanmoitruongetech@gmail.com
Số hiệu chứng nhận hoạt động quan trắc môi trường: VIMCERTS 222
Công bố cơ sở đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 61/TB - SYT

BIÊN BẢN XÁC NHẬN
CÔNG VIỆC ĐO ĐẠC, LẤY MẪU, QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Chúng tôi gồm:

1. Đơn vị được lấy mẫu: CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

Địa chỉ: Lô đất số L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Đại diện: Ông (bà) Trần Thị Hà Trang Chức vụ: NV

2. Thông tin đơn vị thực hiện

2.1. Đơn vị lấy mẫu : **Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn công nghệ môi trường ETECH**

Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, phường Kinh Bắc, tp.Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Đại diện lấy mẫu : Nguyễn Thắc Chức vụ NV

2.3. Đơn vị giám sát (nếu có):

Người giám sát 01: Chức vụ

Cơ quan : Địa chỉ:

Người giám sát 02 : Chức vụ:

Cơ quan : Địa chỉ:

3. Điều kiện khí tượng khi đo đạc, lấy mẫu: Trời không mưa

4. Điều kiện hoạt động của cơ sở khi đo đạc, lấy mẫu: Cơ sở hoạt động bình thường

5. Nội dung đo đạc, lấy mẫu

STT	Môi trường	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Tọa độ	Kí hiệu mẫu
1	Nước thải	Tại hố ga đấu nối thải ra hệ thống XLNT của KCN dệt may Phố Nối	20°55'04.61" 106°01'39.83"	NT1
2	KK	Khu vực dệt	20°55'03.21" 106°01'39.81"	KK1

STT	Môi trường	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Tọa độ	Kí hiệu mẫu
10			.....	.....
			.....	
11			.....	.....
			.....	
12			.....	.....
			.....	
13			.....	.....
			.....	

Ghi chú:			
	NT: Môi trường nước thải KT: Môi trường khí thải KKXQ: Không khí xung quanh KKSX: Mẫu không khí sản xuất	BT: Mẫu bùn thải D: Môi trường đất TT: Mẫu trầm tích CTR: Mẫu chất thải rắn	NM: Môi trường nước mặt NN: Môi trường nước ngầm NB: Môi trường nước biển NC: Mẫu nước cấp

6. Loại thiết bị lấy mẫu, phương pháp lấy mẫu theo TCVN hiện hành

7. Thông số quan trắc theo kế hoạch đính kèm

8. Nhận xét khác (nếu có): .....

.....

.....

9. Thời gian thực hiện: Vào ngày 14 tháng 10 năm 2023

ĐD.đơn vị được lấy mẫu	ĐD.đơn vị.....	Đại diện đơn vị lấy mẫu
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
Trần Thị Hải Trang		

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH
Đ/c: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh
ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn
Số hiệu chứng nhận hoạt động môi trường: VIMCERTS 222

Số phiếu: 231025.01.1332

KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa chỉ:	Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Tọa độ:	N: 20°55'01,01 E: 106°04'39,83
Loại mẫu:	Nước thải
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	NT01: Tại hố ga trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN dệt may Phố Nối
Ngày quan trắc:	14/10/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Đang hoạt động
Ngày thí nghiệm:	14/10/2023
Ngày trả kết quả:	25/10/2023

II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

TT	Thông số	Đơn vị	Tên/Số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	Tiêu chuẩn KCN Phố Nối B
1	Nhiệt độ	^0C	SMEWW 2550B:2017	27,8	40
2	pH	-	TCVN 6492:2011	7,21	5-9
3	Lưu lượng	m^3/h	QCVN 47:2012/BTNMT	0,2	-
4	Độ màu	Pt - Co	TCVN 6185:2015	31,6	100
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	66,0	300
6	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	192,0	400
7	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD_5)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	121,2	200
8	Clorua (Cl^-)	mg/L	TCVN 6194:1996	85,8	400
9	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,71	0,81
10	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	38,9	60
11	Sunfua (S^{2-})	mg/L	TCVN 6637:2000	0,45	1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.
2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.
3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

12	Xyanua (CN^-)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH	0,1
13	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1,4	4
14	Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	2000	6000

Ghi chú:

- Tiêu chuẩn KCN Phố Nối B: Tiêu chuẩn nước thải cho phép thải vào hệ thống chung của khu công nghiệp Phố Nối B

- Dấu (-): Không quy định trong tiêu chuẩn.

- KPH là không phát hiện (kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp)

ĐD.P QUAN TRẮC	PT.P THÍ NGHIỆM	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Nghiêm Văn Phúc	Nguyễn Ích Tuấn	Thái Văn Chiến

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH
Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam
ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn
Công bố cơ sở đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 61/TB - SYT

Số phiếu: 231025.KKSX06

KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa chỉ:	Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Tọa độ:	N: 20°55'03,21 E: 106°04'39,84
Loại mẫu:	Không khí sản xuất
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	KK1: Khu vực dệt
Ngày quan trắc:	14/10/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Đang hoạt động
Ngày thí nghiệm:	14/10/2023
Ngày trả kết quả:	25/10/2023

II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

TT	Tên thông số	Đơn vị	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	Tiêu chuẩn so sánh	Giới hạn	
						Trung bình 8 giờ	Từng lần tối đa
1	Nhiệt độ	^0C	TCVN 5508 – 2009	26,2	QCVN 26:2016/BYT	18 - 32 °C	
2	Độ ẩm	% RH	TCVN 5508 – 2009	72,6	QCVN 26:2016/BYT	40 - 80%	
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 – 2009	0,34	QCVN 26:2016/BYT	0,2 - 1,5m/s	
4	Ánh sáng	Lux	TCVN 5176:1990	606	QCVN 22:2016/BYT	300 lux	
5	Tiếng Ồn chung	dBA	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)/1910.95 App G	75,6	QCVN 24:2016/BYT	85dBA	
6	NO_2	mg/m^3	ET.HT.SOP.LM.51	<0,19	QCVN 03:2019/BYT	5	10
7	SO_2	mg/m^3	ET.HT.SOP.LM.51	<0,26	QCVN 03:2019/BYT	5	10
8	CO	mg/m^3	ET.HT.SOP.LM.51	<1,14	QCVN 03:2019/BYT	20	40
9	Bụi bông	mg/m^3	QCVN 02:2019/BYT	KPH	QCVN 02:2019/BYT	1,0	-

Ghi chú:

- Giá trị "<" là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.

- KPH là không phát hiện

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.
2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.
3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.

- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về tiếng ồn – Mức độ tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chiếu sáng - mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 10 năm 2023

ĐD.P QUAN TRẮC

Nghiêm Văn Phúc

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY T.N.H.H DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH

Thái Văn Chiến

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.
2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.
3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH
Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam
ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn
Công bố cơ sở đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 61/TB - SYT

Số phiếu: 231025.KKSX07

KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa chỉ:	Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Tọa độ:	N: 20°55'04,88 E: 106°04'37,26
Loại mẫu:	Không khí sản xuất
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	KK2: Khu vực cắt
Ngày quan trắc:	14/10/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Đang hoạt động
Ngày thí nghiệm:	14/10/2023
Ngày trả kết quả:	25/10/2023

II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

TT	Tên thông số	Đơn vị	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	Tiêu chuẩn so sánh	Giới hạn	
						Trung bình 8 giờ	Từng lần tối đa
1	Nhiệt độ	^oC	TCVN 5508 – 2009	26,5	QCVN 26:2016/BYT	18 - 32 °C	
2	Độ ẩm	% RH	TCVN 5508 – 2009	64,9	QCVN 26:2016/BYT	40 - 80%	
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 – 2009	0,38	QCVN 26:2016/BYT	0,2 - 1,5m/s	
4	Ánh sáng	Lux	TCVN 5176:1990	386	QCVN 22:2016/BYT	300 lux	
5	Tiếng Ồn chung	dBA	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)/1910.95 App G	70,8	QCVN 24:2016/BYT	85dBA	
6	NO_2	mg/m^3	ET.HT.SOP.LM.51	<0,19	QCVN 03:2019/BYT	5	10
7	SO_2	mg/m^3	ET.HT.SOP.LM.51	<0,26	QCVN 03:2019/BYT	5	10
8	CO	mg/m^3	ET.HT.SOP.LM.51	<1,14	QCVN 03:2019/BYT	20	40
9	Bụi bông	mg/m^3	QCVN 02:2019/BYT	<0,12	QCVN 02:2019/BYT	1,0	-

Ghi chú:
- Giá trị "<" là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.
- KPH là không phát hiện

- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.

- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về tiếng ồn – Mức độ tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chiếu sáng - mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 10 năm 2023

ĐD.P QUAN TRẮC

Nghiêm Văn Phúc

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Thái Văn Chiến

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.
2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.
3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH
Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam
ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn
Công bố cơ sở đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 61/TB - SYT

Số phiếu: 231025.KKSX08

KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa chỉ:	Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Tọa độ:	N: 20°55'04,36 E: 106°04'37,59
Loại mẫu:	Không khí sản xuất
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	KK3: Khu vực may
Ngày quan trắc:	14/10/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Đang hoạt động
Ngày thí nghiệm:	14/10/2023
Ngày trả kết quả:	25/10/2023

II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

TT	Tên thông số	Đơn vị	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	Tiêu chuẩn so sánh	Giới hạn	
						Trung bình 8 giờ	Từng lần tối đa
1	Nhiệt độ	^0C	TCVN 5508 – 2009	26,2	QCVN 26:2016/BYT	18 - 32 °C	
2	Độ ẩm	% RH	TCVN 5508 – 2009	64,5	QCVN 26:2016/BYT	40 - 80%	
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 – 2009	0,36	QCVN 26:2016/BYT	0,2 - 1,5m/s	
4	Ánh sáng	Lux	TCVN 5176:1990	865	QCVN 22:2016/BYT	300 lux	
5	Tiếng Ồn chung	dBA	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)/1910.95 App G	72,2	QCVN 24:2016/BYT	85dBA	
6	NO_2	mg/m^3	ET.HT.SOP.LM.51	<0,19	QCVN 03:2019/BYT	5	10
7	SO_2	mg/m^3	ET.HT.SOP.LM.51	<0,26	QCVN 03:2019/BYT	5	10
8	CO	mg/m^3	ET.HT.SOP.LM.51	<1,14	QCVN 03:2019/BYT	20	40
9	Bụi bông	mg/m^3	QCVN 02:2019/BYT	<0,12	QCVN 02:2019/BYT	1,0	-

Ghi chú:
- Giá trị "<" là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.
- KPH là không phát hiện

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.
2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.
3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.

- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về tiếng ồn – Mức độ tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chiếu sáng - mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 10 năm 2023

ĐD.P QUAN TRẮC

Nghiêm Văn Phúc

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Thái Văn Chiến

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.
2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.
3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ETECH
Địa chỉ: Số 172, đường Ngô Quyền, p.Kinh Bắc, tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam
ĐT: 02223 858 256 - 0988 411 115 Email: etech@moitruongetech.vn
Công bố cơ sở đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 61/TB - SYT

Số phiếu: 231025.KKSX09

KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Khách hàng:	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa chỉ:	Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu:	CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa chỉ lấy mẫu:	Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Tọa độ:	N: 20°55'02,36 E: 106°04'39,69
Loại mẫu:	Không khí sản xuất
Ký hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:	KK4: Khu vực đóng gói sản phẩm
Ngày quan trắc:	14/10/2023
Tình trạng hoạt động sản xuất:	Đang hoạt động
Ngày thí nghiệm:	14/10/2023
Ngày trả kết quả:	25/10/2023

II. KẾT QUẢ QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

TT	Tên thông số	Đơn vị	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Kết quả	Tiêu chuẩn so sánh	Giới hạn	
						Trung bình 8 giờ	Từng lần tối đa
1	Nhiệt độ	^0C	TCVN 5508 – 2009	26,0	QCVN 26:2016/BYT	18 - 32 °C	
2	Độ ẩm	% RH	TCVN 5508 – 2009	68,0	QCVN 26:2016/BYT	40 - 80%	
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508 – 2009	0,32	QCVN 26:2016/BYT	0,2 - 1,5m/s	
4	Ánh sáng	Lux	TCVN 5176:1990	643	QCVN 22:2016/BYT	300 lux	
5	Tiếng Ồn chung	dBA	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)/1910.95 App G	63,8	QCVN 24:2016/BYT	85dBA	
6	NO_2	mg/m^3	ET.HT.SOP.LM.51	<0,19	QCVN 03:2019/BYT	5	10
7	SO_2	mg/m^3	ET.HT.SOP.LM.51	<0,26	QCVN 03:2019/BYT	5	10
8	CO	mg/m^3	ET.HT.SOP.LM.51	<1,14	QCVN 03:2019/BYT	20	40
9	Bụi bông	mg/m^3	QCVN 02:2019/BYT	KPH	QCVN 02:2019/BYT	1,0	-

Ghi chú:

- Giá trị "<" là nhỏ hơn giới hạn phát hiện của máy đo.

- KPH là không phát hiện

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.
2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.
3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Dấu (-): Không quy định trong quy chuẩn.

- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về tiếng ồn – Mức độ tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 5 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chiếu sáng - mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 10 năm 2023

ĐD.P QUAN TRẮC

Nghiêm Văn Phúc

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Thái Văn Chiến

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQTMT lấy về.
2. Quá thời hạn lưu mẫu PTN không giải quyết khiếu nại.
3. Các nội dung thông tin mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 45 nghách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, Hà Nội.

ĐT: 0936175507 Email: Haticovietnam2016@gmail.com VIMCERTS 269 - VILAS 1349

BIÊN BẢN LẤY MẪU TẠI HIỆN TRƯỜNG

I. THÔNG TIN CHUNG

ĐV được lấy mẫu:	Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên
Địa chỉ:	KCN dệt may phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Địa điểm quan trắc	KCN dệt may phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Đơn vị giám sát/ chứng kiến	
Ngày quan trắc:	ngày 27 tháng 03 năm 2024
Thiết bị quan trắc:	☐ Thiết bị lấy mẫu nước phương ngang. ☑ Thiết bị QT nước đa chỉ tiêu; ☐ Thiết bị lấy mẫu nước phương đứng; ☑ Gáo lấy mẫu nước; ☐ Thiết bị lấy mẫu bùn trầm tích; ☐ Thiết bị đo lưu lượng nước.

Phương pháp quan trắc:

☑ TCVN 6663-1:2011: Lập CT lấy M và KT lấy M; ☑ TCVN 6663-3:2016: Bảo quản và xử lý mẫu; ☐ TCVN 6663-6:2018: Lấy mẫu nước sông và suối; ☐ TCVN 6663-4:2020: Lấy mẫu nước ao hồ ; ☐ SMEWW 10200B:2023: Lấy mẫu động thực vật nổi;	☑ TCVN 5999:1995: Lấy mẫu nước thải; ☐ TCVN 6663-11:2011: Lấy mẫu nước ngầm; ☐ TCVN 5998:1995: Lấy mẫu nước biển; ☐ TCVN 5997:1995: Lấy mẫu nước mưa; ☐ SMEWW 10500B:2023: Lấy mẫu động vật đáy; ☑ TCVN 8880:2011: Phương pháp lấy mẫu vi sinh.

Điều kiện BQ	☑ Bảo quản lạnh ☑ Bảo quản axit ☐ Bảo quản kiềm		
Đặc điểm thời tiết:	Trời mát	Cán bộ quan trắc:	Phạm Quang Tuấn

II. THÔNG TIN, KẾT QUẢ LẤY MẪU TẠI HIỆN TRƯỜNG

TT	Ký hiệu	Tên mẫu	Lượng mẫu	Tọa độ
	NT	NT01: Tại hố ga trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN dệt may phố Nối	2L	KĐ: 106.075.0 VĐ: 20.911678

	pH	Nhiệt độ (°C)	DO (mg/l)	TDS (mg/l)	EC (µS/cm)	Độ đục (NTU)	Lưu lượng xả (m^3/h)
Lần 1.....	6,94	25,5					1,4
Lần 2 (Nếu có).....							
Lần 3 (Nếu có).....							
Trung bình (LD1)	6,94	25,5					1,4
Đo lặp (LD2)	6,94	25,5					1,4
RPD đạt YC < 15%?							

Cbod (mg/l) <0,1

<0,1

<0,1

TT	Ký hiệu	Tên mẫu	Lượng mẫu	Tọa độ
				KĐ: .....
			.....	VĐ: .....

	pH	Nhiệt độ (°C)	DO (mg/l)	TDS (mg/l)	EC (µS/cm)	Độ đục (NTU)	Lưu lượng xả (m^3/h)
Lần 1.....							
Lần 2 (Nếu có).....							
Lần 3 (Nếu có).....							
Trung bình (LD1)							
Đo lặp (LD2)							
RPD đạt YC < 15%?							

TT	Ký hiệu	Tên mẫu	Lượng mẫu	Tọa độ
				KĐ: .....
			.....	VĐ: .....

	pH	Nhiệt độ (°C)	DO (mg/l)	TDS (mg/l)	EC (µS/cm)	Độ đục (NTU)	Lưu lượng xả (m^3/h)
Lần 1.....							
Lần 2 (Nếu có).....							
Lần 3 (Nếu có).....							
Trung bình (LD1)							
Đo lặp (LD2)							
RPD đạt YC < 15%?							

TT	Ký hiệu	Tên mẫu	Lượng mẫu	Tọa độ
				KĐ: .....
			.....	VĐ: .....

	pH	Nhiệt độ (°C)	DO (mg/l)	TDS (mg/l)	EC (µS/cm)	Độ đục (NTU)	Lưu lượng xả (m^3/h)
Lần 1.....							
Lần 2 (Nếu có).....							
Lần 3 (Nếu có).....							
Trung bình (LD1)							
Đo lặp (LD2)							
RPD đạt YC < 15%?							

Ghi chú:.....

$$RPD = \frac{|LD1 - LD2|}{[(LD1 + LD2)/2]} \times 100\,(\%)$$

Đại diện Cơ sở được lấy mẫu	Trưởng nhóm quan trắc	Người quan trắc
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*	*(Ký và ghi rõ họ tên)*
Trần Thị Uyên	Nguyễn Văn Việt	Nham Quang Thuong

Đại diện đơn vị giám sát/chứng kiến
(Ký và ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
Địa chỉ: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, Hà Nội.
ĐT: 0936175507 Email: Haticovietnam2016@gmail.com VIMCERTS 269 - VILAS 1349

BIÊN BẢN LẤY MẪU TẠI HIỆN TRƯỜNG

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị được lấy mẫu:	Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên	
Địa chỉ:	KCN dệt may phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	
Địa điểm quan trắc:	KCN dệt may phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	
Đơn vị giám sát/ chứng kiến		
Ngày quan trắc:	ngày 27 tháng 03 năm 2024	
Thiết bị quan trắc:	☑ Máy đo vi khí hậu; ☑ Máy đo độ ồn; ☐ Máy đo độ rung;	☑ Thiết bị lấy mẫu bụi ☐ Thiết bị lấy mẫu khí ☐ Khác
Phương pháp quan trắc:	☑ QCVN 46:2022/BTNMT; ☑ Tiếng ồn: TCVN 7878-2:2018; ☐ Độ rung: TCVN 6963:2001; ☑ TSP: TCVN 5067:1995; ☐ SO_2: TCVN 5971:1995; ☑ CO: HD.LM15/CO/KKXQ; ☑ NO_2: TCVN 6137:2009; ☐ NH_3: TCVN 5293:1995; ☐ H_2S: MASA 701; ☐ Cl_2: MASA 202; ☐ CH_4: MASA 101; ☐ NaOH: NIOSH 7401;	☐ Bụi PM_{10}: 40 CFR P50 App J; ☐ Bụi $PM_{2,5}$: 40 CFR P50 App L; ☐ Bụi Silic: NIOSH 7602; ☐ Kim loại: NIOSH 7300; ☐ HF: NIOSH 7096; ☐ HCl, HBr, HNO3: NIOSH 7907; ☐ H_2SO_4, H_3PO_4: NIOSH 7908; ☐ HCN: NIOSH 6010; ☐ C_xH_y: NIOSH 1500; ☐ VOCs: NIOSH 1501; ☐ Khác
Đặc điểm thời tiết:	Trời mát	Cán bộ quan trắc:	Phạm Quang Thưởng

II. THÔNG TIN, KẾT QUẢ LẤY MẪU TẠI HIỆN TRƯỜNG

TT	Ký hiệu	Tên mẫu	Lượng mẫu	Tọa độ
1.	K1	Khu vực dệt	4	KĐ: 106,07794 VĐ: 20,91785

	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Áp suất (hPa)	Tiếng ồn (dBA)	Độ rung (.....)	Ánh sáng (Lux)
Lần 1.....	28,1	69,2	0,2	1016	76,1	76,1	985
Lần 2 (Nếu có).....							
Lần 3 (Nếu có).....							
Trung bình (LD1)	28,1	69,2	0,2	1016	76,1	76,1	985
Đo lặp (LD2)	28,1	69,2	0,2	1016	76,1		985
RPD đạt YC < 15%?							

TT	Ký hiệu	Tên mẫu	Lượng mẫu	Tọa độ
2.	K2	Khu vực cắt	4	KĐ: 106,07718 VĐ: 20,91795

	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Áp suất (hPa)	Tiếng ồn (dBA)	Độ rung (.....)	Ánh sáng (Lux)
Lần 1.....	28,1	70,3	0,2	1016	70,1	574	574
Lần 2 (Nếu có).....							
Lần 3 (Nếu có).....							
Trung bình (LD1)	28,1	70,3	0,2	1016	70,1	574	574
Đo lặp (LD2)	28,1	70,3	0,2	1016	70,1	574	574
RPD đạt YC < 15%?							

TT	Ký hiệu	Tên mẫu	Lượng mẫu	Tọa độ
3.	K3	Khu vực may	4	KĐ: 106,07731 VĐ: 20,91768

	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Áp suất (hPa)	Tiếng ồn (dBA)	Độ rung (.....)	Ánh sáng (Lux)
Lần 1.....	27,4	65,0	0,2	1016	72,1		1177
Lần 2 (Nếu có).....							
Lần 3 (Nếu có).....							
Trung bình (LD1)	27,4	65,0	0,2	1016	72,1		1177
Đo lặp (LD2)	27,4	65,0	0,2	1016	72,1		1177
RPD đạt YC < 15%?							

TT	Ký hiệu	Tên mẫu	Lượng mẫu	Tọa độ
4.	K4	Khu vực đóng gói sản phẩm	4	KĐ: 106,07791 VĐ: 20,91726

	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Áp suất (hPa)	Tiếng ồn (dBA)	Độ rung (.....)	Ánh sáng (Lux)
Lần 1.....	27,2	71,1	0,2	1016	60,4		1053
Lần 2 (Nếu có).....							
Lần 3 (Nếu có).....							
Trung bình (LD1)	27,2	71,1	0,2	1016	60,4		1053
Đo lặp (LD2)	27,2	71,1	0,2	1016	60,4		1053
RPD đạt YC < 15%?							

TT	Ký hiệu	Tên mẫu	Lượng mẫu	Tọa độ
5.			.....	KĐ: VĐ:

	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Áp suất (hPa)	Tiếng ồn (dBA)	Độ rung (.....)	Ánh sáng (Lux)
Lần 1.....							
Lần 2 (Nếu có).....							
Lần 3 (Nếu có).....							
Trung bình (LD1)							
Đo lặp (LD2)							
RPD đạt YC < 15%?							

TT	Ký hiệu	Tên mẫu	Lượng mẫu	Tọa độ
6.			.....	KĐ: VĐ:

	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Áp suất (hPa)	Tiếng ồn (dBA)	Độ rung (.....)	Ánh sáng (Lux)
Lần 1.....							
Lần 2 (Nếu có).....							
Lần 3 (Nếu có).....							
Trung bình (LD1)							
Đo lặp (LD2)							
RPD đạt YC < 15%?							

TT	Ký hiệu	Tên mẫu	Lượng mẫu	Tọa độ
7.			.....	KĐ: VĐ:

	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Áp suất (hPa)	Tiếng ồn (dBA)	Độ rung (.....)	Ánh sáng (Lux)
Lần 1.....							
Lần 2 (Nếu có).....							
Lần 3 (Nếu có).....							
Trung bình (LD1)							
Đo lặp (LD2)							
RPD đạt YC < 15%?							

TT	Ký hiệu	Tên mẫu	Lượng mẫu	Tọa độ
8.			.....	KĐ: VĐ:

	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Áp suất (hPa)	Tiếng ồn (dBA)	Độ rung (.....)	Ánh sáng (Lux)
Lần 1.....							
Lần 2 (Nếu có).....							
Lần 3 (Nếu có).....							
Trung bình (LD1)							
Đo lặp (LD2)							
RPD đạt YC < 15%?							

TT	Ký hiệu	Tên mẫu	Lượng mẫu	Tọa độ
9.			.....	KĐ: VĐ:

	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Áp suất (hPa)	Tiếng ồn (dBA)	Độ rung (.....)	Ánh sáng (Lux)
Lần 1.....							
Lần 2 (Nếu có).....							
Lần 3 (Nếu có).....							
Trung bình (LD1)							
Đo lặp (LD2)							
RPD đạt YC < 15%?							

TT	Ký hiệu	Tên mẫu	Lượng mẫu	Tọa độ
10.			.....	KĐ: VĐ:

	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Áp suất (hPa)	Tiếng ồn (dBA)	Độ rung (.....)	Ánh sáng (Lux)
Lần 1.....							
Lần 2 (Nếu có).....							
Lần 3 (Nếu có).....							
Trung bình (LD1)							
Đo lặp (LD2)							
RPD đạt YC < 15%?							

Ghi chú: .....

$$RPD = \frac{|LD1 - LD2|}{[(LD1 + LD2)/2]} \times 100\,(\%)$$

Đại diện Cơ sở được lấy mẫu	Trưởng nhóm quan trắc	Người quan trắc
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*	*(Ký và ghi rõ họ tên)*
Trần Thị Uyên	Nguyễn Văn Việt	Phạm Quang Tuấn

Đại diện đơn vị giám sát/chứng kiến
(Ký và ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM
Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Đ/c PTN: Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
HATICO VIỆT NAM
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

Ký hiệu : 01-27/03/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên
Địa chỉ : Lô đất số L6, KCN dệt may phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Địa điểm quan trắc : Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Vị trí lấy mẫu : + K1: Khu vực dệt, tọa độ KĐ: 106,07794, VĐ: 20,91755
+ K2: Khu vực cắt, tọa độ KĐ: 106,07718, VĐ: 20,91719
+ K3: Khu vực may, tọa độ KĐ: 106,07731, VĐ: 20,91768
+ K4: Khu vực đóng gói sản phẩm, tọa độ KĐ: 106,07791, VĐ: 20,91736
Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí Số lượng mẫu: 03
Ngày lấy mẫu : 27/03/2024 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 08/04/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm				QCVN 03 :2019/BYT
				K1	K2	K3	K4	
1.	Nhiệt độ	^0C	TCVN 5508:2009	28,1	28,1	27,4	27,2	18-32(1)
2.	Độ ẩm	%		69,2	70,3	65	71,1	40-80(1)
3.	Tốc độ gió	m/s		0,2	0,2	0,2	0,2	0,2-1,5(1)
4.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	76,1	70,1	72,1	60,4	85(2)
5.	SO_2	mg/m^3	TCVN 5971:1995	0,106	0,105	0,121	0,118	10
6.	NO_2	mg/m^3	TCVN 6137:2009	0,095	0,102	0,106	0,097	10
7.	CO	mg/m^3	QTPT/KK/CO	3,54	4	4,12	3,9	40
8.	Bụi bông	mg/m^3	QCVN 02:2019/BYT	0,085	0,091	0,087	0,08	1(3)
9.	Ánh sáng	Lux	TCVN 5176:1990	985	574	1177	1053	≥300(4)

Ghi chú:
Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
+ (1) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
+ (2) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc tiếng ồn cho phép tại nơi làm việc (trung bình 8 giờ)
+ (3) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
+ (4) QCVN 22:2016/BTY: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chiếu sáng – Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2024

CÁN BỘ THỬ NGHIỆM	PHỤ TRÁCH CHUYÊN MÔN	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Duyên	ThS. Nguyễn Văn Việt	ThS. Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định
2. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
5. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
6. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
7. Các chỉ tiêu trên được công nhận theo quyết định số 503/BC-SYT của Sở Y tế Hà Nội ngày 26/01/2024

HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269
Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

Ký hiệu : 1474-08/04/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên
Địa chỉ : Lô đất số L6, KCN dệt may phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Địa điểm quan trắc : Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Vị trí lấy mẫu : + NT: Tại hố ga trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN dệt may Phố Nối, tọa độ KĐ: 106,07806, VĐ: 20,91678
Mã hóa mẫu : 27032024-009
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 27/03/2024 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 08/04/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm	TC KCN Dệt may Phố Nối
				NT	
1.	Lưu lượng	m^3/h	*HD.QT.N.01*	1,4	-
2.	Nhiệt độ	^oC	*SMEWW 2550 B:2023*	25,5	**40**
3.	pH	-	*TCVN 6492:2011*	6,94	**5-9**
4.	BOD_5 (20°C)	*mg/l*	*TCVN 6001-1:2021*	90,9	**200**
5.	COD	*mg/l*	*SMEWW 5220 C:2023*	227,2	**400**
6.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	*mg/l*	*TCVN 6625:2000*	57,2	**300**
7.	Tổng nitơ (tính theo N)	*mg/l*	*TCVN 6638:2000*	46,2	**60**
8.	Sunfua	*mg/l*	*TCVN 6637:2000*	0,13	**1**
9.	Dầu mỡ khoáng	*mg/l*	*SMEWW 5520B&F:2023*	3,8	**4**
10.	Tổng Coliform	*MPN/ 100ml*	*SMEWW 9221B:2023*	$5,5\times10^3$	**6.000**
11.	Clo dư	*mg/l*	*SMEWW 4500-Cl:2023*	<0,1	**0,81**
12.	Tổng xianua (CN^-)	*mg/l*	*SMEWW 4500-CN^- .C&E:2023*	<0,002	**0,1**
13.	Clorua (Cl^-)	*mg/l*	*TCVN 6194:1996*	144,65	**400**
14.	Độ màu	*Pt-Co*	*TCVN 6185(C):2015*	84,51	**100**

Ghi chú:
Quy chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn đấu nối nước thải của Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối.

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2024

CÁN BỘ QA/QC	TP. THỬ NGHIỆM	GIÁM ĐỐC
Hoàng Thị Kim Anh	ThS. Nguyễn Văn Hòa	ThS. Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định
2. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
5. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
6. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349
Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

HATICO VIỆT NAM

Số: **04092/2024/PKQ/24.1407**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên - Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Vị trí lấy mẫu : - KLV.020724-001- Khu vực dệt, tọa độ: VĐ=20,917579, KĐ=106,078209 (K1)
- KLV.020724-002- Khu vực cắt, tọa độ: VĐ=20,91791, KĐ=106,07698 (K2)
- KLV.020724-003- Khu vực may, tọa độ: VĐ=20,91777, KĐ=106,07695 (K3)
- KLV.020724-004- Khu vực đóng gói sản phẩm, tọa độ: VĐ=20,917383, KĐ=106,077929 (K4)

Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí môi trường lao động Số lượng mẫu: 04

Ngày lấy mẫu : 02/07/2024 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 08/07/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 03:2019/ BYT
				K1	K2	K3	K4	
1	Nhiệt độ(c)	°C	TCVN 5508:2009	27,2	29	28,7	28,6	*18-32(1)*
2	Độ ẩm(c)	%	TCVN 5508:2009	59,1	55,9	48,3	57,5	*40-80(1)*
3	Tốc độ gió(c)	m/s	TCVN 5508:2009	0,2	0,3	0,2	0,4	*0,2-1,5(1)*
4	Bụi bông(c)	mg/m^3	QCVN 02:2019/BYT	0,062	0,065	0,064	0,066	*1(2)*
5	Nitơ dioxide (NO_2)(c)	mg/m^3	TCVN 6137:2009	0,091	0,096	0,092	0,091	*10*
6	Sulfur dioxide (SO_2)(c)	mg/m^3	TCVN 5971:1995	0,119	0,114	0,111	0,106	*10*
7	Tiếng ồn(c)	dBA	TCVN 7878-2:2018	84,9	77,3	74,6	68,6	*85(3)*
8	CO(c)	mg/m^3	QTPT/KK/CO/07	3,93	3,9	3,82	4,1	*40*
9	Ánh sáng(c)	Lux	TCVN 5176:1990	473	522	793	937	*≥300(4)*

Ghi chú :

Quy chuẩn so sánh: QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ngắn).

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

+ (1) **QCVN 26:2016/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
+ (2) **QCVN 02:2019/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
+ (3) **QCVN 24:2016/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc tiếng ồn cho phép tại nơi làm việc (trung bình 8 giờ).
+ (4) **QCVN 22:2016/BTY:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chiếu sáng – Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2024

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM	CÁN BỘ QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Duyên	Hoàng Thị Kim Anh	ThS. Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349
Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

HATICO VIỆT NAM

Số: **04091/2024/PKQ/24.1407**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên - Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.
Vị trí lấy mẫu : - NT.020724-006- Tại hố ga trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN dệt may Phố Nối, tọa độ: VĐ=20,916665, KĐ=106,078062 (NT)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 02/07/2024 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 08/07/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	TC KCN Dệt may Phố Nối
				NT	
1	Nhiệt độ(b)	°C	SMEWW 2550B:2023	30,5	*40*
2	pH(b)	-	TCVN 6492:2011	7,15	*5 ÷ 9*
3	Tổng xianua (CN^-)(b)	mg/L	SMEWW 4500 CN-C&E:2023	<0,002	*0,1*
4	Tổng dầu mỡ khoáng(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	3,8	*4*
5	Clorua (Cl-)(b)	mg/L	TCVN 6194:1996	142,66	*400*
6	Clo dư(b)	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	<0,1	*0,81*
7	Lưu lượng(b)	m^3/h	HD.QT.N.01	8,5	-
8	BOD_5 (20°C)(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	93,4	*200*
9	COD(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	233,6	*400*
10	TSS(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	89,6	*300*
11	Tổng Nitơ(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	52,6	*60*
12	Sunfua (H_2S)(b)	mg/L	TCVN 6637:2000	0,84	*1*
13	Tổng Coliforms(b)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	5.800	*6.000*
14	Độ màu(b)	Pt-Co	TCVN6185 (C) 2015	93,12	*100*

Ghi chú:

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

Quy chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn đấu nối nước thải của Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối.

Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2024

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM	CÁN BỘ QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Duyên	Hoàng Thị Kim Anh	TS. Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349
Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 07592/2024/PKQ/24.3344

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên - Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.
Vị trí lấy mẫu : - NT.021024-002- Tại hố ga trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN dệt may Phố Nối, tọa độ VĐ=20,916665, KĐ=106,078062 (NT)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 02/10/2024 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 15/10/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	TC KCN Dệt may Phố Nối
				NT	
1	Nhiệt độ(b)	°C	SMEWW 2550B:2023	28,4	*40*
2	pH(b)	-	TCVN 6492:2011	6,82	*5 ÷ 9*
3	Tổng xianua (CN^-)(b)	mg/L	SMEWW 4500 CN-C&E:2023	<0,002	*0,1*
4	Tổng dầu mỡ khoáng(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	3,2	*4*
5	Clorua (Cl^-)(b)	mg/L	TCVN 6194:1996	147,48	*400*
6	Clo dư(b)	mg/L	SMEWW 4500-Cl:2023	<0,1	*0,81*
7	Lưu lượng(b)	m^3/h	HD.QT.N.01	8,2	-
8	BOD_5 (20°C)(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	115,1	*200*
9	COD(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	198,4	*400*
10	TSS(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	74,7	*300*
11	Tổng Nitơ(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	50,8	*60*
12	Sunfua (H_2S)(b)	mg/L	TCVN 6637:2000	0,9	*1*
13	Tổng Coliforms(b)	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B:2023	5.800	*6.000*
14	Độ màu(b)	Pt-Co	TCVN 6185.C:2015	90,2	*100*

Ghi chú:
Quy chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn đấu nối nước thải của Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối.

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2024

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM	CÁN BỘ QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Duyên	Hoàng Thị Kim Anh	ThS. Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269 - VILAS 1349
Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Đ/c PTN : Liền kề 16.31 khu đô thị Hinode Royal Park Kim Chung Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội
Tel: 0936.175.507 Email: haticovietnam2016@gmail.com

Số: 07593/2024/PKQ/24.3344

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên - Lô đất số L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.
Vị trí lấy mẫu : - KLV.021024-001- Khu vực dệt, tọa độ VĐ=20,917579, KĐ=106,078209 (K1)
- KLV.021024-002- Khu vực cắt, tọa độ VĐ=20,91791, KĐ=106,07698 (K2)
- KLV.021024-003- Khu vực may, tọa độ VĐ=20,91777, KĐ=106,07695 (K3)
- KLV.021024-004- Khu vực đóng gói sản phẩm, tọa độ VĐ=20,917383, KĐ=106,077929 (K4)
Tên mẫu/ Loại mẫu : Không khí môi trường lao động Số lượng mẫu: 04
Ngày lấy mẫu : 02/10/2024 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 15/10/2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả				QCVN 03 :2019/BYT
				K1	K2	K3	K4	
1	Nhiệt độ(c)	°C	TCVN 5508:2009	26,1	28,2	27,6	26,4	*18-32(1)*
2	Độ ẩm(c)	%	TCVN 5508:2009	59,6	57,1	60,5	58,6	*40-80(1)*
3	Tốc độ gió(c)	m/s	TCVN 5508:2009	0,2	0,2	0,2	0,2	*0,2-1,5(1)*
4	Bụi bông(c)	mg/m^3	QCVN 02:2019/BYT	0,068	0,074	0,082	0,069	*1(2)*
5	Nitơ dioxide (NO_2)(c)	mg/m^3	TCVN 6137:2009	0,1	0,099	0,096	0,098	*10*
6	Sulfur dioxide (SO_2)(c)	mg/m^3	TCVN 5971:1995	0,112	0,109	0,103	0,108	*10*
7	Tiếng ồn(c)	dBA	TCVN 7878-2:2018	80,7	70,6	67,8	64,7	*85(3)*
8	CO(c)	mg/m^3	QTPT/KK/CO/07	3,89	3,98	3,92	3,97	*40*
9	Ánh sáng(c)	Lux	TCVN 5176:1990	850	504	635	556	*≥300(4)*

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: **QCVN 03:2019/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ngắn).

+ (1) **QCVN 26:2016/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
+ (2) **QCVN 02:2019/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
+ (3) **QCVN 24:2016/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc tiếng ồn cho phép tại nơi làm việc (trung bình 8 giờ).
+ (4) **QCVN 22:2016/BTY:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chiếu sáng – Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2024

TM. PHÒNG THỬ NGHIỆM	CÁN BỘ QA/QC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Duyên	Hoàng Thị Kim Anh	ThS. Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (a) được công nhận Vilas
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được công nhận Vimcerts
4. Các chỉ tiêu đánh dấu (c) được công nhận bởi Sở Y tế Hà Nội
5. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ
6. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm
7. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.
8. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN
HÒA ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Căn cứ Hợp đồng số 2022/01/RMHY-HA/HĐXL-PL ký ngày 01/01/2022;
- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được thu gom, vận chuyển và xử lý

Hôm nay, ngày 29 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty TNHH Regina Miracle international Việt Nam Hưng Yên
Địa chỉ: Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phối Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Mã số thuế: 0901038658
Số tài khoản: 1021000022888 tại Vietcombank chi nhánh Phố Hiến, Hưng Yên
Đại diện: Ông YIU KA SO Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bên B: Công ty Cổ phần Hòa Anh
Địa chỉ: Số 37/33 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.
Mã số thuế: 0200431395.
Số tài khoản: 3211.0000.215919, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN Chi nhánh Hải Phòng.
Đại diện: Ông NGUYỄN VĂN CHÍN Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải tháng 01 năm 2022 như sau:

ĐVT: VND

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
1	Chất thải công nghiệp rắn thông thường không còn giá trị thương mại	kg	1,060	1,500	1,590,000
2	Chất thải sinh hoạt thông thường không còn giá trị thương mại	kg	3,970	2,500	9,925,000
3	Giẻ lau dính dầu	kg	320	3,000	960,000
4	Chất thải y tế	kg	60	8,000	480,000
Tổng cộng:			**5,410**		**12,955,000**
Thuế suất GTGT: 0%					**0**
Tổng cộng tiền thanh toán:					**12,955,000**
Bằng chữ: Mười hai triệu, chín trăm năm mươi lăm ngàn đồng					

Biên bản này được lập thành 2 bản gốc, mỗi bên giữ 01 bản như nhau.

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN	CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA ANH
TỔNG GIÁM ĐỐC	CHỦ TỊCH HĐQT
YIU KA SO	Nguyễn Văn Chín

TỈNH/ THÀNH PHỐ	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
HƯNG YÊN	Số: 010/2022/1-2-3-4-5-6.046.VX

1. Chủ xử lý CTNH 1: **Công ty Cổ phần Hòa Anh** — Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.046.VX

Địa chỉ văn phòng: **Số 37/33 đường Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng** — ĐT: 0225.3765109

Địa chỉ cơ sở : Số 37/33 đường Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng — ĐT: 0225.3765109

2. Chủ xử lý CTNH 2: — Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: — ĐT:

Địa chỉ cơ sở : — ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên** — Mã số QLCTNH: 33.00525.T

Địa chỉ văn phòng: **Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phối Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam** — ĐT: 0225 6263 282

Địa chỉ cơ sở: **Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phối Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam** — ĐT: 0225 6263 282

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Nước thải có các thành phần nguy hại		x		19 10 01	-	HTXLNT
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	-	TC
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại (bao gồm cả vỏ thùng phuy, thùng sơn bằng sắt...)	x			18 01 02	-	Súc rửa
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa (bao gồm cả thùng phuy, thùng sơn bằng nhựa...)	x			18 01 03	-	Súc rửa
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	320	TĐ
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	-	Nghiền, HR
7	Pin, ắc quy thải	x			16 01 12	-	Tháo dỡ, súc rửa
8	Chất thải y tế	x			13 01 01	60	TĐ
9	Than hoạt tính từ quá trình xử lý khí thải	x			12 01 04	-	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Không Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 15H-00942

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Cao Văn Trung Ký:..... Ngày: 21/01/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2..... Ký:..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 21 tháng 01 năm 2022

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

VIJ KA SO

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ xử lý CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Hải Phòng, ngày 24 tháng 01 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA ANH

CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Văn Chín

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@ Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

CÔNG TY CỔ PHẦN
HÒA ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Căn cứ Hợp đồng số 2022/01/RMHY-HA/HĐXL-PL ký ngày 01/01/2022;

- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được thu gom, vận chuyển và xử lý

Hôm nay, ngày 28 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty TNHH Regina Miracle international Việt Nam Hưng Yên
Địa chỉ: Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phối Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Mã số thuế: 0901038658
Số tài khoản: 1021000022888 tại Vietcombank chi nhánh Phố Hiến, Hưng Yên
Đại diện: Ông YIU KA SO Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bên B: Công ty Cổ phần Hòa Anh
Địa chỉ: Số 37/33 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.
Mã số thuế: 0200431395.
Số tài khoản: 3211.0000.215919, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN Chi nhánh Hải Phòng.
Đại diện: Ông NGUYỄN VĂN CHÍN Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải tháng 02 năm 2022 như sau:

ĐVT: VNĐ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
1	Chất thải công nghiệp rắn thông thường không còn giá trị thương mại	kg	2,200	1,500	3,300,000
2	Chất thải sinh hoạt thông thường không còn giá trị thương mại	kg	1,700	2,500	4,250,000
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	kg	80	2,000	160,000
4	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	kg	80	3,000	240,000
5	Chất thải y tế	kg	19	8,000	152,000
6	Pin thải	kg	1	2,500	2,500
Tổng cộng:			**4,080**		**8,104,500**
Thuế suất GTGT: 0%					**0**
Tổng cộng tiền thanh toán:					**8,104,500**
Bằng chữ: Tám triệu, một trăm lẻ bốn nghìn, năm trăm đồng					

Biên bản này được lập thành 2 bản gốc, mỗi bên giữ 01 bản như nhau.

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN	CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA ANH
TỔNG GIÁM ĐỐC	CHỦ TỊCH HĐQT
YIU KA SO	Nguyễn Văn Chín

TỈNH/ THÀNH PHỐ	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
HƯNG YÊN	Số: 048/2022/1-2-3-4-5-6.046.VX

1. Chủ xử lý CTNH 1: **Công ty Cổ phần Hòa Anh** — Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.046.VX

Địa chỉ văn phòng: **Số 37/33 đường Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng** — ĐT: 0225.3765109

Địa chỉ cơ sở : Số 37/33 đường Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng — ĐT: 0225.3765109

2. Chủ xử lý CTNH 2: — Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: — ĐT:

Địa chỉ cơ sở : — ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên** — Mã số QLCTNH: 33.00525.T

Địa chỉ văn phòng: **Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phối Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam** — ĐT: 0225 6263 282

Địa chỉ cơ sở: **Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phối Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam** — ĐT: 0225 6263 282

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Nước thải có các thành phần nguy hại		x		19 10 01	-	HTXLNT
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	-	TC
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại (bao gồm cả vỏ thùng phuy, thùng sơn bằng sắt...)	x			18 01 02	80	Súc rửa
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa (bao gồm cả thùng phuy, thùng sơn bằng nhựa...)	x			18 01 03	-	Súc rửa
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	80	TĐ
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	-	Nghiền, HR
7	Pin, ắc quy thải	x			16 01 12	1	Tháo dỡ, súc rửa
8	Chất thải y tế	x			13 01 01	19	TĐ
9	Than hoạt tính từ quá trình xử lý khí thải	x			12 01 04	-	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Không Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 16N-4257

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Cao Văn Trung Ký:..... Ngày: 25/02/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2..... Ký:..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 25 tháng 02 năm 2022

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ KA SO

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ xử lý CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Hải Phòng, ngày 27 tháng 02 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA ANH

CHỦ TỊCH HĐQT

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@ Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

CÔNG TY CỔ PHẦN
HÒA ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Căn cứ Hợp đồng số 2022/01/RMHY-HA/HĐXL-PL ký ngày 01/01/2022;

- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được thu gom, vận chuyển và xử lý

Hôm nay, ngày 31 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty TNHH Regina Miracle international Việt Nam Hưng Yên
Địa chỉ: Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phối Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Mã số thuế: 0901038658
Số tài khoản: 1021000022888 tại Vietcombank chi nhánh Phố Hiến, Hưng Yên
Đại diện: Ông YIU KA SO Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bên B: Công ty Cổ phần Hòa Anh
Địa chỉ: Số 37/33 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.
Mã số thuế: 0200431395.
Số tài khoản: 3211.0000.215919, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN Chi nhánh Hải Phòng.
Đại diện: Ông NGUYỄN VĂN CHÍN Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải tháng 03 năm 2022 như sau:

ĐVT: VNĐ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
1	Chất thải công nghiệp rắn thông thường không còn giá trị thương mại	kg	2,578	1,500	3,867,000
2	Chất thải sinh hoạt thông thường không còn giá trị thương mại	kg	2,320	2,500	5,800,000
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	kg	5	2,000	10,000
4	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	kg	269	3,000	807,000
5	Chất thải y tế	kg	5	8,000	40,000
6	Pin thải	kg	1	2,500	2,500
Tổng cộng:			**5,178**		**10,526,500**
Thuế suất GTGT: 0%					**0**
Tổng cộng tiền thanh toán:					**10,526,500**
Bằng chữ: Mười triệu, năm trăm hai mươi sáu ngàn, năm trăm đồng					

Biên bản này được lập thành 2 bản gốc, mỗi bên giữ 01 bản như nhau.

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN	CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA ANH
TỔNG GIÁM ĐỐC	CHỦ TỊCH HĐQT
YIU KA SO	Nguyễn Văn Chín

TỈNH/ THÀNH PHỐ HƯNG YÊN	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 090/2022/1-2-3-4-5-6.046.VX

1. Chủ xử lý CTNH 1: **Công ty Cổ phần Hòa Anh** — Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.046.VX

Địa chỉ văn phòng: **Số 37/33 đường Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng** — ĐT: 0225.3765109

Địa chỉ cơ sở : Số 37/33 đường Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng — ĐT: 0225.3765109

2. Chủ xử lý CTNH 2: — Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: — ĐT:

Địa chỉ cơ sở : — ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên** — Mã số QLCTNH: 33.00525.T

Địa chỉ văn phòng: **Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phối Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam** — ĐT: 0225 6263 282

Địa chỉ cơ sở: **Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phối Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam** — ĐT: 0225 6263 282

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Nước thải có các thành phần nguy hại		x		19 10 01	-	HTXLNT
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	-	TC
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại (bao gồm cả vỏ thùng phuy, thùng sơn bằng sắt...)	x			18 01 02	5	Súc rửa
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa (bao gồm cả thùng phuy, thùng sơn bằng nhựa...)	x			18 01 03	-	Súc rửa
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	269	TĐ
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	-	Nghiền, HR
7	Pin, ắc quy thải	x			16 01 12	1	Tháo dỡ, súc rửa
8	Chất thải y tế	x			13 01 01	5	TĐ
9	Than hoạt tính từ quá trình xử lý khí thải	x			12 01 04	-	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Không Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 16N-4257

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Cao Văn Trung Ký:..... Ngày: 25/03/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2..... Ký:..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 25 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

YU KA SO

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ xử lý CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Hải Phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA ANH

CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Văn Chân

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@ Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

CÔNG TY CỔ PHẦN
HÒA ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Căn cứ Hợp đồng số 2022/01/RMHY-HA/HĐXL-PL ký ngày 01/01/2022;

- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được thu gom, vận chuyển và xử lý

Hôm nay, ngày 29 tháng 04 năm 2022 tại trụ sở Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty TNHH Regina Miracle international Việt Nam Hưng Yên
Địa chỉ: Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phối Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Mã số thuế: 0901038658
Số tài khoản: 1021000022888 tại Vietcombank chi nhánh Phố Hiến, Hưng Yên
Đại diện: Ông YIU KA SO Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bên B: Công ty Cổ phần Hòa Anh
Địa chỉ: Số 37/33 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.
Mã số thuế: 0200431395.
Số tài khoản: 3211.0000.215919, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN Chi nhánh Hải Phòng.
Đại diện: Ông NGUYỄN VĂN CHÍN Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải tháng 04 năm 2022 như sau:

ĐVT: VNĐ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
1	Chất thải công nghiệp rắn thông thường không còn giá trị thương mại	kg	5,720	1,500	8,580,030
2	Chất thải sinh hoạt thông thường không còn giá trị thương mại	kg	3,560	2,500	8,900,000
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	kg	227	2,000	454,000
4	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	kg	173	3,000	519,000
Tổng cộng:			**9,680**		**18,453,030**
Thuế suất GTGT: 0%					**0**
Tổng cộng tiền thanh toán:					**18,453,030**
Bằng chữ:	***Mười tám triệu, bốn trăm năm mươi ba ngàn, không trăm ba mươi đồng***				

Biên bản này được lập thành 2 bản gốc, mỗi bên giữ 01 bản như nhau.

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YIU KA SO

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA ANH

CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Văn Chín

TỈNH/ THÀNH PHỐ HƯNG YÊN	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 148/2022/1-2-3-4-5-6.046.VX

1. Chủ xử lý CTNH 1: **Công ty Cổ phần Hòa Anh** — Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6.046.VX**

Địa chỉ văn phòng: **Số 37/33 đường Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng** — ĐT: 0225.3765109

Địa chỉ cơ sở : Số 37/33 đường Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng — ĐT: 0225.3765109

2. Chủ xử lý CTNH 2: — Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: — ĐT:

Địa chỉ cơ sở : — ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên** — Mã số QLCTNH: **33.00525.T**

Địa chỉ văn phòng: **Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phối Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam** — ĐT: **0225 6263 282**

Địa chỉ cơ sở: **Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phối Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam** — ĐT: **0225 6263 282**

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Nước thải có các thành phần nguy hại		x		19 10 01	-	HTXLNT
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03	-	TC
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại (bao gồm cả vỏ thùng phuy, thùng sơn bằng sắt...)	x			18 01 02	227	Súc rửa
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa (bao gồm cả thùng phuy, thùng sơn bằng nhựa...)	x			18 01 03	-	Súc rửa
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	173	TĐ
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06	-	Nghiền, HR
7	Pin, ắc quy thải	x			16 01 12	-	Tháo dỡ, súc rửa
8	Chất thải y tế	x			13 01 01	-	TĐ
9	Than hoạt tính từ quá trình xử lý khí thải	x			12 01 04	-	TĐ

[#] Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Không Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 16N-4257

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Cao Văn Trung Ký:..... Ngày: 29/04/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2..... Ký:..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 29 tháng 04 năm 2022

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

VIU KA SO

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ xử lý CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Hải Phòng, ngày 03 tháng 05 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA ANH

CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Văn Chín

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@ Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

Thuia

CÔNG TY CỔ PHẦN
HÒA ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Căn cứ Hợp đồng số 2022/01/RMHY-HA/HĐXL-PL ký ngày 01/01/2022;

- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được thu gom, vận chuyển và xử lý

Hôm nay, ngày 31 tháng 05 năm 2022 tại trụ sở Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty TNHH Regina Miracle international Việt Nam Hưng Yên
Địa chỉ: Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phối Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Mã số thuế: 0901038658
Số tài khoản: 1021000022888 tại Vietcombank chi nhánh Phố Hiến, Hưng Yên
Đại diện: Ông YIU KA SO Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bên B: Công ty Cổ phần Hòa Anh
Địa chỉ: Số 37/33 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.
Mã số thuế: 0200431395.
Số tài khoản: 3211.0000.215919, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN Chi nhánh Hải Phòng.
Đại diện: Ông NGUYỄN VĂN CHÍN Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải tháng 05 năm 2022 như sau:

ĐVT: VNĐ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
1	Chất thải công nghiệp rắn thông thường không còn giá trị thương mại	kg	4.480	1.500	6.720.000
2	Chất thải sinh hoạt thông thường không còn giá trị thương mại	kg	2.080	2.500	5.200.000
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	kg	200	2.000	400.000
4	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	kg	260	3.000	780.000
Tổng cộng:			**7.020**		**13.100.000**
Thuế suất GTGT: 0%					**0**
Tổng cộng tiền thanh toán:					**13.100.000**
Bằng chữ: Mười ba triệu, một trăm ngàn đồng					

Biên bản này được lập thành 2 bản gốc, mỗi bên giữ 01 bản như nhau.

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YIU KA SO

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA ANH

CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Văn Chín

TỈNH/ THÀNH PHỐ	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
HƯNG YÊN	Số: 194/2022/1-2-3-4-5-6.046.VX

1. Chủ xử lý CTNH 1: **Công ty Cổ phần Hòa Anh** — Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.046.VX

Địa chỉ văn phòng: **Số 37/33 đường Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng** — ĐT: 0225.3765109

Địa chỉ cơ sở : Số 37/33 đường Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng — ĐT: 0225.3765109

2. Chủ xử lý CTNH 2: — Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: — ĐT:

Địa chỉ cơ sở : — ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên** — Mã số QLCTNH: 33.00525.T

Địa chỉ văn phòng: **Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phối Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam** — ĐT: 0225 6263 282

Địa chỉ cơ sở: **Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phối Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam** — ĐT: 0225 6263 282

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Nước thải có các thành phần nguy hại		x		19 10 01		HTXLNT
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03		TC
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại (bao gồm cả vỏ thùng phuy, thùng sơn bằng sắt...)	x			18 01 02	200	Súc rửa
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa (bao gồm cả thùng phuy, thùng sơn bằng nhựa...)	x			18 01 03		Súc rửa
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	260	TĐ
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06		Nghiền, HR
7	Pin, ắc quy thải	x			16 01 12		Tháo dỡ, súc rửa
8	Chất thải y tế	x			13 01 01		TĐ
9	Than hoạt tính từ quá trình xử lý khí thải	x			12 01 04		TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Không Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 16N-4257

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Cao Văn Trung Ký:..... Ngày: 25/05/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2..... Ký:..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên ngày 25 tháng 05 năm 2022

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ xử lý CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Hải Phòng, ngày 26 tháng 05 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA ANH

CHỦ TỊCH HĐQT

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@ Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☒

CÔNG TY CỔ PHẦN
HÒA ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Căn cứ Hợp đồng số 2022/01/RMHY-HA/HĐXL-PL ký ngày 01/01/2022;

- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được thu gom, vận chuyển và xử lý

Hôm nay, ngày 30 tháng 06 năm 2022 tại trụ sở Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên
Địa chỉ: Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phối Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Mã số thuế: 0901038658
Số tài khoản: 1021000022888 tại Vietcombank chi nhánh Phố Hiến, Hưng Yên
Đại diện: Ông YIU KA SO Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bên B: Công ty Cổ phần Hòa Anh
Địa chỉ: Số 37/33 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.
Mã số thuế: 0200431395.
Số tài khoản: 3211.0000.215919, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN Chi nhánh Hải Phòng.
Đại diện: Ông NGUYỄN VĂN CHÍN Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải tháng 06 năm 2022 như sau:

ĐVT: VNĐ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
1	Chất thải công nghiệp rắn thông thường không còn giá trị thương mại	kg	8.774	1.500	13.161.000
2	Chất thải sinh hoạt thông thường không còn giá trị thương mại	kg	4.640	2.500	11.600.000
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	kg	140	2.000	280.000
4	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	kg	280	3.000	840.000
Tổng cộng:			**13.834**		**25.881.000**
Thuế suất GTGT: 0%					**0**
Tổng cộng tiền thanh toán:					**25.881.000**
Bằng chữ:	***Hai mươi lăm triệu, tám trăm tám mươi mốt ngàn đồng***				

Biên bản này được lập thành 2 bản gốc, mỗi bên giữ 01 bản như nhau.

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YIU KA SO

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA ANH

CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Văn Chín

TỈNH/ THÀNH PHỐ	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
HƯNG YÊN	Số: 277/2022/1-2-3-4-5-6.046.VX

1. Chủ xử lý CTNH 1: **Công ty Cổ phần Hòa Anh** — Mã số QLCTNH: **1-2-3-4-5-6.046.VX**

Địa chỉ văn phòng: **Số 37/33 đường Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng** — ĐT: 0225.3765109

Địa chỉ cơ sở : Số 37/33 đường Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng — ĐT: 0225.3765109

2. Chủ xử lý CTNH 2: — Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: — ĐT:

Địa chỉ cơ sở : — ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên** — Mã số QLCTNH: **33.00525.T**

Địa chỉ văn phòng: **Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phối Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam** — ĐT: 0225 6263 282

Địa chỉ cơ sở: **Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phối Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam** — ĐT: 0225 6263 282

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Nước thải có các thành phần nguy hại		x		19 10 01		HTXLNT
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03		TC
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại (bao gồm cả vỏ thùng phuy, thùng sơn bằng sắt...)	x			18 01 02	140	Súc rửa
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa (bao gồm cả thùng phuy, thùng sơn bằng nhựa...)	x			18 01 03		Súc rửa
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	280	TĐ
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06		Nghiền, HR
7	Pin, ắc quy thải	x			16 01 12		Tháo dỡ, súc rửa
8	Chất thải y tế	x			13 01 01		TĐ
9	Than hoạt tính từ quá trình xử lý khí thải	x			12 01 04		TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Không Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 16N-4257

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Cao Văn Trung Ký:..... Ngày: 23/06/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2..... Ký:..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 23 tháng 06 năm 2022

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

YU KA SO

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ xử lý CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Hải Phòng, ngày 25 tháng 06 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA ANH

CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Văn Chín

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@ Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☒

CÔNG TY CỔ PHẦN
HÒA ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Căn cứ Hợp đồng số 2022/01/RMHY-HA/HĐXL-PL ký ngày 01/01/2022;

- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được thu gom, vận chuyển và xử lý

Hôm nay, ngày 31 tháng 07 năm 2022 tại trụ sở Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên
Địa chỉ: Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Mã số thuế: 0901038658
Số tài khoản: 1021000022888 tại Vietcombank chi nhánh Phố Hiến, Hưng Yên
Đại diện: Ông YIU KA SO Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bên B: Công ty Cổ phần Hòa Anh
Địa chỉ: Số 37/33 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.
Mã số thuế: 0200431395.
Số tài khoản: 3211.0000.215919, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN Chi nhánh Hải Phòng.
Đại diện: Ông NGUYỄN VĂN CHÍN Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải tháng 07 năm 2022 như sau:

ĐVT: VNĐ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
1	Chất thải công nghiệp rắn thông thường không còn giá trị thương mại	kg	11.101,67	1.500	16.652.505
2	Chất thải sinh hoạt thông thường không còn giá trị thương mại	kg	3.260	2.500	8.150.000
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	kg	204	2.000	408.000
4	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	kg	377	3.000	1.131.000
Tổng cộng:			**14.942,67**		**26.341.505**
Thuế suất GTGT: 0%					**0**
Tổng cộng tiền thanh toán:					**26.341.505**
Bằng chữ:	***Hai mươi sáu triệu, ba trăm bốn mươi mốt ngàn, năm trăm lẻ năm đồng chẵn.***				

Biên bản này được lập thành 2 bản gốc, mỗi bên giữ 01 bản như nhau.

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YIU KA SO

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA ANH

CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Văn Chín

TỈNH/ THÀNH PHỐ	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
HƯNG YÊN	Số: 360/2022/1-2-3-4-5-6.046.VX

1. Chủ xử lý CTNH 1: **Công ty Cổ phần Hòa Anh** — Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.046.VX

Địa chỉ văn phòng: **Số 37/33 đường Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng** — ĐT: 0225.3765109

Địa chỉ cơ sở : Số 37/33 đường Ngô Quyền, Máy Chai, Ngô Quyền, Hải Phòng — ĐT: 0225.3765109

2. Chủ xử lý CTNH 2: — Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: — ĐT:

Địa chỉ cơ sở : — ĐT:

3. Chủ nguồn thải: **Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên** — Mã số QLCTNH: 33.00525.T

Địa chỉ văn phòng: **Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam** — ĐT: 0225 6263 282

Địa chỉ cơ sở: **Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam** — ĐT: 0225 6263 282

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Nước thải có các thành phần nguy hại		x		19 10 01		HTXLNT
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		17 02 03		TC
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại (bao gồm cả vỏ thùng phuy, thùng sơn bằng sắt...)	x			18 01 02	204	Súc rửa
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa (bao gồm cả thùng phuy, thùng sơn bằng nhựa...)	x			18 01 03		Súc rửa
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01	377	TĐ
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			16 01 06		Nghiền, HR
7	Pin, ắc quy thải	x			16 01 12		Tháo dỡ, súc rửa
8	Chất thải y tế	x			13 01 01		TĐ
9	Than hoạt tính từ quá trình xử lý khí thải	x			12 01 04		TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có): Không Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 15C-08199

7.1. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 1: Cao Văn Trung Ký:..... Ngày: 29/07/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ xử lý CTNH 2..... Ký:..... Ngày: .....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 29 tháng 07 năm 2022

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

YIU KA SO

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ xử lý CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)

Hải Phòng, ngày 05 tháng 08 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA ANH

CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Văn Chín

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@ Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☒

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DV
KHO VẬN PHÚ HƯNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
------****------

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Căn cứ Hợp đồng số: 39/2022/HĐ-CTCNTT/PH-RMIH, 55/2022/HĐ-CTCNTT/PH-RMIH và hợp đồng số 116/2022/HĐ-CTNH/PH-RMIH hai công ty ký ngày 01 tháng 07 năm 2022.

- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã thu gom, vận chuyển và xử lý.

Hôm nay, ngày 31 tháng 08 năm 2022 tại trụ sở Công ty Cổ Phần thương mại và dịch vụ kho vận Phú Hưng. Chúng tôi gồm:

BÊN A : CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

Địa chỉ: Lô đất số L6, Khu công nghiệp dệt may Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số thuế: 0901038658

Đại diện: ông Yiu Ka So **Chức vụ: Tổng giám đốc**

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG

Địa chỉ : Số 49 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã số thuế: 0200867992

Điện thoại: 0968108888

Đại diện: ông Trần Trí Minh **Chức vụ: Phó giám đốc**

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải tháng 08 năm 2022 với khối lượng chất thải như sau:

STT	Tên chất thải	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
01	Chất thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại	Kg	6,470	1,200	7,764,000
02	Rác sinh hoạt	Kg	3,440	2,500	8,600,000
03	Chất thải nguy hại: Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Kg	320	3,000	960,000
Tổng			**10,230**		**17,324,000**
Thuế GTGT (0%)					**0**
Tổng cộng tiền thanh toán					**17,324,000**
Mười bảy triệu, ba trăm hai mươi bốn nghìn đồng chẵn./.					

Biên bản này được lập thành 02 bản gốc, mỗi bên giữ 01 bản như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YIU KA SO

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trí Minh

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI PHÒNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 789 /2022/1-2-3-4-5-6.108.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG** — Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.108.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 49 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng — Điện thoại: 0225.3282309

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Nhà máy xử lý chất thải Minh Tân – Khu đầm Ao La, xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng — Điện thoại: 0225.6507.999

~~2. Chủ CS DV XL CTNH 2: .....~~ Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: .....

~~Địa chỉ văn phòng: .....~~ Điện thoại: .....

~~Địa chỉ cơ sở/đại lý: .....~~ Điện thoại: .....

3. Chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN** — Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH : .....

Địa chỉ văn phòng: Lô đất số L6, Khu công nghiệp dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên — Điện thoại: 0904.126.296

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Lô đất số L6, Khu công nghiệp dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên — Điện thoại: 0904.126.296

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại	x			18 02 01	320	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

~~5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....~~

~~Cửa khẩu nhập .....~~ ~~Số hiệu phương tiện:.....~~

~~Ngày xuất cảng: .....~~ ~~Cửa khẩu xuất: .....~~

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 15C-30264

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Vũ Thị Phương Ký:..... Ngày: 31/08/2022

~~7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:~~

~~.....~~ ~~Ký:.....~~ ~~Ngày:.....~~

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 31 tháng 08 năm 2022
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YIU KA SO

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Phòng, ngày 01 tháng 09 năm 2022
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHO VẬN PHÚ HƯNG

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Tori Minh

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☑

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Căn cứ Hợp đồng số 2022/02/RMHY-TC/HĐXL-PL ký ngày 01/09/2022;

- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được thu gom, vận chuyển và xử lý

Hôm nay, ngày tháng năm 2022 tại trụ sở Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên
Địa chỉ: Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Mã số thuế: 0901038658
Số tài khoản: 1021000022888 tại Vietcombank chi nhánh Phố Hiến, Hưng Yên
Đại diện: Ông YIU KA SO Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bên B: Công ty CP Sản xuất vật liệu xây dựng Thành Công III
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hiệp Sơn, phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.
Mã số thuế: 0800297991.
Số tài khoản: 46010000028546, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN Chi nhánh Hải Dương.
Đại diện: Ông LÊ KHÁNH BẢO LONG Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải tháng 09 năm 2022 như sau:

ĐVT: VNĐ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
1	Chất thải công nghiệp rắn thông thường không còn giá trị thương mại (120912)	kg	16.920	1.200	20.304.000
2	Chất thải sinh hoạt thông thường không còn giá trị thương mại	kg	3.080	2.500	7.700.000
3	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại (180201)	kg	419	3.000	1.257.000
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa (180103)	kg	100	1.800	180.000
Tổng cộng:			**20.519**		**29.441.000**
Thuế suất GTGT: 0%					**0**
Tổng cộng tiền thanh toán:					**29.441.000**
Bằng chữ:	***Hai mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi mốt ngàn đồng***				

Biên bản này được lập thành 2 bản gốc, mỗi bên giữ 01 bản như nhau.

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YIU KA SO

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
LÊ KHÁNH BẢO LONG

TỈNH/THÀNH PHỐ:
Hưng Yên

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 01/RE-TC/2022/1-2-3-4-5-6.034.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1 : **Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX
Địa chỉ văn phòng: Số nhà 10A, cụm CN Tây Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương ĐT: 02203.895.973
Cơ sở xử lý: Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III
Địa chỉ : Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.535.456

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....
Cơ sở xử lý: .....
Địa chỉ : ..... ĐT: .....

3. Chủ nguồn thải: **Công ty TNHH Regina miracle international Hưng Yên** Mã số QLCTNH: 33.000525.T
Địa chỉ VP: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT : 0225.6263.282
Địa chỉ cơ sở: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT : 0225.6263.282

4. Kê khai CTNH chuyển giao

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất hấp thu, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các TPNH	x			18 02 01	419	ĐX
2	Bao bì cứng thải bằng nhựa	x			18 01 03	100	ĐX

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....
Số hiện phương tiện:..... ..... Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất:
.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34c-20767

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Lê Văn Thu Ký:.....Ngày: 28/09/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... ..Ký:.....Ngày: ...../...../.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 28 tháng 09 năm 2022

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
TỔNG GIÁM ĐỐC
YIU KA SO

(ký,ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Dương, ngày 30 tháng 10 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH CÔNG
TUQ TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG QLMT
TRẦN MINH CHON

(ký,ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☑

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

2602 - Xử lý

- Căn cứ Hợp đồng số 2022/02/RMHY-TC/HĐXL-PL ký ngày 01/09/2022;

- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được thu gom, vận chuyển và xử lý

Hôm nay, ngày 31 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên

Địa chỉ: Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Mã số thuế: 0901038658

Số tài khoản: 1021000022888 tại Vietcombank chi nhánh Phố Hiến, Hưng Yên

Đại diện: Ông YIU KA SO Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bên B: Công ty CP Sản xuất vật liệu xây dựng Thành Công III

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hiệp Sơn, phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Mã số thuế: 0800297991.

Số tài khoản: 46010000028546, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN Chi nhánh Hải Dương.

Đại diện: Ông LÊ KHÁNH BẢO LONG Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải tháng 10 năm 2022 như sau:

ĐVT: VNĐ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
1	Chất thải công nghiệp rắn thông thường không còn giá trị thương mại	kg	5.000	1.200	6.000.000
2	Chất thải sinh hoạt thông thường không còn giá trị thương mại	kg	3.940	2.500	9.850.000
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	kg	150	1.800	270.000
4	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	kg	200	3.000	600.000
Tổng cộng:			**9.290**		**16.720.000**
Thuế suất GTGT: 0%					**0**
Tổng cộng tiền thanh toán:					**16.720.000**
Bằng chữ:	***Mười sáu triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng***				

Biên bản này được lập thành 2 bản gốc, mỗi bên giữ 01 bản như nhau.

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YIU KA SO

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
LÊ KHÁNH BẢO LONG

Bản chính

TỈNH/THÀNH PHỐ HƯNG YÊN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 02 /Regina/2022/1-2-3-4-5-6.034.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1 : **Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX

Địa chỉ văn phòng: Số nhà 10A, cụm CN Tây Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương ĐT: 02203.895.973

Cơ sở xử lý: Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III

Địa chỉ : Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.535.456

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....

Cơ sở xử lý: .....

Địa chỉ : ..... ĐT: .....

Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ VP: Lô L4, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0225 6263282

Địa chỉ cơ sở: Lô L4, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0225 6263282

4. Kê khai CTNH chuyển giao

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau chứa TPNH	x			180201	200	ĐX

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... ..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu phương tiện vận chuyển:34C-27694

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Trần Tân Việt Ký:.....Ngày: 27/10/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:.....Ngày: ...../...../.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 27 tháng 10 năm 2022

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Dương, ngày 03 tháng 11 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH CÔNG

TUQ TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG QLMT

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

TỈNH/THÀNH PHỐ
HƯNG YÊN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 03 /Regina/2022/I-2-3-4-5-6.034.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1 : **Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công** Mã số QLCTNH: I-2-3-4-5-6.034.VX

Địa chỉ văn phòng: Số nhà 10A, cụm CN Tây Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương ĐT: 02203.895.973

Cơ sở xử lý: Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III

Địa chỉ : Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.535.456

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : Công ty Cp Xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5.014VX.

Địa chỉ văn phòng: Số 64- Phạm Huy Thông- Ba Đình- Hà Nội ĐT: 02438274399

Cơ sở xử lý: Xã Nham Sơn – huyện Yên Dũng – tỉnh Bắc Giang ĐT:02043604420

Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ VP: Lô L4, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0225 6263282

Địa chỉ cơ sở: Lô L4, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0225 6263282

4. Kê khai CTNH chuyển giao

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) *
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			180102	150	TR-TC

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... ....., Ngày xuất cảng:.....Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu phương tiện vận chuyển:34C-27694 , 34C - 20611

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Trần Tân Việt Ký:.... Ngày: 27/10/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.... Nguyễn Phương Yến ..... Ký:.... Ngày: 03/11/2022

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 27 tháng 10 năm 2022

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
VIU KA SO

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bắc Giang, ngày 15 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH

GIÁM ĐỐC
Đặng Thanh Anh

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Căn cứ Hợp đồng số 2022/02/RMHY-TC/HĐXL-PL ký ngày 01/09/2022;

- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được thu gom, vận chuyển và xử lý

Hôm nay, ngày 30 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên
Địa chỉ: Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Mã số thuế: 0901038658
Số tài khoản: 1021000022888 tại Vietcombank chi nhánh Phố Hiến, Hưng Yên
Đại diện: Ông YIU KA SO Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bên B: Công ty CP Sản xuất vật liệu xây dựng Thành Công III
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hiệp Sơn, phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.
Mã số thuế: 0800297991.
Số tài khoản: 46010000028546, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN Chi nhánh Hải Dương.
Đại diện: Ông LÊ KHÁNH BẢO LONG Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải tháng 11 năm 2022 như sau:

ĐVT: VNĐ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
1	Chất thải công nghiệp rắn thông thường không còn giá trị thương mại	kg	5.350,63	1.200	6.420.756
2	Chất thải sinh hoạt thông thường không còn giá trị thương mại	kg	2.810	2.500	7.025.000
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	kg	200	1.800	360.000
4	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	kg	350	3.000	1.050.000
Tổng cộng:			**8.710,63**		**14.855.756**
Thuế suất GTGT: 0%					**0**
Tổng cộng tiền thanh toán:					**14.855.756**
Bằng chữ:	***Mười bốn triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi sáu đồng***				

Biên bản này được lập thành 2 bản gốc, mỗi bên giữ 01 bản như nhau.

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

M.S.D.N: 0901038658 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN TX. MỸ HÀO - T. HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YIU KA SO

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

M.S.D.N: 0800297991 C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III TX. KINH MÔN - T. HẢI DƯƠNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
LÊ KHÁNH BẢO LONG

Tạo Mới

TỈNH/THÀNH PHỐ
HƯNG YÊN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 04 /Regina/2022/1-2-3-4-5-6.034.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1 : **Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX
Địa chỉ văn phòng: Số nhà 10A, cụm CN Tây Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương ĐT: 02203.895.973
Cơ sở xử lý: Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III
Địa chỉ : Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.535.456

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....
Cơ sở xử lý: .....
Địa chỉ : ..... ĐT: .....

Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ VP: Lô L4, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử.Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0225 6263282
Địa chỉ cơ sở: Lô L4, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử.Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0225 6263282

4. Kê khai CTNH chuyển giao

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau chứa TPNH	x			180201	350	ĐX

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-20767

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Lê Văn Thu. Ký:..... Ngày: 25/11 /2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày: ...../...../.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 25 tháng 11 năm 2022

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
TỔNG GIÁM ĐỐC
YIU KA SO

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Dương, ngày 01 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH CÔNG
TUQ TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG QLMT
TRẦN MINH CHƠN

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

TỈNH/THÀNH PHỐ
HƯNG YÊN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 05 /Regina/2022/1-2-3-4-5-6.034.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1 : **Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX

Địa chỉ văn phòng: Số nhà 10A, cụm CN Tây Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương ĐT: 02203.895.973

Cơ sở xử lý: Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III

Địa chỉ : Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.535.456

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : Công ty Cp Xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5.014VX.

Địa chỉ văn phòng: Số 64- Phạm Huy Thông- Ba Đình- Hà Nội ĐT: 02438274399

Cơ sở xử lý: Xã Nham Sơn – huyện Yên Dũng -- tỉnh Bắc Giang ĐT:02043604420

Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ VP: Lô L4, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0225 6263282

Địa chỉ cơ sở: Lô L4, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0225 6263282

4. Kê khai CTNH chuyển giao

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) [#]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			180102	200	TR-TC

[#] Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu phương tiện vận chuyển:34C-20767

7.1.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Lê Văn Thu Ký: Thu Ngày: 25/11/2022

7.1.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: ..... Ký:..... Ngày: .....

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Trần Thu Hường Ký: Ngày: 08/12/2022

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 25 tháng 11 năm 2022

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YIU KA SO

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bắc Giang, ngày 20 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH

GIÁM ĐỐC
Đặng Xuân Anh

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

[#] Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Căn cứ Hợp đồng số 2022/02/RMHY-TC/HĐXL-PL ký ngày 01/09/2022;

- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được thu gom, vận chuyển và xử lý

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên

Địa chỉ: Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Mã số thuế: 0901038658

Số tài khoản: 1021000022888 tại Vietcombank chi nhánh Phố Hiến, Hưng Yên

Đại diện: Ông YIU KA SO Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bên B: Công ty CP Sản xuất vật liệu xây dựng Thành Công III

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hiệp Sơn, phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Mã số thuế: 0800297991.

Số tài khoản: 46010000028546, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN Chi nhánh Hải Dương.

Đại diện: Ông LÊ KHÁNH BẢO LONG Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải tháng 12 năm 2022 như sau:

ĐVT: VNĐ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
1	Chất thải công nghiệp rắn thông thường không còn giá trị thương mại	kg	4.361,28	1.200	5.233.536
2	Chất thải sinh hoạt thông thường không còn giá trị thương mại	kg	2.430,00	2.500	6.075.000
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	kg	35,00	1.800	63.000
4	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	kg	280,00	3.000	840.000
Tổng cộng:			**7.106,28**		**12.211.536**
Thuế suất GTGT: 0%					**0**
Tổng cộng tiền thanh toán:					**12.211.536**
Bằng chữ:	***Mười hai triệu, hai trăm mười một ngàn, năm trăm ba mươi sáu đồng.***				

Biên bản này được lập thành 2 bản gốc, mỗi bên giữ 01 bản như nhau.

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YIU KA SO

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
LÊ KHÁNH BẢO LONG

TỈNH/THÀNH PHỐ
HƯNG YÊN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ..06../Regina/2022/I-2-3-4-5-6.034.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1 : **Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX

Địa chỉ văn phòng: Số nhà 10A, cụm CN Tây Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương ĐT: 02203.895.973

Cơ sở xử lý: Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III

Địa chỉ : Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.535.456

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : Công ty Cp Xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5.014VX.

Địa chỉ văn phòng: Số 64- Phạm Huy Thông- Ba Đình- Hà Nội ĐT: 02438274399

Cơ sở xử lý: Xã Nham Sơn – huyện Yên Dũng – tỉnh Bắc Giang ĐT:02043604420

Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ VP: Lô L4, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0225 6263282

Địa chỉ cơ sở: Lô L4, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0225 6263282

4. Kê khai CTNH chuyển giao

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			180102	35	TR-TC

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu phương tiện vận chuyển:34C-27694

7.1.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Trần Tân Việt Ký:... Ngày: 26/12/2022

7.1.2. . Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Văn Thái Ký:... Ngày: 30/12/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Nguyễn Phương Linh Ký: Linh Ngày: 30/12/2022

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 26 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YIU KA SO

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

ngày 04 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH

GIÁM ĐỐC
Đặng Trần Anh

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

TỈNH/THÀNH PHỐ
HƯNG YÊN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: .04.../Regina/2022/1-2-3-4-5-6.034.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1 : **Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX

Địa chỉ văn phòng: Số nhà 10A, cụm CN Tây Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương ĐT: 02203.895.973

Cơ sở xử lý: Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III

Địa chỉ : Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.535.456

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....

Cơ sở xử lý: .....

Địa chỉ : ..... ĐT: .....

Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ VP: Lô L4, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0225 6263282

Địa chỉ cơ sở: Lô L4, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0225 6263282

4. Kê khai CTNH chuyển giao

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau chứa TPNH	x			180201	280	ĐX
2	Bao bì cứng thải bằng nhựa	x			180103		ĐX

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu phương tiện vận chuyển:34C-27694

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Trần Tân Việt Ký:..... Ngày: 26/12/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày: ...../...../.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 28 tháng 09 năm 2022

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YU KA SO

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Dương , ngày.....tháng..... năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH CÔNG

TUQ TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG QLMT
TRẦN MINH CHƠN

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Căn cứ Hợp đồng số 2022/02/RMHY-TC/HĐXL-PL ký ngày 01/09/2022;

- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được thu gom, vận chuyển và xử lý

Hôm nay, ngày 31 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên

Địa chỉ: Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Mã số thuế: 0901038658

Số tài khoản: 1021000022888 tại Vietcombank chi nhánh Phố Hiến, Hưng Yên

Đại diện: Ông YIU KA SO Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bên B: Công ty CP Sản xuất vật liệu xây dựng Thành Công III

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hiệp Sơn, phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Mã số thuế: 0800297991.

Số tài khoản: 46010000028546, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN Chi nhánh Hải Dương.

Đại diện: Ông LÊ KHÁNH BẢO LONG Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải tháng 01 năm 2023 như sau:

ĐVT: VNĐ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
1	Chất thải công nghiệp rắn thông thường không còn giá trị thương mại	kg	1.666,41	1.200	1.999.692
2	Chất thải sinh hoạt thông thường không còn giá trị thương mại	kg	1.885,00	2.500	4.712.500
Tổng cộng:			**3.551,41**		**6.712.192**
Thuế suất GTGT: 0%					**0**
Tổng cộng tiền thanh toán:					**6.712.192**
Bằng chữ:	***Sáu triệu, bảy trăm mười hai nghìn, một trăm chín mươi hai đồng.***				

Biên bản này được lập thành 2 bản gốc, mỗi bên giữ 01 bản như nhau.

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN	CÔNG TY CP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III
M.S.D.N: 0901038658 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN - TX.MỸ HÀO - T. HƯNG YÊN	M.S.D.N: 0800297991 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III - TX.KINH MÔN - T.HẢI DƯƠNG
TỔNG GIÁM ĐỐC YIU KA SO	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC LÊ KHÁNH BẢO LONG

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Căn cứ Hợp đồng số 2022/02/RMHY-TC/HĐXL-PL ký ngày 01/09/2022;

- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được thu gom, vận chuyển và xử lý

Hôm nay, ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên

Địa chỉ: Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Mã số thuế: 0901038658

Số tài khoản: 1021000022888 tại Vietcombank chi nhánh Phố Hiến, Hưng Yên

Đại diện: Ông YIU KA SO Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bên B: Công ty CP Sản xuất vật liệu xây dựng Thành Công III

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hiệp Sơn, phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Mã số thuế: 0800297991.

Số tài khoản: 46010000028546, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN Chi nhánh Hải Dương.

Đại diện: Ông LÊ KHÁNH BẢO LONG Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải tháng 02 năm 2023 như sau:

ĐVT: VNĐ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
1	Chất thải công nghiệp rắn thông thường không còn giá trị thương mại	kg	2.690,00	1.200	3.228.000
2	Chất thải sinh hoạt thông thường không còn giá trị thương mại	kg	3.300,00	2.500	8.250.000
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	kg	20,00	1.800	36.000
4	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	kg	575,00	3.000	1.725.000
Tổng cộng:			**6.585,00**		**13.239.000**
Thuế suất GTGT: 0%					**0**
Tổng cộng tiền thanh toán:					**13.239.000**
Bằng chữ: Mười ba triệu, hai trăm ba mươi chín ngàn đồng.					

Biên bản này được lập thành 2 bản gốc, mỗi bên giữ 01 bản như nhau.

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

M.S.D.N: 0901038658 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN - TX. MỸ HÀO - T. HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YIU KA SO

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

M.S.D.N: 0800297991 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III - T. KINH MÔN - T. HẢI DƯƠNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
LÊ KHÁNH BẢO LONG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ...285.../2023/I-2-3-4-5-6.034.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1 : **Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công** Mã số QLCTNH: I-2-3-4-5-6.034.VX

Văn phòng: Số nhà 10A, cụm CN Tây Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương ĐT: 02203.895.973

Cơ sở xử lý: Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III

Địa chỉ : Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.535.456

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : Công ty Cp Xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5.014VX.

Địa chỉ văn phòng: Số 64- Phạm Huy Thông- Ba Đình- Hà Nội ĐT: 02438274399

Cơ sở xử lý: Xã Nham Sơn – huyện Yên Dũng – tỉnh Bắc Giang ĐT:02043604420

Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ VP: Lô L4, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0225 6263282

Địa chỉ cơ sở: Lô L4, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0225 6263282

4. Kê khai CTNH chuyển giao

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			180102	20	Tẩy rửa - TC

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... ..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-27694 , 34C - 23829

7.1.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Ngô Văn Tuấn Ký: ..... Ngày: 14/02/2023

7.1.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển:..... Ký: ..... Ngày: 14/02/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký: ..... Ngày: 14/02/2023

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 14 Tháng 02 năm 2023

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

YIU KA SO

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bắc Giang, ngày 17 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH

GIÁM ĐỐC

Đặng Trần Anh

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

TL 1023

TỈNH/THÀNH PHỐ
HƯNG YÊN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ...368...../2023/1-2-3-4-5-6.034.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1 : **Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX

Địa chỉ văn phòng: Số nhà 10A, cụm CN Tây Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương ĐT: 02203.895.973

Cơ sở xử lý: Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III

Địa chỉ : Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.535.456

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....

Cơ sở xử lý: .....

Địa chỉ : ..... ĐT: .....

Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ VP: Lô L4, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0225 6263282

Địa chỉ cơ sở: Lô L4, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0225 6263282

4. Kê khai CTNH chuyển giao

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau chứa TPNH	x			180201	135	ĐX

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... ..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-27694

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Ngô Văn Tuấn Ký:..... Ngày: 24/02/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày: ...../...../.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 24 Tháng 02 năm 2023

M.S.D.N: 0901038658 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN - TX. MỸ HÀO - T. HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YIU KA SO

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Dương, ngày 16 tháng 03 năm 2023

S.Đ.K.K.D: 0800... - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH CÔNG - T. HẢI DƯƠNG - T. HẢI DƯƠNG

TUQ TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG QLMT
TRẦN MINH CHƠN

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

*Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

12.2023

TỈNH/THÀNH PHỐ HƯNG YÊN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ....788...../2023/1-2-3-4-5-6.034.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1 : **Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX

Địa chỉ văn phòng: Số nhà 10A, cụm CN Tây Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương ĐT: 02203.895.973

Cơ sở xử lý: Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III

Địa chỉ : Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.535.456

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....

Cơ sở xử lý: .....

Địa chỉ : ..... ĐT: .....

Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ VP: Lô L4, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0225 6263282

Địa chỉ cơ sở: Lô L4, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0225 6263282

4. Kê khai CTNH chuyển giao

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau chứa TPNH	x			180201	440	ĐX

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... ..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-27694

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Ngô Văn Tuấn Ký: ..... Ngày: 14/02/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày: ...../...../.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 14 Tháng 02 năm 2023

M.S.D.N: 0901038658 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN - TX.MỸ HÀO - T. HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

YIU, KA SO

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Dương, ngày 16 tháng 03 năm 2023

S.Đ.K.K.D: 0800770103 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH CÔNG - TP. HẢI DƯƠNG - T. HẢI DƯƠNG

TUQ TỔNG GIÁM ĐỐC

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

TRẦN MINH CHIỒN

*Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Căn cứ Hợp đồng số 2022/02/RMHY-TC/HĐXL-PL ký ngày 01/09/2022;

- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được thu gom, vận chuyển và xử lý

Hôm nay, ngày 31 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên

Địa chỉ: Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Mã số thuế: 0901038658

Số tài khoản: 1021000022888 tại Vietcombank chi nhánh Phố Hiến, Hưng Yên

Đại diện: Ông YIU KA SO Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bên B: Công ty CP Sản xuất vật liệu xây dựng Thành Công III

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hiệp Sơn, phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Mã số thuế: 0800297991.

Số tài khoản: 46010000028546, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN Chi nhánh Hải Dương.

Đại diện: Ông LÊ KHÁNH BẢO LONG Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải tháng 03 năm 2023 như sau:

ĐVT: VNĐ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
1	Chất thải công nghiệp rắn thông thường không còn giá trị thương mại	kg	4.500,00	1.200	5.400.000
2	Chất thải sinh hoạt thông thường không còn giá trị thương mại	kg	3.040,00	2.500	7.600.000
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	kg	50,00	1.800	90.000
4	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	kg	958,00	3.000	2.874.000
5	Dầu thải	kg	50,00	1.000	50.000
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	kg	20,00	2.500	50.000
Tổng cộng:			**8.618,00**		**16.064.000**
Thuế suất GTGT: 0%					**0**
Tổng cộng tiền thanh toán:					**16.064.000**
Bằng chữ:	***Mười sáu triệu, không trăm sáu mươi bốn nghìn đồng.***				

Biên bản này được lập thành 2 bản gốc, mỗi bên giữ 01 bản như nhau.

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YIU KA SO

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
LÊ KHÁNH BẢO LONG

TỈNH/THÀNH PHỐ
HƯNG YÊN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 627/2023/1-2-3-4-5-6.034.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1 : **Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX

Địa chỉ văn phòng: Số nhà 10A, cụm CN Tây Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương ĐT: 02203.895.973

Cơ sở xử lý: Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III

Địa chỉ : Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.535.456

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....

Cơ sở xử lý: .....

Địa chỉ : ..... ĐT: .....

Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ VP: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

Địa chỉ cơ sở: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

4. Kê khai CTNH chuyển giao

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau chứa TPNH	x			180201	205	ĐX
2	Dầu động cơ thải		x		170203	50	ĐX

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-20767

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Trần Tân Việt Ký:..... Ngày: 27/03/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày: ...../...../.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 27 Tháng 03 năm 2023

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Dương, ngày 06 tháng 04 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH CÔNG

TUQ TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG QLMT

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

TỈNH/THÀNH PHỐ
HƯNG YÊN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ....628...../2023/I-2-3-4-5-6.034.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1 : **Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công** Mã số QL CTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX

Địa chỉ văn phòng: Số nhà 10A, cụm CN Tây Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương ĐT: 02203.895.973

Cơ sở xử lý: Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III

Địa chỉ : Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.535.456

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : Công ty Cp Xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5.014VX.

Địa chỉ văn phòng: Số 64- Phạm Huy Thông- Ba Đình- Hà Nội ĐT: 02438274399

Cơ sở xử lý: Xã Nhan Sơn – huyện Yên Dũng – tỉnh Bắc Giang ĐT:02043604420

Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ VP: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

Địa chỉ cơ sở: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

4. Kê khai CTNH chuyển giao

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			180102	25	Rửa - TC
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	x			160106	20	Nghiền - Hóa rắn - HR

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiện phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-20767

7.1.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Trần Tân Việt Ký: Việt Ngày: 27/03/2023

7.1.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Trần Tân Việt Ký: Việt Ngày: 28/03/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Nguyễn Thanh Huệ Ký: Huệ Ngày: 28/03/2023

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 27 Tháng 03 năm 2023

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
M.S.D.N: 0901038658 - C.T.T.N.H - TX. MỸ HÀO - T. HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
VŨ KA SO

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

....Bt..., ngày 31 tháng 04 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH
M.S.D.N: 0102963031 - C.T.C.P - Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Triệu Kiên

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

*Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

TỈNH/THÀNH PHỐ
HƯNG YÊN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ....550...../2023/1-2-3-4-5-6.034.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1 : **Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX
Địa chỉ văn phòng: Số nhà 10A, cụm CN Tây Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương ĐT: 02203.895.973
Cơ sở xử lý: Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III
Địa chỉ : Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.535.456

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : Công ty Cp Xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5.014VX.
Địa chỉ văn phòng: Số 64- Phạm Huy Thông- Ba Đình- Hà Nội ĐT: 02438274399
Cơ sở xử lý: Xã Nhạm Sơn – huyện Yên Dũng – tỉnh Bắc Giang ĐT:02043604420

Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ VP: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296
Địa chỉ cơ sở: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

4. Kê khai CTNH chuyển giao

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			180102	25	Tẩy rửa - TC

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-27694 , 34C - 23244

7.1.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Ngô Văn Tuấn Ký: ..... Ngày: 17/03/2023

7.1.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Ruel Ký: ..... Ngày: 20/03/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Nguyễn Thanh Huệ Ký: Huệ Ngày: 20/03/2023

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 17 Tháng 03 năm 2023

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
M.S.D.N: 0901038650 - C.T.T.N.H.H - TX.MỸ HÀO - T. HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YU KA SO

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bắc Giang, ngày 31 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH
S.Đ.K.K.D: 0102983031 - C.T.C.P - Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC
Đặng Trần Anh

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

#Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

TỈNH/THÀNH PHỐ
HƯNG YÊN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: ...549...../2023/1-2-3-4-5-6.034.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1 : **Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX
Địa chỉ văn phòng: Số nhà 10A, cụm CN Tây Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương ĐT: 02203.895.973
Cơ sở xử lý: Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III
Địa chỉ : Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.535.456

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....
Cơ sở xử lý: .....
Địa chỉ : ..... ĐT: .....

Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ VP: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296
Địa chỉ cơ sở: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

4. Kê khai CTNH chuyển giao

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau chứa TPNH	x			180201	333	ĐX

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....
Số hiệu phương tiện:..... ..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-27694

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Ngô Văn Tuấn Ký: ..... Ngày: 17/03/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày: ...../ ...../.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 17 Tháng 03 năm 2023

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
VŨ XUÂN SƠN

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Dương, ngày 06 tháng 04 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH CÔNG

TUQ TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG QLMT

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

TRẦN MINH CHÚN

©Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

TB 2023

TỈNH/THÀNH PHỐ
HƯNG YÊN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 459 /2023/1-2-3-4-5-6.034.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1 : **Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX

Địa chỉ văn phòng: Số nhà 10A, cụm CN Tây Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương ĐT: 02203.895.973

Cơ sở xử lý: Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III

Địa chỉ : Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.535.456

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....

Cơ sở xử lý: .....

Địa chỉ : ..... ĐT: .....

Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ VP: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

Địa chỉ cơ sở: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

4. Kê khai CTNH chuyển giao

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau chứa TPNH	x			180201	420	ĐX

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-20767

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Văn Thiết Ký:..... Ngày: 07/03/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày: ...../...../.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 07 Tháng 03 năm 2023

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

VŨ XUÂN SƠN

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Dương, ngày 06 tháng 04 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH CÔNG

TUQ TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG QLMT

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

TRẦN MINH CHƠN

*Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Căn cứ Hợp đồng số 2022/02/RMHY-TC/HĐXL-PL ký ngày 01/09/2022;

- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được thu gom, vận chuyển và xử lý

Hôm nay, ngày 28 tháng 04 năm 2023 tại trụ sở Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên

Địa chỉ: Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Mã số thuế: 0901038658

Số tài khoản: 1021000022888 tại Vietcombank chi nhánh Phố Hiến, Hưng Yên

Đại diện: Ông YIU KA SO Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bên B: Công ty CP Sản xuất vật liệu xây dựng Thành Công III

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hiệp Sơn, phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Mã số thuế: 0800297991.

Số tài khoản: 46010000028546, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN Chi nhánh Hải Dương.

Đại diện: Ông LÊ KHÁNH BẢO LONG Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải tháng 04 năm 2023 như sau:

ĐVT: VNĐ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
1	Chất thải công nghiệp rắn thông thường không còn giá trị thương mại	kg	6.510,00	1.200	7.812.000
2	Chất thải sinh hoạt thông thường không còn giá trị thương mại	kg	3.205,00	2.500	8.012.500
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	kg	65,00	1.800	117.000
4	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	kg	410,00	3.000	1.230.000
Tổng cộng:			**10.190,00**		**17.171.500**
Thuế suất GTGT: 0%					**0**
Tổng cộng tiền thanh toán:					**17.171.500**
Bằng chữ:	***Mười bảy triệu, một trăm bảy mươi mốt nghìn, năm trăm đồng.***				

Biên bản này được lập thành 2 bản gốc, mỗi bên giữ 01 bản như nhau.

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YIU KA SO

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
LÊ KHÁNH BẢO LONG

TỈNH/THÀNH PHỐ
HƯNG YÊN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ...855...../2023/1-2-3-4-5-6.034.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1 : **Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX

Địa chỉ văn phòng: Số nhà 10A, cụm CN Tây Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương ĐT: 02203.895.973

Cơ sở xử lý: Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III

Địa chỉ : Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.535.456

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : Công ty Cp Xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5.014VX.

Địa chỉ văn phòng: Số 64- Phạm Huy Thông- Ba Đình- Hà Nội ĐT: 02438274399

Cơ sở xử lý: Xã Nham Sơn – huyện Yên Dũng – tỉnh Bắc Giang ĐT:02043604420

Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ VP: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

Địa chỉ cơ sở: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

4. Kê khai CTNH chuyển giao

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			180102	25	Tái chế - TC

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-27694

7.1.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Ngô Văn Tuấn Ký: ..... Ngày: 20/04/2023

7.1.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Trần Tam Việt Ký: Việt Ngày: 24/04/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Nguyễn Thanh Huệ Ký: Huệ Ngày: 24/04/2023

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 20 Tháng 04 năm 2023

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

....Bt...., ngày 19 tháng 05 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Trần Triệu Kiên

#Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

TỈNH/THÀNH PHỐ HƯNG YÊN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ....854...../2023/1-2-3-4-5-6.034.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1 : **Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX

Địa chỉ văn phòng: Số nhà 10A, cụm CN Tây Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hai Dương ĐT: 02203.895.973

Cơ sơ xử lý: Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III

Địa chỉ : Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.535.456

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....

Cơ sở xử lý: .....

Địa chỉ : ..... ĐT: .....

Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ VP: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

Địa chỉ cơ sở: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

4. Kê khai CTNH chuyển giao

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau chứa TPNH	x			180201	110	ĐX

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... ..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-27694

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Ngô Văn Tuấn Ký: ..... Ngày: 20/04/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày: ...../ ...../.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 20 Tháng 04 năm 2023

M.S.D.N: 0901038658 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN TX.MỸ HÀO - T. HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YIU KA SO

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Dương, ngày 16 tháng 05 năm 2023

S.Đ.K.K.D: 0800770106 CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH CÔNG T. HẢI DƯƠNG

TUQ TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG QLMT
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
TRẦN MINH CHƠN

*Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

TỈNH/THÀNH PHỐ HƯNG YÊN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ...791...../2023/I-2-3-4-5-6.034.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1 : Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công — Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX

Địa chỉ văn phòng: Số nhà 10A, cụm CN Tây Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương — ĐT: 02203.895.973

Cơ sở xử lý: Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III

Địa chỉ : Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương — ĐT: 02203.535.456

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : Công ty Cp Xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình — Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5.014VX.

Địa chỉ văn phòng: Số 64- Phạm Huy Thông- Ba Đình- Hà Nội — ĐT: 02438274399

Cơ sở xử lý: Xã Nham Sơn – huyện Yên Dũng – tỉnh Bắc Giang — ĐT:02043604420

Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên — Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ VP: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên — ĐT: 0904126296

Địa chỉ cơ sở: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên — ĐT: 0904126296

4. Kê khai CTNH chuyển giao

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			180102	40	Tây rửa - TC

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) — Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... ..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-27694, 34C - 28249

7.1.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Ngô Văn Tuấn — Ký: ..... Ngày: 08/04/2023

7.1.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Trần Tân Việt — Ký: ..... Ngày: 24/04/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Nguyễn Thanh Hiếu — Ký: ..... Ngày: 24/04/2023.

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 08 Tháng 04 năm 2023

M.S.D.N: 0901038658 - C.T.T.N.H.H — CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN — TX.MỸ HÀO - T. HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YU KA SO

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

....Bắc...., ngày 19 tháng 05 năm 2023

M.S.D.N: 0102963031 - C.T.C — CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH — Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Triều Kiên

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

*Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

TH.27

TỈNH/THÀNH PHỐ HƯNG YÊN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 740/2023/1-2-3-4-5-6.034.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1 : **Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX

Địa chỉ văn phòng: Số nhà 10A, cụm CN Tây Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương ĐT: 02203.895.973

Cơ sở xử lý: Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III

Địa chỉ : Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.535.456

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....

Cơ sở xử lý: .....

Địa chỉ : ..... ĐT: .....

Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ VP: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

Địa chỉ cơ sở: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

4. Kê khai CTNH chuyển giao

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau chứa TPNH	x			180201	300	ĐX

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... ..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-27694

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Ngô Văn Tuấn Ký:..... Ngày: 08/04/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày: ...../...../.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 08 Tháng 04 năm 2023

M.S.D.N: 0901038658 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN TX. MỸ HÀO - T. HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YU KA SO

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Dương, ngày 28 tháng 04 năm 2023

S.Đ.K.K.D: 0800770104 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH CÔNG TP. HẢI DƯƠNG - T. HẢI DƯƠNG

TUQ TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG KHAI THÁC
TRẦN MINH CHƠN

*Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Căn cứ Hợp đồng số 2022/02/RMHY-TC/HĐXL-PL ký ngày 01/09/2022;

- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được thu gom, vận chuyển và xử lý

Hôm nay, ngày 31 tháng 05 năm 2023 tại trụ sở Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên

Địa chỉ: Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Mã số thuế: 0901038658

Số tài khoản: 1021000022888 tại Vietcombank chi nhánh Phố Hiến, Hưng Yên

Đại diện: Ông YIU KA SO Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bên B: Công ty CP Sản xuất vật liệu xây dựng Thành Công III

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hiệp Sơn, phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Mã số thuế: 0800297991.

Số tài khoản: 46010000028546, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN Chi nhánh Hải Dương.

Đại diện: Ông LÊ KHÁNH BẢO LONG Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải tháng 05 năm 2023 như sau:

ĐVT: VNĐ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
1	Chất thải công nghiệp rắn thông thường không còn giá trị thương mại	kg	4.230,00	1.200	5.076.000
2	Chất thải sinh hoạt thông thường không còn giá trị thương mại	kg	2.710,00	2.500	6.775.000
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	kg	65,00	1.800	117.000
4	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	kg	320,00	3.000	960.000
Tổng cộng:			**7.325,00**		**12.928.000**
Thuế suất GTGT: 0%					**0**
Tổng cộng tiền thanh toán:					**12.928.000**
Bằng chữ: Mười hai triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn đồng.					

Biên bản này được lập thành 2 bản gốc, mỗi bên giữ 01 bản như nhau.

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YIU KA SO

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
LÊ KHÁNH BẢO LONG

TỈNH/THÀNH PHỐ
HƯNG YÊN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1149 ...../2023/1-2-3-4-5-6.034.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1 : **Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX

Địa chỉ văn phòng: Số nhà 10A, cụm CN Tây Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương ĐT: 02203.895.973

Cơ sở xử lý: Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III

Địa chỉ : Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.535.456

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : Công ty Cp Xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5.014VX.

Địa chỉ văn phòng: Số 64- Phạm Huy Thông- Ba Đình- Hà Nội ĐT: 02438274399

Cơ sở xử lý: Xã Nham Sơn – huyện Yên Dũng – tỉnh Bắc Giang ĐT:02043604420

Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ VP: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

Địa chỉ cơ sở: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

4. Kê khai CTNH chuyển giao

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) [§]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			180102	25	Tây rửa - TC

[§] Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-27694, 34C-28244

7.1.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Ngô Văn Tuấn Ký: ..... Ngày: 25/05/2023

7.1.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Phạm Việt Tây Ký: ..... Ngày: 05/06/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Nguyễn Thanh Hiếu Ký: ..... Ngày: 05/06/2023

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 25 Tháng 05 năm 2023

M.S.D.N: 0901036658 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN TX.MỸ HÀO - T. HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

B.G....., ngày 20 tháng 06 năm 2023

M.S.D.N: 0102963031 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Triệu Kiên

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

*Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

TỈNH/THÀNH PHỐ
HƯNG YÊN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ....1148...../2023/1-2-3-4-5-6.034.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1.: **Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX

Địa chỉ văn phòng: Số nhà 10A, cụm CN Tây Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương ĐT: 02203.895.973

Cơ sở xử lý: Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III

Địa chỉ : Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.535.456

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....

Cơ sở xử lý: .....

Địa chỉ : ..... ĐT: .....

Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ VP: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử.Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

Địa chỉ cơ sở: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử.Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

4. Kê khai CTNH chuyển giao

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)#
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau chứa TPNH	x			180201	140	ĐX

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... ..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-27694

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Ngô Văn Tuấn Ký: ..... Ngày: 25/05/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày: ...../.../.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 25 Tháng 05 năm 2023

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Dương, ngày 21 tháng 06 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH CÔNG

TUQ TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG QLMT

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

TRẦN MINH CHÍN

*Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

TỈNH/THÀNH PHỐ HƯNG YÊN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1016/2023/1-2-3-4-5-6.034.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1 : **Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX

Địa chỉ văn phòng: Số nhà 10A, cụm CN Tây Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương ĐT: 02203.895.973

Cơ sở xử lý: Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III

Địa chỉ : Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.535.456

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : Công ty Cp Xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5.014VX.

Địa chỉ văn phòng: Số 64- Phạm Huy Thông- Ba Đình- Hà Nội ĐT: 02438274399

Cơ sở xử lý: Xã Nham Sơn – huyện Yên Dũng – tỉnh Bắc Giang ĐT:02043604420

Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ VP: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

Địa chỉ cơ sở: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

4. Kê khai CTNH chuyển giao

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) [#]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			180102	40	Tái chế - TC

[#] Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-20767 , 29C-23244

7.1.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Trần Tân Việt Ký:..... Ngày: 10/05/2023

7.1.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển:..... Ký:..... Ngày:.....

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Nguyễn Thanh Huệ..... Ký:..... Ngày: 15/05/2023

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 10 Tháng 05 năm 2023

M.S.D.N: 0901030858 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN TX. MỸ HÀO - T. HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

....., ngày 23 tháng 05 năm 2023

M.S.D.N: 0102963031 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Triều Kiên

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

*Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

TS 23

TỈNH/THÀNH PHỐ HƯNG YÊN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ...1015...../2023/1-2-3-4-5-6.034.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1 : **Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX

Địa chỉ văn phòng: Số nhà 10A, cụm CN Tây Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương ĐT: 02203.895.973

Cơ sở xử lý: Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III

Địa chỉ : Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.535.456

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....

Cơ sở xử lý: .....

Địa chỉ : ..... ĐT: .....

Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ VP: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

Địa chỉ cơ sở: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

4. Kê khai CTNH chuyển giao

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau chứa TPNH	x			180201	180	ĐX

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... ..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-20767

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Trần Tấn Việt Ký:..... Ngày: 10/05/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày: ...../...../.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 10 Tháng 05 năm 2023

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Dương, ngày 21 tháng 06 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH CÔNG

TUQ TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG QLMT

TRẦN MINH CHƠN

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

*Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Căn cứ Hợp đồng số 2022/02/RMHY-TC/HĐXL-PL ký ngày 01/09/2022;

- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được thu gom, vận chuyển và xử lý

Hôm nay, ngày 30 tháng 06 năm 2023 tại trụ sở Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên
Địa chỉ: Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Mã số thuế: 0901038658
Số tài khoản: 1021000022888 tại Vietcombank chi nhánh Phố Hiến, Hưng Yên
Đại diện: Ông YIU KA SO Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bên B: Công ty CP Sản xuất vật liệu xây dựng Thành Công III
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hiệp Sơn, phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.
Mã số thuế: 0800297991.
Số tài khoản: 46010000028546, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN Chi nhánh Hải Dương.
Đại diện: Ông LÊ KHÁNH BẢO LONG Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải tháng 06 năm 2023 như sau:

ĐVT: VNĐ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
1	Chất thải công nghiệp rắn thông thường không còn giá trị thương mại	kg	4.435,00	1.200	5.322.000
2	Chất thải sinh hoạt thông thường không còn giá trị thương mại	kg	3.490,00	2.500	8.725.000
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	kg	50,00	1.800	90.000
4	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	kg	380,00	3.000	1.140.000
Tổng cộng:			**8.355,00**		**15.277.000**
Thuế suất GTGT: 0%					**0**
Tổng cộng tiền thanh toán:					**15.277.000**
Bằng chữ:	***Mười lăm triệu, hai trăm bảy mươi bảy nghìn đồng.***				

Biên bản này được lập thành 2 bản gốc, mỗi bên giữ 01 bản như nhau.

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YIU KA SO

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
LÊ KHÁNH BẢO LONG

TỈNH/THÀNH PHỐ:
HƯNG YÊN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1428 /2023/1-2-3-4-5-6-034.V.V

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công — Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6-034.V.V
Địa chỉ văn phòng: Số nhà 10A, cụm CN Tây Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương — ĐT: 02203.895.973
Cơ sở xử lý: Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III
Địa chỉ: Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương — ĐT: 02203.535.456

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Công ty Cp Xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình — Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-014.V.V
Địa chỉ văn phòng: Số 64- Phạm Huy Thông- Ba Đình- Hà Nội — ĐT: 02438274399
Cơ sở xử lý: Xã Nham Sơn – huyện Yên Dũng – tỉnh Bắc Giang — ĐT:02043604420

Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên — Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ VP: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên — ĐT: 0904126296
Địa chỉ cơ sở: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên — ĐT: 0904126296

4. Kê khai CTNH chuyển giao

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng)*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			180102	50	Đốt, Hóa - TC

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) — Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-20767, 84C - 23244

7.1.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Lê Văn Thu — Ký: ... Ngày: 26/06/2023

7.1.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Trần Tiến Việt — Ký: ... Ngày: 27/07/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Nguyễn Thanh Hưng — Ký: ... Ngày: 27.07.2023

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 26 Tháng 06 năm 2023

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
M.S.D.N: 0901038668 - C.T.T.N.H.H - TX.MỸ HÀO - T. HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YIU KA SO

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Ngày 31 tháng 07 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH
M.S.D.N: 0102963031 - C.T.C.P - H.YÊN DŨNG - T.BẮC GIANG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Triệu Hiên

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

*Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

TỈNH/THÀNH PHỐ
HƯNG YÊN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ...820.../2023/1-2-3-4-5-6.034.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1 : **Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX

Địa chỉ văn phòng: Số nhà 10A, cụm CN Tây Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương ĐT: 02203.895.973

Cơ sở xử lý: Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III

Địa chỉ : Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.535.456

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....

Cơ sở xử lý: .....

Địa chỉ : ..... ĐT: .....

Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ VP: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

Địa chỉ cơ sở: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

4. Kê khai CTNH chuyển giao

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) [a]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau chứa TPNH	x			180201	240	ĐX

[a] Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-20611

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Văn Thiết Ký: ..... Ngày: 15/06/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày: ...../...../.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 15 Tháng 06 năm 2023

M.S.D.N: 0901038658 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN - TX. MỸ HÀO - T. HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YU KA SO

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Dương, ngày 01 tháng 07 năm 2023

S.Đ.K.K.D: 0800770103 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH CÔNG - TP. HẢI DƯƠNG - T. HẢI DƯƠNG

TUQ TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG QLMT
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)
TRẦN MINH CHÚN

[a] Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

Tờ 23 to khổ

TỈNH/THÀNH PHỐ HƯNG YÊN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ...1918...../2023/I-2-3-4-5-6.034.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1 : **Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX

Địa chỉ văn phòng: Số nhà 10A, cụm CN Tây Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương ĐT: 02203.895.973

Cơ sở xử lý: Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III

Địa chỉ : Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.535.456

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....

Cơ sở xử lý: .....

Địa chỉ : ..... ĐT: .....

Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ VP: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

Địa chỉ cơ sở: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

4. Kê khai CTNH chuyển giao

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau chứa TPNH	x			180201	140	ĐX

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... ..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-20767

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Lê Văn Thu Ký:.....Ngày: 26/06/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... .....Ký:.....Ngày: ...../...../.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 26 Tháng 06 năm 2023

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

YU KA SO

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Dương, ngày 01 tháng 07 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH CÔNG

TUQ TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN MINH CHƯƠNG

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

*Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Căn cứ Hợp đồng số 2022/02/RMHY-TC/HĐXL-PL ký ngày 01/09/2022;

- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được thu gom, vận chuyển và xử lý

Hôm nay, ngày 31 tháng 07 năm 2023 tại trụ sở Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên
Địa chỉ: Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Mã số thuế: 0901038658
Số tài khoản: 1021000022888 tại Vietcombank chi nhánh Phố Hiến, Hưng Yên
Đại diện: Ông YIU KA SO Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bên B: Công ty CP Sản xuất vật liệu xây dựng Thành Công III
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hiệp Sơn, phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.
Mã số thuế: 0800297991.
Số tài khoản: 46010000028546, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN Chi nhánh Hải Dương.
Đại diện: Ông LÊ KHÁNH BẢO LONG Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải tháng 07 năm 2023 như sau:

ĐVT: VNĐ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
1	Chất thải công nghiệp rắn thông thường không còn giá trị thương mại	kg	9.709,40	1.200	11.651.280
2	Chất thải sinh hoạt thông thường không còn giá trị thương mại	kg	3.690,00	2.500	9.225.000
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	kg	40,00	1.800	72.000
4	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	kg	220,00	3.000	660.000
Tổng cộng:			**13.659,40**		**21.608.280**
Thuế suất GTGT: 0%					**0**
Tổng cộng tiền thanh toán:					**21.608.280**
Bằng chữ:	***Hai mươi mốt triệu, sáu trăm lẻ tám nghìn, hai trăm tám mươi đồng.***				

Biên bản này được lập thành 2 bản gốc, mỗi bên giữ 01 bản như nhau.

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YIU KA SO

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
LÊ KHÁNH BẢO LONG

TỈNH/THÀNH PHỐ
HƯNG YÊN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ...1618...../2023/1-2-3-4-5-6.034.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1 : **Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX

Địa chỉ văn phòng: Số nhà 10A, cụm CN Tây Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương ĐT: 02203.895.973

Cơ sở xử lý: Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III

Địa chỉ : Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.535.456

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : Công ty Cp Xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5.014VX.

Địa chỉ văn phòng: Số 64- Phạm Huy Thông- Ba Đình- Hà Nội ĐT: 02438274399

Cơ sở xử lý: Xã Nhạm Sơn – huyện Yên Dũng – tỉnh Bắc Giang ĐT:02043604420

Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ VP: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

Địa chỉ cơ sở: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

4. Kê khai CTNH chuyển giao

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) [#]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			180102	40	Tẩy rửa - TC

[#] Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-20767 , 34C 23244

7.1.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Lê Văn Thu Ký: ..... Ngày: 17/07/2023

7.1.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Lê Văn Thu Ký: Thu Ngày: 29/07/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Nguyễn Thanh Huệ Ký: Huệ Ngày: 29/07/2023

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên ngày 17 tháng 07 năm 2023

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

YU KA SO

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

...Bắc..., ngày 16 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Triệu Kiên

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

[#] Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

TỈNH/THÀNH PHỐ
HƯNG YÊN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ..1610...../2023/1-2-3-4-5-6.034.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1 : **Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX

Địa chỉ văn phòng: Số nhà 10A, cụm CN Tây Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương ĐT: 02203.895.973

Cơ sở xử lý: Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III

Địa chỉ : Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.535.456

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : ..... Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....

Cơ sở xử lý: .....

Địa chỉ : ..... ĐT: .....

Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ VP: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

Địa chỉ cơ sở: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

4. Kê khai CTNH chuyển giao

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau chứa TPNH	x			180201	220	ĐX

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... ..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-20767

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Lê Văn Thu Ký: ..... Ngày: 17/07/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày: ...../.../.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 17 tháng 07 năm 2023

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YIU KA SO

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Dương, ngày 05 tháng 06 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH CÔNG

TUQ TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG QLMT
TRẦN MINH CHƠN

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Căn cứ Hợp đồng số 2022/02/RMHY-TC/HĐXL-PL ký ngày 01/09/2022;

- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được thu gom, vận chuyển và xử lý

Hôm nay, ngày 31 tháng 08 năm 2023 tại trụ sở Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên
Địa chỉ: Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.
Mã số thuế: 0901038658
Số tài khoản: 1021000022888 tại Vietcombank chi nhánh Phố Hiến, Hưng Yên
Đại diện: Ông YIU KA SO Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bên B: Công ty CP Sản xuất vật liệu xây dựng Thành Công III
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hiệp Sơn, phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.
Mã số thuế: 0800297991.
Số tài khoản: 46010000028546, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN Chi nhánh Hải Dương.
Đại diện: Ông LÊ KHÁNH BẢO LONG Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải tháng 08 năm 2023 như sau:

ĐVT: VNĐ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
1	Chất thải công nghiệp rắn thông thường không còn giá trị thương mại	kg	10.625,77	1.200	12.750.924
2	Chất thải sinh hoạt thông thường không còn giá trị thương mại	kg	3.160,00	2.500	7.900.000
3	Bao bì cứng thải bằng kim loại	kg	20,00	1.800	36.000
4	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	kg	80,00	3.000	240.000
Tổng cộng:			**13.885,77**		**20.926.924**
Thuế suất GTGT: 0%					**0**
Tổng cộng tiền thanh toán:					**20.926.924**
Bằng chữ:	***Hai mươi triệu, chín trăm hai mươi sáu nghìn, chín trăm hai mươi bốn đồng.***				

Biên bản này được lập thành 2 bản gốc, mỗi bên giữ 01 bản như nhau.

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

M.S.D.N: 0800297991 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III - TX. KINH MÔN - T. HẢI DƯƠNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
LÊ KHÁNH BẢO LONG

TỈNH/THÀNH PHỐ
HƯNG YÊN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: ..1967...../2023/1-2-3-4-5-6.034.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1 : **Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX

Địa chỉ văn phòng: Số nhà 10A, cụm CN Tây Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương ĐT: 02203.895.973

Cơ sở xử lý: Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III

Địa chỉ : Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.535.456

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: **Công ty CP xử lý tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.014.VX

Địa chỉ văn phòng: Tổ dân phố Đông Hương, Thị trấn Nhạm Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Ninh ĐT: 02438274399

Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên Mã số QLCTNH: .....

Địa chỉ VP: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

Địa chỉ cơ sở: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

4. Kê khai CTNH chuyển giao

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			180102	20	Tẩy rửa - TC

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-20611 , 34C-23244

7.1.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Văn Thiết Ký:.....Ngày: 18/08/2023

7.1.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Văn Thiết Ký:.....Ngày: 18/08/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ng.uyễn Thanh Hiếu Ký:.....Ngày: 22/08/2023

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 18 Tháng 08 năm 2023

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

YIU KA SO

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

...Bắc..., ngày 12 tháng 09 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Triệu Kiên

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

18.25

TỈNH/THÀNH PHỐ
HƯNG YÊN

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: ...1906...../2023/1-2-3-4-5-6.034.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1 : **Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Công** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX
Địa chỉ văn phòng: Số nhà 10A, cụm CN Tây Ngô Quyền, phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương ĐT: 02203.895.973
Cơ sở xử lý: Công ty CP Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III
Địa chỉ : Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ĐT: 02203.535.456

2. Chủ CS DV XL CTNH 2 : ..... Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ văn phòng: ..... ĐT: .....
Cơ sở xử lý: .....
Địa chỉ : ..... ĐT: .....

Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên Mã số QLCTNH: .....
Địa chỉ VP: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296
Địa chỉ cơ sở: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử,Thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0904126296

4. Kê khai CTNH chuyển giao

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) [#]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau chứa TPNH	x			180201	80	ĐX

[#] Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); Khác (ghi rõ tên phương pháp); Trường hợp tái sử dụng thì ghi: TSD

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập.....
Số hiệu phương tiện:..... ..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4: Số hiệu phương tiện vận chuyển: 34C-20611

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Văn Thiết Ký:..... Ngày: 18/08/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày: ...../...../.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 18 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YIU KA SO

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Hải Dương, ngày 02 tháng 09 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH CÔNG

TUQ TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG QLMT
TRẦN MINH CHON

(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Căn cứ Hợp đồng số 2022/02/RMHY-TC/HĐXL-PL ký ngày 01/09/2022;

- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được thu gom, vận chuyển và xử lý

Hôm nay, ngày 27 tháng 09 năm 2023 tại trụ sở Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên, chúng tôi gồm:

Bên A: Công ty TNHH Regina Miracle international Hưng Yên

Địa chỉ: Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị Xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Mã số thuế: 0901038658

Số tài khoản: 1021000022888 tại Vietcombank chi nhánh Phố Hiến, Hưng Yên

Đại diện: Ông YIU KA SO Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bên B: Công ty CP Sản xuất vật liệu xây dựng Thành Công III

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hiệp Sơn, phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Mã số thuế: 0800297991.

Số tài khoản: 46010000028546, tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN Chi nhánh Hải Dương.

Đại diện: Ông LÊ KHÁNH BẢO LONG Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải tháng 09 năm 2023 như sau:

ĐVT: VNĐ

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền
1	Chất thải công nghiệp rắn thông thường không còn giá trị thương mại	kg	7.507,47	1.200	9.008.964
2	Chất thải sinh hoạt thông thường không còn giá trị thương mại	kg	3.520,00	2.500	8.800.000
Tổng cộng:			**11.027,47**		**17.808.964**
Thuế suất GTGT: 0%					**0**
Tổng cộng tiền thanh toán:					**17.808.964**
Bằng chữ:	***Mười bảy triệu, tám trăm lẻ tám nghìn, chín trăm sáu mươi bốn đồng.***				

Biên bản này được lập thành 2 bản gốc, mỗi bên giữ 01 bản như nhau.

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YIU KA SO

CÔNG TY CP SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÀNH CÔNG III

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
LÊ KHÁNH BẢO LONG

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VIỆT THẢO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 31 tháng 10 năm 2023

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

- Căn cứ Hợp đồng số 1309/2023/HDXLCT/VIET THAO-REGINAHY ngày 13 tháng 09 năm 2023;

- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được xử lý.

I. Đại diện Bên Chủ nguồn thải (bên A):

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

Địa chỉ: Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên

Mã số thuế: 0201420068

Đại diện: Ông **YIU KA SO** Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

II. Đại diện Bên Chủ xử lý CTNH (bên B):

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VIỆT THẢO

Địa chỉ: Số 133, tổ 17, khu 8, Phường Bắc Sơn, Thị xã Bỉm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: 2801166240

Đại diện: Ông **NGUYỄN VĂN KHOA** Chức vụ: **Chủ tịch HĐQT**

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu giá trị với khối lượng công việc hoàn thành như sau:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	Chất thải rác sinh hoạt		Kg	2.560	2.500	6.400.000
2	Chất thải công nghiệp thông thường		Kg	7.670	1.200	9.204.000
3	Giẻ lau dính dầu	18 02 01	Kg	340	2.700	918.000
Tổng						**16.522.000**
Thuế GTGT (0%)						**0**
Tổng thanh toán						**16.522.000**
Bằng chữ: Mười sáu triệu, năm trăm hai mươi hai nghìn đồng chẵn.						

Bên A sẽ thanh toán số tiền trên cho bên B. Số tiền thanh toán sẽ được chuyển vào tài khoản của bên B.

Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Môi Trường Việt Thảo

Số tài khoản: 682612009999

Ngân hàng: Vietinbank - CN Tiên Sơn, Bắc Ninh

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

YIU KA SO

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VIỆT THẢO

PHÓ GIÁM ĐỐC

Đặng Trần Minh

TỈNH/THÀNH PHỐ THANH HOÁ	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: ....512..../2023/1-2-3-4-5-6.040.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **Công ty Cổ phần môi trường Việt Thảo** Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.040.VX

Địa chỉ VP: Số 133, Tổ 17, Khu 8, P.Bắc Sơn, Tx.Bỉm Sơn, Thanh Hoá ĐT: 02373.778.666

Địa chỉ cơ sở: Lô B4, KCN Bỉm Sơn, Tx.Bỉm Sơn, Thanh Hoá ĐT: 02373.778.666

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ VP: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công Ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên Mã số QLCTNH: 33.000525.T

Địa chỉ VP : Lô L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, Tx Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. ĐT: 0904.126.926

Địa chỉ cơ sở : Lô L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, Tx Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. ĐT: 0904.126.926

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau dính TPNH	x			180201	340	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung Hoà); PT (Phân tách chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kẽm); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); XLNT (Xử lý nước thải); Khác (Ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Phương tiện vận chuyển: 36H-049.72

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Văn Thắng / Ký Ngày: 31/10/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: / Ký Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hưng Yên, ngày 31 tháng 10 năm 2023

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

ỒNG GIÁM ĐỐC

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 11 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VIỆT THẢO

GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY

Trần Quang Vinh

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☑

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VIỆT THẢO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 11 năm 2023

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

- Căn cứ Hợp đồng số 1309/2023/HĐXLCT/VIET THAO-REGINAHY ngày 13 tháng 09 năm 2023;

- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được xử lý.

I. Đại diện Bên Chủ nguồn thải (bên A):

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

Địa chỉ: Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên

Mã số thuế: 0201420068

Đại diện: Ông **YIU KA SO** Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

II. Đại diện Bên Chủ xử lý CTNH (bên B):

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VIỆT THẢO

Địa chỉ: Số 133, tổ 17, khu 8, Phường Bắc Sơn, Thị xã Bỉm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

Mã số thuế: 2801166240

Đại diện: Ông **ĐẶNG TRẦN MINH** Chức vụ: **Phó giám đốc**

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu giá trị với khối lượng công việc hoàn thành như sau:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	Chất thải rác sinh hoạt		Kg	4.771	2.500	11.927.500
2	Chất thải công nghiệp thông thường		Kg	10.158	1.200	12.189.600
3	Giẻ lau dính dầu	18 02 01	Kg	300	2.700	810.000
Tổng						**24.927.100**
Thuế GTGT (0%)						**0**
Tổng thanh toán						**24.927.100**
Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu, chín trăm hai mươi bảy nghìn, một trăm đồng chẵn.						

Bên A sẽ thanh toán số tiền trên cho bên B. Số tiền thanh toán sẽ được chuyển vào tài khoản của bên B.

Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Môi Trường Việt Thảo

Số tài khoản: 8600 23 8686

Ngân hàng: Ngân hàng BIDV – CN Tràng Tiền

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YIU KA SO

ĐẠI DIỆN BÊN B

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VIỆT THẢO

PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Trần Minh

TỈNH/THÀNH PHỐ THANH HOÁ	CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: .....529...../2023/1-2-3-4-5-6.040.VX
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: **Công ty Cổ phần môi trường Việt Thảo**	Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.040.VX
Địa chỉ VP: Số 133, Tổ 17, Khu 8, P.Bắc Sơn, Tx.Bỉm Sơn, Thanh Hoá	ĐT: 02373.778.666
Địa chỉ cơ sở: Lô B4, KCN Bỉm Sơn, Tx.Bỉm Sơn, Thanh Hoá	ĐT: 02373.778.666
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:	Mã số QLCTNH:
Địa chỉ VP:	ĐT:
Địa chỉ cơ sở:	ĐT:
3. Chủ nguồn thải: Công Ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên	Mã số QLCTNH: 33.000525.T
Địa chỉ VP : Lô L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, Tx Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.	ĐT: 0904.126.926
Địa chỉ cơ sở : Lô L6, KCN dệt may Phố Nối B, phường Dị Sử, Tx Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.	ĐT: 0904.126.926

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau dính CTNH	x			180201	300	TĐ

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung Hoà); PT (Phân tách chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kẽm); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); XLNT (Xử lý nước thải); Khác (Ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)	Nước nhập khẩu:	Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện:	Ngày xuất cảng:	Cửa khẩu xuất:
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4		Phương tiện vận chuyển: 51D-435.12
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1:	Lưu Văn Hồng / Ký	Ngày: 13/11/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:	/ Ký	Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)	8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
Hưng Yên , ngày 13 tháng 11 năm 2023	*Thanh Hoá, ngày 18 tháng 11 năm 2023*
CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN	CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VIỆT THẢO
TỔNG GIÁM ĐỐC YIU KA SO	GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY Trần Quang Vinh

@Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☑

Công ty CP Môi trường Công nghệ cao Hòa Bình

Số: 01.2023/BBNT/ HBREGINAHY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hòa Bình, Ngày 30 tháng 12 năm 2023

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG

- Căn cứ hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải thông thường số 0112/2023/HĐXLCTCN/CNCHB-REGINAHY ký ngày 01 tháng 12 năm 2023 giữa Công ty Cổ phần Môi trường công nghệ cao Hòa Bình với Công ty TNHH Regina Miracle International Hưng Yên

- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được xử lý;

Hôm nay, Ngày 30 tháng 12 năm 2023 tại văn phòng Công ty CP Môi trường Công nghệ cao Hòa Bình.

I. Chúng tôi gồm:

1. **Ông (Bà): YIU KA SO** **Chức vụ: Tổng giám đốc**

Đại diện cho (Bên A): CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

Địa chỉ: Lô đất số L6, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Tài khoản ngân hàng: 1021000022888 (VNĐ) Tại ngân hàng Vietcombank CN Phố Hiến

Mã số thuế: 0901038658

2. **Ông (Bà): NGUYỄN DUY THÀNH** **Chức vụ: Kế Toán Trưởng**

(Theo Giấy ủy quyền số 2512/2023/GUQ-TGĐ/HB ngày 25/12/2023 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Công nghệ cao Hòa Bình)

Đại diện cho (Bên B): CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHỆ CAO HÒA BÌNH

Địa chỉ: Thôn Đồng Phú, Xã Đồng Tâm, Huyện Lạc Thủy, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam

Tài khoản ngân hàng: 110 618 556 688 Tại ngân hàng Vietinbank CN Đông Hà Nội

Mã số thuế: 5400471316

Cùng lập biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải mà Bên B đã thực hiện việc vận chuyển và xử lý cho Bên A trong tháng 12 năm 2023 cụ thể như sau:

II. Nội dung:

STT	Danh mục chất thải	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chất thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại	kg	3.890	1.200	4.668.000
2	Chất thải sinh hoạt không chứa thành phần nguy hại	kg	2.140	2.500	5.350.000
Cộng					**10.018.000**
Thuế suất GTGT: 0 %		**Tiền thuế GTGT:**			**0**
		Tổng tiền thanh toán			**10.018.000**

Số tiền viết bằng Chữ: Mười triệu không trăm mười tám nghìn đồng.

Số tiền trên sẽ được Bên A chuyển khoản thanh toán cho Bên B vào tài khoản số: 110 618 556 688 Tại ngân hàng Vietinbank CN Đông Hà Nội; tên TK: Công ty Cổ phần Môi trường công nghệ cao Hòa Bình .

Biên bản này được lập thành 04 bản mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị như nhau về mặt pháp lý

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký, họ tên)

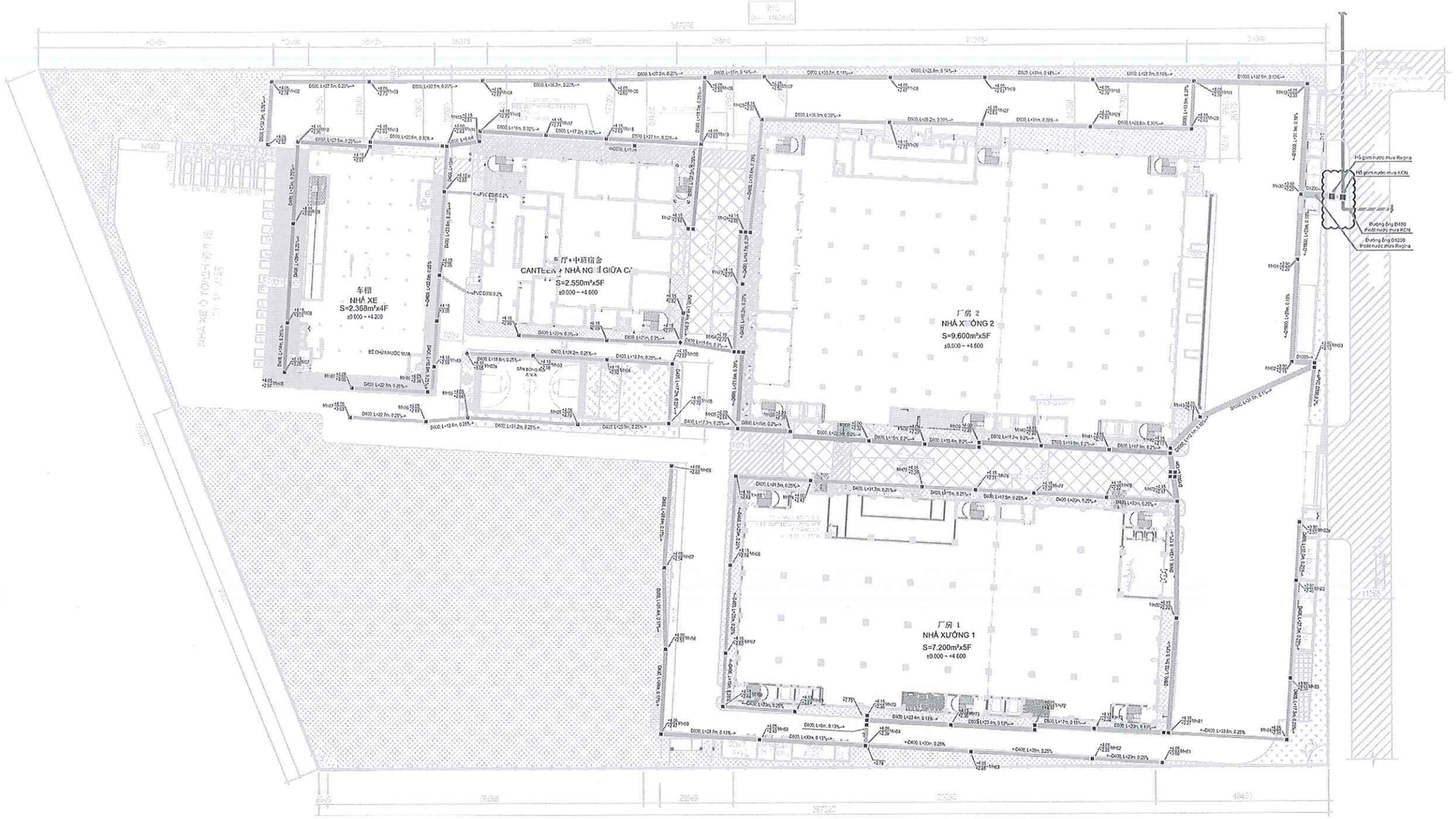
CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC
YIU KA SO

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHỆ CAO HÒA BÌNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG
NGUYỄN DUY THÀNH



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG B.C.C.I

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 15 tháng 6 năm 20.22

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Đặng Văn Mạnh	Trần Văn Thanh	Ngô Đình Thạo

兴安厂排污水总平面图
TMB thoát nước mưa HY

GIÁM ĐỐC:	NGUYỄN VĂN LIÊM
D.L.K.T	LƯƠNG VI LANG
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:	NGUYỄN HỮU CẦU
THIẾT KẾ:	NGUYỄN HỮU CẦU

CHỦ ĐẦU TƯ:

REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC	[illegible] - YU XIA SU
GIÁM ĐỐC ĐỐT	[illegible] - TAN XIN MIN

DỰ ÁN:
DỰ ÁN REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

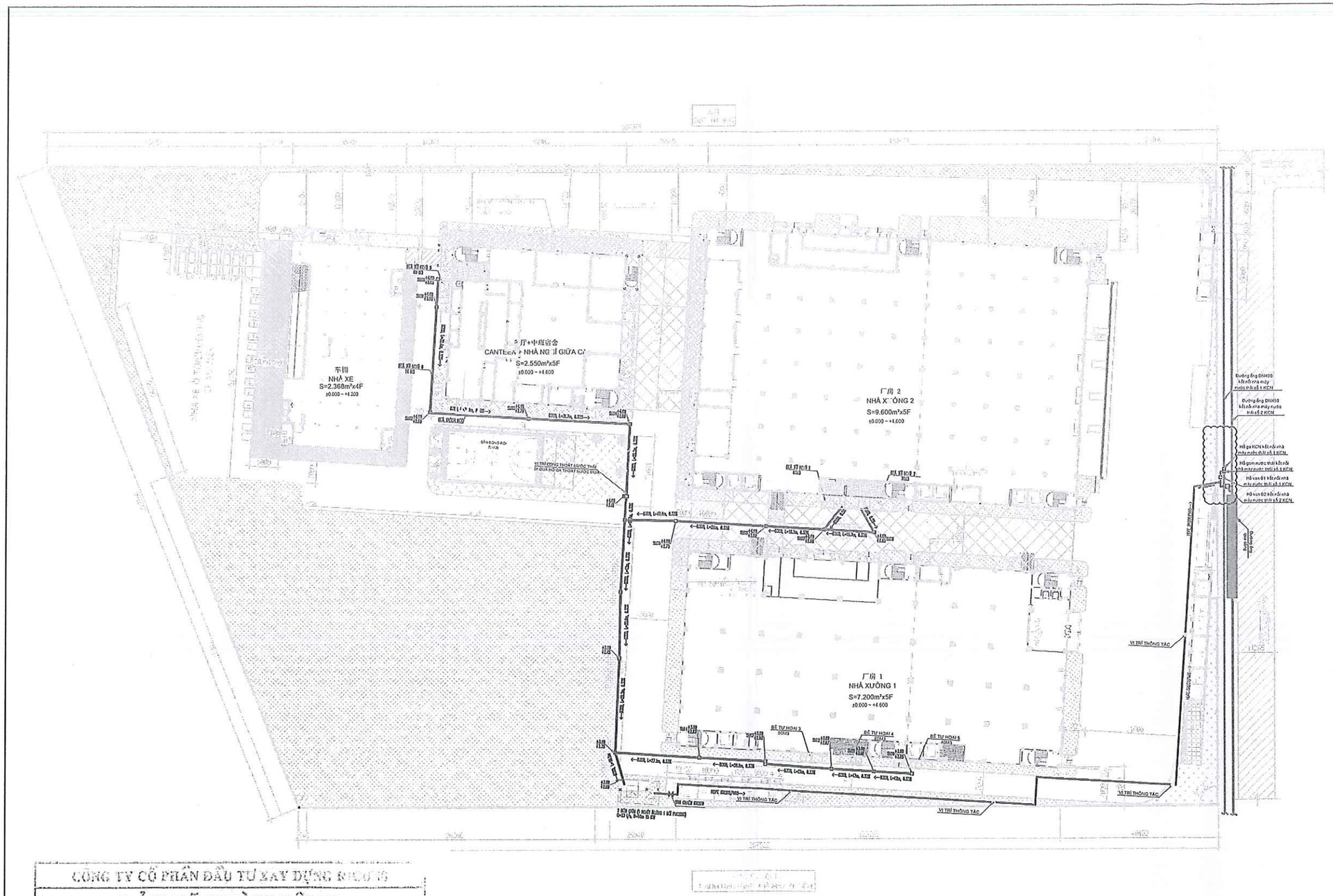
ĐỊA ĐIỂM XD: KCN DỆT MAY PHỐ NỐI B, H.SỐ, MỸ HÀO, HY

HẠNG MỤC: 一般 TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ: 排水系统 总平面图
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TỶ LỆ	TRẠNG THÁI	GIAI ĐOẠN
1/500	HOÀN THÀNH	HIỆU CHỈNH

MÃ SỐ: 1862-PR-G8-11-101



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG [illegible]

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 15 tháng 6 năm 2022

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Đặng Văn Mạnh	Trần Văn Thanh	Ngô Đình Thạo

兴安厂排污水总平面图
TMB thoát nước thải HY

CÔNG TY TNHH TM & XL VIỆT HƯNG THỊNH
Add.: 26/1 HỒ BIỂU CHÁNH, PHƯỜNG 11,Q. PHÚ NHUẬN - TP.HCM
Tel.: (+84-8) 3949 2075
Fax: (+84-8) 3949 2075

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN VĨNH LIÊM
G.I.K.T: LƯƠNG VI LANG
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: NGUYỄN HỮU CẦU
THIẾT KẾ: NGUYỄN HỮU CẦU

CHỦ ĐẦU TƯ:
REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC: [illegible]
ĐẠI DIỆN CĐT: [illegible]

DỰ ÁN: DỰ ÁN REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

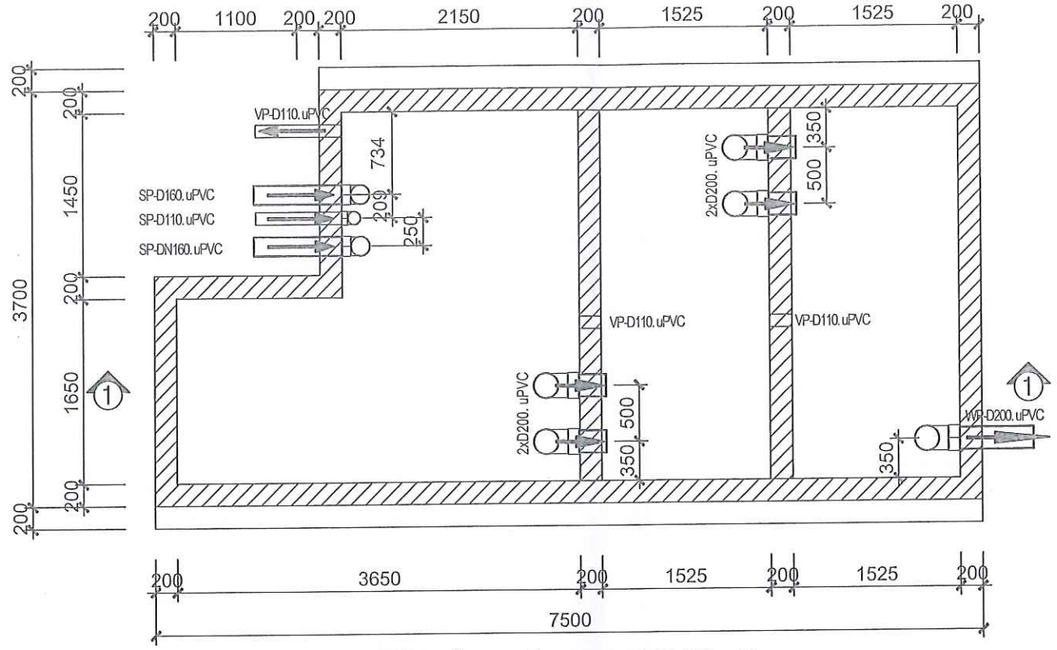
ĐỊA ĐIỂM XD: LÔ , KCN DỆT MAY PHỐ NỐI B, Q. MỸ HÀO, HY

HẠNG MỤC: TỔNG THỂ

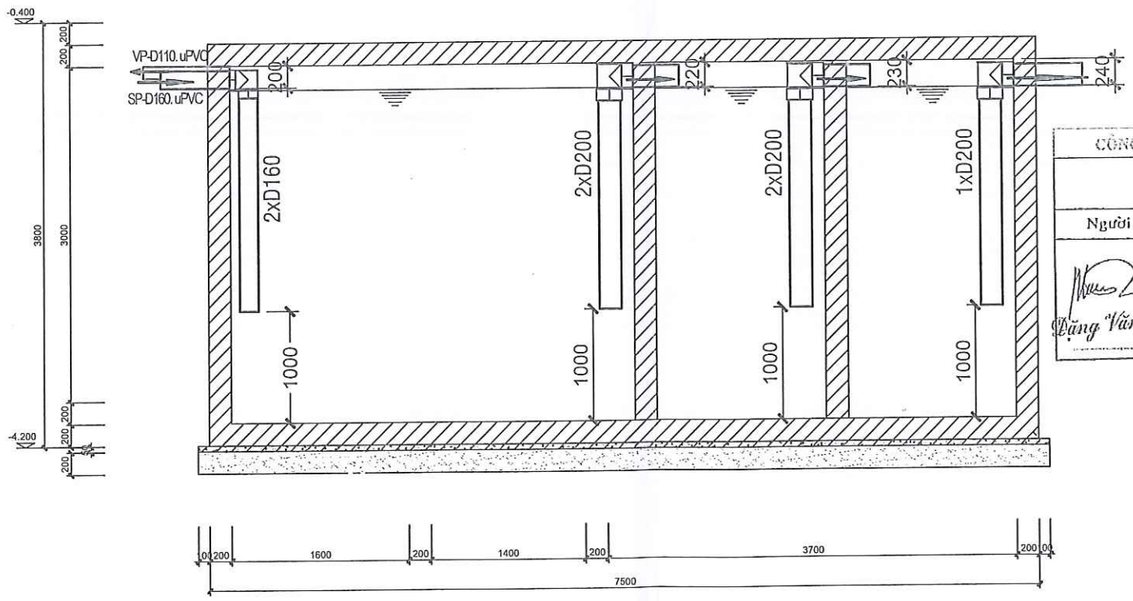
TÊN BẢN VẼ: 排水系统 总平面图 HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TỶ LỆ: -
GIAI ĐOẠN: HOÀN THÀNH
HIỆU CHỈNH:

BẢN VẼ SỐ: 1662-PR-GB-11-102



MẶT BẰNG BỂ TỰ HOẠI 01 (60m3)



MẶT ĐỨNG BỂ TỰ HOẠI 01 (60m3)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHƯƠNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 15 tháng 6 năm 2022

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Đặng Văn Mạnh	Trần Văn Thanh	Ngô Đình Thảo

BẢN VẼ ỐNG CHỜ BỂ TỰ HOẠI 01

TỶ LỆ: 1/25

01化粪池预留管道图

比 例 : 1/25

THIẾT KẾ CƠ SỞ	
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	
TRÌNH DUYỆT	
THAM KHẢO	
THI CÔNG	✓
HIỆU CHỈNH	

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH TM & XL VIỆT HƯNG THỊNH

Add.: 28/1 HỒ BIỂU CHÁNH, PHƯỜNG 11,Q. PHÚ NHUẬN - TP.HCM

Tel: (+84-8) 3949 2078

Fax: (+84-8) 3949 2079

GIÁM ĐỐC:	NGUYỄN VĂN LIÊM
Q.L.K.T	LƯƠNG VI LANG
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:	NGUYỄN HỮU CẦU
THIẾT KẾ:	NGUYỄN HỮU CẦU

CHỦ ĐẦU TƯ:

REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC	[illegible] - TIẾ EA SU
ĐẠI DIỆN COT	[illegible] - TAY SSS. SUN

DỰ ÁN

DỰ ÁN REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

ĐỊA ĐIỂM XD: LÔ .., KCN DỆT MAY PHỐ NỐI B, Đ.SỐ, MỸ HÀO, HY

HẠNG MỤC: XƯỞNG SẢN XUẤT 2

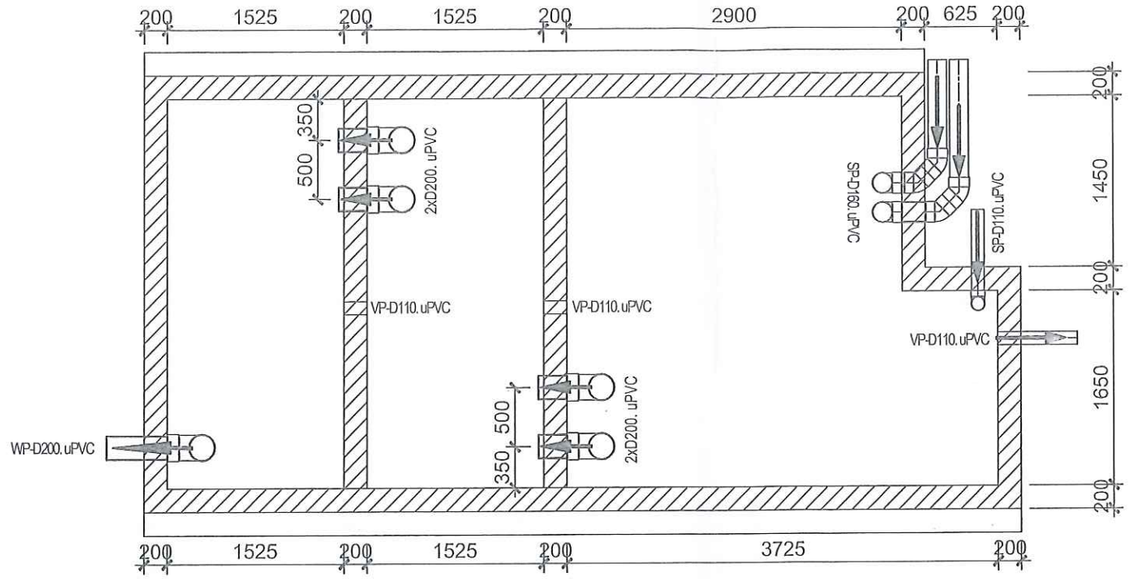
TÊN BẢN VẼ:

01化粪池预留管道图

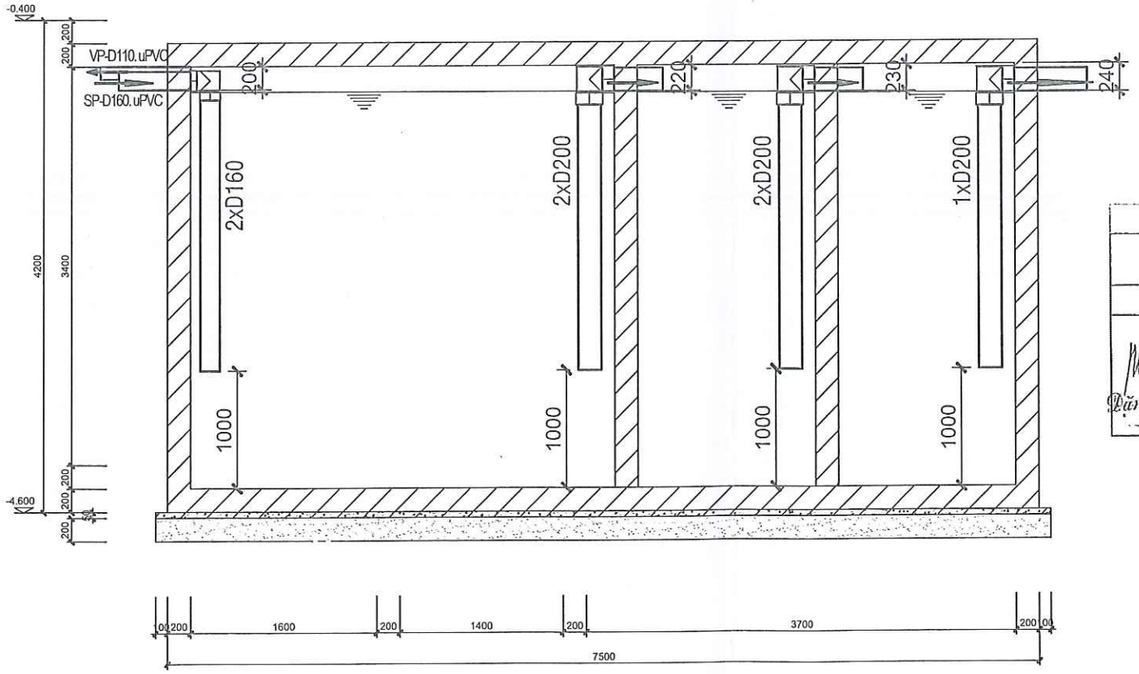
HỆ THỐNG ỐNG CHỜ BỂ TỰ HOẠI 01

TỶ LỆ	GIAI ĐOẠN	LẦN
1/25	HOÀN THÀNH	HIỆU CHỈNH

BẢN VẼ SỐ: 1862-WSD-BTH-2-12-102



MẶT BẰNG BỂ TỰ HOẠI 02 (70m3)



MẶT ĐỨNG BỂ TỰ HOẠI 02 (70m3)

BẢN VẼ ÓNG CHỜ BỂ TỰ HOẠI 02

TỶ LỆ: 1/25

02化粪池预留管道图

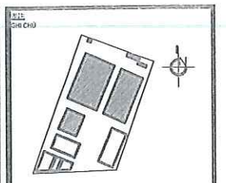
比 例 ： 1/25

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG [illegible]

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 15 tháng 6 năm 2022

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Đặng Văn Mạnh	Trần Văn Thanh	Ngô Đình Thạo



	THIẾT KẾ CƠ SỞ	
	THIẾT KẾ KỸ THUẬT	
	TRÌNH DUYỆT	
	THAM KHẢO	
	THI CÔNG	☑
	HIỆU CHỈNH	

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH TM & XL VIỆT HƯNG THỊNH

Add.: 26/1 HỒ BIỂU CHÁNH, PHƯỜNG 11, Q. PHÚ NHUẬN - TP.HCM

Tel.: (+84-8) 3949 2078

Fax: (+84-8) 3949 2075

GIÁM ĐỐC:	NGUYỄN VINH LIÊM
CHỦ TRÌ KẾT CẤU:	LƯƠNG VI LANG
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:	NGUYỄN HỮU CẦU
THIẾT KẾ:	NGUYỄN HỮU CẦU

CHỦ ĐẦU TƯ:

REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC	[illegible]
ĐẠI DIỆN CDT	[illegible]

DỰ ÁN

DỰ ÁN REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

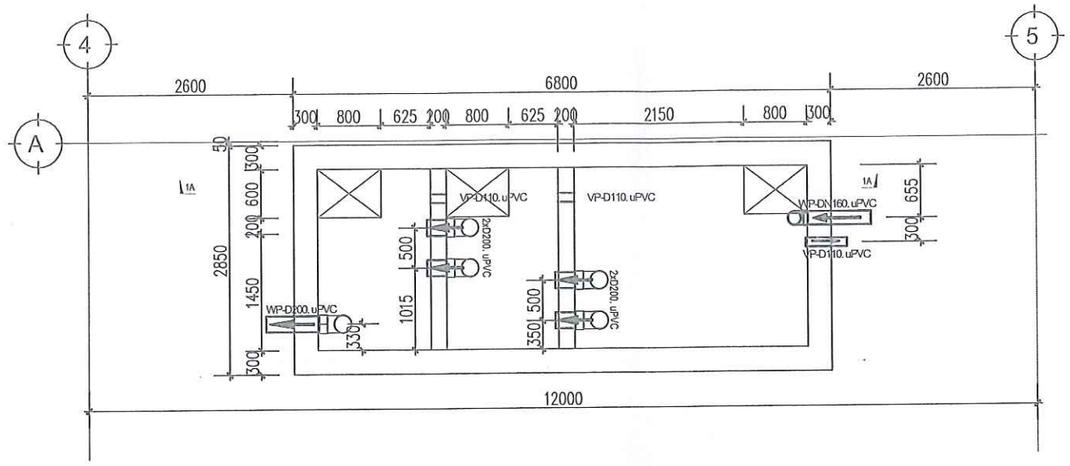
ĐỊA ĐIỂM XD: LÔ , KCN DỆT MAY PHỐ NỐI B, ĐỊ SỨ, MỸ HÀO, HY

HẠNG MỤC: XƯỞNG SẢN XUẤT 2

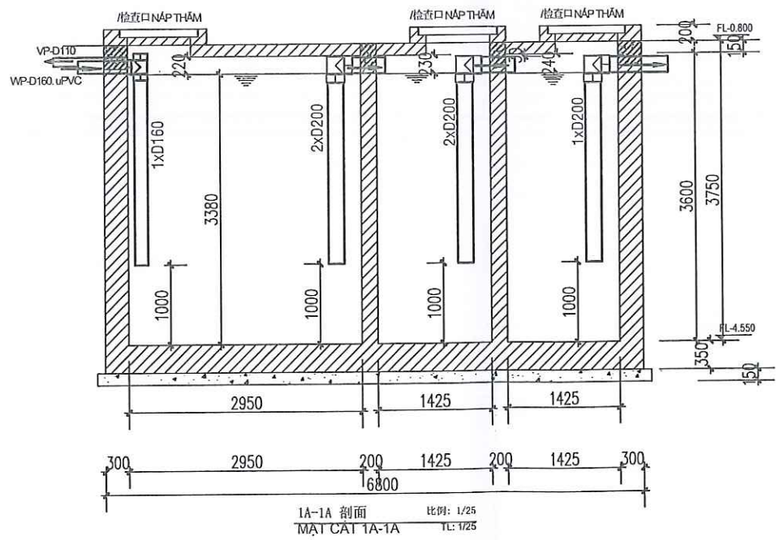
TÊN BẢN VẼ: 02化粪池预留管道图 HỆ THỐNG ỐNG CHỜ BỂ TỰ HOẠI 02

TỶ LỆ	1/25	HOÀN THÀNH	HIỆU CHỈNH

BẢN VẼ SỐ: 1862-WSD-BTH-2-12-101



MẶT BẰNG BỂ - 03



BẢN VẼ ỐNG CHỜ BỂ TỰ HOẠI 03

TỶ LỆ: 1/25

03化粪池预留管道图

比 例 : 1/25

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HƯNG THỊNH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 15 tháng 6 năm 2022

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Đặng Văn Mạnh	Trần Văn Thanh	Ngô Đình Thạo

THIẾT KẾ CƠ SỞ	
THIẾT KẾ KỸ THUẬT	
TRÌNH DUYỆT	
THẨM TRA	
THI CÔNG	✓
HIỆU CHỈNH	

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
CÔNG TY TNHH TM & XL VIỆT HƯNG THỊNH
Add.: 26/1 HỒ BIỂU CHÁNH, PHƯỜNG 11,Q. PHÚ NHUẬN - TP.HCM
Tel.: (+84-8) 3949 2078
Fax.: (+84-8) 3949 2075

GIÁM ĐỐC:	NGUYỄN VĂN LIỄN
Q.LKT	LƯƠNG VI LANG
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:	NGUYỄN HỮU CẦU
THIẾT KẾ:	NGUYỄN HỮU CẦU

CHỦ ĐẦU TƯ:
REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC	Hthanh - TRẦN XUÂN THANH
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH CDT	PHÓ GIÁM ĐỐC - TRẦN XUÂN THANH

DỰ ÁN
DỰ ÁN REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

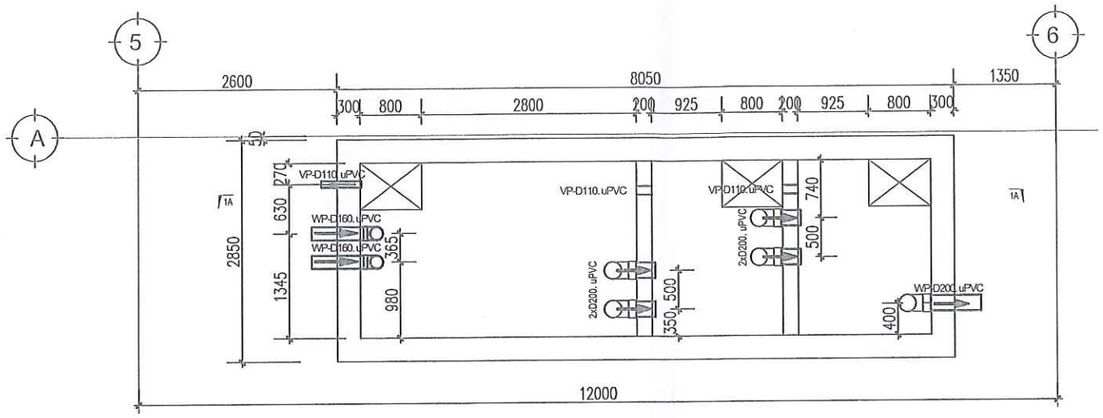
ĐỊA ĐIỂM XD: LÔ , KCN DỆT MAY PHỐ NỐI B, Q.SỐ, MỸ HÀO, HY

HẠNG MỤC: 车间 01 XƯỞNG SẢN XUẤT 1

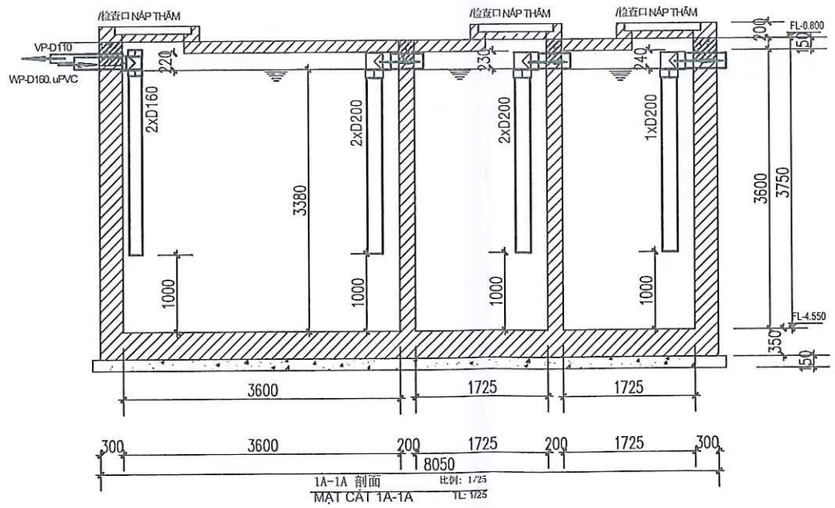
TÊN BẢN VẼ: 03化粪池预留管道图 BẢN VẼ ỐNG CHỜ BỂ TỰ HOẠI 03

TỶ LỆ: 1/25	GIAI ĐOẠN: HOÀN THÀNH	LẦN: HIỆU CHỈNH

MÃ SỐ BẢN VẼ SỐ: 1862-WSD-BTH-1-12-101



MẶT BẰNG BỂ - 04



BẢN VẼ ỐNG CHỜ BỂ TỰ HOẠI 04

TỶ LỆ: 1/25

04化粪池预留管道图

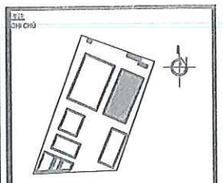
比 例 : 1/25

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHƯƠNG

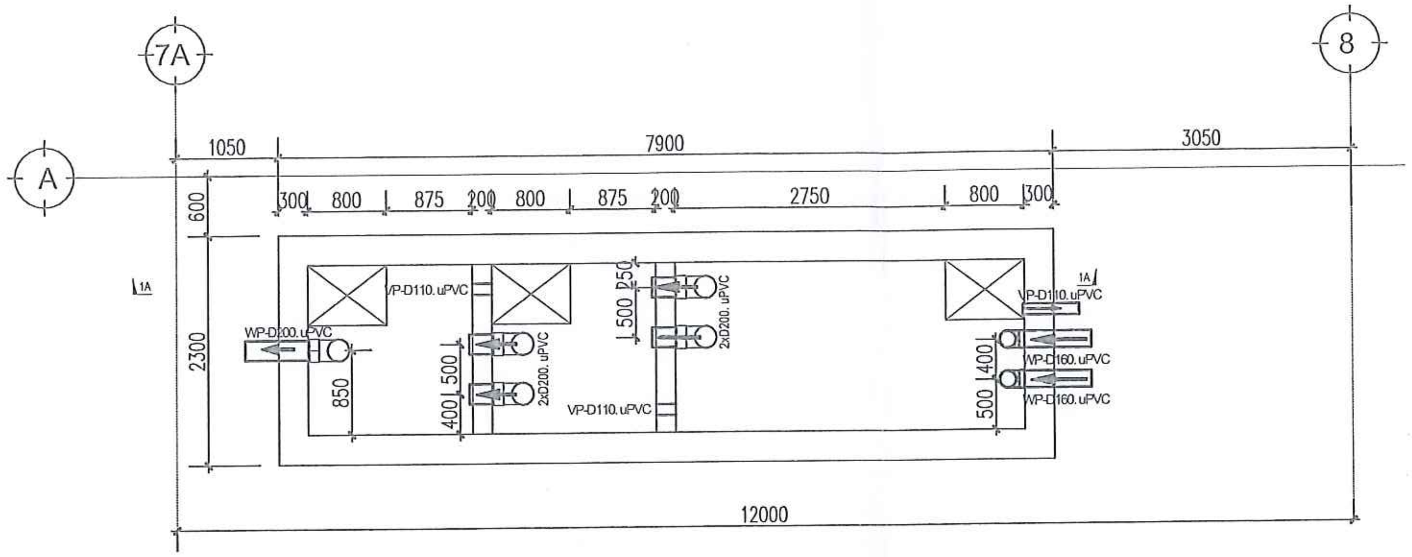
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 25 tháng 6 năm 2022

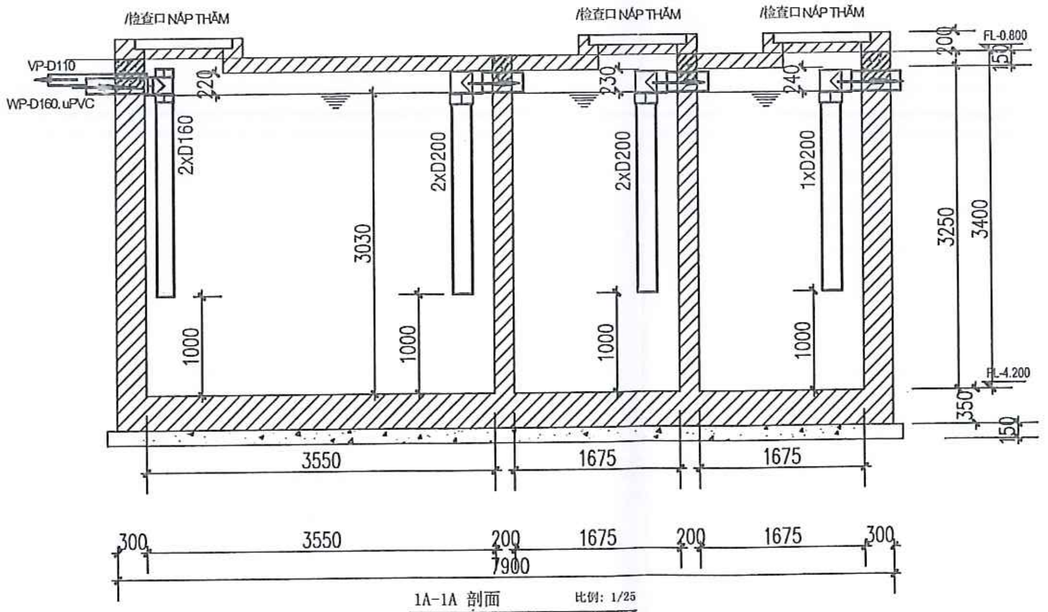
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Đặng Văn Mạnh	Trần Văn Thanh	Ngô Đình Thảo



GIAI ĐOẠN	THIẾT KẾ CƠ SỞ / THIẾT KẾ KỸ THUẬT / TRÌNH DUYỆT / THAM KHẢO / THI CÔNG / HIỆU CHỈNH
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:	CÔNG TY TNHH TM & XL VIỆT HƯNG THỊNH Add.: 293 HỒ ĐIỀU CHÍNH, PHƯỜNG 11,Q. PHÚ NHUẬN - TP.HCM Tel.: (+84-8) 3949 2076 Fax: (+84-8) 3949 2075
GIÁM ĐỐC:	NGUYỄN VĂN LIÊN
G.I.K.T	LƯƠNG VI LANG
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:	NGUYỄN HỮU CẦU
THIẾT KẾ:	NGUYỄN HỮU CẦU
CHỦ ĐẦU TƯ:	REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
TỔNG GIÁM ĐỐC	[illegible] - TIẾT KẾ SỐ
ĐẠI DIỆN CĐT	[illegible] - TIẾT KẾ KỸ THUẬT
DỰ ÁN	DỰ ÁN REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
ĐỊA ĐIỂM XD:	LÔ., KCN DỆT MAY PHỐ NỐI B, Đ. SỐ., MỸ HÀO, HY
HẠNG MỤC	XƯỞNG SẢN XUẤT 1
TÊN BẢN VẼ	04化粪池预留管道图 BẢN VẼ ỐNG CHỜ BỂ TỰ HOẠI 04
TỶ LỆ: 1/200	NGÀY HOÀN THÀNH / LẦN HIỆU CHỈNH
MÃ SỐ BẢN VẼ:	1682-WSD-BTH-1-12-102



MẶT BẰNG BỂ - 05



1A-1A 剖面 比例: 1/25
MẶT CẮT 1A-1A TL: 1/25

BẢN VẼ ỐNG CHỜ BỂ TỰ HOẠI 05

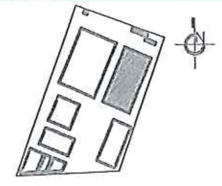
TỶ LỆ: 1/25

05化粪池预留管道图

比 例 : 1/25

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG RICONS		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG Ngày 15 tháng 6 năm 2022		
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Đặng Văn Mạnh	Trần Văn Thanh	Ngô Đình Thạo

备注
GHI CHÚ



版次	内容	日期

发行 PHÁT HÀNH			
	THIẾT KẾ CƠ SỞ	☐	基础设计
	THIẾT KẾ KỸ THUẬT	☐	技术设计
	TRÌNH DUYỆT	☐	报批
	THAM KHẢO	☐	参考
	THI CÔNG	☑	施工
	HIỆU CHỈNH	☐	修正

设计单位
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH TM & XL VIỆT HƯNG THỊNH
Add.: 25/1 HỒ BIỂU CHÁNH, PHƯỜNG 11, Q. PHÚ NHUẬN - TPHCM
Tel.: (+84-8) 3949 2076
Fax: (+84-8) 3949 2075

经理 GIÁM ĐỐC	NGUYỄN VINH LIÊM
主任 QLKT	LƯƠNG VI LANG
设计主任 CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU CẦU
设计 THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU CẦU

业主
CHỦ ĐẦU TƯ:

Regina Miracle
REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HUNG YEN
CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

总经理 TỔNG GIÁM ĐỐC	姚加勇 - YIU KA YU
业主代表 ĐẠI DIỆN CĐT	严润霞 - YAN SAN SHAN

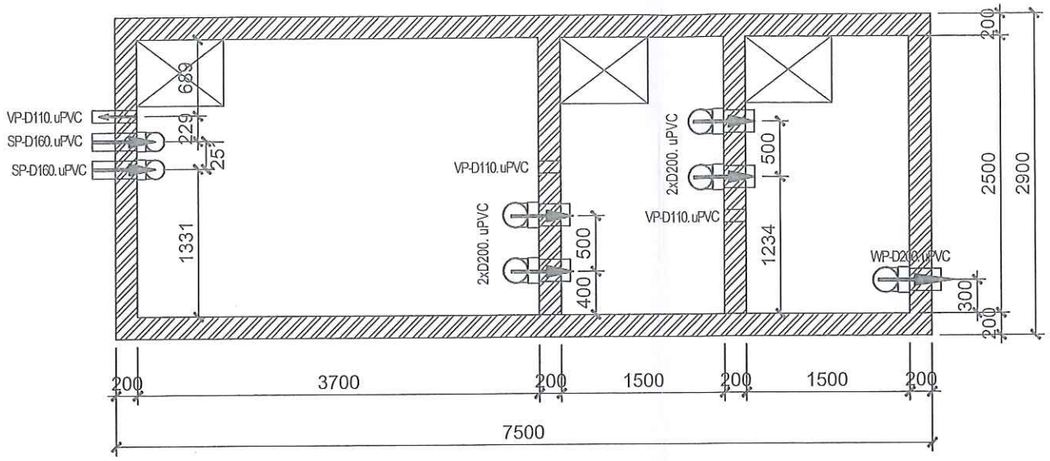
工程
DỰ ÁN
DỰ ÁN REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

建设地址
ĐỊA ĐIỂM XD: L6, KCN DỆT MAY PHỐ NỐI B, DỊ SỬ, MỸ HÀO, HY

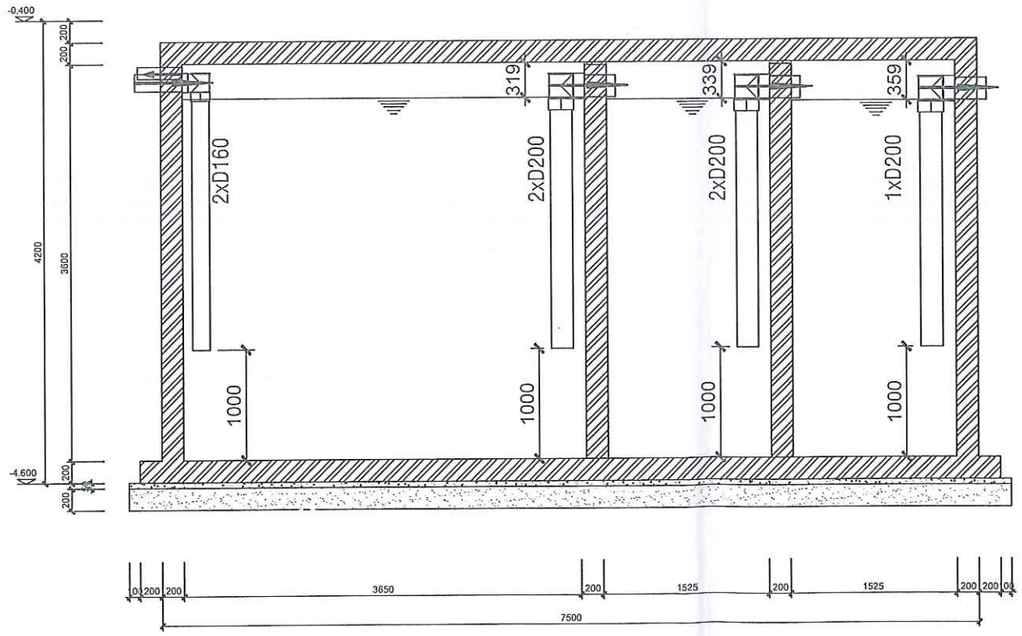
工程
HẠNG MỤC: 车间 01 XƯỞNG SẢN XUẤT 1

图名
TÊN BẢN VẼ: 05化粪池预留管道图 BẢN VẼ ỐNG CHỜ BỂ TỰ HOẠI 05

比例 TỶ LỆ	1/200	完成日期 HOÀN THÀNH	修正 HIỆU CHỈNH
图号 BẢN VẼ SỐ	1862-WSD-BTH-1-12-103		



MẶT BẰNG BỂ TỰ HOẠI 06 (60m3)



MẶT CẮT BỂ TỰ HOẠI 06 (60m3)

BẢN VẼ ỐNG CHỜ BỂ TỰ HOẠI 06

TỶ LỆ: 1/25

06化粪池预留管道图

比 例 ： 1/25

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG REGINA

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 25 tháng 6 năm 2022

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Đặng Văn Mạnh	Trần Văn Thanh	Ngô Đình Thạo

GIAI ĐOẠN PHÁT HÀNH	THIẾT KẾ CƠ SỞ	
	THIẾT KẾ KỸ THUẬT	
	TRÌNH DUYỆT	
	THAM KHẢO	
	THI CÔNG	✓
	HIỆU CHỈNH	

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH TM & XL VIỆT HƯNG THỊNH

Add.: 35/1 HỒ BIỂU CHÁNH, PHƯỜNG 11,Q. PHÚ NHUẬN - TP.HCM

Tel.: (+84-8) 3949 2078

Fax.: (+84-8) 3949 2079

GIÁM ĐỐC	NGUYỄN VINH LIÊM
K.T.K	LƯƠNG VI LANG
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU CẦU
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU CẦU

CHỦ ĐẦU TƯ:

REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC	[illegible] - VIỆT KA SO
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN	[illegible] - VAN SAN SUAN

DỰ ÁN

DỰ ÁN REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

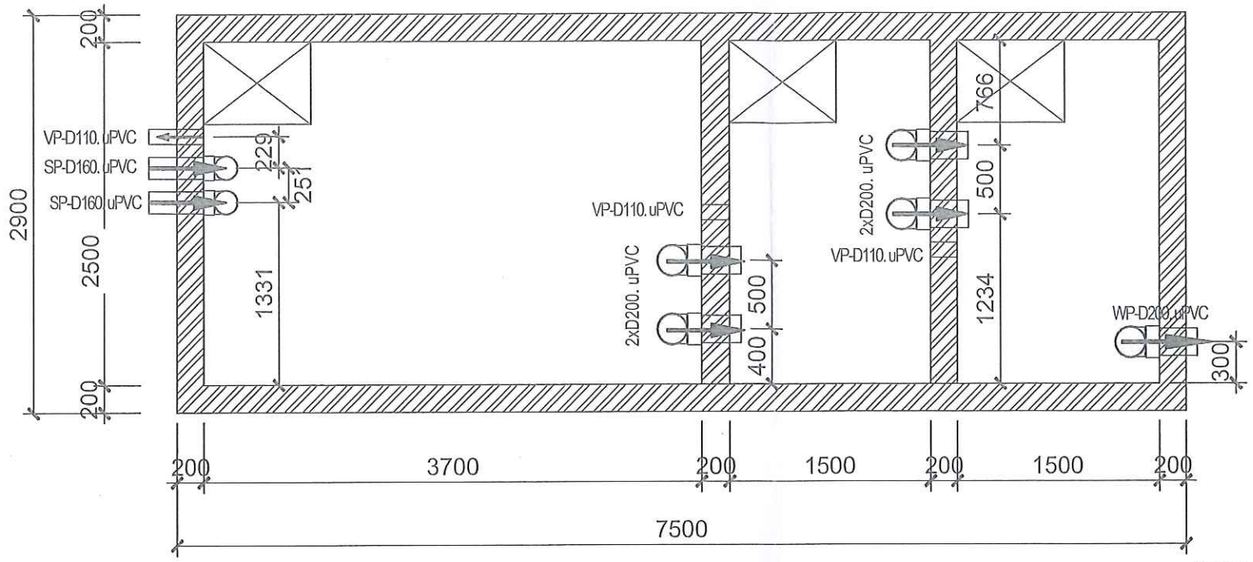
ĐỊA ĐIỂM XD: LÔ , KCN DỆT MAY PHỐ NỐI B, ĐỊ SỬ, MỸ HÀO, HY

HẠNG MỤC: CANTEEN+NHÀ NGHỈ GIỮA CA

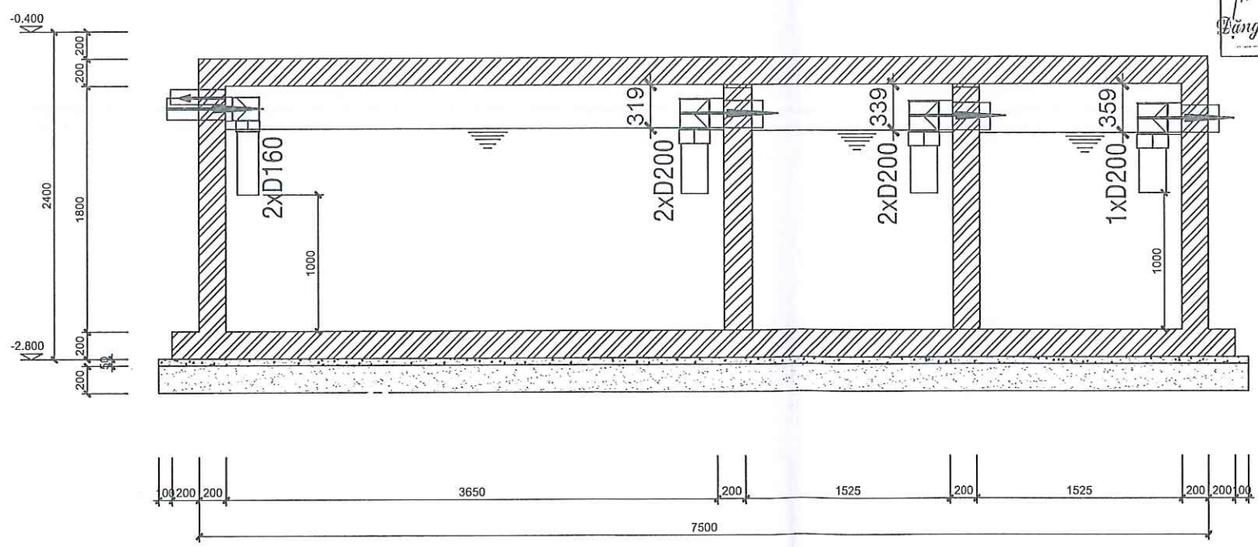
TÊN BẢN VẼ: 06化粪池预留管道图

BẢN VẼ ỐNG CHỜ BỂ TỰ HOẠI 06

TỶ LỆ	1/25	TRẠNG THÁI	HIỆU CHỈNH
MÃ SỐ BẢN VẼ	1862-WSD-BTH-3-12-101		



MẶT BẰNG BỂ TỰ HOẠI 07 (30m3)



MẶT CẮT BỂ TỰ HOẠI 07 (30m3)

BẢN VẼ ỐNG CHỜ BỂ TỰ HOẠI 07

TỶ LỆ: 1/25

07化粪池预留管道图

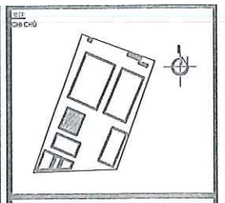
比 例 : 1/25

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG REGINA

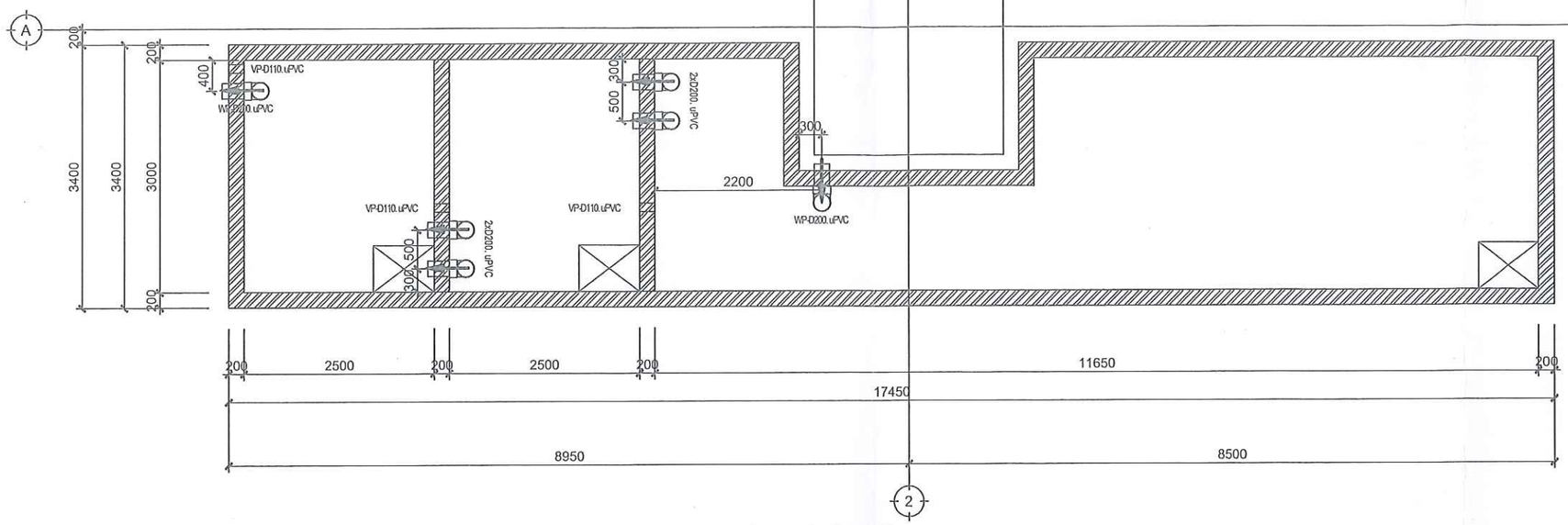
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 15 tháng 6 năm 2022

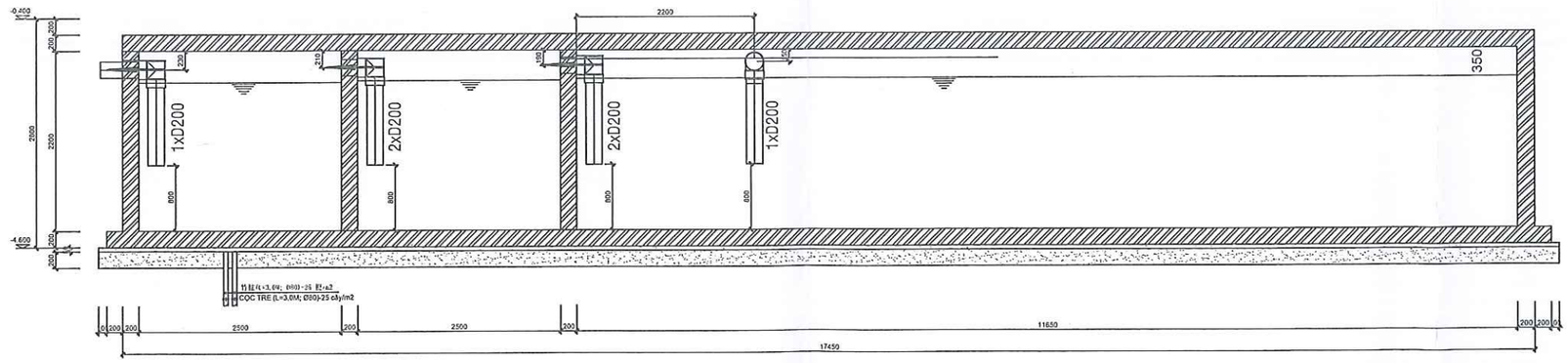
Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Đặng Văn Mạnh	Trần Văn Thanh	Ngô Đình Thảo



GIAI ĐOẠN PHÁT HÀNH	THIẾT KẾ CƠ SỞ / THIẾT KẾ KỸ THUẬT / THÌNH DUYỆT / THAM KHẢO / THI CÔNG / HIỆU CHỈNH
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:	CÔNG TY TNHH TM & XL VIỆT HƯNG THỊNH Add.: 261 HỒ BIỂU CHÁNH, PHƯỜNG 11,Q. PHÚ NHUẬN - TP.HCM Tel.: (+84-8) 3949 3076 Fax.: (+84-8) 3949 3075
GIÁM ĐỐC	NGUYỄN VĂN LIỄM
CHỦ TRÌ KẾT CẤU	LƯƠNG VĂN LANG
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU CẦU
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU CẦU
CHỦ ĐẦU TƯ:	REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HUNG YEN CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
TỔNG GIÁM ĐỐC	[illegible] - YU KA SO
ĐẠI DIỆN CĐT	[illegible] - YAN SAN SUAN
DỰ ÁN	DỰ ÁN REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN
ĐỊA ĐIỂM XD:	LÔ , KCN DỆT MAY PHỐ NỐI B, DỊ SỬ, MỸ HÀO, HY
HẠNG MỤC	CANTEEN+NHÀ NGHỈ GIỮA CA
TÊN BẢN VẼ	07化粪池预留管道图 BẢN VẼ ỐNG CHỜ BỂ TỰ HOẠI 07
TỶ LỆ	1/25
GIAI ĐOẠN	HOÀN THÀNH
KÝ HIỆU	HIỆU CHỈNH
BẢN VẼ SỐ	1852-WSD-BTH-3-12-102



MẶT BẰNG BỂ TÁCH MỠ (100m3)



MẶT CẮT BỂ TÁCH MỠ (100m3)

BẢN VẼ ỐNG CHỜ BỂ TÁCH MỠ

TỶ LỆ: 1/25

隔油池预留管道图

比 例 ： 1/25

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HƯNG THỊNH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày..15..tháng..6....năm 20.22..

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Đặng Văn Mạnh	Trần Văn Thanh	Ngô Đình Thạo

GIAI ĐOẠN PHÁT HÀNH	THIẾT KẾ CƠ SỞ	
	THIẾT KẾ KỸ THUẬT	
	TRÌNH DUYỆT	
	THAM KHẢO	
	THI CÔNG	☑
	HIỆU CHỈNH	

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH TM & XL VIỆT HƯNG THỊNH

Add.: 26/1 HỒ BIỂU CHÁNH, PHƯỜNG 11,Q. PHÚ NHUẬN - TP.HCM

Tel.: (+84-8) 3949 8078

Fax.: (+84-8) 3949 2075

GIÁM ĐỐC:	NGUYỄN VĂN LIÊM
G.L.K.T	LƯƠNG VI LANG
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:	NGUYỄN HỮU CẦU
THIẾT KẾ:	NGUYỄN HỮU CẦU

CHỦ ĐẦU TƯ:

REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

CÔNG TY TNHH REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC	[illegible] - TAE KA SU
ĐẠI DIỆN CĐT	[illegible] - TAE KA SUN

DỰ ÁN

DỰ ÁN REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

ĐỊA ĐIỂM XD: LÔ , KCN DỆT MAY PHỐ NỐI B, DỊ SỬ, MỸ HÀO, HY

HẠNG MỤC: CANTEEN+NHÀ NGHỈ GIỮA CA

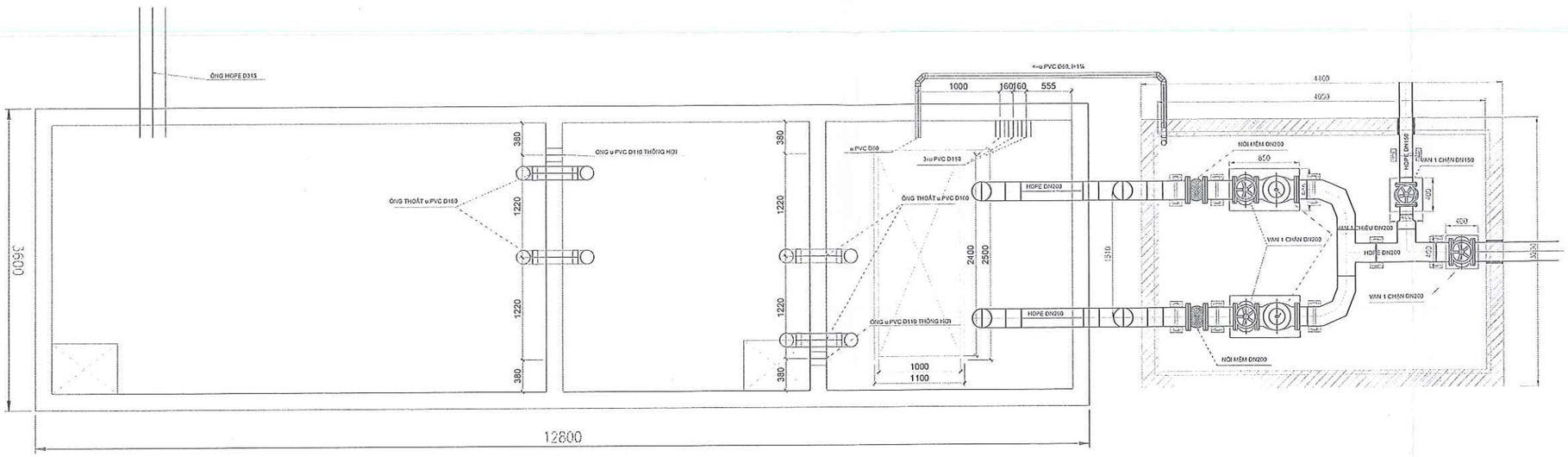
TÊN BẢN VẼ

隔油池预留管道图

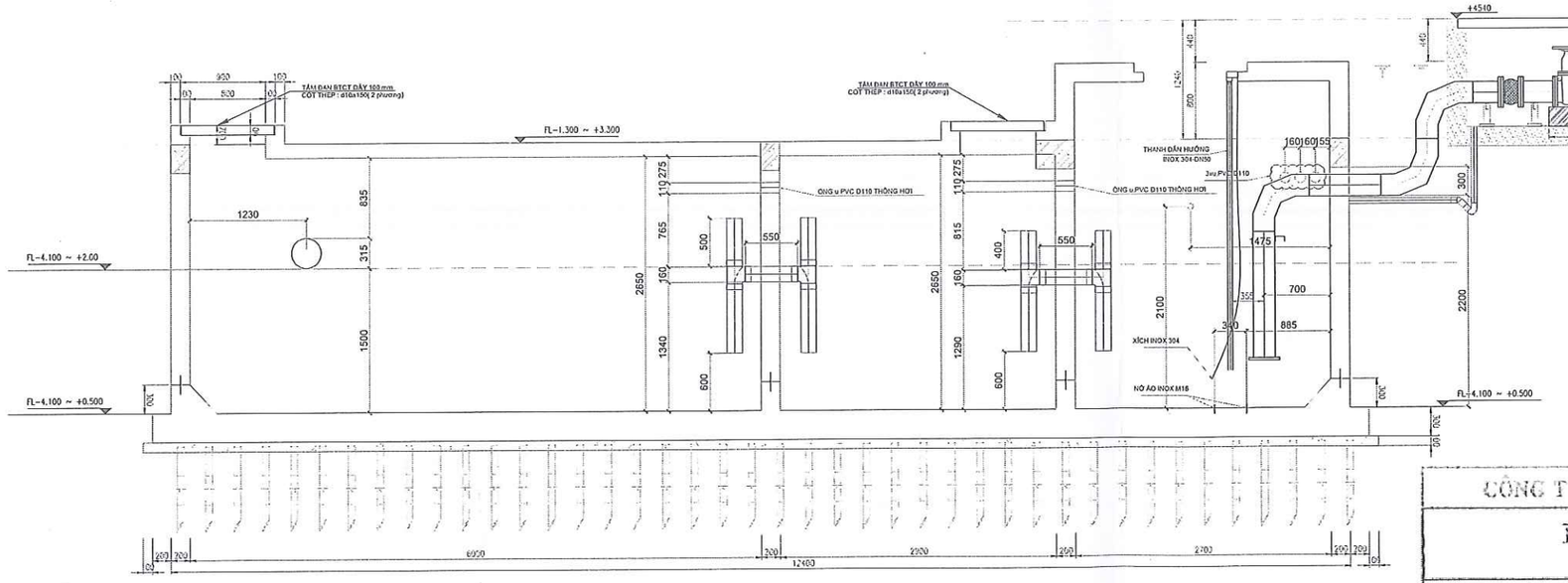
BẢN VẼ ỐNG CHỜ BỂ TÁCH MỠ

TỶ LỆ:	1/25	HOÀN THÀNH	HIỆU CHỈNH

BẢN VẼ SỐ: 1862-WSD-BTH-3-12-103



MẶT BẰNG



MẶT CẮT

CHI TIẾT LẮP ĐẶT TRẠM BƠM NƯỚC THẢI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MIRACLE

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày..15..tháng..6....năm 20.22

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
Đặng Văn Mạnh	Trần Văn Thanh	Ngô Đình Thạo

CÔNG TY TNHH TM & XL VIỆT HƯNG THỊNH
Add.: 201 HỒ BIỂU CHÁNH, PHƯỜNG 11,Q. PHÚ NHUẬN - TPHCM
Tel.: (+84-8) 3949 2076
Fax.: (+84-8) 3949 2075

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG COTECCONS

DỰ ÁN REGINA MIRACLE INTERNATIONAL HƯNG YÊN

CHI TIẾT LẮP ĐẶT TRẠM BƠM NƯỚC THẢI